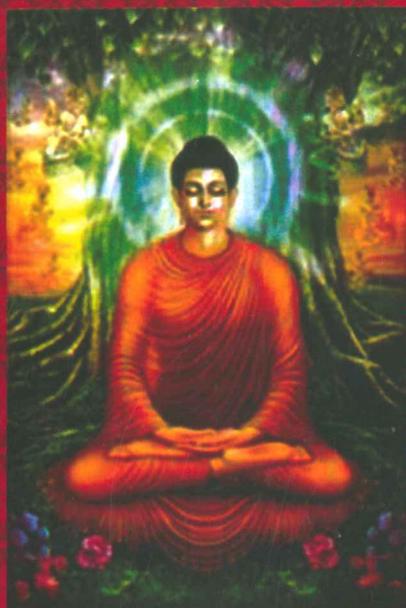


PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY  
THERAVĀDA



# Giải Thích Tổng Hợp

**CÁC CÂU PHÁP  
TRONG THẮNG PHÁP TẬP YẾU LUẬN**

Tác giả: Saddhamma Jotika  
Dịch giả: Tỷ kheo Khải Minh



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC







**GIẢI THÍCH TỔNG HỢP  
CÁC CÂU PHÁP  
TRONG THĂNG PHÁP TẬP YẾU LUẬN**



PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY  
THERAVĀDA



**GIẢI THÍCH TỔNG HỢP  
CÁC CÂU PHÁP  
TRONG THẮNG PHÁP TẬP YẾU LUẬN**

*Tác giả: Saddhamma Jotika*

*Dịch giả: Tỳ kheo Khải Minh*

Năm 2022

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC



## LỜI NÓI ĐẦU

Người sống trong cõi đời này hay là mỗi chúng sanh đang hiện hữu trong dòng sanh tử luân hồi luôn kiếm tìm sự hạnh phúc, an lạc. Hạnh phúc, an lạc của mỗi cá nhân lại không giống nhau. Nhưng chỉ khi nào chúng sanh nhận thấy sự đau khổ trong tam giới thì mới mong mỏi, kiếm tìm an lạc thực thụ mà các bậc chân nhân luôn hướng tới.

Vậy hạnh phúc, an lạc thực sự là gì? Đó chính Níp bàn, là con đường trung đạo đưa mỗi chúng sanh thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi, thoát khỏi sự phiền não nơi tâm và đau khổ nơi thân.

Con đường đưa đến hạnh phúc thực sự ấy là gì? Là con đường Bát Chánh Đạo, là sự trau dồi trong những kiến thức về các pháp chân đế, cũng như sự thực hành tứ niệm xứ, tứ chánh cần...

Với mong muốn góp một chút sức lực nhỏ bé trên con đường pháp học, đưa những kiến thức bổ ích giúp cho những người đang tầm cầu, nghiên cứu Pháp học, tôi đã dịch cuốn sách ***“Giải thích tổng hợp các câu pháp trong Thắng Pháp Tập Yếu Luận”*** do tác giả Saddhamma Jokita biên soạn.

Cuốn sách giải thích các điều còn vướng mắc, những phần chưa rõ trong các chương của Thặng Pháp Tập Yếu Luận.

Với phước báu dịch cuốn sách này ra tiếng Việt, tôi xin tri ân phước báu này đến các tác giả đã viết ra quyển sách, đến các bậc thầy tổ, các bậc hữu ân của tôi, cũng như những người đã góp công sức và tịnh tài để hoàn thành và xuất bản cuốn sách; tôi cũng xin chia phần phước trí này đến cho các chư vị đang theo đuổi con đường Pháp học, mong cho các vị lãnh hội được nhiều điều từ quyển sách.

Ước nguyện trong vòng sanh tử luân hồi, tôi có được trí vô ngại giải, có chánh kiến, luôn độc lập, không bị lệ thuộc, sợ hãi sự sinh tử, luôn luôn được sống trong chánh pháp, được ngọn đèn chánh pháp soi đường để thoát khỏi dòng luân hồi trong ngày gần nhất.

*Tỳ kheo Khải Minh.*

## **CHƯƠNG 1**

### **TRÌNH BÀY VIỆC KHỞI HIỆN CỦA 8 TÂM ĐẠI THIỆN THEO TUẦN TỰ**

1. **Yadā hi deyyadhammapaṭigāhakādisampattiṃ aññaṃ vā somanassahetuṃ āgamma haṭṭhapahaṭṭho atthi dinnamṭiādi nayappavattaṃ sammādiṭṭhiṃ purekkhitvā saṃsīdanto anussāhito parehi dānādīni puññāni karoti, tadassa taṃ cittaṃ somanassahagataṃ ñānasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ hoti.**

Vào lúc nào, người nường vào vật thí và người thọ thí... hay vui thích, hân hoan, phấn chấn thực hành bằng chánh kiến theo đường lối như người đã bố thí thì cho quả trong tương lai, không chần chờ, không bị người khác nhắc nhở để tạo phước như bố thí... vào lúc đó tâm của người ấy khởi lên đầy đủ sự vui thích kết hợp với trí tuệ vô trụ.

2. **Yadā pana vuttanayeneva haṭṭhatuṭṭho samādiṭṭhiṃ purekkhitvā amuttacāgatādivasena saṃsīdamāno vā parehi vā pussāhito karoti, tadāssa tadeva cittaṃ asaṅkhārikaṃ hoti.**

Lại nữa, vào lúc nào mà người hân hoan thực hành bằng chánh kiến để tích lũy trong đời vị lai theo cách thức như đã đề cập, nhưng chần chờ do ảnh hưởng của đời sống nên trở thành người không quyết định xả ly dứt khoát... bị người khác thúc đẩy mới tạo phước, vào lúc đó tâm của họ (đồng khởi hiện với sự vui thích, kết hợp với trí tuệ) hữu trợ.

**Imasmiñhi at the saṅkhāroti etaṃ attano vā paresaṃ vā vasena pavattassa pubbapayogasusādhivacaṇaṃ**

Từ “hữu trợ” (saṅkhara) trong nơi đây là ám chỉ đến sự nhắc nhở trước (purabapayoga) dẫn đến hành vi của mình hoặc người khác.

**3. Yadā pana ñātijanassa paṭipattidassanena jātaparicayā bāladārakā bhikkhū disvā somanassajātā sahasā yaṃkiñciveva hatthagataṃ dadanti vā vandanti vā tadā tesam tesam tatiyaṃ cittaṃ uppajjati.**

Lại nữa, vào lúc nào trẻ con không hiểu biết gì nhưng từng quen thấy quyến thuộc tạo phước, nhìn thấy chư tỳ kheo thì khởi hiện sự vui thích cầm 1 loại vật thí nào hoặc vôi vàng đến đánh lễ, ngay lúc đó tâm thứ 3 (đồng cùng sự vui thích, không có trí tuệ, vô trợ) của đứa trẻ không có sự hiểu biết khởi lên.

**4. Yadā pana detha vandeti ñātīhi ussāhitā evaṃ paṭipajjanti tadā catutthaṃ uppajjati.**

Lại nữa vào lúc nào trẻ con không có sự hiểu biết nhưng

được quyền thuộc hướng dẫn rằng hãy cúng dường, hãy đánh lễ thì thực hành theo, vào lúc đó tâm thứ 4 (đồng cùng với sự vui thích không có trí tuệ, hữu trợ) khởi hiện.

**5. Yadā pana deyyadhammapatiggāhakādinam asampattim aññesaṃ vā somanassahetūnaṃ abhāvaṃ āgamma catūsu vikappesu somanassasahitā honti tadā sesāni cattāri upekkhāsahagatāni uppajjanti.**

Lại nữa, vào lúc nào mọi người không đầy đủ vật thí và người thọ thí... hoặc không có sự vui thích với nhóm người khác thường là người không có hân hoan trong cả 4 việc chủ tâm, vào lúc đó 4 tâm thiện còn lại khởi hiện cùng với thọ xả.

**Evam somanassupekkhāññasaṅkhārabhedato aṭṭhavidham kāmāvacarakusalaṃ veditabbaṃ.**

Nên hiểu về 8 tâm thiện dục giới theo thọ hỷ, xả, trí tuệ và trợ như giải thích trên.

## **Giải Thích Từ “Thiện”**

### **1. Tattha kenatṭhena kusalānīti?**

**Arogaṭṭhena, sundaraṭṭhena, chekaṭṭhena, anavajjaṭṭhena, sukhavipākaṭṭhena cāti.**

**Vấn:** Trong nơi đây 21 tâm vì sao gọi là thiện?

**Đáp:** 21 tâm được gọi là thiện, bởi vì

1. Không bệnh hoạn.
2. Tốt đẹp
3. Khôn khéo
4. Không tội lỗi
5. Cho quả an lạc

**2. Rāgādayo hoti dhammā cittasantānassa rujanatthena rogā nāma, ahiṭthena asundarā nāma, anipuṇatthena achekā nāma, gārayhatthena vajjā nāma, aniṭṭhavipākātthena dukkhavipākā nāma honti.**

Tất cả pháp bất thiện như tham:

Gọi là bệnh hoạn, bởi vì khiến tâm đau khổ.

Gọi là không tốt đẹp bởi vì không trợ giúp lợi ích.

Gọi là không khôn khéo, bởi vì không chu đáo tường tận.

Gọi là tội lỗi, bởi vì bậc thiện trí thức chê trách.

Gọi là quả không tốt, bởi vì cho quả không đáng mong muốn.

**3. Imāni pana tehi vuṭṭhitattā kusalāni nāma arogāni nāmāti aṭṭho tappaṭipakkhattā ca sundarāni chekāni anavajjāni sukhāvipākāni ca nāma hontīti.**

Đối với 21 tâm gọi là thiện, bởi vì không bệnh hoạn, là pháp xa lìa khỏi pháp bất thiện. Và 21 tâm này gọi là tốt đẹp, khôn khéo, không tội lỗi, cho quả an lạc bởi vì đối lập (trương phản lại pháp nghịch) với pháp bất thiện.

4. Kuccite pāpadhamme salayanti cālenti kampenti viddhamṣenti apagamentīti = Kusalāni.

(hoặc) Kucchitākārena santāne sayanato pavattanto kusasaṅkhāte pāpadhamme sunanti chindantīti = Kusalāni.

(hoặc) Kucchite pāpadhamme sānato tanukaraṇato osānakaraṇato vā kusasaṅkhātena ñāṇena saddhādidhammajātena vā lātandāni sahajātaupanissayabhāvena yathārahaṃ pavattetabbānīti = Kusalāni.

Gọi là tâm thiện, bởi vì làm lung lay danh pháp đáng ghê tởm, tức diệt trừ làm cho lay chuyển xa lìa khỏi.

Một lý khác nữa, gọi là tâm thiện, bởi vì luôn đoạn trừ triệt tiêu ác pháp, nghĩa là bất thiện ngũ ngầm diễn tiến trong cơ tánh mà bậc thiện tri thức ghê tởm.

Một lý khác nữa, gọi là tâm thiện, bởi vì người nên duy trì làm cho diễn tiến bằng Đồng sanh duyên (**sahajātapaccaya**) và Cận y duyên (**upanissayapaccaya**) tương ứng với trí tuệ, tức thiện pháp hoặc bằng pháp như đức tin... để đoạn trừ ác pháp mà bậc thiện trí ghê tởm, làm giảm nhẹ hoặc làm cho sát tuyệt.

5. Kusā viya hatthapadesaṃ saṅkilesapakkhaṃ sunakho = Kusalāni.

Gọi là tâm thiện, vì cắt đứt pháp ràng buộc, gây phiền nhiễu giống như cỏ tranh làm đứt tay.

**6. Kucchite pāpadhamme salanti nisantīti = Kusalāni.**

Gọi là tâm thiện, bởi vì làm tổn giảm ác pháp mà bậc hiền trí ghê tởm.

**Kệ Ngôn Trình Bày Sự Khác Biệt  
Của Người Ngu Và Bậc Hiền Trí:**

**Sataliṅgissa atthassa Satalakkhaṇadhāriṇo  
Ekaggadassi dummedho Satadassi ca paṇḍito**

Người có trí tuệ thấp kém thường cho rằng mình hiểu được tính chất ý nghĩa, nguyên nhân hàng trăm nhưng hiểu được 1 phần.

Còn bậc hiền trí nhìn thấy, hiểu được hàng trăm.

*(Trích Trường Lão Tăng Kệ).*

**Phương Pháp Tính Hiện Hữu Nhân Dục  
Giới Theo Chi Tiết**

**Imāni hi aṭṭha cittāni dasapuññakiriyāvattuvasena  
pavattanato paccekamaṃ dasadasāti katvā asīticittāni honi.**

**Tāni ca chasa ārammaṇesu pavattanato  
paccekamaṃ chaguṇitāni sāsītikāni cattāri satāni  
honti. Adhipatibhedena pana ñāṇavippayuttānaṃ  
cattālīsādhika dvisataparimāṇānaṃ  
vīmaṃsādhipatisamāyogābhāvato tāni tiṇṇamaṃ**

adhipatīnaṃ vasena tiguṇitāni sattasatāni. Tathā ñāṇasampayuttāni ca catunnaṃ adhipatīnaṃ vasena catuguṇitāni samasaṭṭhikāni navasatānīti evaṃ adhipativasena sahaṣṣaṃ sāsītikāni ca chasatāni honti. Tāni kāyavacīmano kammaṣaṅkhātakammatika vasena tiguṇitāni cattāḷīsādhikāni pañcasahaṣṣāni hoti. Tāni ca hīnamajjhimaṇṭabhedato tiguṇitāni visasatādhikapaṇṇarasahaṣṣāni honti.

8 tâm này do phân mỗi tâm ra thành 10, diễn tiến theo mãnh lực 10 phước thiện (**puññakiriyavatthu**), nên cộng lại thành 80 tâm.

Và 80 tâm này, mỗi tâm x (nhân) cho 6, do diễn tiến theo 6 cảnh, nên cộng lại thành 480 tâm:

+ 240 tâm tính theo sự khác biệt của trường: lấy 3 x theo mãnh lực của 3 trường, nên thành 720 tâm (do tâm bất tương ưng trí có số lượng 240 tâm không kết hợp với Thâm trường).

+ Tâm tương ưng trí tính trường thì lấy 4 x 4 trường thành là 960 tâm.

→Nên cộng lại là 1.680 tâm theo mãnh lực của trường.

1.680 tâm x 3 theo mãnh lực của 3 nghiệp, tức thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp nên cộng lại thành 5.040 tâm.

5.040 tâm lấy 3 bậc nhân ra thành tâm bậc hạ, tâm bậc trung, tâm bậc thượng = 15.120 tâm.

## **Cách Thức Tính Tâm Đại Thiện Cho Dễ Hiểu:**

8 tâm đại thiện x 10 phước nghiệp sự = 80 tâm

8 tâm đại thiện trong 10 phước nghiệp sự là 80 tâm x 6 cảnh = 480 tâm

8 tâm đại thiện trong 6 cảnh là 480 tâm, phân ra thành 2 nhóm là 240 tâm Bất tương ưng trí và 240 tâm Tương ưng trí.

+ 240 tâm Bất tương ưng trí x 3 trường = 720 tâm

+ 240 tâm Tương ưng trí x 4 trường = 960 tâm.

Tổng cộng 2 nhóm là 1.680 tâm.

1.680 tâm đại thiện x 3 nghiệp = 5.040 tâm.

5.040 tâm x bậc hạ, bậc trung, bậc thượng = 15.120 tâm.

## **Riêng Tư Kiến Của Ngài Giáo Thọ Buddhadatta Đề Cập Trong Adhidhammāvatāra Như Sau:**

1. 8 tâm đại thiện x 10 phước nghiệp sự = 80 tâm

2. 8 tâm đại thiện theo 10 phước nghiệp sự là 80 tâm x 6 cảnh = 480 tâm

3. 8 tâm đại thiện theo cảnh là 480 tâm x 4 trường = 1.920 tâm

4. 8 tâm đại thiện theo trường là 1.920 tâm x 3 nghiệp = 5.760 tâm

5. 8 tâm đại thiện theo nghiệp là 5.760 tâm x bậc hạ, bậc trung, bậc thượng = 17.280 tâm.

8 tâm đại thiện x 10 phước nghiệp sự = 80 x 6 cảnh = 480 tâm

Trong số lượng 480 tâm này thì 240 tâm đại thiện tương ưng trí, 240 tâm đại thiện bất tương ưng trí.

240 tâm đại thiện tương ưng trí x 4 trường	} Tổng cộng 1680 Đại thiện
240 tâm đại thiện bất tương ưng trí x 3 trường	

1.680 tâm đại thiện x 3 nghiệp = 5040 x bậc hạ, bậc trung, bậc thượng = 15.120 tâm

## Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, Thành Tựu, Nhân Cận Của Đại Thiện

1. **Anavajjasukhavipākalakkhaṇaṃ:**  
**Iṭṭhivipākapaccupaṭṭhānaṃ:** Trạng thái là pháp tánh không tội lỗi và cho quả an lạc.

2. **Akusalavidhaṃsanarasam:** **Yonisomanasikārapa  
datṭhānaṃ:** Phận sự diệt trừ bất thiện.

3. **Vodānapaccupaṭṭhānaṃ:** Phận sự hiện bày có sự trong sáng.

4. **Iṭṭhivipākapaccupaṭṭhānaṃ:** Thành tựu hiện bày trong trí tuệ bậc hiền trí là có quả đáng mong muốn.

**5. Yonisomanasikārapadaṭṭhānaṃ:** Nhân cận tác ý khéo léo.

## Trình Bày Nguyên Nhân Gọi Là Dị Thực Quả

**1. Ettha ca kenatṭhena vipākamaṃ nāmāti.**

**Vấn:** Trong nơi đây như thế nào, gọi là Dị thực quả?

**Đáp:**

**Vipaccanaṭṭhena** gọi là dị thực quả do ý nghĩa làm cho quả chín mùi.

**Kiñci vipaccanti** chín mùi như thế nào?

**2. Yathā loke ambaphalādīnaṃ taruṇabhāvaṃ atikkamma pariṇatabhāvapatti vipaccanti vuccati evamevaṃ idhapī vipaccanaṃ veditabbanti...**

Vượt qua thời kỳ non của trái xoài... thay đổi trở thành chín mùi.

**3. Ayaṃ ca attho catūhi samaṅgitaḥi dīpetabbo.**

Bậc thiện trí thức nên trình bày ý nghĩa bằng 4 sự tích lũy (**samaṅgitā**).

**4. Satasso hi samaṅgitā nāma cetanāsamaṅgitā kammaṣamaṅgitā upaṭṭhānaṣamaṅgitā vipākaṣamaṅgitā.**

Pháp gọi là tích lũy (**samaṅgitā**) có 4 loại là tâm chủ tích lũy (**cetanāsamaṅgitā**), nghiệp tích lũy (**kammaṣamaṅgitā**),

hiện khởi tích lũy (**upaṭṭhānasamaṅgitā**), dị thực quả tích lũy (**vipākasamaṅgitā**)

**5. Tattha pubbe taṃ taṃ kammāyūhanakāle yā kusalākusalacetanāya khaṇattasamaṅgita ayam cetanāsamangitā nāma.**

Trong tất cả 4 loại tích lũy thì sự tích lũy của cả 3 sát na tư thiện, tư bất thiện trong lúc cố gắng tạo nghiệp trong thời gian trước gọi là chủ tâm tích lũy (**cetanāsamangitā**)

**6. Sā pana cetanā nirujjhamānā sabbaso abhāsaṃ patvā na nirujjhati.**

Tư đó, trước khi diệt mà không dẫn đến các tình trạng rồi mới diệt đi thì không có.

**7. Āyatim pana vipākapātabhāvāya attano sabbākāraparipuram kiriyāvisesam tasmim cittasantāne nidahitvā nirujjhati.**

Tư thiện, bất thiện đó khi mãnh lực đặc biệt của mình liên quan đến trạng thái trong dòng tâm để hiện bày quả kiếp tiếp theo rồi mới diệt đi.

**8. So ca kiriyāviseso yāva okāsaṃ na labhati tāva kappasatasahassampi taṃ santānaṃ anugato yeva hoti.**

Mãnh lực đặc biệt đó luôn hiện khởi theo dòng tâm cho dù hết 100 ngàn suốt kiếp thời gian chưa được cơ hội (cho quả).

**9. Yaṃ sandhāya dhammapade.**

Đức Thế Tôn thuyết trong pháp cú rằng:

**Na hi pāpaṃ... pāpako**

Cũng ám chỉ đến mãnh lực đặc biệt như đã đề cập.

**Na hi pāpaṃ... pāpako**

Bởi vì nghiệp bất thiện mà người đã tạo chưa cho quả, giống như sữa mà người đã vắt trong ngày ấy chưa lên men. Nghiệp đó luôn có mặt làm cho đau khổ về sau, giống lửa than được cho lấp lại như thế đó.

**10. So pana visuṃ eko paramatthadhammotipi saṅkhaṃ na gacchati anusayadhātuyo viyāti ayaṃ kammaṃṅitā nāma.**

Cũng mãnh lực đặc biệt ấy, không được xếp vào là pháp chân đế theo riêng biệt giống như tứ đại ngũ ngàm trong cơ tánh được gọi là nghiệp tích lũy (**kammaṃṅitā**).

**11. So pana yadā attano anurūpe paccaye labhati tadā vipaccanathāya okāsam karoti, kathaṃ karotīti so asannamaraṇassa sattassa attānaṃ vā paccupaṭṭhāpeti attano nimittaṃ vā paccupaṭṭhāpeti gatinimittam vā paccupaṭṭhāpeti so ce satto taṃ amuñcamāno yadi gaṇhāti tadā okāsaṃ labhati ayaṃ upaṭṭhānāsamaṅgitā nāma.**

Nhưng mãnh lực đặc biệt ấy do duyên điều kiện tương thích trong lúc nào, thì lúc đó mãnh lực đặc biệt luôn tạo cơ hội để hỗ trợ việc cho quả.

**Vấn:** Mãnh lực đặc biệt luôn tạo hỗ trợ cho việc cho quả như thế nào ?

**Đáp:** Mãnh lực đặc biệt thường hỗ trợ cho cảnh nghiệp (**kammaārammaṇa**) hiện bày hoặc dẫn đến hiện tướng (**nimittā**), hoặc như cảnh nghiệp tướng (**kammanimittaārammaṇa**) cho hiện bày hoặc dẫn đến cảnh thú tướng (**gatinimittaārammaṇa**) hiện bày đối với chúng sanh gần mệnh chung. Nếu chúng sanh gần mệnh chung không buông bỏ 1 loại cảnh nào mà chấp thủ vào cảnh ấy thì trong lúc đó mãnh lực đặc biệt thường được cơ hội cho quả, đây gọi là hiện khởi tích lũy (**upaṭṭhānasamaṅgitā**).

**12. Taṃ amuñcitvā ca tassa pana cutianantarameva so kammasaṅkhāto kiriyāviseso viṣuṃ ceto sasampayutto paramatthadhammarāsi hutvā evaṃ bhavaṃ purayamāno vipaccati.**

Mãnh lực đặc biệt gọi là “nghiệp, nghiệp tích lũy” là nhóm của pháp chân đế diễn tiến do 1 loại “*tu*” cho quả đầy đủ suốt 1 kiếp theo tuần tự của tâm tử với chúng sanh không chịu buông bỏ 1 loại cảnh nào rồi chết.

**13. Ekaṃ bhavaṃ purayamānoti ca yāvatāyukaṃ bhavaṅgaciccaṃ chasa dvāresu taṃ taṃ dvārikavipākakiccāni pariyosāne catukiccaṅca sādhayamanoti attho.**

Từ **Ekaṃ bhavaṃ pūrayamāno** có nghĩa là mãnh lực đặc biệt của nghiệp tích lũy (**kammasamaṅgitā**).

1. Làm cho tâm hữu phần tiếp diễn suốt kiếp sống.

2. Làm cho phạm sự tâm quả khởi hiện khởi trong tất cả môn của 6 môn được hoàn thành.
3. Làm cho phạm sự tâm tử được hoàn thành trong chặn sau cùng.

**14. Tattha purima tisso samāṅgitā taruṇavatthā nāma honti, pacchimā vipākasamāṅgitā pariṇatā vatthā nāmāti veditabba.**

Học viên nên hiểu rằng trong tất cả 4 phạm sự tích lũy, thì 3 phạm sự tích lũy đầu là tâm chủ tích lũy, nghiệp tích lũy, khởi hiện tích lũy, gọi là tích lũy còn non yếu. Dị thực quả tích lũy sau cùng gọi là tích lũy già mạnh.

**15. Iti vipaccantīti vipākāni mudutaruṇavatthā atkkamivā pariṇatā vatthasaṅkhatam vipākabhāvaṃ āpajjanti evamettha attho veditabbo.**

Do đó nhóm tâm nào chín mùi, nhóm tâm đó gọi là dị thực quả. Từ này nên hiểu theo giải thích sau:

Tất cả tâm dẫn đến sự chín mùi thì được coi là già mạnh, bởi vì vượt qua sự non yếu và ít oi.

**16. Evaṃ ca vatvā pāliyaṃ kusalākusalakammasamuṭṭhānampi kattatārūpānaṃ vipākabhede aggahaṇaṃ hotīti.**

Giải thích trong bộ Pháp tụ (**dhammasaṅgānī**) như sau:

Trong từ “dị thực quả” (**vipākā**) ngài không nêu sắc nghiệp (**kattārūpa**); mặc dù sanh lên từ thiện và bất thiện.

**17. Tani hi kammasantānato visuṃ siddhattā visuṃ kammato jātānīyeva nāma honti na vipākāni nāmāti.**

Nhóm sắc nghiệp, gọi là sanh từ nghiệp 1 phần nhỏ theo riêng biệt, do nhóm sắc nghiệp thành tựu nối tiếp 1 phần nhỏ của nghiệp nhưng không gọi là *dị thực quả*.

**18. Aññaṃ hi arūpadhammānaṃ santānaṃ aññaṃ rūpadhammānanti ayamettha vipākapade paramatthadīpanā.**

Do sự nối tiếp của 1 loại danh pháp, nối tiếp 1 loại sắc pháp nữa, các học viên nên hiểu như đã đề cập. Tất cả như trên là để trình bày giải thích chi tiết về từ “*dị thực quả*” này.

**Ghi chú:** Trong Trí phân tích (*ñāṇabhivaṅga*) của bộ số giải Phân tích (*sammohavinodanī*) Ngài thuyết thêm 1 loại tích lũy (*samaṅgitā*) nữa là tích trữ tích lũy (*āyūhanasamaṅgitā*); nhưng tích trữ tích lũy này được tính gom vào trong chủ tâm tích lũy (*cetanāsamaṅgitā*).

### **Kệ Ngôn 3 Chủ Tâm Trong Thiện Trí**

**Pubbeva sumano dānā Dadamaṃ cittaṃ pasādaye  
Datvā cattamanaṃ hoti Esā puññassa sampadā.**

Trước khi cho hãy là người có tâm vui thích, đang khi cho nên làm cho tâm tịnh tín, khi đã cho hãy là người có tâm hân hoan, đây là phước viên mãn.

(Trích trong Tăng chi kinh pháp 6 chi Chalaṅguttarapāli).

## Giải Thích Về Nghiệp Tích Lũy

3 loại tư nghiệp đi thì mãnh lực đặc biệt (**kiriyavisesana**), hoặc chủng tử (**bījabhāva**) vẫn còn lại trong vòng tâm trở thành nghiệp tích lũy như tiềm miên (**anusaya**), thông thạo (**vasī**), tiền khiên tật (**vāsanā**), thói quen (**upanissaya**), tánh nett (**caritta**), căn duyên (**adhayāsaya**), khuynh hướng (**adhimutti**), tích lũy ba la mật (**pāramisambhāra**) theo tương ứng với thiện nghiệp, bất thiện nghiệp.

### Kệ Ngôn Liên Quan Đến “Thiện Nghiệp Tích Lũy” Như Sau:

**Manasā ce pasannene Bhāsati vā karoti vā Tato nam sukhamanevati Chāyāva anupāyinī.**

Nếu người nào có tâm trong sáng, nói năng hành động thì sự an lạc luôn dính theo người đó, vì người đó có tâm trong sáng như bóng theo hình.

Kệ ngôn liên quan đến bất thiện nghiệp lũy như sau:

**Manasā ce paduṭṭhena Bhāsati vā karoti vā Tato nam dukkhamanevati Cakkaṃva vahato padaṃ.**

Nếu người nào có tâm tội lỗi, ác xấu, nói năng hay hành động, đau khổ luôn dính theo người đó, vì làm người có tâm tội lỗi, ác xấu giống như bánh xe theo dấu chân bò.

## **Giải Thích Về “Hiện Khởi Tích Lũy”**

Hiện khởi tích lũy gồm có 6 nghiệp, nghiệp tướng, thú tướng. Tức 6 cảnh hiện bày do mãnh lực của nghiệp (nghiệp tích lũy) trong lúc cận tử.

## **Giải Thích Về “Dị Thục Quả Tích Lũy”**

Dị thục quả tích lũy, tức 36 tâm quả, 35 tâm sở hiện bày theo pháp tánh làm:

Phận sự khởi đầu trong kiếp sống mới (tâm tục sinh).

Phận sự giữ gìn kiếp sống (tâm hữu phần).

Phận sự kết thúc (tâm tử).

Phận sự thấy (tâm nhãn thức).

Phận sự nghe (tâm nhĩ thức).

Phận sự ngửi (tâm tỷ thức).

Phận sự ném (tâm thiệt thức).

Phận sự xúc chạm (tâm thân thức).

Phận sự nhận cảnh (tâm tiếp thụ).

Phận sự xem xét cảnh (tâm quan sát).

Phận sự nhận cảnh từ đồng lực (na cảnh) trong suốt giai đoạn kiếp sống này.

## Phân Tích “ 4 Tích Lũy” Theo 24 Duyên

1. Chủ tâm tích lũy: là đồng sanh *nghiệp duyên sanh* (**sahajātakamma**paccaya) (trừ vô ký đồng sanh nghiệp)  
(Hành là quả của vô minh trong pháp duyên khởi).
2. Nghiệp tích lũy: là *dị thời nghiệp duyên* (**nānakkhāṇīka**kamma)paccaya trừ đạo dị thời nghiệp)  
(Hành là quả của vô minh trong pháp duyên khởi).
3. Hiện khởi tích lũy: Là cảnh duyên.
4. Dị thực quả tích lũy: Là quả duyên.

(Kết thúc 4 sự tích lũy trong Tâm dị thực quả)

## Giải Thích Về “8 Tâm Đại Quả” Theo Chi Tiết

1. **Mahāvīpākesu vedanābhedo ārammaṇavasena vatta**bbō tāni hi atītiṭṭhe iṭṭhamajjhatte ca ārammaṇe yathākkamaṃ upekkhāya ca yujjhitānīti.

Nên hiểu về phân loại của thọ trong 8 tâm đại quả, Ngài thuyết do mãnh lực của cảnh, nhóm đại quả ấy đồng sanh hỷ thọ và xả thọ trong cảnh rất tốt và cảnh tốt trung bình theo tuần tự.

2. **Sampayogabhedo kammavāsena javanavasena ca vatta**bbō tāni hi phalavakammaena nāṇasampayuttāni honti dubbalakammaena janitāni nāṇavipayuttāni.

Nên hiểu về phân loại của *tuong ung*, Ngài thuyết do mãnh lực của nghiệp và do mãnh lực của đồng lực, nghiệp có sức mạnh làm cho sanh lên xếp vào là *tuong ung trí*, nghiệp có sức mạnh yếu làm cho khởi hiện xếp vào *bất tuong ung trí*.

**3. Kadāci pana tadārammaṇvasena pavattikāle yebhuyyenatihetukajavanānabandhāniññāṇasampayuttāni honti atirajavanānubandhāni ññāvippayuttānīti.**

Nhưng đôi lúc, tức trong lúc 8 tâm đại quả khởi hiện do mãnh lực của na cảnh mà 8 tâm đại quả liên quan đến đồng lực tam nhân thì phần nhiều là *tuong ung trí* liên quan đến đồng lực; ngoài ra đó thì *bất tuong ung trí*.

**4. Saṅkhārabhedopi kehici ācariyehi kammavasena kathito asaṅkhārikkammajanītāni asaṅkhārikāni sasaṅkhārikkammajanitāni sasaṅkhārikānīti.**

Ngay cả phân loại về trợ (*saṅkhāra*) 1 nhóm giáo thọ sư nói rằng: Do mãnh lực của nghiệp, 8 tâm đại quả mà hành vi mau lẹ (*asaṅkhārikakamma*) làm cho hiện khởi được xếp vào là vô trợ (*asaṅkhārika*), hành vi chần chờ (*sasaṅkharikakamma*) làm cho sanh lên được xếp vào là hữu trợ (*sasaṅkhārika*).

**5. Saṅgāhattherena sannihitapaccayavasena vutto tāni hi paṭisandhiyaṃ parimabhava maraṇāsannakāle ññatakādhīhi tena payogena upaṭṭhāpitāni kammādīni ārammaṇāni gahetvā pavattāni sasaṅkhārikāni nāma,**

tādisena payogena vinā sayameva kammaphalena  
upaṭṭhitāni gaḥetvā pavattāni asaṅkhārikāni nāma honti.

Phân loại về trợ thì trường lão, giáo thọ sư biên soạn  
sớ giải **Mahābuddhaghosa (dhammasaṅgāhakaṭṭhāra)** đề  
cập rằng do mãnh lực của duyên hiện tại tích lũy nghiệp,  
bởi vì trong thời tục sinh 8 tâm đại quả chấp thủ cảnh như  
nghiệp... là nhóm quyền thuộc tạo cho khởi hiện bằng hành  
vi nỗ lực trong lúc cận tử trong kiếp trước được xếp vào hữu  
trợ, ngoài hành vi nỗ lực đó ra mà 8 tâm đại quả nắm giữ  
việc hiện bày diễn tiến hoàn toàn do sức mạnh của nghiệp  
thì xếp vào là vô trợ.

6. **Tadārammaṇakāle** pana  
asaṅkhārikajavanānubandhāni asaṅkhārikāni nāma honti,  
sasaṅkhārikajavanānubandhāni sasaṅkhārikāni nāma.

Còn trong lúc na cảnh mà tâm đại quả liên quan đến  
đồng lực vô trợ thì xếp vào là vô trợ, liên quan đến đồng lực  
hữu trợ thì xếp vào hữu trợ.

## Trình Bày Việc Tính Tâm Đại Quả Theo Chi Tiết Về Ý Nghĩa Của Từ “Pi”

1. **Etthapi sampiḍanatto pisaddo tena**  
**ārammaṇchakkahīnattikavasenevakāladesasantānādivasena**  
**ca tesam anekabhedattam sampiḍeti.**

Từ “Pi” trong tâm đại quả cho dù có gom lại ý nghĩa

bằng từ “Pi”, Ngài giáo thọ sư Anuruddha vẫn tổng hợp tánh chất của nhóm tâm đại quả theo nhiều loại bằng mãnh lực cảnh và bậc hạ, bậc trung, bậc thượng và bằng 3 mãnh lực thời (kāla), lãnh vực (desa) và bản chất (sandāna)....

**2. Yasmāpanetānidānādivasenakāyakammādivasena chandādīni dhuraṃ katvā va na pavattanti tasmā puññakiriyāvatthūnaṃ kammāhipatīnañca vasena vaḍḍhanaṃ na labbhantīti.**

Bởi vì nhóm tâm đại quả này không hiện khởi để làm cho dục... để làm phận sự bằng mãnh lực của bố thí... và mãnh lực của thân nghiệp... cho nên nhóm tâm đại quả không được giải rộng theo mãnh lực của 10 phước nghiệp sự và 3 nghiệp, 4 trưởng.

8 tâm đại quả x 6 cảnh = 48 tâm x 3 bậc (bậc hạ, bậc trung, bậc thượng) = 144 tâm x 3 thời (quá khứ, hiện tại, vị lai) = 432 tâm x 2 bản chất (nội phần, ngoại phần) = 864 tâm.

## **Trình Bày Trạng Thái Phận Sự, Thành Tựu, Nhân Cận Của Tâm Đại Quả**

**1. Avipāka lakkhaṇā:** Trạng thái không làm cho quả khởi hiện tiếp theo.

**2. Paṭisandhi bhavaṅgaṃ cuti tadārammaṇa rasā:** Phận sự có chức năng hình thành *tục sinh, hữu phần, tử, na cảnh* .

3. **Santānapaccupaṭṭhānā**: Thành tựu diễn tiến bởi trạng thái nối tiếp trình bày trong trí tuệ của bậc hiền trí.

4. **Saṅkhārapadaṭṭhānā**: Nhân cận có phúc hành.

### Ghi Chú:

Thông thường đời sống sinh hoạt của chúng sanh phải như thế nào? Phải thường xuyên có hành vi.

Hành vi có mấy loại? Có 3 loại, tức: Hành vi thân, hành vi nói, hành vi suy nghĩ.

Ngoài ra 3 loại đó thì còn gì nữa không? Không có.

Hành vi thân, lời nói, suy nghĩ có bao nhiêu loại? Có 2 loại tốt và xấu.

Từ “chúng sanh” là gì? Tức thế gian.

“Chúng sanh” như thế nào? Chúng sanh trong thế gian này phải ám chỉ riêng biệt chúng sanh (hữu tình), không ám chỉ đất đai, đồi núi, bầu trời, hư không.

Hành vi thân, lời nói, suy nghĩ phân ra thành bao nhiêu loại? Phân ra thành 3 loại, tức: Tư tiền (**pubbacetanā**) gồm có tâm. Tư hiện (**muñcacetanā**) gồm có thân ngữ và tâm. Tư hậu (**aparacetanā**) gồm có tâm.

Cả 3 loại này hiện khởi rồi diệt đi thì chấm dứt luôn phải chăng? Không, còn lại mãnh lực đặc biệt.

Vì sao còn mãnh lực đặc biệt mà không diệt mất luôn? Bởi vì mãnh lực đặc biệt vẫn còn lại nên tâm, tâm sở sanh

lên diệt đi nối tiếp nhau không gián đoạn, không có khoảng cách trống.

Như dòng nước trên sông, cho dù lầy khúc cây chặn lại nhưng khi lầy ra thì vẫn luôn chảy tiếp tục. Như vậy được gọi là gì? Được gọi là mãnh lực đặc biệt (**kiriyāvisesa**) hay chủng tử.

Như vậy gọi là gì? Gọi là nghiệp tích lũy (**kammasamāgītā**) có loại già mạnh và non yếu.

Già mạnh (**balava**), non yếu (**dubbala**). Già mạnh thuộc bậc thượng (**ukkaṭṭha**), non yếu thuộc bậc hạ (**omaka**), thiện bậc thượng, thiện bậc hạ.

Cũng có nhiều loại như bậc thượng thượng, bậc thượng hạ, bậc hạ, bậc hạ thượng, bậc hạ hạ.

2 loại bậc thượng và bậc hạ này chỉ riêng biệt trong tâm thiện. Còn về phần tâm bất thiện thì chỉ dùng già mạnh và non yếu mà thôi. Dùng già mạnh và non yếu trong tâm thiện cũng được.

### Ghi Chú:

Điều thứ 5, từ *tích lũy* (**samāgītā**) là như thế nào? Tức cả 3 sát na.

Điều thứ 6, từ “chủ tâm tích lũy” này là như thế nào? Tức sát na sanh (**uppādakkhaṇa**), sát na trụ (**thītakkhaṇa**), sát na diệt (**bhaṅgakkhaṇa**).

Chủ tâm (trước khi làm) diệt đi là chấm dứt luôn chằng?  
Không phải.

Vậy như thế nào? Còn lưu lại mãnh lực trong dòng tâm.

Dòng tâm ấy lấy sắc hay danh? Lấy danh, tức tâm hữu phần, tâm tục sinh.

Điều thứ 7, đầy đủ cả 3 trạng thái, tức sát na sanh, sát na trụ, sát na diệt trong dòng lực thiện, bất thiện. Nếu chỉ có 1 sát na hoặc 2 sát na thì không trọn vẹn. Chủ tâm tích lũy phải hội đủ cả 3 sát na mới gọi là chủ tâm tích lũy và có vô sắc trong dòng tâm ám chỉ đến tâm hữu phần, tâm tục sinh.

Điều thứ 9, từ vắt sữa trong ngày ấy, tức sự ám áp của sữa nhờ vào việc vắt từ bò mẹ, sự ám áp đó là nguyên tố lửa dư âm từ bò mẹ. Trong ngày đó sự ám áp vẫn còn chưa biến đổi, giống như bánh xe bò lăn theo dấu chân bò.

Điều thứ 10, từ chưa được xem là pháp chân đế ám chỉ đến vẫn còn tiềm miên ngủ ngầm khi khởi hiện trở thành phiền não bậc trung (**pariyuṭṭhāna**), đến phiền não vi phạm (**vītikkaṃa**), rồi mới khởi hiện thành pháp chân đế.

Một lý khác nữa, tiềm miên ám chỉ (**anusayā**) tức tự thân nghiệp giống như nước trong đại dương bị ánh nắng chiếu rọi thì bốc lên thành mây, gọi là nghiệp tích lũy (**kammasamaṅgitā**); có sự xúc tác thì trở thành mưa rơi xuống. Đây là nghiệp cho quả. Nếu chưa có gì đến xúc tác thì chỉ là hơi nước bốc lên.

Chủ tâm tích lũy (**cetanāsamāgītā**) phải hội đủ như thế nào? Phải hội đủ 3 sát na, tức sát na sanh, sát na trụ, sát na diệt của đồng lực bất thiện và đồng lực thiện hoặc tư tiền, tư hiện, tư hậu. Cả 3 mới gọi chủ tâm tích lũy.

Giải Thích Trong 4 – 5	○○○○○○○	} Tư tiền	} 10 } ác } hạnh
Trình Bày Nguyên Nhân	○○○○○○○	} Tư hiện	
Gọi Là Quả Dị Thục	○○○○○○○	} Tư hậu	

○○○○○○○	} Tư tiền	} 10 } thiện } hạnh
○○○○○○○	} Tư hiện	
○○○○○○○	} Tư hậu	

**Ghi chú: Vấn:** Trạng thái của tâm dị thục quả như thế nào?

**Đáp:** Trạng thái của tâm dị thục quả không làm cho quả sanh lên. Điều 3, từ nối tiếp không có nghĩa là làm cho quả khởi hiện nối tiếp nhau nữa. Chẳng hạn như vậy, ngoài ra việc khởi hiện nối tiếp nhau liên tục của tâm dị thục quả cũng được gọi là tâm hữu phần khởi hiện lên mãi trong thời bình nhật.

**Vấn:** Tâm dị thục quả hiện bày lên trong sát na nào?

**Đáp:**

Trong sát na danh, sắc hiện bày thành kiến, mỗi,

nhân loại, chư thiên nhưng trong nơi đây chỉ lấy điều 3 hiện bày nổi tiếp liên tục. Đây là hiện bày trong *tuệ quán (vipassanāñāṇa)* của hành giả giống như nước vẫn còn trong suốt, nhưng khi lộ trình tâm hiện khởi thì giống đem màu bỏ vào, nên tâm mới trở thành tham, sân, tâm đồng lục.

Còn đối với tâm hữu phần chỉ sanh lên nối tiếp nhau mãi không dừng lại chi cả.

Từ “phúc hành” (**puññabhisankhāra**) nếu nói rằng: Tâm sở đồng sanh với tâm đại thiện là phước, đây là nói theo phương diện pháp học thì khó hiểu mà phải nói rằng: Sát na đang tinh cần tu tập của Chư Tăng, tu tập của tu nữ siêng năng, tụng kinh, nỗ lực tinh cần tạo 10 phước thiện sự; tinh cần tạo trừ bố thí, trì giới, tu tiến; đây gọi là *phúc hành*.

## Trình Bày Ý Nghĩa Giải Thích Và Số Lượng Tâm Đại Tố Theo Chi Tiết

### 1. Karaṇamattaṃ = Kiriya.

Hành vi đình chỉ không để cho cơ hội cho quá là duy tác (**kiriya**).

Nói theo phương diện pháp nghĩa (**dhammādhiṭṭhāna**) tức 20 tâm tố, 35 tâm sở.

Nói theo quan điểm nhân sinh (**puggalādhiṭṭhāna**) tức bố thí, trì giới, tu tiến chỉ tịnh, tu tiến minh quán và hành vi duy tác thân, ngữ, ý của tất cả bậc A la hán và khéo tác ý. Không khéo tác ý của phàm nhân và bậc thánh .

## **Giải Thích:**

**Rajjanādivasenettha Javanākusalaṃ bhava**

**Kusalaṃ pana sambhoti saddhā paññāhi sambhava**

**Tadeva vītarāgānaṃ Kariyā nāma pavuccati**

**Avipākatamāpannaṃ Vuṭṭamūla parikkhāya**

Trong nơi ấy tâm đồng lực khởi hiện do mãnh lực tham, sân, si là tâm bất thiện. Còn tâm khởi hiện do mãnh lực của tâm sở tịnh hảo như đức tin, trí tuệ... khi hiện khởi trong cơ tánh của bậc A la hán thì gọi là tâm tố (**kiriyācitta**). Tâm tố không trở thành pháp quả, bởi vì tâm đồng lực tố khởi hiện trong cơ tánh của bậc A la hán, không có căn tội của luân hồi (**vaṭṭamūla**) tức không có vô minh và ái dục.

**2. Kamena puññavatthuhi gocarāhipatīhi ca kamma hīnā hitoceva gaṇeyya nayakovidho.**

Người thiện xảo trong phương pháp của nhóm tâm đại tố (**ṇavanamahākiriyaṅcitta**) bằng 10 phước nghiệp sự 6 cảnh, 4 trưởng, 3 nghiệp bậc hạ, bậc trung, bậc thượng theo tuần tự.

## **Cách Thức Tính Tâm Đại Tố Theo Chi Tiết:**

*8 tâm đại tố x 10 phước nghiệp sự = 80 tâm x 6 cảnh = 480 tâm*

Trong số lượng 240 tâm đại tổ bất tương ưng trí, 240 tâm đại tổ tương ưng trí.

240 tâm đại tổ tương ưng trí x 4 trường = 960 tâm

240 tâm đại tổ bất tương ưng trí x 3 trường = 720 tâm

Tổng cộng 1.680 tâm đại tổ.

1680 tâm đại tổ x 3 nghiệp = 5040 x bậc hạ, bậc trung, bậc thượng = 15.120 tâm.

## **Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, Thành Tựu, Nhân Cận Của Bất Thiện**

**Sāvajjavipākalakkhanam:** Trạng thái tội lỗi cho quả khổ.

**Kusalapaṭipakkharasam:** Phận sự đối lập lại thiện.

**Kāḷusiyapaccupaṭṭhānam:** Thành tựu có sự vẩn đục hiện bày trong trí tuệ của bậc hiền trí.

**Ayonisomanasikārapadaṭṭhānam:** Nhân cận tác ý không khôn khéo.

### **Chú thích:**

Lời giải thích trong pháp thiện có 2 loại là:

**1. Atthapaññati:** Ý nghĩa của thiện có 5:

**Aragoyattha:** Không bệnh hoạn .

**Sundarattha:** Tốt đẹp.

**Chekaṭṭha:** Khôn khéo.

**Anavaja:** Không tội lỗi.

**Sukavipāka:** Cho quả an lạc.

**2. Saddapaññatti:** Phân tích: từ “thiện” **kusalā** thành mỗi phần như:

**Ku = Kucchite pāpadhamme.**

**Sala = Salayanti cālenti kampenti viddhamsentīti = Kusalāni**

**Ku = Kucchite ākāre**

**Sa = Sattasantāne senti anusentīti = Kusā**

**La = Lunanti chindantīti = Lā**

Giáo pháp có bao nhiêu loại? Có 3 loại là:

Pháp học giáo pháp (**pariyattisāsanā**).

Pháp hành giáo pháp (**paṭipattisāsanā**).

Pháp thành giáo pháp (**paṭivedhasāsanā**).

Trong 3 loại này thì hạt giống chủng tử của Pháp thành là loại nào? Pháp hành là hạt giống chủng tử.

Thế nào là hạt giống chủng tử của Pháp hành? Pháp học là hạt giống chủng tử. Pháp hành có 2 là *chỉ tịnh và minh quán*.

Pháp thành, Ngài lấy *thuần nhất quả*. Do đó nếu thiếu mất pháp học thì pháp hành sẽ trở thành

**khổ hạnh (attakilamathānuyoga) và lợi dưỡng (kāmasukhallikānuyoga).**

Pháp học được triển khai rộng rãi là phận sự riêng biệt của chư Tăng phải gìn giữ, không phải là phận sự của cư sĩ. Đối với cư sĩ đòi chút vừa đủ hiểu về pháp hành rồi thực hành. Cho nên khi nói đến pháp hành thì bắt buộc là chư Tăng, cư sĩ. Pháp thành cũng giống như vậy chư Tăng lẫn cư sĩ.

Người tịnh tín giáo pháp có bao nhiêu nhóm? Có 2 nhóm:

1. Nhóm sống tại gia (**ācariya**).
2. Nhóm sống xuất gia (**anāgāriya**) như chư Tăng là sống không gia đình.

Thiện (**kusalā**) phân ra 2 từ là:

**Ku = Kucchite pāpadhamme:** Pháp đáng ghê tởm.

**Sala = Salayanti cālenti sala:** Cắt lìa sự ghê tởm.

**Ku = Đáng ghê tởm.**

**Sala = Cắt đứt, gom lại là sự đứt sự ghê tởm.**

**Gom lại là cắt đứt sự ghê tởm.**

**Ku = Kucchite ākāre.**

**Sa = Sattasantāne senti.**

**La = Lunanti chindantīti.**

**Ku = Ghê tởm.**

**Sa** = Dính theo cơ bản.

**La** = Cắt đứt sự ghé tởm, dính theo trong vòng tâm.

Như thế nào là bất thiện? Tức Thân ác hạnh, ngữ ác hạnh, ý ác hạnh.

Như thế nào là thiện? Tức Thân thiện hạnh, ngữ thiện hạnh, ý thiện hạnh.

Khi đồng lực bất thiện khởi hiện thì khởi hiện do mãnh lực nào? Khởi hiện mãnh lực của tham, sân, si.

Khi đồng lực thiện sanh khởi thì sanh khởi do mãnh lực nào? Sanh khởi do mãnh lực tâm sở tịnh hảo như đức tin, trí tuệ...

Khi thiện, bất thiện khởi hiện thì hình thành như thế nào? Hình thành hành vi, lời nói, ý nghĩ.

Hành vi, lời nói, ý nghĩa do ai sai khiến? Do tâm, tâm sở, danh pháp sai khiến.

Như vậy người đã chết thì hành vi, lời nói, suy nghĩ có hoạt động được hay không? Không được.

Hành vi, lời nói, suy nghĩ này khởi hiện theo đường lối nào? Khởi hiện thuần nhất theo đường lối đồng lực.

Nếu không có lối đồng lực thì hành vi, lời nói, suy nghĩ có thành tựu được không? Không được thành tựu. Do đó tất cả đường lối quan trọng là ở ngay đồng lực vì làm cho thành tựu hành vi, lời nói, suy nghĩ.

Hành vi, lời nói, suy nghĩ này nếu không có danh pháp thì có được không? Không được.

Danh pháp ở nơi nào? Ở trong tất cả chúng sanh kể từ cõi khổ, chư thiên, phạm thiên cho đến bậc A la hán.

Như vậy, nếu muốn xem danh pháp thì xem ở nơi nào? Xem danh pháp ở nơi hành vi, lời nói, còn về suy nghĩ thì không thấy được.

Tất cả phàm nhân đang ghi chép pháp, đang học, đang nghe, đang dạy, đang thuyết pháp thì thuộc về gì? Thuộc về thiện.

Ngoài việc đó ra mà chuyện trò, tán dóc, đang ăn hoặc đang làm công việc thì bằng tâm gì? Bằng tâm bất thiện.

Như tâm đồng lực thiện khởi hiện do mãnh lực tâm sở tịnh hảo, như đức tin, trí tuệ khi khởi hiện trong cơ tánh bậc A la hán thì gọi là gì? Gọi là tâm tố.

Vì sao gọi là tâm tố (**kiriyacitta**)? Bởi vì đình chỉ không làm cho bất cứ quả nào khởi hiện lên nên gọi là tâm tố.

Tâm tố theo phương diện pháp nghĩa như thế nào? Tức 20 tâm tố, 35 tâm sở.

Trong số lượng 20 tâm tố này thì 18 tâm là của bậc A la hán, 2 tâm nữa là khéo tác ý (**yoniso**), không khéo tác ý (**ayoniso**). Gồm có tâm khai ngộ môn, tâm khai ý môn mà tất cả mọi người sử dụng được.

Như vậy tâm tố nói theo quan điểm nhân sinh được hiểu

rõ ràng như thế nào? Tức việc bố thí, trì giới, tu tiến tịnh chỉ (**samatha**), minh quán (**vipassanā**), việc đàm luận, dùng vật thực... cho đến làm mọi công việc.

Việc kinh hành của bậc A la hán, tất cả đều thực hiện bằng tâm tố. Như Ngài đang thọ thực thì cũng thực hiện bằng tâm tố. Vị ngon của vật thực cũng hiện rõ đối với Ngài.

Nếu có Người hỏi rằng: Ngài thọ thực có ngon không? Ngài trả lời ngon. Đây chỉ là lời nói mà thôi về tâm tham nhận biết ngon thì không có; hoặc muốn thọ dụng vật thực nữa thì cũng không; nghĩa là dùng ngon mà muốn dùng nữa thì không có. Trái ngược với phàm nhân khi dùng sầu riêng thì vị sầu riêng rất ngon, dùng rồi vẫn muốn dùng tiếp là thọ nhận bằng tâm tham.

Vì sao tâm sở tịnh hảo như: Đức tin, trí tuệ khởi hiện trong cơ tánh bậc A la hán gọi là tố (**kiriya**)? Còn khởi hiện trong cơ tánh của phàm nhân, tại sao gọi thiện (**kusala**)? Bởi vì trong cơ tánh của bậc A la hán không có căn cội luân hồi (**vaṭṭamūla**), tức vô minh, ái dục; giống như hạt giống bị luộc chín thì mầm cũng không phát triển được; vô minh giống như đất; ái dục giống như nước cũng không có.

## Trình Bày Nguyên Nhân Gọi Là Đại Thiện, Đại Tố, Đại Quả

1. Tâm thiện quả tố dục giới tịnh hảo nhiều hơn tâm sắc giới, vô sắc giới, siêu thế. Vì vậy mới gọi là *đại* (**mahā**) có số lượng nhiều.

2. Lại nữa, *quả*, tức *dị thực quả* khởi hiện từ tâm thiện dục giới này có 16.

Dị thực quả từ tâm sắc giới, tâm vô sắc giới, tâm siêu thế có số lượng ít hơn.

Nói theo thực tánh thật thì tâm thiện dục giới có thể làm cho quả khởi hiện trong cả thời tục sinh, thời bình nhật.

Tâm thiện sắc giới và tâm thiện vô sắc giới cả 2 loại này không thể làm cho quả khởi hiện trong cả 2 thời được; chỉ được duy nhất trong thời tục sinh mà thôi.

Còn tâm thiện siêu thế thì có thể cho quả duy nhất trong thời bình nhật.

Còn tâm tô dục giới tịnh hảo, nếu được cơ hội cho quả thì sẽ bằng như nhau với tâm đại thiện, nên mới gọi là *tâm đại tố*.

Còn tâm đại quả tịnh hảo là quả của tâm đại thiện, cho nên mới gọi là *tâm đại quả*.

3. Một lý khác nữa, tâm thiện dục giới này có thể cho quả hiện khởi trong cõi dục, trong cõi phạm thiên sắc giới (trừ cõi vô tưởng).

Tâm thiện sắc giới và tâm thiện vô sắc giới thì không cho quả hiện bày được bằng với tâm đại thiện; chỉ cho quả trong cõi phạm thiên sắc giới và cõi phạm thiên vô sắc giới mà thôi.

Còn tâm thiện siêu thế này có phận sự làm giải thoát

khỏi cõi dục giới, cõi phạm thiên sắc giới, vô sắc giới theo tuần tự của *đạo*, cho nên thiện dục giới mới gọi là đại thiện, đại quả và đại tố như đã đề cập trong điều thứ 2 cũng có ý nghĩa giống nhau.

4. Hoặc một trường hợp khác nữa, tâm đồng lực kiên cố khởi hiện do mãnh lực tâm thiện dục giới, tức phận sự có thể làm cho tâm đồng lực kiên cố khởi hiện được như *thiền*, *đạo*, *quả* và nhập thiền, nhập thiền quả, khai triển thần thông; tức tu tiến chỉ tịnh nghiệp xứ, minh quán nghiệp xứ và việc chú nguyện đang tu tiến chỉ tịnh, minh quán thì chú nguyện như đã đề cập, tu tiến bằng tâm đại thiện thực hiện bằng chính tâm đại thiện đó. Cho nên tâm thiện dục giới mới gọi là *tâm đại thiện*, còn tâm đại quả, tâm đại tố thì có ý nghĩa giải thích giống như điều thứ 2.

5. Hoặc 1 lý khác nữa, thông thường thiền giả (**jhanalābhī**) là bậc thánh vào lúc *đắc thiền*, *đạo*, *quả*; hoặc khi xuất thiền và thiền quả thì phản khán *chi thiền*, hoặc phản khán *Đạo*, *Quả*, *Níp bàn*, phiền não tương ứng tiếp theo nữa. Trong sát na phản khán *chi thiền* hoặc phản khán *Đạo*, *Quả*, *Níp bàn* và nhóm phiền não này thì phản khán bằng tâm đại thiện hoặc tâm đại tố; không phải phản khán bằng tâm thiện sắc giới, tâm thiện vô sắc giới, tâm thiện siêu thế. Vì vậy, cả tâm thiện, tâm tố dục giới tịnh hảo này mới gọi là *tâm đại thiện*, *tâm đại tố*.

Còn tâm đại quả thì quả của tâm đại thiện nên mới gọi là *tâm đại quả*.

Tâm thông thiện cho quả trong thời bình nhật trong kiếp sống này nhưng không thể cho quả trong thời tục sinh được.

## Trình Bày Nguyên Nhân Việc Nhân Với Trí Tuệ

**Vấn:** Trong tâm dục giới tịnh hảo mà *nhân* với *thọ* theo tương ứng thì cả 2 thọ hỷ và thọ xả hiện hữu trong tâm dục giới tịnh hảo. Nếu *nhân* với *trợ* thì cũng là theo tương ứng, bởi vì cả 2 hữu trợ và vô trợ cũng hiện hữu trong tâm dục giới tịnh hảo giống như vậy. Nhưng nếu *nhân* với trí tuệ (*paññā*) thì như thế nào? Bởi vì trí tuệ hiện bày có tâm dục giới tịnh hảo.

**Đáp:**

Sự việc mà 2 tâm dục giới tịnh hảo, tức *tâm tương ưng trí*, *bất tương ưng trí* là do mãnh lực của tâm sở trí tuệ. Vì vậy dù cho trí tuệ duy nhất trong tâm này cũng *nhân* với trí tuệ được. Giống như chỉ thuận nhất mưa cũng làm cho vật thực được đầy đủ và làm cho vật thực không được đầy đủ hiện bày.

**Subhikkho ca dubbhikkho ca vassakato**

Nên tâm đồng sanh với trí tuệ được gọi là *tương ưng trí*. Tâm không đồng sanh với trí tuệ được gọi là *bất tương ưng trí*.

**Ghi chú:** Cả 2 loại *bất tương ưng kiến* và *tương ưng*

*kiến* hiện hữu trong tâm tham. Học viên nên hiểu theo cách thức đã đề cập ở đầu phần.

## Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, Thành Tựu, Nhân Cận Của 54 Tâm Dục Giới

1. **Parittalakkhaṇaṃ**: Trạng thái có uy lực nhỏ nhoi.

2. **Kāmatanāhāya gocarabhāvarasaṃ**: Phận sự có cảnh của dục ái.

3. **Cañcalapaccupaṭṭhānaṃ**: Thành tựu có sự giao động là trạng thái hiện bày trong trí tuệ của bậc hiền trí.

4. **Lokīyadhammapadaṭṭhānaṃ**: Nhân cận có pháp hiệp thể.

(*Kết thúc lời giải thích trong sơ giải, phụ sơ giải về 54 tâm dục giới*).

## Định Nghĩa Về Thiền

1. **Kasiṇādi ārammaṇaṃ jhāyati upanijjhāyatīti = Jhānaṃ**.

Tất cả pháp thực tánh như *tâm*... gọi là *thiền*, bởi vì pháp pháp nắm giữ lấy cảnh như *đề mục tịnh (kasiṇa)*...

Hoặc 1 lý khác nữa **Paccanīkadhamme jhāpetīti = Jhānaṃ**.

Tất cả pháp thực tánh như *tâm*... gọi là *thiền* bởi vì là pháp thiêu đốt triền cái đối nghịch.

## Sự Khác Biệt Giữa từ **Jhānaṅga**, **Jhāna**, **Jhānacitta**

1. Chi thiền (**jhānaṅga**), tức 1 chi thiền nào đó trong tất cả 5 chi thiền.
2. Chi thiền (**jhāna**) gồm có chi thiền gom chung lại với nhau như 5 chi thiền, 4 chi thiền, 3 chi thiền, 2 chi thiền.
3. Tâm thiền (**jhānacitta**): Tâm đồng sanh với 5 chi thiền, 4 chi thiền, 3 chi thiền, 2 chi thiền.

**Vấn: Kanetṭhena pathamaṃ?**

Gọi là *sơ thiền* do ý nghĩa như thế nào?

**Đáp:**

**Ādito paṭipajjitabbattā**

1. Gọi là *sơ thiền*, bởi vì phải đắc chứng lần đầu tiên hoặc phải đạt đến lần đầu tiên, tức theo tuần tự của sự khởi hiện đắc chứng lần đầu tiên (**uppattikama**).
2. Theo tuần tự của việc thuyết giảng lần đầu tiên (**desanakkama**).
3. Theo tuần tự của việc tính vào lần đầu tiên (**gaṇanakkama**).

Như có dẫn chứng Pāli sau:

**Paṭhamam paṭiladdhattā Desitattā ca vuccate**

**Sanḅhayāto pathamam jhānam Tathāpi dutiyādāni.**

Gọi là *sơ thiền* vì đắc chứng lần đầu tiên, bởi vì thuyết giảng lần đầu tiên.

Gọi là *nhị thiền*... cũng tương trợ giống như vậy.

**Vấn: Kenatthena jhānam?**

Gọi là thiền do ý nghĩa nào?

**Đáp: Kasiṅādikassa ārammaṇassa  
aniccādilakkhaṇassa ca upanijjhāyanato  
paccanīkadhammānaṅca jhāpanato dayhanato jhānam.**

Gọi là thiền bởi vì chú niệm vào cảnh như *đề mục hoàn tịnh (kasiṅa)* và tướng trạng như vô thường... và bởi vì thiêu hủy pháp đối nghịch trong nơi đây.

Thực tánh pháp gọi là *thiền*, tức 5 chi thiền như *tâm*...

**Vấn:** Tâm sở khác, như *xúc*... đồng sanh với nhau trong tâm thiện sắc giới. Vì sao không gọi là *thiền (jhāna)*?

**Đáp:** Bởi vì tâm sở khác không có phận sự chú niệm vào cảnh trực tiếp, không có phận sự thiêu hủy pháp triền cái trực tiếp.

Như dẫn chứng Pāli sau:

**Upanijjhānakiccatā Kāmādipaṭipakkhato**

**Santeseva pica aññesu Pañacesu jhānasaññitā.**

Cho dù tâm sở khác hiện hữu trong tâm thiền sắc giới đi nữa thì chỉ 5 tâm sở này gọi là *thiền*, bởi vì có phạm sự chú niệm vào cảnh và đối nghịch với triền cái như *dục dục cái...*

Giải thích về định nghĩa: **Paccanīkadhamme jhāpetīti = Jhānaṃ**

**1. Vitakko cittaṃ thīnamiddhavasena osakkituṃ adavā daḥhaṃ arammaṇātiniropanalakkhano hi vitakko thīnamiddhanivaraṇassa ca ujuppaṭipakkhoti.**

*Tâm* không làm cho lụi sụt bởi mãnh lực của *hôn thụ* luôn làm cho tâm hướng đến trước, vững chắc trực diện đối với cảnh; bởi vì trạng thái của *tâm* có phạm sự đưa tâm đến cảnh và đối trị trực tiếp với *hôn thụ*.

**2. Vicāro ca naṃ vicikicchāvasena saṃsappituṃ adavā daḥhaṃ ārammaṇānubandhameva karoti, ārammaṇānumajjanalakkhano hivicāropaññāpakatiko, vicikicchānīvaraṇassa ca ujuppatipakkhoti.**

*Tứ* không làm cho chao đảo do mãnh lực của *hoài nghi* luôn làm cho tâm vững chắc nhất hướng với cảnh. Bởi vì *tứ* có trạng thái chìm vào, xuôi theo cảnh; nói theo giống như *trí tuệ* và đối trị trực tiếp với *hoài nghi* triền cái.

3. Pīti ca cittaṃ byāpādasena ukkañthitaṃ  
adatvā ārammaṇe parituṭṭhameva karoti,  
ārammaṇasampiyāyanalakkhaṇā hi pīti  
byāpādanīvaraṇassa ca ujuppaṭipakkhati.

Còn *hỷ* không làm cho chán nản do mãnh lực của *sân* luôn làm cho tâm hân hoan thuần nhất đối với cảnh. Bởi vì trạng thái của *hỷ* có sự thích thú với cảnh và đối trị trực tiếp đối với *sân* triền cái.

4. Tathā sukhañca naṃ uddhaccakukkuccavasena  
avūpasamitaṃ adatvā arammaṇe saddhasātaṃ  
upabrūhitaṃ karoti sātallakkaṇaṃ sukhaṃ  
uddhaccakukkuccanīvaraṇassaca ujuppaṭipakkhanti.

Lại nữa, *lạc* không làm cho không an tịnh như mãnh lực của *trạo hối* mà luôn làm cho tâm nhận được sự thư thái, tăng trưởng, nảy nở trong cảnh. *Lạc* có trạng thái thư thái đối trị trực tiếp đối với *trạo hối*.

5. Upekkhā ca santasabhāvatā sukhe eva saṅgahitāni

*Xả*, Ngài gom vào trong *lạc*, bởi vì có thực tánh lắng dịu.

6. Evaṃ karontā ca te dhammā tasmaṃ arammaṇe  
tassa cittassa suṭṭhu ekaggabhāvatthāya ca honti,  
ekaggabhāvo ti ca ekaggatāyeva.

Trong nhóm pháp này làm phận sự như vậy thì trở thành pháp tánh có thuần nhất 1 cảnh của tâm trong cảnh đó. Pháp thực tánh nhận được chỉ 1 cảnh, gọi là tâm sở *nhất hành*.

7. Sāca ekaggatā tehi dhammehi tathā anuggahitā  
suṭṭhu balavatī hutvā sayam kāmaccchandavasena  
nānārammaṇesu cittaividhāvanam nivāretvā  
kaṣiṇanimittādhike tasmim ārammaṇe niccalaṃ datvā  
taṃ ārammaṇam upagantvā nijjhāyati oloketi.

Tâm sở *nhất hành* được nhóm pháp đó (Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc), tương trợ trở thành pháp có sức mạnh, vững chắc ngăn chặn sự lao chao của tâm trong các cảnh do mãnh lực của *dục dục cái* (kāmachandanīvaraṇa) làm cho không dao động trong cảnh, do ấn tượng của *đề mục hoàn tịnh* (kaṣiṇanimitta)... hướng đến việc chú niệm xem xét cảnh.

8. Tasmā te sabbepi dhammā upanijjhāyanaṭṭhena  
pi jhānanti vuttā.

Do đó tất cả nhóm pháp này (5 chi thiền) Ngài gọi là *thiền* do ý nghĩa chú niệm vào.

**Ví dụ:**

1. Bước trên sông.

Giống như: Phiền não tiềm miên hiện hữu trong cơ tánh của mình.

2. Giông bão.

Giống như: Tà tư duy, tà tinh tấn và tà định.

3. Chiếc thuyền.

Giống như: Tâm.

4. Bánh lái.

Giống như: Khéo tác ý (**yonisomanasikāra**).

5. Người lái thuyền.

Giống như: Chánh tinh tấn.

6. Mái chèo.

Giống như: Chánh tư duy.

**Ví dụ:**

1. Cánh tay.

Giống như: Tầm.

2. Răng.

Giống như: Tứ.

3. Lưỡi.

Giống như: Hỷ.

4. Nuốt.

Giống như: Lạc.

5. Bụng.

Giống như: Nhất hành.

6. Thân thể người ăn.

Giống như: Tâm.

7. Vật thực.

Giống như: Cảnh.

Tâm                      Hỷ

(Cảnh)                  Tâm

Nhất hành              Lạc

### **Chú thích:**

Tất cả mọi người trong đời sống, như người ngồi trên thuyền chung trôi giữa sông, chiếc thuyền tức *tâm*.

Thông thường chiếc thuyền lẳng lặng trôi đi thì thường tùy theo dòng chảy mà trôi đi; *tâm* của chúng ta giống như chiếc thuyền.

Phiền não ngủ ngầm liên quan bên trong *tâm* giống như dòng nước trôi chảy mãi.

Dòng nước, tức phiền não chờ đợi xoay chuyển *tâm* cho suy giảm giống như dòng nước trên sông chỉ có xuôi dòng mà không bao giờ chảy ngược dòng. Phải có *chánh tinh tấn* (*sammāvāyāma*) giống như người ngồi trên thuyền với mái chèo, không để cho chiếc thuyền (*tâm*) của mình chạy theo con nước của phiền não.

*Tâm*, tức *chánh tư duy* giống như chống chèo chiếc thuyền (*tâm*).

*Chánh tinh tấn* giống như chỉ có người nều không có cây chèo thì không làm gì được. Vì vậy, *chánh tinh tấn* phải có *tâm* (*chánh tư duy*). Tức là có mái chèo rồi cũng phải *khéo*

tác ý để hướng chiếc thuyền đến đúng nơi tâm của chúng ta, phải có tác ý để làm cho tâm trở thành thiện để kháng cự lại giông bão (*tà tư duy, tà tinh tấn, tà định*).

*Chánh tinh tấn*, tức người cầm mái chèo. *Chánh tư duy* là chèo chống tâm để khéo tác ý trở thành bánh lái của chiếc thuyền.

Tâm giống như chiếc thuyền nên nếu không có người gắng sức chèo khéo tác ý lái đúng hướng thì chiếc thuyền tâm cũng sẽ trôi theo dòng nước phiền não và bị giông bão vùi dập, chìm đắm giữa dòng. Nếu có *chánh tinh tấn*, tức người gắng sức cầm chèo thì chiếc thuyền tâm sẽ ngược dòng phiền não và thoát khỏi giông bão. Chiếc thuyền tâm cũng sẽ ngược dòng trở lên thượng nguồn, tức dòng nước trên con sông chỉ có chảy xuống ám chỉ dòng nước phiền não chỉ có chảy xuống duy nhất đến khổ cảnh. Cho nên phải tu tiến *thiền*, tức tu tiến *chỉ tịnh* (**samathabhāvanā**) để đi ngược dòng chảy phiền não luôn xuôi về khổ cảnh.

Trong việc tu tiến *chỉ tịnh* này chỉ có 4 chi thiền tháp tùng theo *nhất hành* làm trưởng dẫn đầu; còn *minh quán* có *trí tuệ* làm trưởng và *minh quán* có phận sự khác biệt với *chỉ tịnh*, tức phải ghi nhận danh sắc trong chính tự thân mỗi sát na *danh sắc* khởi hiện và đi nghe pháp liên quan đến pháp thực tánh, tức *tâm, tâm sở, sắc pháp, Níp bàn*. Và nghe pháp khích lệ làm cho phát sinh *đức tin* rằng có người đắc *Đạo Quả*, để cho hành giả phát sinh *tinh tấn* hoặc *đức tin* trong viên tu tiến *minh quán* cho tăng trưởng lên. Nhưng đối với

*chỉ tịnh, hoàn tịnh kasina*, nếu thực hành *minh quán* thì nhất hành sẽ diệt mất.

Việc thực hành *chỉ tịnh* phải dùng nhóm tâm nào để thực hành? Dùng 4 tâm *đại thiện tương ưng trí*, 13 *tâm sở tợ tha*, 19 *tâm sở tịnh hảo biến hành*, *tâm sở trí tuệ*. Tổng cộng 33 tâm sở và có đề mục *hoàn tịnh* làm cảnh.

Trong sát na đang *tác niệm (upacārā)* rằng: “đất!, đất!” thì bất thiện không sanh khởi phải chăng? Sanh khởi. Sự việc bất thiện, tức pháp triền cái khởi hiện bởi do mãnh lực của chi thiền vẫn còn yếu. Cả 5 chi thiền có thực tánh khác biệt nhau, tuy nhiên cả 5 chi thiền này vững trú đồng nhất trong cảnh của *đề mục hoàn tịnh (kasina)*.

Như vậy pháp triền cái sanh khởi theo thực tánh hiện bày như thế nào? Dục dục cái khởi hiện có suy nghĩ làm cho *chỉ tịnh* không được đứng vững; chỉ muốn thực hành *minh quán*, muốn tụng kinh muốn hành thiền, muốn học, muốn viết... Sân độc cái khởi hiện thì không vững chắc trong việc tác niệm rằng “đất! đất!” không thích hợp, không muốn nghĩ trong cảnh đó. Việc sợ sệt không muốn nghĩ trong cảnh đó như vậy là 1 loại sợ sệt khác nữa (không phải là loại sợ ma quỷ, sợ hãi chó dữ, hoặc sợ hãi đối với người ác).

Hôn trầm, ngủ gật, phóng dật đang tác niệm rằng: “đất! đất!” thì tâm sẽ nghĩ đến việc khác không chú vào *đất*; hoài nghi, suy nghĩ như thế này, như thế kia và có tâm lênh đênh.

*Tâm* có trạng thái như thế nào? Có trạng thái hướng đến cảnh, đưa tâm đến cảnh.

*Tứ* có trạng thái gìn giữ hoặc vững vàng trong cảnh.

*Hỷ* có trạng thái thỏa thích trong cảnh.

*Lạc* có trạng thái an tịnh. Kể từ khi khởi hiện mà không từng nhận được sự an lạc, vừa lòng và trở nên đồng nhất với *nhất hành*.

Khi *nhất hành* có sức mạnh thì không cần phải chú niệm *đất*; cũng có thể hiện bày cho rõ. Đây gọi là “Thủ trì tướng” (**uggahanimittam**) sanh lên từ *định* (**samadhi**). Rồi chú niệm “Thủ trì tướng” không cho diệt mất đi. Chú niệm cho đến khi hiện bày lên nơi *tâm* như mặt kính trong suốt thì trở thành *tương tự tướng* (**paṭibhāganimitta**). Khi được như vậy thì hình thành, *chuẩn bị* (**parikamma**), *cận hành* (**upacāra**), *thuận thứ* (**anuloma**), *chuyển tộc* (**gotrabhū**), *thiền* (**jhāna**).

Khi tu tiến đắc chứng như vậy thì cho dù mong muốn con cái đang ở nước ngoài trở về cũng có thể thực hiện được bằng cách lấy hình ảnh đến đặt trước mặt rồi chú nguyện: “*xin cho con tôi trở về*”, cho đến hình ảnh đó hiện rõ ràng lên. Rồi suy nghĩ rằng có phải con của tôi hay không? Bởi vì quá đẹp. Nếu làm như vậy không bao lâu con cái cũng sẽ trở về. Đây là do mãnh lực của *định* (**samadhi**).

**Vấn:** Pháp gì đối lập lại với *tâm*?

**Đáp:**

*Hôn trầm, thùy miên* đối lập với *tâm* như trong kinh **Neti**, Đức Phật thuyết rằng:

**Vitakko thīnamiddhassa Vicikicchāya vicāro**

**Pīti cāpi byāpadassa Sukhaṃ uddhaccakukkuccaṃ**

**Samādhi kamacchandassa Paṭipakkhoti peṭake**

**Upekkhā pana santattā Sukhamicceva bhāsītā.**

*Tâm* đối trị với *hôn thùy*.

*Tứ* đối trị với *hoài nghi*.

*Hỷ* đối trị với *sân hận*.

*Lạc* đối trị với *trạo hối*.

*Định* đối trị với *dục*.

Còn *Xả*, Ngài thuyết là *lạc*, bởi vì là pháp an tịnh.

Trong sát na đang tác niệm rằng: “đất! đất!” thì 5 chi thiền không có phải chăng? Có.

Không đang đồng sanh phải chăng? Đang đồng sanh. Nhưng trong sát na đó chi thiền chưa hiển lộ lên đủ để đè nén triền cái, bởi vì tâm đang tác niệm là *tâm đại thiện* nên vẫn còn là đồng lực *dục giới*. Nếu 5 chi thiền hiển lộ trong sát na nào thì sát na đó áp chế được pháp triền cái và thuộc đồng lực *kiên cố*.

Có bao nhiêu triền cái? Có 6 là:

- Dục dục cái (**kāmachandanivarāṇa**).

- Sân độc cái (**byāpādanivarāṇa**).
- Hôn thụ cái (**thīnamiddhanivarāṇa**).
- Trạo hối cái (**uddhaccakukkuccanivarāṇa**).
- Hoài nghi cái (**vicikicchānivarāṇa**).
- Vô minh cái (**avijjānivarāṇa**).

Triền cái này đối lập lại thiền như thế nào, hoặc có thể không cho thiền khởi hiện được như thế nào? Không đối lập, không ngăn chặn, bởi vì cho dù khi người đắc thiền đi nữa thì vô minh cái vẫn còn đối lập với minh quán (**vipassanā**) với *đạo quả*.

Việc đắc *đạo quả* hay tuệ quán khởi hiện thì vô minh bị hủy diệt, như việc đắc *sơ đạo* phải liễu tri Tứ thánh đế.

Có câu hỏi rằng: Bậc nhất lai (*nhập lưu*) chưa triệt tiêu được vô minh; bậc A la hán mới sát tuyệt được? Điều này chính xác, nhưng nếu triệt tiêu vô minh không được thì việc thấu đáo Thánh đế cũng không được, bởi vì còn vô minh. Nói theo trực tiếp thì không liễu tri được Tứ thánh đế được, vì vậy xem như bậc nhập lưu đoạn trừ vô minh cái được nhiều nhưng chưa hết thì tuệ quán cũng giống như vậy. Nếu vẫn còn thì việc ghi nhận *danh sắc phân tích tuệ* (**nāmarūpaparicchedañāṇa**) hoặc tuệ tiếp theo cũng không ghi nhận được, bởi vì *trí tuệ* đối lập lại với *vô minh*.

## Tiếp Theo Sẽ Giải Thích So Sánh 5 Chi Thiên Với 5 Triền Cái Và Người Ở Trong Thế Gian

Như chi thiên *tâm* giống như người có sự suy nghĩ về vấn đề.

Còn *hôn thuy* giống như người không suy nghĩ gì hết, chỉ nhất mực nằm ngủ.

*Tư* giống như người vững vàng trong công việc hoặc hành động thuần thực, bởi tin chắc rằng công việc này tốt, do ngang bằng với hiện thân trí tuệ. Vì có trạng thái vững chắc trong cảnh.

*Hoài nghi* có tâm nghiêng ngả, chông chênh, bình luận rằng tốt hoặc không tốt.

*Hỷ* có sự hài lòng thích thú trong công việc tốt đó. Nhưng *sân* không ưa thích làm việc làm tốt rồi không muốn suy nghĩ đến vấn đề tốt đó.

*Lạc* tức sự yên lành. Trong đời sống này không có gì sẽ yên lành như vậy.

Nhưng *trạo hói* đang tác niệm (**parikamma**) thì tác niệm không chú vào được giống như đổ *tro* vào trong nước thì bốc lên mù mịt theo gió.

*Hối* thì bút rút, không thể phát triển việc tu tiên được.

*Nhất hành* (**ekaggatā**) có tâm đồng nhất đối trị lại *dục dục*, muốn được ngũ dục...

Khi gom lại 5 chi thiền thì 4 chi thiền, tức *tâm, tứ, hỷ, lạc* là người làm công theo phận sự để đạt được thành quả cho chủ nhân, tức là *nhất hành*. Khi chủ nhân nhận được lãi suất tốt thì công nhân cũng được hậu đãi.

Sự việc triển cái khởi hiện được, bởi vì 5 chi thiền vẫn còn non yếu. Cho nên hành giả *chỉ tịnh* phải chuyên chú cho vững chắc trong cảnh *đề mục hoàn tịnh*, để làm cho chi thiền khởi hiện.

Triển cái nghĩa là ngăn chặn, cản trở không cho đắc thiền.

**1. Kena pana imesaṃ jhānaṃ aṅgabhedo katoti? Puggalajjhāsayena katoti.**

**Vấn:** Nguyên nhân nào làm cho nhóm chi thiền này khác biệt nhau?

**Đáp:**

Do sự chú nguyện của hành giả làm cho nhóm chi thiền này khác biệt nhau.

**2. Yo hi vitakkasahāyo hutvā pañcaṅgikaṃ paṭhamajjhānaṃ uppādetvā tattha vasībhāvaṃ katvā puna vitakke nibbindati, tassa vitakkaṃ samatikkamitvā avitakkaṃ caturaṅgikaṃ jhānaṃ adhigantum ajjhāsayo saṅghāti.**

Hành giả có *tâm* là bạn, tâm phúc cho *sơ thiền* có 5 chi thiền khởi hiện làm cho *sơ thiền* được thuần thực mà nhàm

chán trong *tâm*, thì việc chú nguyện để vượt qua *tâm*, chúng đắc thiên có 4 chi không có *tâm* của hành giả được hoàn thành.

**3. Tatha so tameva paṭhamajjhānaṃ pādakabhāvatthāya daḥama samāpajjitvā utthāya tena ajjhāsayena saheva puna bhāvanaṃ anuyuñjanto avitakkaṃ caturaṅgikaṃ jhānaṃ adhigacchati.**

Vào lúc hành giả nhập *sơ thiền* cho vững chắc để làm nền tảng cho (thiền 4 chi) xuất ra khỏi *sơ thiền*, kết hợp với việc tu tiến thường xuyên cùng với sự chú nguyện đắc thiên có 4 chi không có *tâm*.

**4. Tattha sā bhāvanā sahaṃ vitakkayuttāni tena ajjhāseyena paribhāvitattā vitakkavīragabhāvanā nāma hoti, tassā bhānāya balena taṃ jhānaṃ uppajjamaṇaṃ avitakkaṃ caturaṅgikaṃ uppajjati.**

Việc tu tiến trong thiền 4 chi, cho dù đồng thời với *tâm* cũng được gọi là tu tiến thiền *ly tâm* (*vitakkavīragabhāvanā*) Bởi vì việc chú nguyện cho khởi hiện bằng mãnh lực của việc tu tiến, thiền đó có trước khi khởi hiện thì là thiền có 4 chi không có *tâm*.

**5. Sesajjhānādhigamesu yo eseva nayo, ti evaṃ puggalajjhāseyena tesama jhānaṃ aṅgabhedo katoti veditabbo.**

Ngay cả việc chứng đắc thiên ngoài ra cũng có ý nghĩa giống như vậy. Tức là sự chú nguyện của hành giả làm cho nhóm chi thiên đó khác biệt nhau.

**Ghi chú:** Thiền có 2 loại là *thiền cơ bản* (*padatthāna*) và *thiền theo khuynh hướng của người* (*puggalijjhāsayajhāna*) Mặc dù phải sử dụng *tâm* như có sự nhầm lẫn đối với *tâm*, gọi là tu tiến ly *tâm*.

6. Ettha ca uttaruttarajjhānādhiḡamane  
pāḡakabhāvatthāya purimāpurimajjhānassa  
samāpajjanam avassam icchitabbam.

Trong vấn đề thiền này, việc đắc chứng thiền cao trở lên hành giả chú nguyện nhập thiền ban đầu trước để làm cho nền tảng vững chắc.

7. Hetthimam hetthimam paḡaḡajjhānam  
uparimassa uparimassa padatthānam hotīti  
atthakathāyam vuttam.

Ngài giáo thọ sư sơ giải trình bày trong sơ giải *thiền bậc thấp* mà hành giả làm cho thuần thực để trở thành nhân cận (*padatthāna*) của *thiền bậc cao*.

8. Ajjhāsaya balena pana uttarajjhānam  
uppajjamānam pāḡakajjhānasadisam na hoti,  
pāḡakajjhānato hi puggalajjhāsayaova balavataro,  
tenāham bhagavā ijjhati bhikkhave sīlavato  
cetopaḡidhi visuddhattāti.

Do mãnh lực của việc nguyện *thiền bậc cao* khi khởi hiện thường không giống như *thiền cơ*, bởi vì ước nguyện của hành giả có mãnh lực nhiều hơn *thiền cơ*.

Do đó Đức Thế Tôn mới thuyết: “Này các tỳ kheo, sự ước nguyện của người có giới luôn được thành tựu vì là người có *giới thanh tịnh*”.

## **Trình Bày, Phân Tích Tâm Thiền Sắc Giới Theo Phân Loại Trợ (saṅkhāra)**

### **1. Kasmā idha saṅkharabhedo na vuttoti?**

Vì sao trong *tâm thiền sắc giới*, Ngài giáo thọ sư không đề cập phân loại về *trợ* (saṅkhāra)? Bởi vì Đức Thế Tôn không thuyết trong **Pāli**.

**Kasmā ca so pāḷiyam avuttoti?**  
**Paṭipadābhedavacaneneva siddhattāti.**

Vì sao Đức Phật không thuyết về *trợ* trong **pāli**? Bởi vì sự thành tựu do thuyết đến nhân loại của pháp hành.

**2. Tathā hi sabbesaṃ pi lokiya lokuttarajjhānaṃ sukhappaṭipadābhāve siddhe asaṅkhārikabhāvo siddhoyeva hoti dukkhappaṭipadā hoti dukkhappaṭipadābhāve siddhe tesam asaṅkhārikabhāvo suddhoyeva hotīti.**

Khi việc thực hành *dị* (sukhappaṭipadā) thành tựu thì tất cả *thiền hiệp thế* và *siêu thế* thuộc vô trợ cũng hoàn thành giống như vậy. Khi thực hành *nan* (dukkhappaṭipadā) thành tựu thì nhóm *thiền hiệp thế* và *siêu thế* thuộc hữu trợ cũng hoàn thành giống nhau.

### 3. Kathaṃ viññāyatīti ce?

**Aṭṭhakathādasanato, vuttañhetam aṭṭhasāliniyam yo ādito kilese vikkhambhento dukkhena sasaṅkhārena sampayogena kilamanto vikkhambheti tassa dukkhā paṭipadā hoti.**

Làm sao biết được? Biết được do hiểu theo *sớ giải*, tương ứng với lời giải của bậc đạo sư thuyết trong *sớ giải bộ Pháp tụ (Aṭṭhasālinī)* rằng:

“Hành giả nào khi áp chế các phiền não từ ban đầu mà việc áp chế đó gian nan, khó nhọc đồng thời phải do nỗ lực tinh cần, thúc đẩy thì việc thực hành của hành giả là là *hành nan (dukkhapaṭipadā)*.

**4. Yo kilese vikkhambhento sukkena akilamanto vikkhambheti, tassa sukhāpaṭipadā hotīti tathā sammohavinodanī visuddhimaggesu pīti.**

Hành giả nào khi áp chế phiền não mà áp lực do thuận lợi dễ dàng thì việc thực hành của hành giả đó được xếp vào là *hành dị (sukhāpaṭipadā)*. Ngay cả trong bộ *chú giải Phân tích (sammohavinodanī)* và *Thanh tịnh đạo (visuddhimagga)* cũng trình bày giống như vậy.

**Ghi chú:** Hành nan của *minh quán* là hành giả đang thực hành thì khởi hiện vấn đề... như khổ thọ quá nhiều...

Hành nan của *chỉ tịnh* thì phóng tâm tán theo ngũ dục, không vững trú trong việc tác niệm tu tiên “đắt! đắt!” phải hỗ trợ tinh tấn nhiều, tức là áp chế phiền não khó khăn.

Sự việc này, giáo thọ sư **Anuruddha** không trình bày *tâm sắc giới* về vô trợ và hữu trợ. Bởi vì Đức Thế Tôn không nêu lên thuyết trong **pali**. Sự việc Đức Phật không thuyết bởi vì:

Đức Phật đã thuyết 4 sự thực hành (**paṭipadā**), tức là hành giả thực hành khó khăn là *hành nan* thì phải làm cho *tâm hữu trợ (saṅkhārika)*.

Sự việc là *tâm hữu trợ* bởi vì phải tinh tấn nỗ lực nhiều. Nếu thực hành thuận lợi là *hành dị* thì phải là *tâm vô trợ (asaṅkhārika)*. Ví dụ dẫn chứng trưởng lão **Saṅghacitta** bị bệnh nặng là điển hình.

5. **Tattha saṅkhārena sampayogenati saṅkhārapayogasa-hitena kāmādīnavadassanādīnā paccayaṅaṇenāti attho etena sabbesaṃ dukkhappaṭipadajjhānaṃ saṅkhārikabhāvo vutto hoti, asaṅkhārena appayogenāti saṅkhārapayogarahitena teneva paccayaṅena etena sabbesaṃ sukhappaṭipadajjhānaṃ asaṅkhārikabbhāvo vutto hoti.**

Tất cả từ: **Saṅkhārena sampayogena** có sự áp chế phiền não bằng *nhóm duyên*. Có sự thấy nguy hại của ngũ dục... khởi hiện do việc thúc đẩy và tinh cần bằng cả 2 từ này, xem như Đức Thế Tôn thuyết là *hữu trợ* của tất cả thiên *hành nan*.

Từ: **Asaṅkhārena appayogena** nghĩa là áp chế phiền não bằng *nhóm*, thấy có sự nguy hại của ngũ dục... mà không có sự thúc đẩy về tinh cần bằng. Từ đó Đức Thế Tôn thuyết là *vô trợ* của tất cả thiên *hành dị*.

6. **Khippābhiññajjhānānaṃ pi dukkhappaṭipadabhāve satisasaṅkhārikatāvaviññāyati, dandhābhiññajjhānānaṃ pi sukhappaṭipadabhāve sati asaṅkhārikatāva viññāyati.**

Cho dù khi đắc *thiền chứng nhanh chóng* (**khippābhiññajjhāna**) mà *hành nan* cũng là *hữu trợ*. Ngay cả đắc *thiền chứng chậm chạp* mà *hành dị* cũng là *vô trợ*.

7. **Yadi eva paṭipadārahitānaṃ maggasiddha uppatti siddhajjhānānaṃ kathaṃ saṅkhārabhedo siddhoti? Tesāṃ pi valañjanakāle samāpattippabandhakānaṃ paccayānaṃ sannihitāsannihitavasena dukkhasukhappaṭipadabhāvasambhavo hotiyeva.**

Như vậy sự khác biệt về *trợ* của thiền thành tựu bằng *đạo* và thiền thành tựu do *sự hiện khởi*, ngoài ra sự việc thành tựu thì như thế nào?

Cả 2 thiền thuộc *hành nan* và *hành dị* mà có được do năng lực của việc tích lũy và không tích lũy *duyên* là do việc trở ngại đối với thiền chứng trong lúc nhập.

8. **Tattha maggasiddhajjhānaṃ nāma suddhavipassanāyānikānaṃ maggapaṭilābhena saheva**

**siddhajjhānaṃ taṃ duvidhaṃ heṭṭhimamaggasiddhaṃ arahattamaggasiddhanti.**

Trong 2 loại thiền đó thì *thiền thành tựu* cùng với *đạo* của *hành giả thuần quán (suddhavipassanāyānikapuggala)* gọi là *đạo tương ứng thiền (maggasiddhajjhāna)*.

*Đạo tương ứng thiền* có 2 loại là thiền thành tựu do 3 đạo thấp và thiền thành tựu do A la hán.

**9. Tatthamahāsamayasutte āgatānampañcasatānaṃ bhikkhūnaṃ jhānaṃ heṭṭhimaggasiddhaṃ ānandatherassa jhānaṃ arahattamaggasiddhaṃ, yaṃ pi anāgāmīnaṃ ajānantānaññeva satthena hanitvā sahasā marantānaṃ uppannaṃ taṃ pi maggasiddhagatikaṃ.**

Trong 2 loại *đạo tương ứng thiền* thì có 500 vị tỳ kheo trong *kinh Đại hội (mahāsamaya sutta)* thì gọi là thiền thành do 3 đạo thấp, thiền của trưởng lão **Ananda** gọi là thiền thành tựu do A la hán đạo. Cho dù thiền nào khởi hiện với bậc Bất lai mà không biết do bất ngờ bị giết thì thiền ấy cũng được xếp vào *thiền thành tựu do đạo*.

**10. Yo pana aṭṭha samāpattiyo bhāvetvā aññatarasmim rūpabrahmaloke nibbatti tassa tā samāpattiyo tattha pākatikāeva honti idaṃ uppatti siddhanti.**

Đối với hành giả tu tiến 8 thiền chứng rồi sanh vào 1 cõi phạm thiên nào tương ứng với 8 thiền chứng của hành

giả ấy là pháp hiện hữu theo thông thường trong cõi phạm thiên thì thiên ấy gọi là *thiên thành tựu do chứng đắc (uppattisiddhajjhāna)*.

**Chú thích:** Người chứng đắc Bất lai khi chết bất ngờ và cho dù không biết thì thiên ấy khởi hiện cũng với *đạo* giống như vậy.

**11. Ekasmiṃ bhavepi hi suddhajjhānāni  
vaḷaṅjanakāle sannihitapaccayavasena nānā  
paṭipadāyattāni honti.**

Mặc dù thiên mà hành giả chứng đắc trong 1 kiếp sống cũng là thiên liên quan đến các việc *thực hành (paṭipadā)* khác nhau do mãnh lực của *duyên tích lũy* trong lúc nhập thiên.

**Chú thích:** *Duyên tích lũy* trong lúc nhập thiên ám chỉ đến lúc nhập thiên khó khăn hoặc dễ dàng, lúc thực hành khó khăn hoặc dễ dàng.

**12. Jhānuppattippaṭipadāhitattā vā  
asaṅkhārikajjhānesu tesam saṅgaho yutto siyā.**

Hoặc 1 lý khác nữa, việc xếp *thiên thành tựu do đạo (maggasiddhajjhāna)* và *thiên thành tựu do chứng đắc (uppattisiddhajjhāna)* vào là *thiên vô trợ (asaṅkhārikajjhāna)*. Bởi vì loại trừ việc thực hành ra để làm cho thiên sanh lên.

**Chú thích:** Điều này có nghĩa là lúc *tục sinh* thì thiên ở cõi *phạm thiên (brahmajhāna)* tự hiện bày lên, lúc *đắc đạo tương ưng thiên (maggajhāna)* cũng tự hiện khởi thì lúc ấy không có sự tinh cần như chú niệm: “đất! đất!”.

13. Ettāvataṃ sabbesaṃ  
mahaggatalokuttarajjhānacittānaṃ  
asaṅkhārikasasaṅkhārikavasena visuṃ visuṃ  
duvidhabhāvo siddho hoti.

*Tâm thiện đáo đại siêu thế*  
(mahaggatalokuttarajjhānacitta) có 2 loại theo mỗi mãnh lực khác nhau thành tựu do năng lực của vô trợ, hữu trợ theo tuần tự pháp đã đề cập.

14. Yasmā pana ayam saṅkhāravohāro  
akusalānampi sādharmaṇo, paṭipadāvohāro  
pana visesena paṭipattidhammesveva  
pākaṭo, mahaggalokuttaradhammā ca  
ekantapaṭipattidhammāeva, tasmā tesam bhedaṃ  
saṅkhāravasena avatvā paṭipadāvaseneva  
dhammasaṅgaṇipāliyaṃpi vuttoti daṭṭhabbo.

Bởi vì sự việc gọi là *trợ sanh* (saṅkhāra) luôn có phổ biến cho dù tất cả tâm bất thiện, còn việc gọi là *thực hành* (paṭipada) chỉ hiện bày riêng biệt trong *pháp hành đặc biệt*, *pháp siêu thế*, *đáo đại* là *pháp thuần nhất* vì vậy Đức Thế Tôn mới không thuyết về sự khác nhau của nhóm *pháp siêu thế*, *đáo đại* này theo mãnh lực của *trợ*. Như Ngài thuyết về sự khác nhau của *pháp siêu thế*, *đáo đại* theo mãnh lực của việc thực hành.

15. Ettha jhānaṃ anuyuñjantassa nimittuppādato  
pubbaṃ paṭipadāya khettaṃ pucchā abhiññāya  
khettaṃ.

Trong nơi đây, thời gian đầu chỉ khởi hiện *án tướng* (**nimitta**) đối với hành giả tu tập thiền thường xuyên do *nhân* của sự thực hành, thời gian sau là *nhân* của thần thông.

**16. Tattha pubbe visuddhapaccayānaṃ sannihitena kilamantassa sato paṭipajjantassa bhāvanāpaṭipadā dukkhā nāma hoti akilamantassa sukhā.**

Trong 2 *nhân* này khi hành giả thực hành khó khăn bởi vì *tích lũy duyên* trái nghịch từ trước thì *tu tiến thực hành* (**bhāvanāpaṭipadā**) gọi là *khó*. Khi tu tiến thực hành không khó khăn thì gọi là *lạc*.

**17. Pacchā ca dandhaṃ appanaṃ pattassa bhāvanābhiññā dandhābhiññānāma hoti khippaṃ pattassa khippābhiññā nāma.**

Còn việc *tu tiến thông* (**bhāvanābhiññā**) của hành giả đạt đến kiên cố định chậm chạp trong giai đoạn về sau thì gọi là *độn thông* (**dandhābhiññā**), việc *tu tiến thông* của hành giả đạt đến kiên cố định mau lẹ thì gọi là *lợi thông* (**khippābhiññā**).

**18. Tattha pubbe dukkhapaṭipadā pacchā dandhaṃ vā khippaṃ vā uppannaṃ jhānaṃ dukkhappaṭipadaṃ nāma karoti, sukhā pana sukappaṭipadaṃ nāma karoti, dutiyajjhānādīsu pana purimajjhāne nikanti vikkhambhanassa dukkhasukhatāvasena paṭipadābhedo veditabbo.**

Trong 2 loại thân thông thì *hành nan* (**dukkhapaṭipadā**) trong thời gian đầu thường làm cho thiền khởi hiện vừa chậm chạp, vừa mau lẹ. Trong giai đoạn về sau thì gọi là *hành nan*. Còn *hành dị* (**sukhapaṭipadā**) thường làm cho thiền hiện khởi vừa thuận lợi, vừa nhanh chóng; trong giai đoạn về sau gọi là *hành dị*. Nhưng đối với nhị thiền... nếu hiểu theo phân loại của việc thực hành theo mãnh lực của *khổ* và *lạc* của hành giả *áp chế ái chấp* (**nikanti**) trong sơ thiền.

**19. Yo pana etarahi gahaṭṭho vā pabbajito vā pabbabhavē akatādhikāro pi antarāyikadhammamutto kalyāṇapaṭipattiyam ṭhito chinnapalibodhipahitatto jhānaṃ bhāveti, tassa jhānabhāvanā na sampajjatīti natthīti niṭṭhametthajhānadaṭṭhabbanti kusalajjhānaṃ niṭṭhitaṃ.**

Người nào dù là cư sĩ hay tu sĩ đi nữa trong nguyện vọng thoát khỏi nguy hoại trong kiếp sống trước mà tu tập bảo tồn tốt trong sự thực hành cắt đứt điều ràng buộc thường tu tiến thiền, thì việc tu tiến thiền của người ấy không thành tựu thì không có.

## **Giáo Thọ Sư Vibhāvanīṭikā Trình Bày Về Tâm Sắc Giới Như Sau:**

1. *15 tâm sắc giới* là *hoại trợ* (**saṅkhāravimutti**), tức không gọi là tâm vô trợ và tâm hữu trợ. Nguyên nhân không

gọi là tâm vô trợ bởi vì nhóm tâm sắc giới này nếu loại trừ việc *tu tiến chỉ tịnh* trong kiếp sống này (**pubbābhisankhāra**) ra bằng mãnh lực thuần nhất của việc *từng tu tiến chỉ tịnh* hoặc *từng đắc thiên* trong kiếp quá khứ, tức kiếp sống thứ 2 (**adhikāra**) thì không khởi hiện trong cơ tánh của hành giả được.

Nguyên nhân không gọi là *tâm hữu trợ*, bởi vì nhóm tâm sắc giới này nếu loại trừ việc *từng tu tiến chỉ tịnh* hoặc *từng đắc thiên* trong kiếp sống quá khứ, tức kiếp sống thứ 2 ra bằng mãnh lực thuần nhất của việc *tu tiến chỉ tịnh* trong kiếp sống này thì không khởi hiện trong cơ tánh của hành giả được như nhau.

2. 15 tâm sắc giới này là tâm hữu trợ hiện bày rõ rồi không nên trình bày là vô trợ và hữu trợ, bởi vì người đắc thiên mà loại trừ ra việc *tu tiến chỉ tịnh nghiệp xứ* thì không được.

### Chú thích:

1. **Adhikāra**, nghĩa là *từng tu tiến chỉ tịnh* hoặc *từng đắc thiên* trong kiếp quá khứ, tức kiếp thứ 2.

2. **Pubbābhisankhāra**, nghĩa là *tu tiến chỉ tịnh* trong kiếp này.

Mãnh lực thực hành (**paṭipadābhūmi**) có bao nhiêu loại? Có 2 loại, tức: Lãnh vực giới, lãnh vực tu tiến.

Lãnh vực tu tiến có 3 loại: *Lãnh vực chuẩn bị tu tiến*

(**parikammabhāvanābhūmi**), lãnh vực cận hành tu tiên (**upacārabhāvanābhūmi**), lãnh vực kiên cố tu tiên (**appanābhāvanābhūmi**).

Hành giả hoàn thành lãnh vực giới rồi áp chế phiền não vi phạm (**vitikkamakilesa**) trong 3 lãnh vực tu tiên kể từ chuẩn bị đến cận hành, gọi là *chuẩn bị tu tiên*, *chuẩn bị định* (**parikammasamādhī**). Thì kể từ chuẩn bị tu tiên tức *tương tự tương* (**paṭibhāganimitta**) khởi hiện cho đến *chuyển tộc* (**gotrabhū**), gọi là *cận hành tu tiên* hoặc *cận hành định* (**upacārasamādhī**). Kể từ chuyển tộc đến thì gọi là *kiên cố tu tiên* hoặc *kiên cố định* (**appanāsamādhī**), tương tự tương hiển lộ lên thì đình chỉ 2 loại triền cái, tức *sân độc triền cái*, *hối triền cái* (**kukkuccanivarāṇa**), chỉ còn lại *dục dục*, *hôn thuy*, *trạo cử*.

*Dục dục* chỉ còn lại loại vi tế như hài lòng thân thể và trí tuệ sự nỗ lực mà mình đang có tương ứng giống như sẽ ca ngợi hoặc đề cao mình nhưng không phải là *dục dục* (**kāmachanda**) trong sự thấy, sự nghe liên quan đến ngũ dục.

Vì sao triền cái được đình chỉ? Bởi vì 5 chi thiên hiện bày lên đoạn trừ được triền cái ngay tức thì. 5 chi thiên giống như con mèo, còn triền cái giống như con chuột.

**Vấn:** Sự việc biết được việc thực hành *khổ* hoặc *lạc* thì sẽ biết được trong giai đoạn nào?

**Đáp:**

Biết được trong giai đoạn chuẩn bị tu tiến vào sát na chuẩn bị chú niệm *đất* được thuận lợi dễ dàng, triền cái không có thì là *hành dị (sukhapaṭipadā)*. Nếu giai đoạn khó khăn nhiều mà tâm phóng tán tìm kiếm ngũ dục, không vững trú trong việc chú niệm “đất! đất!” thì là *hành nan (dukkhapaṭipadā)*; được hoàn thành nhanh chóng hoặc chậm chạp, không dựa vào hạn định, chỉ lấy việc thực hành là trọng yếu trong việc xếp vào là vô trợ hoặc hữu trợ. Sự việc mà Đức Phật không thuyết *đáo đại siêu thế* thuộc loại của *trợ (saṅkhāra)*. Bởi vì nói về *trợ* là pháp thông thường phổ biến cho dù tâm bất thiện, nhưng việc thực hành này trọng yếu hơn nhiều đối với *trợ*. Nên Ngài thuyết *đáo đại siêu thế* theo phương cách thực hành. Bởi vì *đáo đại siêu thế* nếu không có thực hành thì không khởi hiện lên được mà phải nương vào thực hành làm trọng yếu.

Hành giả trước khi tu tiến nhị thiền phải đoạn trừ *ái chấp (nikantitaṇhā)* hài lòng đối với sơ thiền và nhìn thấy tai hại của *tâm (vitakka)* mới chứng đắc nhị thiền được.

Sự khác biệt của việc thực hành đối với sơ thiền và nhị thiền thì sơ thiền phải chú niệm hình sắc của *đề mục hoàn tịnh (kasīṇa)* đã tạo nhưng khi chứng đắc nhị thiền thì không phải còn chú niệm hình sắc của đề mục hoàn tịnh mà chú niệm vào *Thủ trì tướng (uggahanimitta)*, tức là hình sắc của đề mục *hoàn tịnh* mà thấy theo đường *y môn*.

Hình sắc của *đề mục hoàn tịnh* hiện bày trong ý tưởng còn hình dung rõ nét hơn tâm thuộc chế định, nhưng hình sắc

của *đề mục hoàn tịnh* là *đất* nên chú niệm đó thuộc chân đế.

*Thủ trì tướng* hiện bày dính theo tâm với hình sắc của *đề mục hoàn tịnh* và chú niệm đó là 1, như *tương tự tướng* (**paṭibhāganimitta**) thì không phải. Cả 5 chi thiền này không vững trú được bởi vì từng gặp gỡ với tâm bất thiện. Nhưng đôi khi có thể suy diễn đến sự thích thú theo đường lối thế gian. Bởi vì *tương tự tướng* này khởi hiện chỉ là sự đình chỉ an tịnh trước, khi nào 5 chi thiền hiện bày trở thành *kiên cố* (**appanā**), tức là chúng đặc thiền thì tâm mới vững trú được, nhưng cho dù như thế vẫn chưa vững tâm được.

### **Vipākajjhānassa attho evaṃ veditabbo**

Nên hiểu ý nghĩa về vấn đề *dị thực quả* của tâm *dục giới*.

**1. Kāmakusalaṃ appanaṃ apattaṃ mudubhūtaṃ dubbabaṃ hoti, parittesu nānā kiccaṭhānesu ca hīnesupi attabhāvesu ca vipaccati, tasmā taṃ attanā asadisampi vipākaṃ janeti.**

*Thiện dục giới* không đạt được *kiên cố* thường là pháp tánh non yếu có sức mạnh nhỏ nhoi, nên cho quả theo điều kiện phạm sự khác nhau, tầng dục giới và trong tự thể tầm thường. Vì vậy thiện dục giới mới cho quả không giống nhau.

**2. Mahaggatakusalaṃ pana appanāpattaṃ tikkhaṃ balavaṃ hoti, uḷāre brahmattabhāve bhavaṅgaṭhānesuyeva vipaccati, tasmā taṃ sadāpi attanā sadisameva vipakaṃ janeti teneva vitakka vicāra**

**pīti sukkhekaggatāsahitanti ādinā vipākaṃ pi sabbaso kusalasadisameva dasseti.**

Còn *thiện đáo đại* là thiện đạt đến kiên cố thường có nhiều sức mạnh nên cho quả thuần nhất theo điều kiện hữu phần. Trong tự thể của phạm thiện là tự thể bậc thượng. Vì vậy, *dị thực quả* của thiện đáo đại mới cho quả giống như mình. Do đó, Đức Thế Tôn mới thuyết *dị thực quả* giống như nhau với thiện theo tất cả trường hợp bằng từ như *tâm, tứ, hỷ, lạc, định...*

**3. Yasmā ca kusalameva nirānusayasantāne pavattaṃ kiriyajjhānaṃ nāma hoti tasmā kiriyacittaṃ pi kusalasadisameva dasseti.**

Do chính *thiện đáo đại* đó sau khi sanh lên trong cơ tánh của người không có *phiền não tiềm miên* thì gọi là *thiền duy tác*. Vì vậy, Đức Thế Tôn mới thuyết rằng: Tâm duy tác giống như tâm thiện đó.

## Giải Thích Về Tâm Vô Sắc Giới

1. Tâm thiện *không vô biên xứ* **ākāsānañcāyatanakusalacittaṃ** được phân từ ra thành:

**Ākāsa + ānañca + āyatana + kusalacitta**

Như định nghĩa như sau:

**Ananto ākāso = Ākāsananto.**

Hư không có sự tận cùng do mãnh lực của sự sinh diệt, gọi là *không vô biên xứ* (**ākāsānanta**), tức *hư không* thoát thai từ *đề mục hoàn tịnh* (**kasiṇugghātimākāsa**).

## Hư Không Có 4 Loại

1. **Ajatākāsa**: Hư không trống không.

2. **Paricchinanākāsa**: Khoảng trống như cửa sổ...

3. **Kasiṇugghātimākāsa**: Hư không chế định nhận lấy từ 1 loại nào của 9 *đề mục hoàn tịnh* (**kasiṇa**), tức *thủ trì tướng* (**ugghanimitta**) và *tương tự tướng* (**paṭibhāganimitta**) của 9 *đề mục hoàn tịnh* còn lại. 9 *đề mục hoàn tịnh* đó, trừ *đề mục hoàn tịnh* hư không. Vì *đề mục hoàn tịnh* hư không (**ākāsakasiṇa**) không được, bởi vì theo thông thường là pháp trống không.

4. **Rūpaparicchēdākāsa**: Sắc giao giới.

**Ākāsanantameva = Ākāśānañcaṃ**

Hư không chế định không có sự tận cùng do mãnh lực của sự sanh diệt, gọi là *hư không vô biên xứ* (**ākāsānañca**). **ākāsānanta** đổi thành **ākāsānañca**, do chuyển thể của ngữ pháp như: **Ākāsananta** lồng ngữ căn **Ṇaya** vào, bỏ **Ṇa** ra, lấy **Ta** với **Ya** thành **Ta Ya**, rồi đổi **Taya** thành **Ca**.

**Na** thành phụ âm **Naṃ**, rồi đổi phụ âm thành **Ña** thì hoàn thành từ **Ākāśānañca**.

**Ākāśānañca taṃ āyatanañcati = Ākāśānañcāyatanam**

Hư không không có tận cùng, bởi mãnh lực của sự sanh diệt, vừa là nơi nương vào, vừa gọi là *hư không vô biên xứ*, tức hư không thoát thai từ *đề mục hoàn tịnh* (*kasiṇugghāṭimākāsa*).

**Ākasānañca āyatanaṃ yassāti = Ākāsānañcāyatanaṃ**

Nơi nương hư không chế định không có tận cùng bởi mãnh lực của sự diệt đang có với tâm thiền nào. Thiền đó gọi là *hư không vô biên*, tức *thiền không vô biên xứ* (*ākāsānañcāyatanajhāna*).

**Ākāsānañcāyatane pavattaṃ kusalacittaṃ = Ākāsānañcāyatanakusalacittaṃ**

Tâm thiền hiện khởi nơi thiền có hư không chế định, không có sự tận cùng do mãnh lực của sự sanh diệt là nơi nương gọi là *tâm thiền không vô biên xứ* (*ākāsānañcāyatanakusalacitta*).

## **Giải Thích Từ Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ Viññāṇañcāyatanakusalacittaṃ**

Phân từ ra thành 4 từ:

**Viññāṇa + anañca + āyatana + kusalacitta.**

Trong nơi đây, từ: *Thức (viññāṇa)*, tức *tâm thiền không vô biên xứ (ākāsānañcāyatanakusalacitta)*. *Tâm này gọi là thức sơ thiền vô sắc (paṭhamāruppaviññāṇa)*.

Cảnh của *thức sơ thiên vô sắc* là *hư không chế định*, gọi là *vô cùng tận (anantā)*. Vì vậy, *thức sơ thiên vô sắc*, gọi là *vô cùng tận* cũng được. Đây gọi là *theo lý tương tự (upacāranaya)*.

Hoặc 1 lý khác nữa, thiên giả không vô biên xứ muốn chứng đắc thức vô biên xứ, phải tác niệm rằng: *Thức vô cùng tận anantaṃ viññānaṃ* hoặc *viññānaṃ anantaṃ*.

### Trình Bày Định Nghĩa:

**Anantaṃ viññānaṃ = Viññāṇantaṃ.**

**Viññāṇantaṃ = Viññāṇantaṃ.**

*Thức sơ thiên vô sắc* gọi là *vô cùng tận* nên gọi là *vô biên (viññāṇanta)*.

**Viññāṇantaṃ āyatanam assāti = Viññāṇantaṃ āyatanam**

Nền tảng của *thức sơ thiên vô sắc*, gọi là *tận cùng*, bởi vì có *hư không* không có *tận cùng* làm cảnh đang có với tâm thiên nào. Tâm thiên đó gọi là *tâm thiên thức vô biên (viññāṇantaṃ āyatanakusalacitta)*.

Tâm thiên khởi hiện nơi thiên, tức thức sơ thiên vô sắc, gọi là *tận cùng (ananta)*. Bởi vì có *hư không* không có *tận cùng* làm cảnh nên gọi là *tâm thiên thức vô biên xứ (viññāṇantaṃ āyatanakusalacitta)*.

Thức là tên của tâm không vô biên xứ. Tâm không vô biên xứ này có 4 tên gọi:

1. *Thức sơ thiên vô sắc* (**paṭhamāruppaviññāṇa**).

2. *Thức* (**viññāṇam**).

3. *Thức vô biên* (**viññāṇaṇca**).

4. *Không cùng tận* (**ananta**). Bởi vì là tên thuần nhất của hư không.

Gọi là “Thức sơ thiên vô sắc”, bởi vì tâm vô sắc giới này có 4 bậc sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên. Như vậy *hư không* này thuộc sơ thiên nên gọi là *thức sơ thiên vô sắc*.

Gọi là “Không cùng tận” là gọi theo cảnh, bởi vì cảnh của hư không là *hư không chế định* (**ākāsapaññatti**), **ananta** là không tận cùng, bởi vì trước khi chúng đắc được hư không đó phải tác niệm rằng: “**ākāso ananto**”, tức hư không vô biên vô cùng tận.

Khi hành giả chúng đắc được nhị thiên vô sắc giới thì phải chú niệm vào thức là hiện thân tâm không vô biên xứ rằng “**viññāṇam anantaṃ**”, tức thức vô biên vô cùng tận.

Khi thiên thứ 2 khởi hiện thì gọi là *tâm thức vô biên xứ*. Sự việc được gọi là *tâm thức vô biên xứ*, bởi vì thiên này có tâm thiện không vô biên xứ làm cảnh, nên lấy cảnh chú niệm đó gọi tên. Bởi vì hư không có tên là thức (**viññāṇam**).

Thức vô biên (**viññāṇaṇca**) mà hành giả tác niệm rằng: *Thức vô biên không cùng tận* (**viññāṇam anantaṃ**), *thức vô biên không cùng tận* này là thức có tận cùng nhưng hư không làm cảnh của thức đó thì không có sự tận cùng.

Do đó khi hành giả chứng đắc được hư không rồi thì có sự chú ý khởi lên “Thức vô biên xứ” (**viññāṇañcāyatana**) sẽ phải tác niệm *thức vô biên không cùng tận*, tức hành giả phải chú niệm *Thức*, tức hư không rằng không cùng tận cũng là tên của hư không nữa, giống như vậy, nhưng hư không phải gọi là “Không cùng tận” (**ananta**) Bởi vì gọi theo cảnh mà chú niệm hư không từ trước.

*Có thiền thức vô biên xứ, thiền vô sở hữu xứ, thiền phi tướng phi phi tướng xứ* không được Ngài giáo thọ sư trình bày.

### Cảnh tương quan có 3:

1. Thiền thành tựu do thực hành (**paṭipadāsiddhajjhāna**).
2. Thiền do khởi hiện (**uppattisiddhajjhāna**).
3. Đạo tương ưng thiền (**maggasiddhajjhāna**).

Từ “**paṭipadā**” (thực hành) nghĩa là gì? Tức sát na đang tác niệm rằng: “đất! đất!”, gọi là thực hành hoặc nói rằng: Sát na đang tinh cần tác niệm đó là thực hành.

Đạo tương ưng thiền có bao nhiêu loại? Có 2 loại:

**1. Heṭṭhimaggasiddhajjhāna:** Tức thiền tương ưng với 3 đạo thấp.

**2. Arahattamaggasiddhajjhāna:** Tức thiền tương ưng với A la hán đạo, tức thiền của Ngài Ananda và thiền tương ứng với 3 đạo thấp là thiền của 500 vị tỳ kheo trong sát na nghe kinh Đại hội (**mahāsamaya sutta**) chứng đắc Nhập

lưu, Nhất lai, Bất lai cũng có và thiền này gọi là tự khởi hiện, bởi không cần phải thực hành như được trúng vé số.

**Vấn:** Nếu như vậy thì thiền này không được xếp vào là vô trợ, hữu trợ hay chẳng?

**Đáp:** Được xếp vào. Nếu sát na nào trong tâm chú nguyện sẽ nhập thiền và sẽ nhập có ấn định (thời gian) lâu nhưng khi lúc nhập mà khó khăn có triền cái chực chờ cản trở và trụ trong thiền cũng không được trọn vẹn theo chủ ý ấn định thì đạo tương ưng thiền này là hữu trợ (**sasṅkhārika**), nếu như lúc nhập được dễ dàng và trụ được trọn vẹn, như chủ ý là vô trợ (**asṅkhārika**).

Thiền có bao nhiêu loại? Có 2 loại, tức: *Đạo tương ưng thiền (maggasiddhajjhāna)* và *thiền thành tựu do khởi hiện (uppattisiddhajjhāna)*.

*Thiền thành tựu do khởi hiện* là thiền đồng sanh với tâm tục sanh trong cõi phạm thiên sắc giới, bởi vì trong lúc tục sinh không có sự thực hành nào cả, nên thiền này chỉ khởi hiện, và là thiền từng chứng đắc trong cõi nhân loại.

Từ **pakati** tức thiền đã chứng đắc đang có nhưng nếu làm cho tâm thiện sắc giới khởi hiện hoặc tâm tố sắc giới sanh lên thì phải nhập thiền, nếu không nhập thiền thì sẽ không khởi hiện được, không giống như tâm đại thiện hành động được chân chánh, nói lời chân chánh, suy nghĩ chân chánh thì tâm đại thiện, tâm đại tố khởi hiện được mãi.



## CHƯƠNG 6 (Pariccheda 6)

### ĐỊA ĐẠỊ (pathavīdhātu)

1. **Kakkhala lakkhana:** Trạng thái cứng.

2. **Paṭiṭṭhāna rasā:** Phân sự là nơi nương của sắc đồng sanh.

3. **Sampaṭicchana paccupaṭṭhānā:** Thành tựu có sự nâng đỡ các sắc khác là tánh chất hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

4. **Sesabhūtattaya padaṭṭhānā :** Nhân cận có 3 sắc đại còn lại, tức là nước, lửa, gió.

**Attano sabhāvaṃ dharetīti :** Pháp tánh nào gìn giữ thực tánh của mình, pháp tánh đó gọi là đại (**dhātu**).

**Sahajātarūpāni pakanti paṭiṭṭhahanti etthāti:** Đất (**pathavī**) đồng sanh tất cả sắc tồn tại trong pháp tánh nào, pháp tánh đó gọi là đất, tức là nơi nương của sắc đồng sanh.

**Pathavīekadhātu:** Địa đại, đại cũng tức đất.

**Đất (Pathavī) có 4 loại:**

1. Trạng thái đất (**lakkhaṇa pathavī**).
2. Chất liệu đất (**sasambhāra pathavī**).
3. Cảnh đất (**ārammaṇa pathavī**).
4. Đất chế định (**sammuti pathavī**).

**Hoặc 1 Lý Khác Nữa Đất Có 2 Loại:**

1. Đất bên trong (**ajjhattika pathavī**).
  2. Đất bên ngoài (**bahira pathavī**).
- Gồm có các vật chất lẫn lộn khác nhau.

**20 Thể Trước Đất Bên Trong**

**(Ajjhatikakoṭṭhāsa pathavī)**

Tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, màng ruột, bao tử, phổi, ruột, trực tràng, vật thực mới, phân, óc.

**THỦY ĐẠI (āpodhātu)**

**1. Paggharaṇalakkhaṇa:** Trạng thái có phận sự loang chảy hoặc **ābandhana lakkhaṇā** : Trạng thái có phận sự quên lại (nhiều làm cho loang chảy, ít làm cho quên lại).

**2. Paribrūhana rasā:** Phận sự làm cho sắc đồng sanh tăng trưởng lên.

**3. Saṅgaha paccupaṭṭhānā:** Thành tựu gom lại sắc đồng sanh không cho phân tán là tánh chất hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

**4. Sesabhūtataya padaṭṭhānā:** Nhân cận có 3 sắc đại còn lại.

**Āpeti sahajātarūpāni pattharati brūhetīti = Āpo**

Thực tánh nào trải đi hoặc loang ra, thấm rịn suốt các sắc đồng sanh, thực tánh đó gọi là nước.

### **Nước Có 4 Loại:**

1. Trạng thái nước (**lakkhaṇa āpo**).
2. Chất liệu nước (**sasambhāra āpo**).
3. Cảnh nước (**ārammaṇa āpo**).
4. Nước chế định (**sammuti āpo**).

### **Hoặc Một Lý Khác Nữa Nước Có 2 Loại:**

- 1\_ Nước bên trong (**ajjhattikaāpo**).
- 2\_ Nước bên ngoài (**bahiraāpo**).

**12 Thể Trước Nước Bên Trong (Ajjhattikokoṭṭhāsa āpo):** Mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ nước, nước miếng, nước mũi, nước nhờn (trong các khớp xương), nước tiểu.

## HỎA ĐẠI (tejodhātu)

1. **Uṇketa lakkhaṇa:** Trạng thái có hơi.

2. **Paripācana rasā:** Phận sự làm cho sắc đồng sanh chín mùi.

3. **Mudubhāvānuppadāna paccupaṭṭhānā:** Thành tựu làm cho sắc đồng sanh mềm mại là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

4. **Sesabhūtattaya padaṭṭhānā:** Nhân cận có 3 đại còn lại.

1. **Sahajātarūpāni tejeti paripācetīti = Tejo**

Pháp tánh làm cho sắc đồng sanh chín mùi gọi là lửa.

### LỬA CÓ 4 LOẠI:

1. Trạng thái lửa (**lakkhaṇa tejo**).
2. Chất liệu lửa (**sasambhāra tejo**).
3. Cảnh lửa (**ārammaṇa tejo**).
4. Lửa chế định (**sammuti tejo**).

### LỬA CÓ 5 LOẠI:

1. **Santappana tejo:** Lửa đốt nóng.
2. **Dahana tejo:** Lửa thiêu hủy.
3. **Jīraṇa tejo:** Lửa làm cho tiêu tụy.

4. **Pācaka tejo:** Lửa làm tiêu hủy vật thực.

5. **Usamā tejo:** Lửa làm cho ấm áp.

### **Hoặc 1 Lý Khác Nữa Lửa Có 2 Loại:**

1. Lửa bên trong (**ajjhattika tejo**).

2. Lửa bên ngoài (**bāhira tejo**).

Cả 5 loại lửa này gọi là lửa bên trong.

Lửa bên ngoài là lửa có ánh sáng khác nhau.

1. Lửa nóng gắt (**tikkhatejo**).

2. Lửa nóng dịu (**mandatejo**).

### **PHONG ĐẠI (vāyodhātu)**

1. **Vatthambhana lakkhaṇā:** Trạng thái căng phồng.

2. **Udīrana rasā:** Phận sự chuyển động.

3. **Abhinīhara paccupaṭṭhānā:** Thành tựu dẫn dắt sắc đồng sanh đi là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

**Upaṭṭhānākāra paccupaṭṭhānā:** Trạng thái của gió có sự thổi đi, thổi lại liên tục không yên lại là thực tánh hiện rõ.

**Palapaccupaṭṭhānā:** Có sự dẫn dắt sắc đồng sanh từ 1 nơi đến 1 nơi là thực tánh hiện rõ.

4. **Sesabhūtattaya padaṭṭhānā:** Nhân cận có 3 đại còn lại.

**1\_ Vāyati desentarappatti hetubhāvena bhūtaṣaṃ ghātaṃ pāpetīti = Vayo.**

Thực tánh pháp thổi làm cho sự hội tụ của sắc đại khác nữa, diễn tiến theo trạng thái chuyển động từ 1 nơi đến một nơi.

### **Gió Có 6 Loại**

- 1. Uddhaṅgamavāyo:** Gió thổi lên trên.
- 2. Adhogamavāyo:** Gió thổi xuống phía dưới.
- 3. Kuṭachitṭhavāyo:** Gió trong bụng, ngoài ruột già, trong thân.
- 4. Koṭṭhāsavāyo:** Gió trong ruột già, trong thân.
- 5. Aṅgamaṅānusārivāyo:** Gió thổi khắp nơi trong thân.
- 6. Assāsapassāsa vāyo:** Hơi thở vô ra.

### **Hoặc Một Lý Khác Nữa Gió Có 2 Loại:**

- 1. Gió bên trong (ajjhattika vāyo).**
- 2. Gió bên ngoài (bāhira vāyo) tức gió khác nhau.**  
Gió thổi mạnh (tikkhavāyo), gió thổi yếu (mandavāyo).

### **Gió Có 4 Loại:**

- 1. Trạng thái gió (lakkhaṇa vāyo).**
- 2. Chất liệu gió (sasambhāra vāyo).**

3. Cảnh gió (*ārammaṇa vāyo*).
4. Gió chế định (*sammuti vāyo*).

## THẦN KINH NHÃN (*cakkhupasāda*)

1. **Rūpānammaṇābhighātāraha kammajabhūtapasāda lakkhaṇā** hoặc **Cakkhukāmatānidāna kammajabhūtapasāda lakkhaṇā:**

Trạng thái có sự trong ngần của sắc tứ đại sanh lên từ nghiệp thích hợp với cảnh sắc hoặc có sự trong ngần của sắc tứ đại, sanh lên từ nghiệp liên quan đến sắc ái (*rūpatañhā*) có sự muốn thấy làm nền tảng.

2. **Rūpesu aviñchana rasā:** Phận sự lôi cuốn người và nhãn thức đến cảnh sắc.

3. **Cakkhuvīññāṇadhārabhāva paccupaṭṭhānā:** Thành tựu có sự gìn giữ nhãn thức, là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

4. **Daṭṭhukāmatānidāna kammajabhūta padaṭṭhānā:** Nhân cận có sắc tứ đại sanh lên từ nghiệp liên quan đến sắc ái làm nền tảng.

## Tuệ Nhãn (*Paññācakkhu*)

1. **Buddhacakkhu:** Quyền thắng liệt trí (*indriyaparopariyattiñāṇa*), tùy miên định trí (*āsayaṇusayañāṇa*) biết được quyền non yếu, già mạnh, có

trong cơ tánh của chúng sanh và khuynh hướng của chúng sanh (trí tuệ của Đức Phật có trong tâm A la hán quả).

**2. Samantacakkhu:** Toàn giác trí (**sabbaññutañña**).

(Trí tuệ hiệp thể) tâm đại tổ tương ưng trí.

**3. Nānacakkhu:** A la hán đạo.

**4. Dibbacakkhu:** Tâm thiện và tổ ngũ thiên sắc giới, thần thông.

**5. Dhammacakkhu:** Trí tuệ trong 3 đạo thấp, 3 quả thấp. Trí tuệ trong 4 tâm đại thiện tương ưng trí, gọi là nhãn thông thường (**sāmaññacakkhu**) gồm có phàm nhân và bậc thánh hữu học.

### Nhục Nhãn (**maṃsacakkhu**)

**1. Sasambhāracakkhu:** Tất cả mắt (trừ thần kinh nhãn).

**2. Pasādacakkhu:** Riêng biệt thần kinh nhãn.

**Yaṃ semhassa dattā setaṃ pittassa dattā kaṇhaṃ rahitassa dattā lohitaṃ pathūrassa dattā pattinnaṃ hoti, āpassa dattā paggharati tejussa dattā parikkhayeti vāyussa dattakasambhavati.**

Mắt có màu trắng do đàm vượt trội.

Mắt có màu đen do mật vượt trội.

Mắt có màu đỏ do máu vượt trội.

Mắt có màu đục do đất vượt trội.

Mắt toét do nước vượt trội.

Mắt vừa buốt vừa rát do lửa vượt trội.

Mắt lòa do gió vượt trội.

### **Nhân Làm Cho Phát Sinh Bệnh:**

1. **Sĩtatejo:** Lửa lạnh, sắc tàn tạ do lửa lạnh.

2. **Uñhatejo:** Lửa nóng, sắc tàn tạ do lửa nóng.

## **THẦN KINH NHĨ (sotapasāda)**

1. **Saddārammañābhighāṭāraha kammajabhūtapasāda lakkhaṇā hoặc Sotikāmatānidāna kammajabhūta pasāda lakkhaṇā:**

Trạng thái có sự trong ngần của sắc tứ đại sanh lên từ nghiệp thích hợp với việc xúc chạm cảnh thính, hoặc có sự trong ngần của sắc tứ đại, khởi hiện từ nghiệp liên quan đến thính ái (**saddatanhā**) có sự muốn nghe là căn gốc.

2. **Saddesu āviñcana rasā:** Phận sự lôi cuốn người và nhĩ thức đến cảnh thính.

3. **Sotaviññāṇādhārabhāva paceupaṭṭhānā:** Thành tựu gìn giữ nhĩ thức là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

4. **Sotukāmatānidāna kammajabhūtapadaṭṭhānā:**

Nhân cận có sắc tứ đại sanh lên từ nghiệp liên quan đến thính ái là căn gốc.

## THẦN KINH TỶ (ghānapasāda)

1. **Gandhārammaṇābhighātāraha kammajabhūtapasāda** hoặc **Ghāyitikāmatānidāna kammajabhūtapasāda lakkhaṇā**: Trạng thái có sự trong ngần của sắc tứ đại, sanh lên từ nghiệp thích hợp và việc xúc chạm cảnh khí hoặc có sự trong ngần của sắc tứ đại, khởi hiện từ nghiệp liên quan đến khí ái (**gandhatañhā**) có sự muốn ngủi là căn gốc.

2. **Gandhesu āviñchana rasā**: Phận sự có sự lôi cuốn người và tỳ thức đến cảnh khí.

3. **Ghānaviññāṇādhārabhāva paccupaṭṭhānā**: Thành tựu có sự gìn giữ tỳ thức là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

4. **Ghāyitikāmatānidāna kammajabhūta padaṭṭhānā**: Nhân cận có sắc tứ đại sanh lên từ nghiệp, liên quan đến khí ái là căn gốc.

## THẦN KINH THIỆT (jivhāpasāda)

1. **Rasārammaṇābhighātāraha kammajabhūtapasāda lakkhaṇā** hoặc **sāyitikāmatānidāna kammajabhūtapasāda lakkhaṇā**:

Trạng thái có sự trong ngần của sắc tứ đại sanh lên từ nghiệp thích hợp với việc xúc chạm cảnh vị, hoặc có sự

trong ngần của sắc tứ đại, khởi hiện từ nghiệp, liên quan đến vị ái (rasataṇhā) có sự muốn nếm là căn gốc.

2. **Rasesu aviñchana rasā:** Phận sự lôi cuốn người và thiết thức đến cảnh vị.

3. **Jivhāviññāṇadhārabhāva paccupaṭṭhānā:** Thành tựu có sự gìn giữ thiết thức là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

4. **Sayitukāmatānidāna kammajabhūta padaṭṭhānā:** Nhân cận có sắc tứ đại sanh lên từ nghiệp liên quan đến vị ái là căn gốc.

## THẦN KINH THÂN (kāyapasāda)

1. **Phoṭṭhabbārammaṇābhighātāraha kammajabhūtapasāda lakkaṇa hoặc Phusitukāmatānidāna kammajabhūtapasāda lakkaṇa:** Trạng thái có sự trong ngần của sắc tứ đại, sanh lên từ nghiệp thích hợp với việc xúc chạm cảnh xúc, hoặc có sự trong ngần của sắc tứ đại, sanh lên từ nghiệp liên quan đến xúc ái (phoṭṭhabbatāṇhā) có sự muốn đụng chạm là căn gốc.

2. **Phoṭṭhabbesu āviñchana rasā:** Phận sự có sự lôi cuốn người và thân thức đến cảnh xúc.

3. **Kāyaviññāṇadhārabhāva paccupaṭṭhānā:** Thành tựu gìn giữ thân thức, là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

4. **Phusitukāmatānidāna kammajabhūta padaṭṭhānā:** Nhân cận có sắc tứ đại, sanh lên từ nghiệp liên quan đến xúc ái.

## CẢNH SẮC (rūpārammaṇā)

1. **Cakkhupasādābhihaṭṭana lakkhanaṃ:** Trạng thái có sự xúc chạm thần kinh nhãn.

2. **Cakkhuvīññāṇālambaṇa bhāva rasaṃ:** Phận sự bám theo nhãn thức, phận sự làm cảnh cho nhãn thức.

3. **Taṃ gocarabhāva paccupaṭṭānaṃ:** Thành tựu là nơi đạo đến của nhãn thức, là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

4. **Tadā dhāra mahābhūta padaṭṭhānaṃ:** Nhân cận có sắc tứ đại là nơi nương của cảnh sắc.

### Cảnh Sắc Có 2 Loại:

1. Cảnh sắc không khác biệt (**nippariyāyarūparammaṇa**): Màu vàng, màu đỏ, màu đen, màu trắng biết rằng mắt thấy.

2. Cảnh sắc nhận thức bằng cách tượng hình (**Pariyāyasañjānanarūpārammaṇa**): Dài, ngắn, tròn, rộng, lớn, nhỏ, góc cạnh, biết đúng đắn.

1\_ Cảnh màu sắc lạnh (**Sītādhikarūpā = rammaṇa**): Màu đen, màu xanh, màu da trời.

2\_ Cảnh màu sắc nóng (**Utādhikarūpārammaṇa**):  
Màu đỏ, màu vàng, màu trắng.

Ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, ngọn lửa có bao nhiêu số lượng sắc? Ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, ngọn lửa và bóng của tất cả chúng sanh mỗi loại có 8 sắc, tức 8 sắc bất ly (**avinibhogarūpa**). Bởi vì ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, ngọn lửa và bóng của tất cả chúng sanh, tất cả đều là cảnh và khi có cảnh sắc thì 7 sắc bất ly còn lại cũng phải có.

**Rūpayati hadayagatabhāvaṃ pakāsetīti Rūpaṃ:**  
(có sanh mạng thật tánh biểu hiện từ ý vật làm cho rõ ràng theo đường mắt, gọi là cảnh sắc (hoặc) **rūpayatidabbam pakāsetīti = Rupaṃ** (có sanh mạng cũng được, không có sanh mạng cũng được), hoặc còn về việc xác định làm cho biết rõ ràng là màu vàng, màu đỏ... thì gọi là cảnh sắc.

## CẢNH THINH (**saddārammaṇa**)

1. **Sotapasādābhighaṭṭana lakkhanaṃ:** Trạng thái có sự xúc chạm thần kinh nhĩ.

2. **Sotaviññāṇālambaṇa bhāva rasaṃ:** Phận sự bám theo nhĩ thức, hay phận sự làm cảnh cho nhĩ thức.

3. **Tam gocara bhāva paccupatthānaṃ:** Thành tựu là nơi đạt đến của nhĩ thức là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

4. **Tadā dhāra mahābhūta padaṭṭhānaṃ:** Nhân cận có sắc tứ đại làm nơi nương của cảnh thính.

**Saddīyati uccāriyatīti = saddo**, thực tánh phát ra (lời) gọi là tiếng hoặc **Sappati sotaviññāṇārammaṇa bhāvaṃ** thực tánh dẫn đến trở thành cảnh của nhĩ thức gọi là tiếng.

## CẢNH KHÍ (gandhārammaṇa)

1. **Ghānapasadābhigaṭṭana lakkhaṇaṃ**: Trạng thái có sự xúc chạm thân kinh tử.

2. **Ghānaviññāṇālambaṇa bhāva rasaṃ**: Phận sự bám theo tử thức, phận sự làm cảnh cho tử thức.

3. **Taṃ gocara bhāva paccupaṭṭhānaṃ**: Thành tựu là nơi đạo đến của tử thức, và thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

4. **Tadā dhāra mahābhūta padaṭṭhānaṃ**: Nhân cận có sắc tứ đại là nơi nương của cảnh khí.

**Gandhayati attano atthaṃ sucetīti = gandho**: Thực tánh bị ngửi, gọi là mùi.

## CẢNH VỊ (rasārammaṇa)

1. **Jivhāpasādābhigaṭṭana lakkhaṇaṃ**: Trạng thái có sự xúc chạm thân kinh thiệt.

2. **Jivhāviññāṇālambaṇa bhāva rasaṃ**: Phận sự bám theo thiệt thức, hay phận sự làm thành cảnh của thiệt thức.

3. **Taṃ gocara bhāva paccupaṭṭhānaṃ**: Thành tựu là

nơi đạo đến của thiết thức, là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

**4. Tadā dhāra mahābhūta padaṭṭhānaṃ:** Nhân cận có sắc tứ đại là nơi nương của cảnh vị.

**Rasūyati assādīyatīti :** raso: Thực tánh làm cho tươi tỉnh gọi là vị.

## **CẢNH XÚC (phoṭṭhabbārammaṇa)**

**1. Kāyapasadābhigaṭṭana lakkhanaṃ:** Trạng thái có sự xúc chạm thần kinh thân.

**2. Kāyaviññāṇassa visayabhāva rasaṃ:** Phận sự làm cho thành cảnh của thân thức.

**3. Kāyaviññāṇassa gocara bhāva paccupaṭṭhānaṃ:** Thành tựu là nơi đạo đến của thân thức, là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

**4. Sesabhūtattaya padaṭṭhānaṃ:** Nhân cận có 3 sắc đại còn lại.

**Phusitabbanti phoṭṭhobbaṃ:** Thần kinh thân xúc chạm (đối tượng nào) thì gọi là cảnh xúc.

**Bhūte phusivā sañṭhānaṃ manasā gaṇhato yathā paccakkhato phusāmīti saññeyyā dvāravatā tathā sañṭhāna**

Hình dáng của sắc tứ đại biết được bằng lộ ý môn như

thể nào, thì sự loang chảy hoặc quên tỵ của thủy đại cũng biết bằng lộ ý môn như thế đó.

## NỮ TÁNH (itthībhāva)

1. **Itthībhāva lakkhaṇaṃ:** Trạng thái hình thành người nữ.

2. **Itthīti pakāsana rasaṃ:** Phận sự biểu hiện thành người nữ.

3. **Itthīliṅganimitta kuttā kappānaṃ karaṇa bhāva paccupaṭṭhānaṃ:** Thành tựu là nhân của việc hiện bày lên hình tướng, biểu hiện, tính tình, cử chỉ, hành vi, là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

4. **Tadā dhāra kammajamahābhūta padaṭṭhānaṃ:** Nhân cận có sắc tứ đại nhiếp là nơi nương của sắc nữ tánh.

1\_ **Itthiliṅga:** Âm chỉ đến hình tướng như mặt, mắt, cánh tay, chân... biểu hiện đến giới tính nữ như mặt, mắt, cánh tay, chân không to lớn (thô kệch) giống như người nam, giới tính này hiện bày từ lúc sanh ra.

**Itthimmitta:** Âm chỉ đến biểu hiện nói đến giới tính nữ, như không có râu, ria...

**Itthikutta:** Âm chỉ đến tánh tình của người nữ như thích chơi rô đan bằng tre, nấu cơm, nấu canh...

**Itthivākappa:** Âm chỉ đến cử chỉ hành vi khác nhau đi, ngồi, nói, nhìn, cười... biểu hiện rõ nữ tánh.

## NAM TÁNH (purisabhāva)

1. **Purisabhāva lakkhaṇaṃ:** Trạng thái hình thành người nam.

2. **Purisatta pakāsaṇa rasaṃ:** Phận sự biểu hiện thành người nam.

3. **Purisaṅga nimitta kuttā kappa kāraṇa bhāva paccupaṭṭhānaṃ:** Thành tựu là nhân của việc hiện bày lên hình tướng, biểu hiện, tánh tình, cử chỉ hành vi là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc hiền trí.

4. **Nissaya kammajabhūta padaṭṭhānaṃ:** Nhân cận có sắc tứ đại nghiệp là nơi nương của sắc nam tánh.

**Purisaṅga:** Âm chỉ đến hình tướng như mắt, mặt, tay, chân,... biểu hiện đến giới tính nam, tức to lớn vạm vỡ.

**Purisanimitta:** Âm chỉ đến biểu hiện nói đến giới nam như có râu ria...

**Purisaṅgatta:** Âm chỉ đến tính tình thích chơi mạnh bạo như đánh đấm nhau, vật lộn...

**Purisaṅgatta:** Âm chỉ đến cử chỉ hành vi hùng dũng, bạo dạn không rụt rè, ngần ngại.

**Purissabhāvo purisattaṃ:** Hình thành (giới) nam gọi là nam nhân.

## Ý VẬT (hadaya)

1. **Manodhātu manoviññāṇadhātīmaṃ nissayalakkhaṇaṃ:** Trạng thái là nơi nương của ý giới và ý thức giới.

2. **Manodhātu manoviññāṇadhātūnaṃ adhāraṇaṃ nasamaṃ:** Phận sự là nơi nương của ý giới và ý thức giới.

3. **Manodhātu manoviññāṇadhātūnaṃ ubbāhara paccupaṭṭhāṇaṃ:** Thành tựu gìn giữ ý giới và ý thức giới cho khởi hiện lên là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

4. **Tadā dhāra kammajamaḥbhūta padaṭṭhāṇaṃ:** Nhân cận có sắc tứ đại nghiệp là nơi nương của sắc ý vật.

**Hadayanti taṃ taṃ atthaṃ vā anattaṃ vā pūrenti etenāti : hadayaṃ**

Gọi là sắc ý vật bởi vì pháp làm cho lợi ích và không lợi ích được trọn vẹn.

**Hadayañca taṃ vatthuñcāti : hadayavatthu**

Ý vật vừa là vật, vừa là ý vật.

### Cơ Tánh Và Ý Vật

1. Cơ tánh tham (**rāgacaritta**): Màu đỏ.

2. Cơ tánh sân (**dosacaritta**): Màu đen.

3. Cơ tánh si (**mohacaritta**): Màu xỉn giống như rửa thịt.

4. Cơ tánh tín (**saddhācaritta**): Màu da cam giống như cuống hoa **kanika**.

5. Cơ tánh giác (**buddhicaritta**): Màu trắng hào quang.

6. Cơ tánh tầm (**vitakacaritta**): Màu mờ đục giống như rửa đậu.

### **Cơ Tánh (caritta) Có 6**

Theo mỗi đôi ám chỉ đèn gom vào nhau thành thực tánh:

Cơ tánh tham

Cơ tánh sân

Cơ tánh si

Cơ tánh tín

Cơ tánh giác

Cơ tánh tầm

#### **Chú thích:**

Trạng thái ý vật này là nơi nương của ý giới và ý thức giới, ý vật này trước khi khởi hiện lên được cũng phải nương vào sắc tứ đại nghiệp, nếu không có sắc tứ đại nghiệp thì ý vật cũng không sanh lên được. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân cũng giống như vậy. Do đó khi ý vật nương vào sắc tứ đại nghiệp mà khởi hiện thì ý vật này cũng làm phạm sự gìn giữ ý giới và ý thức giới của mình. Nói theo phạm sự của ý vật

thì ý vật này là sắc nghiệp, sắc sanh lên từ nghiệp có thấy được bằng mắt. Vì vậy mới phải suy nghĩ xem xét bằng tâm.

Khi suy nghĩ xem xét bằng tâm thì hiện rõ với trí tuệ của các bậc thiện trí rằng ý vật này làm cho tâm và tâm sở sanh lên không gián đoạn giống như dòng nước chảy, hiện diện ở giữa ngực có hình dạng giống hoa sen. Nếu người nào có trí tuệ nhận biết hình dạng của trái tim cũng hé ra không chụm lại, có nước nuôi dưỡng khoảng 1 vốc tay.

**1. Người có cơ tánh tham và cơ tánh tín** có điều nhận xét về 2 cơ tánh này như sau:

Nói về oai nghi: Đi, đứng, nằm, ngồi chỉnh tề.

Nói về phạm sự: Có công việc làm sạch sẽ, thích đẹp để liên quan đến việc chung diện.

Nói về thức ăn: Thích vị ngọt, béo và vật thực thượng vị.

Nói về sự nghe ngửi, nếm, đụng: Chỉ thích đẹp, hay... như nhau chỉ khác nhau về pháp, tức nói về pháp thì cơ tánh tham tâm bất thiện khởi hiện nhiều, như tham, ngã mạn, gian manh, khoe khoang. Nghĩa là nói như thế nào cũng không tin được, chỉ có mưu mô, dối trá, không ngay thật, nhưng cơ tánh tín thì tâm thiện sanh khởi nhiều, thích bố thí, trì giới, tu tiến.

**2. Người có cơ tánh sân và cơ tánh giác** có điều nhận xét về 2 cơ tánh này như sau:

Nói về oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi không gọn gàng

lắm lúc đi thì trọng lượng thân hạ xuống gót chân nhiều, đi nhanh.

Nói về phạm sự: Công việc không vén khéo lắm, chỉ tay không đẹp lắm.

Nói về thức ăn: Thích vật thực đậm đà như chua quá, mặn quá.

Nói về cảnh: Khi xúc chạm 5 cảnh không tốt hoặc không hài lòng thì không nhẫn nại, không lặng thinh được phải biểu hiện sự nóng giận hoặc không hài lòng ra cho hiện rõ liền tức thì.

Nói về pháp: Người có cơ tánh sân thường có sự thù hằn, ganh ty, bòn xén, vong ơn (**makkha**), hiểm độc (**palāsa**), khó dạy (**dubbacā**).

Còn cơ tánh giác thì không thù hằn, không ganh ty, tri ơn, không hiểm độc với người khác, dễ dạy, biết tri túc trong việc dùng vật thực, có niệm tỉnh giác, quán xét đến khổ diễn tiến trong vòng luân hồi, rời tình cần đối với việc làm thiện thường xuyên.

**3. Người có cơ tánh si và tánh tầm** có điều nhận xét về 2 cơ tánh này như sau:

Nói về oai nghi: Đi, đứng, nằm, ngồi hơi hợt không vững chắc, lơ đãng.

Nói về phạm sự: Công việc luộm thuộm không ngăn nắp.

Nói về thức ăn: Vật thực không phân định thích 1 món nào, bố thí được mọi thứ.

Nói về cảnh: Không nhận biết sự giao động đối với cảnh cho dù tốt hay không tốt đi nữa, cũng không thể tự mình quyết định được mà phải thường luôn theo người khác bất cứ người khác nói rằng tốt hay không tốt đi nữa.

Nói về pháp: Người có cơ tánh si thì bất luận làm gì cũng không có niệm tỉnh giác thường hay lơ đãng cấu thả, buồn ngủ. Đôi khi phóng tán tìm cảnh không trú vững được, buông thả, thời gian trôi qua bằng sự vô ích, rỗng không, chỉ giỏi ngáp ngủ. Người có cơ tánh tầm là người hay suy nghĩ, hay nói chỉ trong điều không có lợi ích, làm công việc nào thường hay không hoàn thành, việc liên quan đến các thiện pháp cũng không thể làm được và sẵn lòng làm, thích giao du với người có tính tình giống như mình, rồi cũng trò chuyện với nhau bằng vấn đề vô bổ. Do đó, gom lại sự việc thì người phần nhiều hội nhập theo cơ tánh si và cơ tánh tầm, là người không có lợi ích gì lắm.

## SẮC MẠNG QUYỀN (jīvitarūpa)

**1. Sahajātanupālanalakkhaṇaṃ:** Trạng thái bảo tồn sắc đồng sanh với mình.

**2. Sahajātaṇaṃ pavattana rasam:** Phận sự bảo tồn sắc đồng sanh với mình cho sanh khởi mãi đến chết (chỉ ngoại trừ sắc diệt đi do 1 nhân nào).

**3. Sahajātānaṃ ṭhapanapaccupaṭṭhānaṃ:** Thành tựu bảo tồn sắc đồng sanh với mình cho được tồn tại là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

**4. Todā dhāra kammajamahābhūta padaṭṭhānaṃ:** Nhân cận có sắc tứ đại nghiệp là nơi nương của sắc mạng quyền.

**Jīvanti sahajātadhammā etenāti : Jīvitam**

Sắc đồng sanh được sống còn do tuổi thọ, vì vậy tuổi thọ đó gọi là mạng quyền.

**Chú thích:**

Sắc mạng quyền bảo tồn như thế nào?

Sắc mạng quyền tự bảo tồn chính mình cũng được, bảo tồn sắc khác cũng được. Ví như chiếc thuyền chở người đi qua bờ bên kia, thì vừa đem người đi đến bờ, vừa tự nó cũng đến bờ.

Sự việc sắc mạng quyền chỉ có riêng biệt trong sắc nghiệp. Bởi vì sắc nghiệp là sắc sanh lên nương vào nghiệp quá khứ là nhân, vì vậy trong sát na khởi hiện nếu không có sắc mạng quyền bảo tồn thì tất cả nhóm sắc nghiệp đó cũng không thể tồn tại được suốt cho đến đủ tuổi thọ, và sẽ không thể sanh lên mới được nữa. Nghĩa là thông thường tuổi thọ của sắc có tuổi thọ bằng với 17 tâm nếu tính với số lượng sát na tiêu thì được 51 sát na.

Trong sự việc sắc nghiệp có tuổi thọ tồn tại được cho

đến 51 sát na. Và sanh lên mới tiếp tục được cũng do năng lực của sắc mạng quyền theo bảo tồn. Ví như 1 đứa bé sinh ra từ thai bào người mẹ, người mẹ đó chết thì người đó có phận sự nuôi dưỡng đứa bé tiếp tục, tức bảo mẫu hoặc vú nuôi thì đứa bé mới có sự sống tiếp tục và trưởng thành được. Nếu không có bảo mẫu hoặc vú nuôi trông nom, bảo tồn thì đứa bé cũng không sống được tiếp tục. Điều này như thế nào thì sắc nghiệp giống như đứa bé, người làm cho sanh ra giống như nghiệp quá khứ mà mình đã tạo trong kiếp trước và kiếp này. Và nhóm nghiệp đó khi cho quả hiện bày lên rồi thì chấm dứt năng lực diệt đi.

Giống như người mẹ sanh ra đứa bé thì chết, bảo mẫu hoặc vú nuôi bảo tồn chăm sóc đứa bé tiếp tục. Giống như sắc mạng quyền bảo tồn được sắc nghiệp, cũng như vậy.

Còn sắc tâm, sắc nhiệt lượng (**utujarūpa**), sắc vật thực. Nhóm sắc này không có sắc mạng quyền bởi vì sắc tâm khởi hiện từ tâm sanh lên trong hiện tại, sắc nhiệt lượng khởi hiện từ nhiệt lượng hiện tại, và sắc vật thực cũng khởi hiện từ vật thực hiện tại. Cho nên không cần thiết phải có sắc mạng quyền bảo tồn nữa cũng được. Bởi vì tâm, nhiệt lượng, vật thực thuộc hiện tại làm cho nhóm sắc đó khởi hiện; giống như người mẹ bảo tồn trông nom con của chính mình. Vì vậy nên không cần thiết phải có bảo mẫu, hoặc vú nuôi nữa.

Vào sát na tục sinh của nhóm phạm thiên sắc giới thì bọn sắc mạng quyền cửu sắc (**jīvitānavakakalāpa**) đặc

biệt khởi hiện theo riêng biệt, còn vào sát na tục sinh của nhóm nhân loại dục giới thì bọn mạng quyền cử sắc không sanh lên riêng biệt. Bởi vì nhóm nhân loại dục giới vào sát na tục sinh có bọn thân thập sắc (**kāyadasakakalāpa**), và bọn tánh thập sắc (**bhāvadasakakalāpa**) khởi hiện lên theo thông thường, cả 2 bọn thân thập sắc và bọn tánh thập sắc này đang có cùng khắp trong thân thể và 2 bọn này cũng có sắc mạng quyền trong mỗi bọn. Vì vậy nên không cần thiết phải có bọn mạng quyền cử sắc khởi hiện theo riêng biệt vào lúc tục sinh.

Còn phạm thiên sắc giới vào lúc tục sinh thì bọn sắc nghiệp khởi hiện, không có bọn thân thập sắc và bọn tánh thập sắc là bọn sắc sanh lên khắp trong thân, mà chỉ có bọn sắc khởi hiện lên riêng biệt mà thôi, như bọn nhãn thập sắc (**cakkhudasakakalāpa**)...

Một trường hợp khác nữa, vào sát na tục sinh thì thân thể của phạm thiên hiện bày lên đầy đủ tức thì, giống như nhóm nhân loại dục giới hóa sanh (**opapātika**) và thân thể hiện bày lên đầy đủ cũng đều là sắc nghiệp cả. Cho nên mới cần thiết phải có bọn mạng quyền cử sắc khởi hiện theo riêng biệt để bảo tồn bọn sắc nghiệp, tức thân thể của nhóm phạm thiên đó cho được tồn tại và sanh lên nối tiếp nhau.

## **SẮC VẬT THỰC (ahārarūpa)**

- 1. Ojā lakkhaṇa:** Trạng thái có dưỡng tố (**Ojā**).
- 2. Rūpāharaṇa raso:** Phận sự đem sắc vật thực đến.

**3. Kāyupatthambhana paccupaṭṭhāno:** Thành tựu có sự trợ giúp sắc là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

**4. Ujjho haritabba padaṭṭhāno:** Nhân cận có vật thực nhai nuốt.

**Kabbim karīyatī = Kabaḷikāro**

Vật thực nào mà người làm thành miếng, vật thực đó gọi là đoàn thực.

**Kabaḷikāro ca so ahārocāti = Kabaḷikāhāro**

Đoàn thực vừa là vật thực, vừa là đoàn thực.

**Attano ubhayānantaram rūpaṃ jānetāti = oja**

Pháp tánh nào làm cho sắc khởi hiện nối tiếp nhau cùng đồng sanh với mình, pháp tánh đó gọi là dưỡng tố.

**Một Lý Khác Nữa , Vật Thực Có 4 Loại:**

- 1. Kabaḷikārāhara:** Tức dưỡng tố đang có trong vật thực.
- 2. Phassāhāra :** Tức tâm sở xúc đồng sanh với 89 tâm.
- 3. Manosañcetanāhāra:** Tức tâm sở tư đồng sanh với 12 tâm bất thiện và 17 tâm thiện hiệp thế.
- 4. Viññāṇāhāra:** Tức 2 tâm quan sát thọ xả, 8 tâm đại quả và 9 tâm quả đáo đại.

## **Sắc Vật Thực Có 4 Loại:**

1. **Ajjhattikāhāra:** Tức dưỡng tố nghiệp (**kammajagā**), dưỡng tố tâm (**cittajaojā**), dưỡng tố nhiệt lượng (**utuajaojā**), dưỡng tố vật thực (**āhārajaojā**).

2. **Bahirāhāra:** Tức vật thực chưa được thọ dụng.

3. **Vatthuāhāra:** Tức tất cả vật thực.

4. **Ojāhāra:** Dưỡng tố đang có trong tất cả vật thực.

Vật thực là nhân, không đói là quả.

Dưỡng tố vật thực là nhân. Máu, thịt, sức mạnh là quả.

## **SẮC GIAO GIỚI (paricchedarūpa)**

1. **Rūpapariccheda lakkhaṇaṃ:** Trạng thái có sự ngăn lại giữa các bợn sắc.

2. **Rūpapariyantappakāsaṇa rasam:** Phận sự biểu hiện sự giới hạn của sắc.

3. **Rūpamāriyadāpaccupaṭṭhānaṃ:** Thành tựu có sự biết rằng sắc giao giới là ranh giới của sắc thành tựu (**nipphanna-rūpa**) là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

4. **Paricchinnarūpa padaṭṭhānaṃ:** Nhân cận có bợn sắc.

1\_ **Ajjaṭākāsa:** Hư không nội phần không có vật chất xáo trộn gây cản trở, là hư không trống rỗng, nghĩa là bầu

trời khắp cả không gian, phía dưới kể từ mặt đất trở xuống, phía trên kể từ phạm thiên sắc giới trở lên. Bởi vì phạm thiên sắc giới có vườn, có thiên cung khác nhau suốt cho đến phạm thiên vô sắc chỉ có hư không nội phần, nhưng tối mật (**ajjāṭākāsa**) không có vườn, không có thiên cung, phía giữa là hư không của nhân loại chúng ta.

**2\_ Paricchinnākāsa:** Hư không như khoảng trống cánh cửa, cửa sổ, miệng nôi, khoảng trống của tay, khoảng trống của mũi, khoảng trống của mắt, khoảng trống của miệng.

**3\_ Paricchidākāsa:** Hư không khoảng trống trong thân, tức là sắc giao giới.

**4\_ Kasinugghāṭimākāsa:** Đề mục hư không hoàn tịnh (**akāsa kasiṇa**), mà hành giả sử dụng chú niệm từ chính đề mục hoàn tịnh.

### **Chú thích:**

Từ bốn sắc (**rūpakalāpa**) này tức chính các bốn Bát thuần tâm (**cittajasuddhatthukalāpa**), bốn Bát thuần nhiệt lượng (**utajasuddhatthukakalāpa**), bốn Bát thuần vật thực (**ahārajasuddhatthukakalāpa**) và bốn sắc nghiệp này, nếu không có bốn sắc khác này là nhân cận thì sắc giao giới, tức khoảng trống cũng không hiện bày lên được. Do đó, sắc giao giới tức khoảng trống hiện bày lên được cũng do có 2 tấm bảng thì khoảng trống giữa tấm bảng với tấm bảng đó gọi là sắc giao giới. Vì vậy, trạng thái của nó cũng có sự

ngăn cách giữa bọn sắc với bọn sắc là dấu hiệu và trình bày ranh giới của các sắc là phạm sự. Bởi vì nếu không có 2 tấm bảng với nhau mà chỉ có 1 tấm bảng thì sẽ không gọi được 1,2,3,4,5 thân thể cũng giống như vậy. Nếu không có sắc giao giới ngăn cách cũng sẽ không gọi được 2,3,4,5 người cho đến ngón tay, chân. Chính như vậy mới gọi là có sự trình bày giới hạn của sắc là phạm sự, có ranh giới của sắc thành tựu là thực tánh hiện rõ.

## **SẮC BIỂU TRI (viññattirūpa)**

### **I. Thân biểu tri (kāyaviññatti):**

1. **Viññāpana lakkhaṇaṃ:** Trạng thái biểu hiện cho người khác biết được ý định của mình hoặc trạng thái làm cho tự mình cũng biết được ý định.

2. **Adhippāyapakāsaṇa rasaṃ:** Phạm sự biểu lộ của mình.

3. **Kāyavipphandanahetubhāva paccupaṭṭhānaṃ:** Thành tựu là nhân của sự chuyển động là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

4. **Cittasamuṭṭhānavāyodhātu padaṭṭhānaṃ:** Nhân cận có phong đại khởi hiện từ tâm sanh hoặc nhân cận có gió của tâm.

### **II. Ngũ biểu tri (vacīviññatti):**

1. **Viññāpana lakkhaṇaṃ:** Trạng thái biểu hiện cho

người khác biết được ý định của mình, hoặc làm cho tự mình cũng biết được ý định.

**2. Adhippāyapakāsaṇa rasaṃ:** Phận sự biểu lộ ý định của mình.

**3. Vacīghosa hetubhāva paccupaṭṭhānaṃ:** Thành tựu là nhân của việc nói ra lời nói là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

**4. Cittasamuṭṭhānapaṭhavīdhātu podaṭṭhānaṃ:** Nhân cận có địa đại khởi hiện từ tâm sở sanh hoặc nhân cận có đất của tâm.

**Param viññāpeti sayaṅca viññāyatīti = Viññatti**

Hành vi (cử chỉ) đặc biệt này là nhân làm cho người khác biết và tự mình cũng biết được, vì vậy hành vi (cử chỉ) đặc biệt này gọi là biểu tri (**viññatti**)

Một lý khác nữa, **Aññāpentī janā viññāyati và janeti aññamaññassa cittāni etānāti = Viññatti.**

Tất cả mọi người làm cho biết được tâm lẫn nhau bằng hành vi (cử chỉ) đặc biệt này, vì vậy hành vi (cử chỉ) đặc biệt nhân làm cho tất cả mọi người biết được tâm lẫn nhau, nên gọi là biểu tri, hoặc tất cả mọi người biết được tâm lẫn nhau bằng hành vi (cử chỉ) đặc biệt này, vì vậy hành vi (cử chỉ) đặc biệt là nhân làm cho tất cả mọi người cần phải biết được tâm lẫn nhau mới gọi là biểu tri.

**Chú thích:** Biểu tri là nghĩa gì? Có bao nhiêu loại? Biểu

tri nghĩa là làm cho người khác biết được ý định của mình hoặc làm cho tự mình cũng biết được ý định. Có 2 loại: Thân biểu tri, ngữ biểu tri.

Thân biểu tri có 2 loại là:

**1- Bodhanakāyaviññatti**

**2- Pavattanakāyaviññatti**

Ngữ biểu tri có 2 loại là:

**1- Bodhanavacīviññatti**

**2- Pavattanavacīviññatti.**

**Bodhanakāyaviññatti:** Âm chỉ đến làm cho người khác biết được ý định của mình, như vẫy tay, gật đầu, nháy mắt.

**Pavattanakāyaviññatti:** Âm chỉ đến tự mình cũng biết được như bước đi đến, co chân lại.

**Bodhanavacīviññatti:** Âm chỉ đến làm cho người khác biết được ý định, như thuyết pháp, đang chỉ dạy, đang nói hoặc tặc lưỡi, ngăn cấm.

**Pavattanavacīviññatti:** Âm chỉ tự mình biết được như đọc sách to lên 1 mình, đang tụng kinh, đang hát chơi.

Nhân cận của thân biểu tri là gì? Nhân cận là gió của sắc tâm (**cittajavāyo**), tức là phong đại khởi hiện từ tâm sở sanh.

Thân biểu tri có trạng thái như thế nào? Có trạng thái làm cho người khác biết được ý định của mình hoặc tự mình

cũng biết được người khác biết được ý định đó, như vẫy tay gọi, gặt đầu gọi, vào sát na đang vẫy tay thì tay của chúng ta mà người khác thấy được là cảnh sắc, không phải là sắc biểu tri. Sắc thân biểu tri này không loại trừ tay ra khỏi được, bắt buộc phải nương vào tay.

Phận sự của sắc biểu tri cũng chỉ để biểu lộ ý định, khi các bậc hiền trí quán sát thì cũng hiểu bằng trí tuệ rằng sắc biểu tri này là nhân của việc chuyển động.

### **Giải thích:**

Theo thông thường, tâm luôn luôn sanh diệt và sắc tâm cũng thường xuyên sanh lên khắp cả thân thể. Sự chuyển động khác nhau của thân cũng không phải là hiện thân của sắc biểu tri. Cho nên tâm, sắc tâm, sự chuyển động cả 3 không phải là sắc biểu tri. Bởi vì người chưa biết được ý định của mình, người khác biết được ý định của mình chỉ riêng biệt có sắc biểu tri mà thôi.

Do đó, thân biểu tri cũng tức là gió của sắc tâm (**cittajavāyo**) đang có nơi tay khởi hiện có sức mạnh đặc biệt vào sát na đang vẫy tay; còn việc chuyển động của tay vẫy qua vẫy lại là thành quả, cho nên sắc biểu tri này khi hiện bày lên thì luôn luôn biểu lộ sự diễn tiến cho trùng khớp với ý định của mình không sai lệch ý định được. Bởi vì sắc biểu tri này có sự khởi hiện đến từ tâm, khi tâm có ý định khởi lên như thế nào thì tâm này ra lệnh cho 4 sắc đại, gọi là đất của sắc tâm (**cittajapathavī**), nước của sắc tâm

(**cittajaāpo**), lửa của sắc tâm (**cittajatiḥo**), gió của sắc tâm (**cittajavāyo**).

Vì vậy vào sát na vẫy tay thì cả 4 sắc tâm này cũng cùng nhau khởi hiện, nhưng chỉ có gió của sắc tâm dẫn đầu cho nên mới đề cập rằng phong đại (**vāyodhātu**) khởi hiện từ tâm sở sanh (**cittasamuṭṭhāna**) là nhân cận của thân biểu tri.

Còn về ngữ biểu tri thì trạng thái, phận sự cũng giống như nhau, chỉ khác nhau quả và nhân cận mà thôi. Nhân cận của ngữ biểu tri cũng tức là địa đại (**paṭhavīdhātu**) khởi hiện từ tâm sở sanh. Khi các bậc thiện trí quán xét thì hiểu bằng trí tuệ rằng : đất của sắc tâm là nhân, việc nói ra lời là quả. Cho nên tiếng bày tỏ ra cũng luôn trùng khớp với mục đích của mình không sai lệch khỏi mục đích của mình được. Bởi vì tiếng này khởi hiện từ tâm cũng tức sắc ngữ biểu tri (**vacīviññattirūpa**), tiếng này vào sát na khởi hiện từ tâm hoàn toàn không nghe được, đến khi tiếng này xúc chạm với đất của sắc nghiệp (**kammajapathavī**), đất của sắc nhiệt lượng (**utujapathavī**), đất của sắc vật thực (**āhārajapathavī**) rồi mới có thể nghe được.

Sự việc ngữ biểu tri luôn luôn bày tỏ đúng với ý định cũng do tiếng đó khởi hiện từ tâm. Khi tâm có ý định như thế nào thì ra lệnh cho 4 sắc đại; nhưng trong tất cả 4 sắc đại này thì đất do sắc tâm dẫn đầu. Do đó, mới đề cập rằng: Địa đại khởi hiện từ tâm sở sanh.

*(Hãy trình bày sự khác biệt nhau giữa nhân làm cho sự chuyển động của thân và chuyển động theo đường ngữ?)*

### 3 SẮC KỲ DỊ (vikārarūpa)

3 sắc kỳ dị tức:

1. Sắc khinh (rūpassalahutā).
2. Sắc nhu (rūpassamudutā).
3. Sắc thích nghiệp (rūpassakammaññātā)

#### 1. Sắc Khinh (rūpassalahutā)

1. **Adhandatā lakkhaṇā:** Trạng thái không có sự khê nệ.
2. **Garubhāvavinodana rasā:** Phận sự loại trừ sự nặng nề.
3. **Lahuparivatti paccupaṭṭhānā:** Thành tựu có sự nhanh nhẹn là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.
4. **Lahurūpa padatṭhānā:** Nhân cận có 3 sắc thành tựu nhẹ nhàng.

#### 2. Sắc Nhu (rūpassamudutā)

1. **Athaddhatā lakkhaṇa:** Trạng thái không có sự thô cứng.
2. **Thaddhatābhāva rasā:** Phận sự loại trừ sự thô cứng.
3. **Anidhodhibhāva paccupaṭṭhānā:** Thành tựu không đối lập với tất cả phận sự là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

**4. Mudurūpa padaṭṭhānā:** Nhân cận có 3 sắc thành tựu mềm mại (**tijanipphannarūpa**).

### **3. Sắc Thích Nghiệp (rūpassakammaññatā)**

**1. Kammaññabhāva lakkhaṇā:** Trạng thái có sự thuận lợi trong các công việc.

**2. Akammaññavinodana rasā:** Phận sự loại trừ sự không thuận lợi trong các công việc.

**3. Adubbalatā paccupaṭṭhānā:** Thành tựu không có sự yếu mềm là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

**4. Kammaññarūpa padaṭṭhānā:** Nhân cận có 3 sắc thành tựu thuận lợi đối với công việc.

#### **Chú thích:**

3 sắc kỳ dị này nếu khởi hiện thì đồng sanh với nhau cả 3 sắc; trong 4 sắc đại thì hỏa đại là gốc, là nhân; 3 đại còn lại là ngọn, là quả; phân ra thành mỗi đôi, được 3 đôi.

1. Đôi hỏa đại nước: Gọi là sắc khinh.

2. Đôi hỏa đại đất: Gọi là sắc nhu.

3. Đôi hỏa đại gió: Gọi là sắc thích nghiệp khởi hiện từ tâm, nhiệt lượng, vật thực. Vì vậy, sắc khinh này mới có đối với đối tượng thuận nhất có sanh mạng.

3 sắc kỳ dị này, tức hành vi, cử chỉ đặc biệt ở trong sắc tứ đại khởi hiện từ tâm, nhiệt lượng, vật thực.

Lúc nào thủy đại khởi hiện từ tâm, nhiệt lượng, vật thực không quân bình nhiều đi hay ít đi bởi vì xúc chạm với duyên đối nghịch (**virodhipaccaya**) nương từ tâm không an ổn, nhiệt lượng không tốt, vật thực không thích hợp thì vào sát na đó sẽ khởi hiện cảm nhận rằng: có các trạng thái bất an; như không há miệng được, không giơ tay lên được, thân hình nặng nề, nước mắt chảy ra và có mùi hôi. Các việc này nương từ việc xúc chạm với tâm do duyên đối nghịch; tức chính tâm không an ổn, nhiệt lượng không tốt, vật thực không thích hợp đó.

Lúc nào được duyên thuận lợi (**sappāyapaccaya**), tức tâm an ổn, nhiệt lượng tốt, vật thực thích hợp, nước cũng quân bình, trong lúc đó thân nhẹ nhàng, tức sắc khinh khởi hiện, như thân được an lạc, không đau ốm, không có bệnh tật.

Lúc nào địa đại hoại, lúc đó khởi hiện cảm nhận lên liền, tức thì không duỗi tay, duỗi chân được, muốn đi ra nhưng thân thể cứng đờ cũng do nương từ việc xúc chạm bởi duyên đối lập; như tâm không an ổn, nhiệt lượng không tốt, vật thực không thích hợp, địa đại hoại thì thân cứng đờ như khúc cây. Như vậy lúc đó sắc nhu cũng không khởi hiện.

Do đó địa đại này mà hỏng; ví như da bò, da trâu, da dê chưa pha trộn với bất cứ cái gì cả, thường có trạng thái cứng, dùng làm việc gì cũng không được, đến khi được pha

trộn vào với vật chất sai biệt, rồi mới làm cho mềm xuống và được sử dụng làm lợi ích như thế nào; thì địa đại này nếu được xúc chạm nhau với duyên thuận lợi, như tâm an ổn, nhiệt lượng tốt, vật thực thích hợp lúc nào; lúc đó cũng mềm mại và sắc nhu cũng khởi hiện. Đây là hành vi, cử chỉ đặc biệt, gọi là sắc kỳ dị (**vikārarūpa**) đang có bên trong sắc tứ đại.

Lúc nào phong đại hoại, lúc đó cũng sẽ khởi hiện lên cảm nhận liền tức thì như bốc hỏa, hoa mắt, ngã té, tay chân không cựa quậy được; nương từ việc xúc chạm với duyên đối nghịch, khởi hiện từ tâm không an ổn, nhiệt lượng không tốt, vật thực không thích hợp. Đây là trạng thái khởi hiện từ phong đại hoại đi và vào sát na đó sắc thích nghiệp cũng không khởi hiện được hoặc không sanh lên được.

Lúc nào xúc chạm được với duyên thuận lợi, như tâm an ổn, nhiệt lượng tốt, vật thực thích hợp; lúc đó cũng cảm nhận rằng thân có sự thoải mái, gọi là sắc thích nghiệp. Trong sát na đó, vào sát na đó, sắc thích nghiệp cũng khởi hiện.

Phong đại hoại được, ví dụ giống nhau như vàng thông thường, vàng chưa được luyện, tức chưa được làm gì cả, thường đem làm thành nhẫn, dây chuyền, các đồ vật khác nhau. Đối với việc trang điểm thì người thợ không thể làm được; nếu sắp đặt để luyện kim hoặc làm gì cho hoàn thành xong xuôi rồi thì người thợ mới có thể tạo thành các đồ vật khác nhau được. Điều này như thế nào thì thân này nếu phong đại hoại thì không thể làm bất cứ phận sự nào được

cả; bởi vì không có trạng thái chuyển động được, như người bại liệt, người bị trúng gió.

**Āyu usmā ca viññāṇaṃ Yadā kayamaṃ johaṇti naṃ**

**Āpaviddho tadā seti Niratthamaṃva- kalingaram**

Sắc mạng quyền, danh mạng quyền, hơi ấm (lửa làm cho ấm áp) (**Usmātejodhātu**) và tâm dị thực quả lìa khỏi thân này khi nào, khi đó thân này sẽ bị vứt bỏ cho nằm trong bãi tha ma, giống như khúc cây chẳng có lợi ích.

(Trong kinh Đại phẩm, bài kinh **Pārāsarājabba**).

#### Ví Dụ 4 Sắc Tứ Đại

**Kaṭṭhamukha āsivisoviya pathavīdhātu daṭṭhabbā pūtimukha aggimukha satthamukhāviya sesadhātuyo.**

Khi địa đại biến đổi có thực tánh cứng giống nhau như khúc cây, giống như bị loại răn mủ cây (**kaṭṭhanukha**) cắn.

Khi thủy đại biến đổi có thực tánh nhầy nhụa, hôi thối, giống như loại răn mủ thúi (**pūtimukha**) cắn.

Khi hỏa đại biến đổi, có thực tánh nóng ran lên giống như bị loại răn lửa (**aggimukha**) cắn.

Khi phong đại biến đổi, có thực tánh cắt đứt thành từng khúc, tức bước đi không nối tiếp nhau thành từng đoạn, giống như bị loại răn mủ khí giới (**satthamukha**) cắn.

## **SẮC SINH (upaccayarūpa)**

1. **Rūpassa ācaya lakkhaṇa:** Trạng thái sanh lên lần đầu tiên của 4 sắc thành tựu (**catujanipphannarūpa**).

2. **Rūpānaṃ uppajjāpana raso:** Phận sự làm cho 4 bọn sắc thành tựu chưa sanh được hiện bày lên (**sampattirasa**).

3. **Niyyātana paccupaṭṭhāno** hoặc **Paripunṇabhāvo paccupaṭṭhāno:** Thành tựu biểu hiện hình dáng cho hiện rõ ngay trước mặt đối với trí tuệ của các bậc thiện trí cho biết rằng đây là sắc, hoặc có thực tánh đầy đủ của sắc là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

4. **Upatitarūpa padaṭṭhānā:** Nhân cận có 4 bọn sắc thành tựu đang sanh.

## **SẮC TIẾN (santatirūpa)**

1. **Rūpassa pavatti lakkhaṇa:** Trạng thái có sự khởi hiện nối tiếp nhau của 4 sắc thành tựu.

2. **Anuppabandhana rasā:** Phận sự có sự nối tiếp nhau.

3. **Anuppaccheda padaṭṭhānā:** Thành tựu nối tiếp nhau không gián đoạn là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.

4. **Anuppabandhaka rūpa padaṭṭhānā:** Nhân cận có 4 bọn sắc thành tựu hiện khởi nối tiếp nhau.

## SẮC DỊ (jaratārūpa)

1. **Rūpassa paripāka lakkhaṇa:** Trạng thái có sự già nua của 4 sắc thành tựu.
2. **Bhaṅgupanayyana rasā:** Phận sự dẫn dắt đi đến sự diệt.
3. **Navabhāvāpagamana paccupaḍḍhānā:** Thành tựu lìa khỏi hình thành sự trẻ là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.
4. **Paripaccamāna rūpapadaḍḍhānā:** Nhân cận có 4 bộn sắc thành tựu đang già nua và cũ kỹ.

## SẮC DIỆT (aniccatārūpa)

1. **Rūpassa paribheda lakkhaṇa:** Trạng thái diệt mất toàn diện 4 bộn sắc thành tựu.
2. **Samsīdana rasā:** Phận sự chìm xuống, không ngoi lên được nữa.
3. **Khayavaya paccupaḍḍhānā:** Thành tựu có sự chấm dứt, hoại đi là thực tánh hiện rõ trong trí tuệ của các bậc thiện trí.
4. **Parībhijjamāna rūpa padaḍḍhānā:** Nhân cận có 4 bộn sắc thành tựu đang diệt mất toàn diện.

### Chú thích:

Hãy trình bày chi pháp của nhóm sắc này cùng với giải thích sắc lục (**balarūpa**), sắc nguồn cội (**sambhavarūpa**), sắc sinh (**jatirūpa**), sắc bệnh (**rogarūpa**).

Sắc lục (**balarūpa**): Sắc có sức mạnh, chi pháp: Phong đại.

Sắc nguồn cội (**sambhava**): Nguồn cội nước làm cho sắc sanh lên tiếp tục được, chi pháp: Thủy đại.

Sắc sinh (**jatirūpa**): chi pháp: Sinh, tiến của sắc thành tựu.

Sắc bệnh (**rogarūpa**): chi pháp: Di, diệt của sắc thành tựu.

### Sắc Sinh (upaccayarūpa):

Chính việc khởi hiện lên lần đầu trở thành năng lực tiếp diễn (**gūṇasampatti**), năng lực tiếp diễn sẽ khởi hiện được cũng phải có chính bốn 4 sắc thành tựu (**catuyanipphannarūpa**) đó khởi hiện lên lần đầu là nhân, làm cho sanh lên năng lực tiếp diễn; nếu nhân cận làm cho khởi hiện không có thì năng lực tiếp diễn sẽ không tự khởi hiện thì thường không diễn tiến được.

Phân sự làm cho 4 bọn sắc thành tựu chưa sanh cho tự hiện bày lên được. Như vậy thì sự hiểu biết của các bậc thiện trí mà biết được sâu rộng sẽ phải biết bằng pháp học (**pariyattidhamma**)

(Đối với pháp hành (**paṭipattidhamma**) thì biết được thực tánh thật nhưng không thể đem ra thuyết giảng được).

Đôi với thấp sanh và hóa sanh vào sát na tục sinh có 7 bợn (**kalāpa**), 7 bợn sanh lên lần đầu tiên này, gọi là sắc sinh (**upaccayarūpa**); kể từ tục sinh thì 4 bợn sắc đó cũng khởi hiện nối tiếp mãi cho đến khi sự phát triển của nhóm sắc này dừng lại, gọi là sắc tiến (**santatirūpa**). Sắc sinh của thấp sanh (**samsedaja**) và hóa sanh (**opapātika**) không phân ra mà chỉ có 1 giai đoạn, khác nhau với thai sanh (**gabbhaseyyaka**) thì phân ra thành 2 giai đoạn.

### Sắc Tiến (**santatirūpa**)

Việc khởi hiện lên nối tiếp, không gián đoạn trở thành năng lực tiếp diễn, năng lực tiếp diễn khởi hiện nối tiếp không gián đoạn sẽ sanh lên được, cũng do có 4 bợn sắc thành tựu là nhân cận, nếu nhân cận tức 4 bợn sắc thành tựu (**catujanipphannarūpa**) không có thì năng lực tiếp diễn (**guṇasampatti**) có tự tiện sanh lên cũng không diễn tiến được; và chính việc nối tiếp đó là phạm sự (**sampattirasa**). Như vậy vào sát na mà các bậc thiện trí quán xét sắc này bằng tuệ quán (**vipassanañāṇa**) cũng khởi lên sự hiểu biết rằng sắc này sanh lên nối tiếp nhau, không gián đoạn suốt ngày, suốt năm, suốt đời sống, gọi là *danh và sắc là pháp song hành nhau* (**yamakam nāmarūpañca**), *chỉ khác nơi nương với nhau* (**ubho aññoṇṇa nissitā**). Do đó, mới có câu hỏi lần thứ 86 rằng:

Hãy dịch và giải thích kệ ngôn như sau:

**Rajjuyogā dāruyantam Sabyāpāram va khāyati**

**Evam suññaṃ nāmarūpaṃ Aññaṃaññaṃ samāyutam.**

Con rối thường hiện bày các trường hợp khác nhau, giống như tự chuyển động do nương vào dây giạt; danh và sắc là pháp không có bản ngã, sanh mạng thường nương vào lẫn nhau; giống như con rối với dây giạt.

Câu kệ ngôn này ám chỉ đến danh sắc phân tích tuệ (**nāmarūpaparicchedañña**) hoặc tuệ xác định danh sắc (**nāmarūpavavatthānañña**), hữu vi phân tích tuệ (**saṅkhāraparicche ñañña**) thuộc kiến thanh tịnh (**diṭṭhivisuddhi**).

Sát na đi, đứng, bước, ngồi, nằm. Tâm muốn. Gió của sắc tâm nâng đỡ đẩy tới thân uẩn (**kāyakhandha**) chuyển động xô dịch (sắc biểu tri), 3 chi phần này gọi là đi lại.

Sát na đi: Sự muốn là nhân thuộc về danh.

Sự trợ giúp đẩy tới: Là quả thuộc về sắc.

Tâm là nhân làm cho gió sanh lên, gió là nhân làm cho chuyển động khởi hiện, nếu như quán xét được khít khao thì sẽ biết được Danh sắc phân tích tuệ và Duyên đạt tuệ (**paccayapariggahañña**).

**Cittanānstamāgamma      Nānattaṃ hoti vāyuno**

**Vāyunānattato nānā      Hoti kāyassa iñchanā**

Do nương vào sự diễn tiến khác nhau của tâm, sự diễn tiến khác nhau của gió nên khởi hiện sự chuyển động của thân luôn diễn tiến khác nhau do diễn tiến khác nhau của gió.

*(Trích trong số giải Suttanipāta).*

**Cittanānattamāgamma:** Tâm là nhân, là duyên.

**Nānattamhotivāyuno:** Phong đại của sắc tâm là hiện tại.

**Vāyunānattatonānā:** Gió của sắc tâm là duyên.

**Hotikayassaiñchanā:** Thân biểu tri là hiện tại.

(**Rajju:** Dây, **Dāruyantam:** Con rôi, **Iñchanā:** Giống như con rôi).

Trong việc đặt tên sắc chân đế thật và chân đế không thật; sắc chân đế thật có 18 sắc là sắc sanh lên từ 4 sở sanh; sắc chân đế không thật có 10 sắc, không sanh lên từ một sở sanh nào.

Khi phân tích 28 sắc theo số lượng sở sanh (**samuṭṭhāna**) thì hiện bày sắc chân đế không thật khởi hiện từ sở sanh, vì sao?

Bởi vì có sự trình bày theo trực tiếp và theo gián tiếp do trước khi phân tích theo sở sanh thì sanh lên từ sở sanh giống nhau. Bởi vì nhóm sắc này nương vào sắc thành tựu mà khởi hiện và sắc thành tựu này mà loại trừ sắc phi thành tựu ra thì không được. Do đó việc trình bày sắc phi thành tựu không sanh lên từ 1 sở sanh nào là trình bày theo trực tiếp (**mukhayānaya**), nhưng việc trình bày sắc phi thành tựu khởi hiện từ tâm sở sanh là trình bày theo gián tiếp (**upacāranaya**).

Và 2 sắc biểu tri, 3 sắc kỳ dị này là tánh chất đặc biệt của sắc thành tựu; vì vậy tánh chất đặc biệt này cũng có 2 trường hợp là:

Tánh chất đặc biệt sanh lên từ mình, tức 2 sắc biểu tri.

Tánh chất đặc biệt sanh lên ở trong mình, tức 3 sắc kỳ dị.

Trong chương 4, Ngài đề cập rằng: 2 sắc biểu tri, 4 sắc tứ tướng không có tuổi thọ dài 17 sát na tâm; bởi vì 2 sắc biểu tri này là nhóm sắc phi thành tựu (**anipphannarūpa**) chỉ là một phần tánh chất của sắc thành tựu, chỉ có tâm làm sở sanh, gồm có 17 sắc tâm như sắc thính, 2 sắc biểu tri, 3 sắc kỳ dị, 8 sắc bất ly (**avinibbhoppagarūpa**), sắc giao giới, 2 sắc tướng (**lakkhaṇarūpa**), và khởi hiện thành mỗi nhóm, gọi là 8 bợn sắc tâm.

Trong tất cả 8 bợn sắc tâm thì 8 sắc bất ly, thân biểu tri khởi hiện từ tâm có gió dẫn đầu, gọi là bợn thân biểu cửu sắc (**kāyaviññattinavakalāpa**).

8 sắc bất ly, thân biểu tri có gió (**samīraṇavāyo**) cùng với 3 sắc kỳ dị, gọi là bợn thân biểu khinh thập nhị sắc (**kāyaviññattilahutādidvādassakakalāpa**).

8 sắc bất ly, ngũ biểu tri, sắc thính khởi hiện từ tâm có đất dẫn đầu, gọi là bợn ngũ biểu, thính thập sắc (**vacīviññattisaddadasakakālāpa**).

8 sắc bất ly, ngũ biểu tri, sắc thính khởi hiện từ tâm có đất dẫn đầu cùng với 3 sắc kỳ dị, gọi là bợn ngũ biểu, thính, kỳ dị thập tam sắc (**vacīviññattisaddalahutāditerasadasakakalāpa**).

Tóm lại, cũng chính là 8 sắc bất ly đó; vì vậy mới nắm giữ được rằng có tuổi thọ bằng với 17 sát na tâm; nếu sắc

bất ly không có gió khởi hiện từ tâm cũng là bợn bát thuận (**suddhaṭṭhakakalāpa**) cho nên mới không cần thiết phải nêu lên 2 sắc biểu tri, 4 sắc tứ tướng nói cho nhiều; bởi vì nhóm sắc này chỉ là tánh chất của sắc thành tựu khởi hiện từ tâm sai khiến như đã trình bày.

Ví như lời nói rằng gió mạnh, sóng to, sóng này không đang có riêng biệt chỉ là nước dợn sóng lên từ gió thổi; nếu gió ngưng lại thì nước cũng lặng yên. Điều này như thế nào thì 8 sắc bất ly khởi hiện từ tâm sai khiến cũng có trạng thái chuyển động lên như thế đó; vì vậy Ngài mới đề cập rằng: 2 sắc biểu tri, 4 sắc tứ tướng không có tuổi thọ dài 17 sát na tâm.

### **Chú thích:**

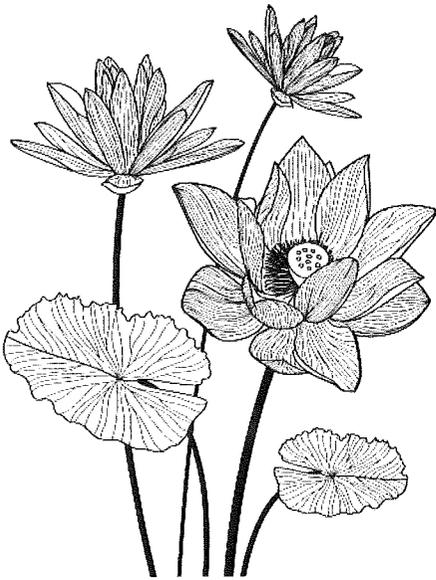
5 sắc nội phần (**ajjhattikarūpa**), 23 sắc ngoại phần (**bāhirarūpa**).

5 sắc nội phần này là sắc quan trọng và có lợi ích đối với vô số tất cả chúng sanh; bởi vì tất cả chúng sanh, mỗi người đều nương vào chính sắc nội phần này tạo lợi ích cả trong cõi dục giới và cõi sắc giới; nếu tất cả chúng sanh thiếu mất 5 sắc này thì sẽ trở nên mất hết ý tứ (giống như phạm Thiên vô sắc), tất cả công việc trên thế gian cũng không thể thực hiện được suôn sẻ.

Sự việc mà tất cả chúng sanh nhận được lợi ích quảng đại như ân đức được thấy cao thượng (**dassanānuttariyaṅga**),

ân đức được nghe cao thượng (**savananuttariyaguna**) lẫn lợi ích thuộc về đường đời và thuộc về đường đạo pháp mà chúng ta đang tạo với nhau, đang nhận được hàng ngày, cũng do nương vào 5 sắc nội phần đó là vật mang lại lợi ích cho. Do đó, Ngài giáo thọ sư **Anuruddha** mới trình bày cho biết rằng sắc bên trong tạo sự liên hệ với tâm trực tiếp lẫn là sắc tạo sự an tâm để làm các công việc được; giống như người trong nhà là nơi an tâm để giao phó cho thực hiện các công việc thay thế mình được.

Còn 23 sắc còn lại thì tất cả chúng sanh không nương vào được để tạo điều lợi ích; vì vậy Ngài mới xếp vào là sắc bên ngoài, giống như người bên ngoài không có sự liên quan đến phận sự nào lẫn không tin tưởng được.



## NÍP BÀN (Nibbāna)

Kệ ngôn Bồ tát nói Ma vương trong lúc đang thực hành tu tiên ở trong rừng:

**Anumattopi puññaena      Attho mayham na vijjati**

**Yesañca attho puññaena      Te māro vattumarahati**

Này Ma vương (**māradevaputta**). Ta không còn muốn thiện pháp chút nào cả cho dù chỉ chút ít; vì vậy không cần nói đến thiện pháp; Người hãy đi báo với người khác mà họ mong cầu thiện pháp sẽ tốt hơn.

1\_ Lời dạy trong Phật giáo đặc thù toàn hảo mà tôn giáo khác không có được như thế nào?

Lời dạy trong Phật giáo đặc thù toàn hảo mà tôn giáo khác không có được, gồm có:

1. Lời dạy liên quan đến danh sắc, ngũ uẩn và sự sinh diệt của danh sắc; ngũ uẩn tức tạng Thắng pháp (**Abhidhammapiṭaka**).

2. Lời dạy liên quan với thực tánh của Đạo, Quả, Níp bàn có thể đoạn trừ sanh hữu (**bhavajāti**) khác nhau.

3. Lời dạy về pháp hành đưa đến chứng đắc Đạo,

Quả, Níp Bàn, tức phương pháp thực hành minh quán (**vipassanā**).

Cả 3 trường hợp này không có trong lời dạy của tôn giáo khác.

(Lời dạy của Bậc Chánh Đẳng Giác khác nhau với tôn giáo khác về 3 trường hợp này. Xin tất cả học viên đọc lời mở đầu của Ngài giáo thọ sư đã ghi trong sách bộ **Nāmarūpavithīvinicchaya**, lời mở đầu trong bộ **Dhātukāsarupatthanissaya**, lời mở đầu trong bộ **Samathakammaṭṭhānadīpanī**, và lời mở đầu trong bộ chương trình tiểu học Thắng pháp sơ cấp cho đến lời mở đầu trong bộ **Dhammasaṅgaṇī pāṭhakathājogadī** như đã soạn để được thuận lợi cho tất cả học viên nắm bắt được nội dung đặt thành từng câu ngắn khi có người hỏi đến).

2\_ Đức Phật thuyết trong Tương ưng kinh (**saṃyuttapāḷi**) rằng:

**“Yavātā bhikkhave dhammā saṅkhatā vā asaṅkhatā vā virāgo tesam dhammānaṃ aggamkkhāyati”**.

Này các tỳ kheo, nhóm pháp nào bị tạo tác bởi 4 duyên và không bị tạo tác bởi 4 duyên, gọi là hữu vi (**saṅkhatā**), vô vi (**asaṅkhatā**). Trong tất cả 2 pháp hữu vi, vô vi này, Đức Như Lai thuyết rằng: “ Pháp vô vi, tức Níp bàn ly tham ái và là nhân chấm dứt tham ái, là pháp cao quý tối thượng”. Trong Phật ngôn này, Ngài không thuyết đến chế định (**paññatti**) nhưng theo thông thường pháp chế định cũng là

pháp không bị tạo tác bởi 4 duyên giống nhau; nhưng vì sao Đức Phật không thuyết là pháp cao quý? Bởi vì pháp vô vi có 2 loại:

1. Pháp vô vi có thực tánh hiện bày.
2. Pháp vô vi không có thực tánh hiện bày.

Cả 2 trường hợp này thì pháp vô vi có thực tánh hiện bày đó (hỗ trợ) cho tất cả chúng sanh chứng đắc được A la hán Đạo, A la hán Quả, tức Níp bàn. Còn pháp vô vi không có thực tánh hiện bày đó thì tất cả chúng sanh không thể chứng đắc được, chỉ là nhận lấy làm cảnh mà thôi, tức các chế định sai biệt.

Níp bàn là pháp vô vi không có 4 duyên tạo tác, bởi vì lia khỏi 5 uẩn; còn chế định là pháp vô vi không có 4 duyên tạo tác bởi vì không có thực tánh.

Sự khác biệt nhau giữa sự tồn tại (hiện diện) của 2 pháp vô vi như đã đề cập trên, nên mới nói được rằng: chế định là pháp vô vi, xếp vào là pháp không cao quý, bởi vì không có thực tánh; vì vậy Đức Phật mới không thuyết là pháp cao quý.

### **Chú thích:**

Nghiệp là pháp tạo tác (nhưng) tạo tác bên trong chúng sanh hay bên ngoài chúng sanh?

Tạo tác bên trong chúng sanh, tức dị thực quả và sắc

nghiệp “dẫn chứng cho thấy” phải chỉ ngay chính thân thể của chúng sanh đó, nhưng chỉ lấy 5 sắc thân kinh, 2 sắc tánh, sắc ý vật, lửa làm cho tiêu hóa vật thực (**pācakatejo**) và tâm quả như sự thấy, sự nghe... sự chuyển động, sự nói khởi hiện từ tâm.

Trong thân thể chúng ta “dẫn chứng cho thấy” chỉ riêng biệt chỗ nào bị thời tiết tạo tác thì khó tìm được nhất, bởi vì sắc nghiệp tạo tác bao bọc hết chỉ có được riêng biệt từ sự mát, sự nóng, bị nắng nhiều, rét nhiều. Nếu chế định đối tượng không có sanh mạng thì sẽ nói được chăng là cao thượng? Không nói được.

Níp bàn có thật do thực tánh chấm dứt danh sắc, 5 uẩn có thật, nếu thực tánh chấm dứt danh sắc, 5 uẩn không có thật thì người đắc thông (**abhiññālābhi**), tha tâm thông (**paracittavijānana**), vị lai thông (**anātaṃsa**) sẽ phải gặp tìm cách nào cũng không gặp được, chính đây gọi là có thật.

Còn về chế định, như chén ngọc dù ở bất cứ đâu thì giá trị vẫn không đổi, bởi vì là chân đế. Nếu chỉ là lời nói chế định “chén ngọc” thì khi ra khỏi đất nước Thái Lan sẽ trở nên vô ích.

Việc quán xét Níp bàn phải quán xét bằng trí tuệ, nhưng nếu trí tuệ đặt để trên tham, si cũng không biết được; mà phải là trí tuệ đặt để trên trí tuệ, tức đặt để trên tín, tấn, niệm, định, tuệ thuộc về quyền (**indriya**) là trí tuệ có từ lúc tục sinh (**paṭisandhikāla**) hoặc có do việc học tập tốt nhất hoặc

tu tiên minh quán (**vipassanā**) thì trí tuệ mới khởi hiện suy xét đến thực tánh của Níp bàn được.

3\_ Trong sự việc Đức Phật thuyết về bài kinh Đại niệm xứ (**mahāsatiṭṭhānasutta**) rằng: “**Ekāyano ayam bhikkhave maggo sattānaṃ nāyossa adhiḡamāya**” đó, Ngài thuyết có mục đích để giải thích chi tiết như thế nào?

Từ “**Nāya**” trong nơi đây ám chỉ đến 8 chi đạo là đạo đế, từ “**Adhiḡamāya**” ám chỉ đến để chứng đắc Thánh đạo. Khi gom lại 2 từ vào với nhau, ám chỉ đến việc thực hành theo phương pháp Tứ niệm xứ (**satiṭṭhāna**) này có thể làm cho người thực hành vẫn còn phàm nhân chứng đắc trở thành Thánh nhân được.

Lại nữa, nương vào lời nói mà Đức Phật thuyết rằng: “**Nāyassa**”, từ này được giải thích rằng làm cho biết được, cho dù bậc đã chứng đắc Nhập lưu, khi muốn chứng đắc Nhất lai, hay bậc Nhất lai muốn chứng đắc Bất lai, hay bậc đã chứng đắc Bất lai muốn chứng đắc A la hán. Các Ngài này cũng phải nương vào việc thực hành theo phương pháp Tứ niệm xứ như nhau, ngoài ra phương pháp này thì không có phương pháp khác.

Thật ra, việc thực hành minh quán tiến hành theo phương pháp Tứ niệm xứ vào giai đoạn đầu hành giả đang ghi nhận quán xét danh sắc thì 4 chi đạo (trừ 3 chi đạo giới phần) thường khởi hiện, 4 chi đạo này vẫn còn là hiệp thế, gọi là Đạo niệm xứ phần đầu (**pubbabhāgasatiṭṭhānamagga**)

và chính Đạo niệm xứ phân đầu này là bậc thang làm cho chúng đắc được Siêu thế đạo (**lokuttaramagga**). Nếu người đó không có 5 điều trở ngại là pháp ngăn cản đối với thiền, đạo, quả. Trong sự việc biết được như vậy cũng chính do nương vào từ Ñāyassa đó.

### 5 Điều trở ngại là pháp ngăn cản đối với Thiền, Đạo, Quả là:

1. Trở ngại do nghiệp (**kammantarāya**): Tức người từng tạo ngũ nghiệp vô gián (**pañcānantoriyakamma**) và từng xâm hại tỳ kheo Ni.

2. Trở ngại do phiền não (**kilesantarāya**): Tức người thuộc 3 nhất định tà kiến (**niyatamicchādiṭṭhi**) là:

a. Vô hữu kiến (**natthikadiṭṭhi**): Có sự hiểu rằng hành động thiện, hành động bất thiện không nhận lãnh quả chi cả.

b. Vô nhân kiến (**ahetukadiṭṭhi**): Có sự hiểu rằng: tất cả chúng sanh đang nhận lãnh đau khổ hoặc an lạc đi nữa, không nương vào cái gì là nhân làm cho sanh lên, tất cả đều tự diễn tiến.

c. Vô hành kiến (**akiriyadiṭṭhi**): Có sự hiểu rằng: tất cả chúng sanh thực hành thiện cũng không được phước, thực hành bất thiện cũng không có tội.

3. Trở ngại do dị thực quả (**vipākantarāya**): Tức tục sinh bằng tâm quả vô nhân hoặc tâm quả nhị nhân.

4. Trở ngại do phỉ báng Thánh nhân (**ariyūpavādanārāya**): Tức là người chê bai khinh thường tất cả các bậc Thánh.

5. Trở ngại do vượt quá điều cấm chế (**āṇāvītikkamantarāya**): Tức người vi phạm điều chế định mà Đức Phật đã chế định.

Trong tất cả 5 điều trở ngại đã đề cập trên thì người đang thực hành minh quán có 3 điều trở ngại là trở ngại do nghiệp, trở ngại do dị thực quả, trở ngại do phỉ báng bậc Thánh nhân. Nếu là tỳ kheo, sadi thì thêm điều thứ 5 là trở ngại do vượt quá điều cấm chế.

Đối với trở ngại do phiền não thì không có đối với người đang thực hành minh quán, bởi vì người có tâm tin tưởng đối với việc thực hành này sẽ là người không có 3 tà kiến nhất định được.

Trong số lượng 4 điều trở ngại (**antarāya**) khởi hiện được đối với người thực hành Tứ niệm xứ thì trở ngại đôi khi cũng có thể giải quyết được, trở ngại đôi khi cũng không giải quyết được. Như trở ngại do nghiệp và trở ngại do dị thực quả nếu đang có với hành giả nào thì hoàn toàn không giải quyết được, nghĩa là hành giả đó miệt mài thực hành lâu bao nhiêu đi nữa vẫn không chứng đắc Đạo, Quả, chỉ là tuệ quán (**vipassanāñāṇa**) khởi hiện được phần nào theo tương ứng, tức đối với người có trở ngại do dị thực quả thì tuệ quán khởi hiện đến Thâm quán tuệ (**sammasanāñāṇa**).

Còn người có trở ngại do nghiệp, nếu là tục sinh vô nhân hoặc tục sinh nhị nhân thì tuệ quán khởi hiện được cũng giống như vậy, nhưng nếu người có trở ngại do nghiệp là người tục sinh tam nhân thì tuệ quán có thể khởi hiện được đến hành xả tuệ (**saṅkhārupekkhāñāṇa**), thì dừng lại, chỉ ngần ấy không chứng đắc thêm nữa.

Trở ngại mà giải quyết được có 2, tức trở ngại do phi báng Thánh nhân và trở ngại do vượt quá điều cấm chế sẽ có phương cách giải quyết. Nếu hành giả nào đang có trở ngại do phi báng Thánh nhân thì phải xin sám hối trước mặt vị Thánh mà mình chê bai khinh thường đó; nếu vị Thánh đã chết thì phải xin sám hối trước thi hài hoặc hài cốt hoặc di ảnh của Ngài cũng được. Khi đã làm như vậy rồi thì nghiệp này cũng trở thành vô hiệu nghiệp (**ahosikamma**) và không ngăn cản đối với Đạo, Quả.

Nếu hành giả là vị tỳ kheo nào có trở ngại vi phạm điều cấm chế thì phải giải tỏa tội đó theo tương ứng, nghĩa là nếu là tội nhẹ thì trình tội cho bạn đồng phạm hạnh với nhau, gọi là sám hối (**desanakamma**), nếu là tội nặng như Tăng tàn thì phải hành biệt trú (**parivāsa**), rồi hành khiêm cung (**mānatta**) cho đến phục vị (**abbhānakamma**) là điều sau cùng gọi là Thoát khỏi tội (**vuṭṭhānakamma**). Nếu là loại tội nặng bất cộng trụ (**pārājika**) thì phải hoàn tục khỏi giới phẩm tỳ kheo, trở thành sadi hoặc cư sĩ. Khi thực hành như đã đề cập, hành giả cũng trở thành người trong sạch thoát khỏi trở ngại do vượt quá điều cấm chế và không cản trở đối với Đạo, Quả.

Nếu là sadi vi phạm 10 điều trục xuất (**liṅganāsana**) như sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu và các chất say, phỉ báng Phật (**buddhassa avaṇṇaṃ bhāsita**), phỉ báng Pháp (**dhammassa avaṇṇaṃ bhāsita**), phỉ báng Tăng (**saṅghassa avaṇṇaṃ bhāsita**), tà kiến (**micchāditṭhika**), dâm vãi tỳ kheo ni (**bhikkhunīdusaka**).

Một trong những tội nào thì phải hoàn tục khỏi giới phẩm sadi, trở thành cư sĩ hoặc nếu không hoàn tục thì phải xin giới mới. Như vậy, xem như chấm dứt điều trở ngại, chính điều này không cản trở đối với Đạo, Quả.

Người thoát khỏi 5 điều trở ngại bởi trường hợp nào đi nữa, khi thực hành theo đường lối Niệm xứ (**satipaṭṭhāna**) bằng chánh cần (**sammappadhānavīriya**) thì Đạo niệm xứ phần đầu (**pubbabhāgasatipaṭṭhānamagga**) khởi hiện lên trong chính sát na đó là đạo lộ làm cho chúng đắc được Thánh đạo. Do đó, Đức Phật mới thuyết xác chứng rằng: “**Ekāyano ayaṃ bhikkhave maggo sattānaṃ ñayassa adhiḡamāya**”.

Này tỳ kheo, phương thức thực hành Tứ niệm xứ này là đạo lộ độc nhất dẫn đến chúng đắc Thánh đạo của tất cả chúng sanh.

4\_ Việc thực hành làm cho Níp bàn hiển lộ rõ ràng trước mắt bằng cách trực tiếp được, (Ngài) thuyết rằng: “**Ekāyano ayaṃ bhikkhave maggo sattānaṃ nibbānassa sacchikiriyāya**”. Ngài ám chỉ đến trí tuệ nào và Ngài có ám chỉ để là cho biết được ý nghĩa đặc biệt hay chăng?

Việc làm cho Níp bàn sáng tỏ trước mắt bằng Quả tuệ (**phalañāṇa**), gọi là “**Nibbānassa sacchikiriyāya**”, và sự việc làm cho Níp bàn hiển lộ rõ ràng trước mắt cũng do nương vào việc thực hành theo phương pháp Tứ niệm xứ, chính là Đạo niệm xứ phần đầu, ngoài ra Đạo niệm xứ phần đầu này thì không có đạo lộ khác nữa.

Do đó, tất cả hàng tín đồ thực hành các thiện pháp rồi ước nguyện rằng: “**Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu**” cũng đều ám chỉ đến Vô dư Níp bàn (**anupādisesanibbāna**) có thể làm cho thoát khỏi khỏi khổ khác nhau được, nhưng người sẽ đạt được Vô dư Níp bàn này cũng phải chứng đắc A la hán trước, khi viên tịch Níp bàn rồi mới đạt được vô dư y Níp bàn tương ứng như ước nguyện được; người sẽ trở thành bậc A la hán được không phải là phạm nhân chứng đắc (trở thành bậc A la hán) liền tức thì. Có nghĩa là người sẽ trở thành bậc A la hán, sẽ phải là bậc Bất lai trước; người sẽ trở thành bậc Bất lai cũng phải là bậc Nhất lai trước; và người sẽ trở thành bậc Nhất lai cũng phải là bậc Nhập lưu trước; người sẽ thành bậc Nhập lưu cũng phải thực hành theo đường lối Tứ niệm xứ là Đạo niệm xứ phần đầu trước theo tuần tự. Trong sự việc mà biết được như vậy cũng do nương vào từ **Nibbānassa sacchikiriyāya** đó.

Đối với thời gian sẽ trải qua chứng đắc trở thành bậc Nhập lưu cho đến A la hán cũng tùy theo ba la mật của người đó; nếu người nào từng tạo trữ ba la mật liên quan

đến trí tuệ trong vấn đề sanh diệt của danh sắc có thực tánh vô thường, khổ, vô ngã; thời gian lâu dài đã nhiều cõi, nhiều kiếp, Quyền của người đó cũng già dặn; vì vậy hạng người này khi có cơ hội tu tiến Tứ niệm xứ cho dù chỉ chút ít thời gian, như lúc đang nghe thuyết pháp cũng biết được sự sinh diệt của danh pháp, sắc pháp bên trong mình bằng niệm, tỉnh giác tự khởi hiện lên và ngay lập tức tuệ quán cũng sanh khởi theo tuần tự cho đến giai đoạn Nhập lưu, Nhất lai, Bất lai, A la hán nối tiếp nhau trở đi trong khoảng thời gian chỉ chút ít, chỉ bằng sự nhanh chóng của tâm làm cho nhận biết tương tự rằng: Chúng đắc A la hán sanh khởi nối tiếp liền tức thì từ phạm nhân. Còn về người vẫn còn ba la mật non yếu thì Quyền của người đó cũng non yếu; vì vậy việc chúng đắc trở thành bậc Nhập lưu, Nhất lai, Bất lai, A la hán của hạng người này cũng thường mất thời gian nhiều, tùy theo mãnh lực của Quyền có thể sẽ nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm, nhiều kiếp.

Lại nữa, sát na mà Đạo, Quả khởi hiện thì Đạo tuệ cho dù liễu tri Níp bàn bằng phạm sự thấu đáo (**sacchikarāṇakicca**) thật nhưng chưa trọn vẹn hoàn toàn, bởi vì phạm sự của Đạo tuệ là pháp đoạn trừ phiền não trực tiếp.

Còn đối với việc liễu tri Níp bàn bằng phạm sự thấu đáo trọn vẹn là phạm sự của Quả tuệ; nhưng vào sát na Quả tuệ sanh lên lần đầu tiên nhiều nhất chỉ khởi hiện 3 sát na đối với người Lợi tuệ (**Tikkhapuggala**) và trong chặng (**vāra**) khởi hiện của 3 sát na Quả tuệ này, nếu so sánh thời gian với nhau

thì không đến 1 phần 100 giây mới xem như biết được rằng: Tất cả bậc Thánh vào sát na đặc Đạo, Quả thì việc buông bỏ pháp hành (**saṅkhata**) danh, sắc là cảnh của tuệ quán, rồi làm cho Níp bàn hiển lộ rõ ràng trước mắt cũng chỉ là thời gian sát na tâm Quả khởi hiện nhiều nhất 3 sát na mà thôi. Kể từ đó tâm của tất cả bậc Thánh trở lại nhận lấy cảnh hiệp thể cũng có, chế định cũng có theo ban đầu. Trong nơi đây không đề cập đến Tuệ phản khán (**paccavekkhaṇaṇa**) khởi hiện kế tiếp lộ đặc đạo (**maggavīthī**). Vì vậy, nên đề cập rằng: “**Nibbānassa sacchikiriyāya**”, tức làm cho Níp bàn hiển lộ rõ ràng trước mắt, cũng ám chỉ lấy giai đoạn tâm của hành giả buông bỏ cảnh pháp danh, sắc và chế định hoặc đề cập rằng: Cảnh mà mình từng ghi nhận biết đó diệt mất không còn cũng được.

Khi một vị Thánh nào có sự nhầm chán đối với việc nhận lấy cảnh hiệp thể và cảnh chế định, muốn nhập thiền quả để làm cho Níp bàn hiển lộ rõ ràng trước mắt một cách trọn vẹn, cũng không có cách thực hành nào khác ngoài ra việc ghi nhận danh sắc sinh diệt theo đường lối Tứ niệm xứ, về sau việc chú nguyện tâm khi tuệ quán kể từ sanh diệt tuệ (**udayabbayaṇa**)... cho đến Thuận thứ tuệ (**anulomaṇaṇa**) khởi hiện thì Quả tuệ cũng sanh lên nối tiếp nhau, không gián đoạn mãi tùy theo thời gian ấn định và tùy theo sức mạnh của Định quyền, tuy nhiên người nhập thiền quả thời gian nhiều hơn 1 hoặc 2 giờ phải là người có Định quyền già mạnh và khi có Định quyền già mạnh thì

cũng nhập thiền quả theo như mong muốn ấn định được. Nếu là bậc Bất lai và A la hán thì nhập được lâu đến 7 ngày cũng được, nếu là bậc Nhất lai thì nhập được ít hơn bậc Bất lai và bậc A la hán, và nếu là bậc Nhập lưu thì nhập được ít hơn bậc Nhất lai theo tuần tự như vậy.

Việc giải thích các ý nghĩa đã trình bày trên cũng do nương vào lời nói mà Đức Phật thuyết xác chứng rằng: **“Ekāyano ayam bhikkhave maggo sattānaṃ nibbānaṃ sacchikiriyāya”**.

“Này tỳ kheo, phương pháp Tứ niệm xứ này là con đường độc nhất dẫn đến làm cho Níp bàn hiển lộ rõ ràng trước mắt của tất cả chúng sanh”.

Lại nữa, đề cập rằng bậc Bất lai và bậc A la hán nhập thiền quả được lâu đến 7 ngày ám chỉ đến chỉ riêng biệt người có sự quán xét về minh quán (**vipassanā**) thường xuyên cùng với sự thuần thục trong việc nhập thiền quả mà thôi, và trong sự việc đề cập được như vậy cũng bởi nương vào lai lịch trong việc nhập thiền quả của Đức Chánh Đẳng Giác và tất cả bậc A la hán hiện bày trong sơ giải Chánh Giác Tông (**buddhavamsaattakathā**), trong giai đoạn Đức Chánh Đẳng Giác thọ hưởng lạc giải thoát dưới cây **Mucalinda** và dưới cây **Rājāyatana** (cây đa) thời gian mỗi nơi 7 ngày, như **pāli** trình bày rằng: **“Vimuttisukhaṃ paṭisaṃvediyamāno sattāhaṃ vītināmetvā”**.

Còn trong pháp 10 chi của sơ giải Tăng chi kinh

(**dasanipāta aṅguttaraatthakathā**) diễn giải về cụm từ “**Etam santam etam paṇītam**” thì không đề cập trực tiếp rằng: việc nhập thiền quả nhập được suốt 7 ngày, chỉ đề cập rằng:

**“Etam santam etam paṇītanti apetvā nisannissa divasaṃ pi cittuppādo santam santam tveva pavattati, paṇītam paṇītanti apetvā nisinnassa divasaṃ pi cittuppādo paṇītam paṇītam tveva pavattati, yadidaṃ sabbasaṅkhārasamthoti nibbānaṃ nibbānanti apetvā nisinnassa divasaṃ pi cittuppādo nibbānaṃ nibbānaṃ tveva pavattati, sabbam petam phalasaṃpattisaṃpatti sandhāya vuttam”**.

Cụm từ “**etam santam etam paṇītam**”. Có nghĩa là bậc Thánh nhân quán xét thấy rằng: Tâm quả này có trạng thái vắng lặng không? Rồi nhập vào sự vắng lặng đó, tâm quả của bậc Thánh nhân đang nhập vào sự vắng lặng này, đang diễn tiến cho dù suốt ngày cũng vẫn có trạng thái vắng lặng thêm lên.

Bậc Thánh nhân quán xét thấy rằng: Tâm quả này có sự an tịnh không? Rồi nhập vào sự an tịnh đó, tâm quả của bậc Thánh nhân đang nhập vào sự an tịnh này, đang diễn tiến, cho dù suốt ngày cũng vẫn có sự an tịnh tăng thêm, Níp bàn nào mà có sự vắng lặng, lìa khỏi tất cả pháp hữu vi.

Do đó, bậc Thánh nhân quán xét thấy rằng: Níp bàn này có sự vắng lặng, lìa khỏi tất cả pháp hữu vi không? Rồi cũng

nhập vào sự vắng lặng đó, tâm quả của bậc Thánh nhân đang nhập vào sự vắng lặng này diễn tiến, cho dù suốt ngày cũng vẫn vắng lặng thêm lên.

Ý nghĩa khác nhau như đã đề cập trên Đức Phật ám chỉ lấy thiền quả (**phalasangama**).

5\_ Người đã đắc Đạo, Quả nhập thiền quả được hay không? Nếu không nhập được hoặc nhập được, xin trình bày dẫn chứng Phật ngôn, số giải, phụ số giải cho biết được?

Người đã đắc Đạo, Quả vẫn nhập thiền quả được, như dẫn chứng trình bày trong Xiển minh quả báo tuệ tu tiến (**paññābhāvanānisamsaniddesa**) của số giải Thanh tịnh đạo rằng:

**1. Sabbepi puthujjanā na sampajjanti, kasmā anadhigattatā.**

Tất cả phàm nhân không nhập thiền quả được, bởi vì nhóm phàm nhân đó chưa chứng đắc đạo, quả.

**2. Ariyā pana sabbepi samāpajjanti tasmā adhigattatā.**

Còn tất cả bậc Thánh nhân thì nhập thiền quả được, bởi vì các bậc Thánh nhân đó đã chứng đắc đạo, quả.

**3. Sabbepi ariyā attano attano yeva pana phalaṃ samāpajjantīti ayamettha sannitṭhānaṃ.**

Đối với việc nhập thiền quả thì tất cả bậc Thánh nhân có thể nhập thiền quả được riêng biệt quả của mình mà thôi.

Theo như đã đề cập trên là điều xác định (**sanniṭṭhāna**) trong việc nhập thiền quả.

**4. Keci pana sotāpannasakadāgāmino pi na samāpojjanti uparimadveyeva samāpajjantīti vadanti.**

Một số vị giáo thọ sư chưa hiểu về thực tánh pháp trọn vẹn trình bày rằng: Bậc Nhập lưu, bậc Nhất lai, cả 2 nhóm này không nhập thiền quả được; bậc Bất lai và bậc A la hán, 2 bậc này nhập thiền quả được.

**5. Idañca tesam kāraṇaṃ etehi samādhim paripūrikārinoti.**

Nguyên nhân một số vị giáo thọ sư nêu lên trình bày như vậy là vì bậc Bất lai, bậc A la hán, 2 nhóm này là người thường xuyên tròn đủ định.

**6. Taṃ puthujanassāpi attanā paṭiladdhalokiyasamādhisamāpojjanto akāraṇameva.**

Điều dẫn chứng mà một số vị giáo thọ sư nêu lên trình bày trên không chính xác, bởi vì đừng nói rằng chỉ có bậc Thánh nhân, cho dù phàm nhân cũng vẫn nhập thiền hiệp thể mà mình đã chứng đắc được.

**7. Nanu pāliyaṃ vuttaṃ katame dasagoṭrabhuddhammā vipassanā vasena uppojjanti... bahiddhā saṅkhāranimittaṃ abhibhuyyatīti goṭrabhūti.**

Đức Phật nêu lên thuyết trong Tăng chi kinh **pāli** rằng: 10 nhóm pháp chuyển tộc (**goṭrabhū**) nào thường khởi hiện do

mãnh lực minh quán bởi việc che án sự sanh (**upāda**), sự diễn tiến (**pavatta**), hiện tượng (**nimitta**), nghiệp cũ (**āyūhana**), nghiệp đưa đến mới (**paṭisaṇḍhi**), nơi đến (**gatibhūmi**), sự khởi hiện (**nibbatti**), sự sanh vào (**uppatti**), sự sanh (**jāti**), sự già (**jarā**), sự chết (**maraṇa**), sầu muộn (**soka**), khóc than (**parideva**), khôn khổ (**upāyāsa**) che đậy hiện tướng hữu vi (**saṅkhāranimitta**) bên ngoài để đạt được thuần nhất Nhập lưu đạo... A la hán quả, gọi là chuyển tộc.

**8. Tasmā sabbepi ariyā attano attano phalaṃ samāpajjantīti niṭṭhamattam gantabbam.**

Do đó tất cả bậc Thánh nhân có thể nhập thiên quả của mình được. Đây là điều giải thích đến việc nhập thiên quả.

**9. Yathā hi rajā rajjasukhaṃ devatā dibbasukhaṃ anubhavanti evaṃ ariyā ariyaṃ lokuttarasukhaṃ anubhavissāmāti addhānaparicchedaṃ katvā icchitacchitakkhaṇe phalasaṃpattim samāpajjanti.**

Trong sự việc tất cả bậc Thánh nhập thiên quả để sống an lạc trong kiếp hiện tại, giống như đức vua thọ hưởng lạc vương sản của mình, chư thiên thọ hưởng lạc thiên sản của mình; điều này như thế nào thì tất cả bậc Thánh nhân cũng như thế đó chủ tâm rằng: Ta thọ hưởng lạc siêu thế tối thượng và cũng sẽ ấn định thời gian rồi nhập thiên quả trong lúc mình muốn.

10. Níp bàn là pháp chân đế là pháp có thật, và trong tất cả 4 loại pháp chân đế thì Níp bàn là tối thượng nhất, bởi

vì có thực tánh an lạc tối thượng nhất, nhưng vì sao người nhập thiền quả nói rằng: không có bất cứ cảm giác nào trong giai đoạn thời gian đang nhập đó, bởi theo nền tảng nêu lên trình bày trong Tam Tạng cũng trình bày rằng: Trong sát na đang nhập thiền quả có Níp bàn làm cảnh.

Như vậy việc đề cập rằng: Không có cảm giác nào trong sát na nhập thiền quả đó đúng hay không, hãy giải thích? Trong việc nhập thiền quả không có cảm giác đặc biệt gì, có dẫn chứng trình bày trong bài kinh **Tadāyatananibbāna** của bộ Cảm hứng ngữ (**udānapāli**) và sơ giải rằng:

**1\_ Atthi bhikkhave tadāyatanaṃ = Yattha neva pathavī, na āpo, na tejo, na vāyo, na ākāsānañcāyanaṃ, na viññāṇaṃcāyanaṃ, na akiñcaññāyanaṃ, na nevaññānāsaññāyanaṃ, nayaṃ loko, na paraloko, na ubho candimasuriyā, tatrāpāhaṃ bhikkhave neva āgatiṃ vadāmi, na gatiṃ, na ʈhitaṃ na cuti, na uppatti, uppattiṭṭhaṃ, appavattaṃ anārammaṇaneva taṃ esevanto dukkhassa.**

**“Tadato me sati sattadukkhābhāvato”** (Phật ngôn).

Này các tỳ kheo, cảnh pháp Níp bàn nói theo thực tánh hiện bày có thật trong Níp bàn địa đại không có, thủy đại không có, hỏa đại không có, phong đại không có, không vô biên xứ không có, thức vô biên xứ không có, vô sở hữu xứ không có, phi tướng phi phi tướng xứ không có, thế gian này không có, thế gian sau không có, mặt trời, mặt trăng cũng không có.



Nếu có thật thì (dựa vào) nơi đâu, nói rằng không thật thì (dựa vào) nơi đâu?

Đức Phật có 4 bậc là Đức Phật Chánh Đẳng Giác, Đức Phật Độc Giác, Đức Chí Thượng Tinh Văn Giác, Đức Tinh Văn Giác. Đề cập rằng: Níp bàn là toàn hảo, Ngài đề cập đến sự toàn hảo của Níp bàn là pháp chấm dứt ái tiềm miên (**taṇhānussaya**) là vòng tròn làm cho chúng sanh sanh, tử; không có sự nỗ lực dẫn đến sự tốt đẹp nào tăng thêm hơn nữa; là pháp vượt trội tất cả phước, tội, hành vi làm cho, vì không là loại phước, tội nào cả là duy tác (**kiriya**), không có quả nào sẽ phải nhận lãnh tiếp tục, là hành vi toàn hảo mà không có hành vi nào tốt hơn nữa. Do đó, vị vượt thoát khỏi sự việc phải tinh cần làm cho thiện pháp khởi lên, có nghĩa là phạm hạnh của Ngài đã hoàn tất, phận sự khác mà Ngài cần phải làm nữa không còn, chính đây là sự tận cùng của tất cả Khổ.

Như Đức Phật thuyết cho tỳ kheo rằng: “Này các tỳ kheo, cảnh pháp Níp bàn nói theo thực tánh thì hiển lộ có thật, trong Níp bàn đó địa đại không có... chính Níp bàn đó là sự tận cùng của Khổ, bởi vì sát na mà người chứng đắc Níp bàn, người đó không có tất cả Khổ.

**Vấn:** Việc học Thắng pháp này được lợi ích gì?

**Đáp:** Để sẽ được trí tuệ đoạn trừ 4 pháp điên đảo, tức:

1. Thường điên đảo kiến (**niccadiṭṭhivipallāsa**).
2. Lạc điên đảo kiến (**sukhadiṭṭhivipallāsa**).

3. Ngã điền đảo kiến (**attadiṭṭhivipallāsa**).

4. Tịnh điền đảo kiến (**subhadiṭṭhivipallāsa**).

Trong sát na mà người đó có Níp bàn làm cảnh, không có cảm giác.

**Idhānanda bhikkhu evaṃ saññī hoti etaṃ santaṃ etaṃ paṇītaṃ yadidaṃ sabbasaṅkhārasamatho sabbūpadhi paṭinissaggo taṇhakkhayo virāgo niradho nibbānanti evaṃ yo ānanda siyā bhikkhuṇo tathārūpo samādhi paṭilābho yathā neva pathaviyaṃ pathavisaññī assa āpasmim āposaññī assa, na tejasim tejosaññī assa, na vayasim vāyosaññī assa, na akāsānañcāyatanaṃ na akāsānañcāyatanaññī assa, na viññānañcāyatanaṃ na viññānañcāyatanaññī assa, na neva saññānāsaññāyatanaṃ na nevasaññānāsaññāyatanaññī assa, na nayaṃ loke nanayamlokasim assa, na paraloke na paralokasim assa, yaṃ pi diṭṭhi sataṃ mataṃ viññātaṃ pattaṃ pariyesitaṃ anuvicaritaṃ manasā tatrāpi na saññī assa, saññī ca pana assāti.**

*(Trích trong pháp 11 chi Tăng chi kinh).*

Này **Ānanda**, Tỳ kheo hiểu rằng: Níp bàn là nơi vắng lặng của tất cả pháp hành thật sự, là nơi Xả ly uẩn sanh y (**upadhikhandha**), là nơi chấm dứt của ái dục (**taṇhā**), là nơi lìa khỏi tham ái (**rāga**), là nơi diệt mất của pháp hành. Níp bàn là thực tánh như đã đề cập: Vắng lặng, an tịnh thật sự.

Này **Ānanda**, tỳ kheo có tâm vắng lặng, sát na đang nhập thiền quả, trong đề mục Hoàn tịnh đất (**pathavīkaṣiṇa**) cũng không có, chỉ ghi nhận, biết rằng “đất, đất”; trong đề mục Hoàn tịnh thủy đại (**āpokasiṇa**) cũng không có, chỉ ghi nhận, biết rằng: “nước, nước”; trong đề mục Hoàn tịnh hỏa đại (**tejokasiṇa**) cũng không có, chỉ ghi nhận, biết rằng: “lửa, lửa”; trong đề mục Hoàn tịnh phong đại (**vāyokasiṇa**) cũng không có, chỉ ghi nhận, biết rằng: “gió, gió”; trong thiền Không vô biên xứ cũng không có, chỉ ghi nhận, biết rằng: “hư không, hư không”; trong thiền Thức vô biên xứ cũng không có, chỉ ghi nhận, biết rằng: “thức, thức”; trong thiền Vô sở hữu xứ cũng không có, chỉ ghi nhận, biết rằng: “không có gì cả, (**natthi kiñci**), không có gì cả (**natthi kiñci**)”; trong thiện phi tướng phi phi tướng xứ cũng không có, chỉ ghi nhận, biết rằng: “đây là an tịnh (**santametam**), đây là vi tế (**pañītametam**)”. Trong thế gian này cũng không có, chỉ ghi nhận biết rằng: “thế gian này”; trong thế gian sau cũng không có, chỉ ghi nhận, biết rằng: “thế gian sau”.

Các cảnh khác nhau mà ta từng được thấy, từng được nghe, từng được ngửi, từng được nếm, từng được xúc chạm, từng được suy nghĩ, từng được nhận lấy, trong cảnh đó cũng không có cảm giác ghi nhận 1 loại nào, nhưng trong sát na đó tâm đang khởi niệm.

8\_ Trong lúc đông lực dục giới sanh lên, người đó không có cảm nhận tương tự như khi đông lực quả khởi hiện có hay không, nếu có khởi hiện thì trong lúc nào, xin hãy giải thích?

Trong lúc đồng lực dục giới không có cảm nhận được gì cả, có 3 thời điểm như nhau, tức:

- a. Thời cận cận tử (**marañāsannakāla**).
- b. Thời gian bất tỉnh (**mucchākāla**).
- c. Thời gian hôn mê (**visaññībhūtakāla**).

Liên quan đến đồng lực khởi hiện 5 lần, vì vậy mới không có cảm nhận.

9\_ Cảnh của tâm siêu thế là pháp tạo tác (**saṅkhatadhamma**) hay là pháp phi tạo tác (**asaṅkhatadhamma**) là chế định hay là chân đế và trong sát na tâm siêu thế khởi hiện thì người đó có cảm nhận trong việc thấy, việc nghe, việc ngửi, việc nếm, việc xúc chạm, việc suy đoán cân nhắc hay không, hãy giải thích và nêu dẫn chứng và trình bày?

Cảnh của tâm siêu thế là phi tạo tác, là chân đế và trong mỗi sát na tâm siêu thế sanh lên, người đó không có cảm nhận trong sự thấy, sự nghe, sự ngửi, sự nếm, sự xúc chạm, sự suy nghĩ, cân nhắc chút nào cả, như có dẫn chứng trình bày rằng: **Idhānanda bhikkhu evaṃ saññī hoti...**

Đã từng nhận lấy trong các cảnh đó cũng không có cảm giác, ghi nhận 1 loại nào cả, nhưng trong sát na đó tâm đang khởi hiện.

**Chú thích:**

Đề tài linh tinh liên quan đến việc thuyết *Thắng Pháp của Đức Chánh Đăng Giác*.

Sự xuất hiện của Đức Phật không phải xuất hiện đến để chơi đùa, vui thích, chỉ là xuất hiện lên để thuyết pháp về 5 uẩn, vô thường, khổ, vô ngã để cứu vớt chúng sanh ra khỏi khổ luân hồi, bởi vì tất cả chúng sanh mê say và vui thú nhiều bởi tham, sân, si và tất cả pháp mà Ngài sẽ thuyết cũng nhằm đến thoát khỏi luân hồi, nhưng nếu như không thể chỉ dạy được thì Ngài chỉ dạy cho trở thành nhân loại, chư Thiên và phạm Thiên trước; nếu không như vậy thì tất cả chúng sanh cũng sẽ duy nhất rơi vào khổ cảnh mà thôi.

Sự việc mà được sanh lên làm người như chúng ta đang được học với nhau thế này, thế kia cũng vô vàn khó khăn. Sự việc như vậy cũng do thiện nghiệp quá khứ đã tạo trử tốt. Vì vậy, Đức Phật xuất hiện cũng để đem đến lợi ích tối thượng, tức Níp bàn là nơi không có khổ thân, khổ tâm; nếu như thời điểm đó không thể đi được thì sẽ tích cực kiên trì bằng tự mình tiếp tục.

Sự việc Đức Phật không thuyết Thắng Pháp cho nhân loại trước, vì tính từ khi chứng đắc Vô Thượng Chánh Đăng Giác cũng chỉ 7 năm hoặc 7 mùa an cư, tất cả mọi người chưa có thể hiểu đến pháp vi tế được, dính mắc vào trong chế định nhiều vô cùng, nên Đức Phật chỉ thuyết Kinh trước, do tất cả Thắng pháp chỉ có nội dung rằng: Pháp phi

chúng sanh, phi sanh mạng (**nissattanijjīvadhamma**) diễn tiến trong bộ Song đôi (**yamaka**), mẫu đề tam (**mātikā**), bộ vị trí (**mahapatthāna**) tất cả cũng sẽ gặp như vậy, lần Ngài không thuyết rằng nam, nữ, ta, họ. Nếu như thuyết thì Ngài thuyết rằng: tâm, tâm sở, sắc pháp, Níp bàn mãi mãi. Vì vậy khó đối với người đang có chế định bao phủ sẽ không hiểu được dễ dàng chút nào cả; cho nên xin học viên hãy chú tâm ghi nhận cho tốt trong sát na chỉ dạy, bởi vì sẽ am hiểu được thực tánh dễ dàng giống nhau, hoàn toàn như việc tu tiến minh quán.

Và nhân loại cũng có nhiều công việc, đến ngồi nghe Đức Phật thuyết, hỏi đạo thì không thể đến để ngồi nghe được; nếu đến nghe vừa đủ thời gian thì bọn họ sẽ thỉnh cầu dừng lại, bởi vì phải làm công việc nấu nướng, cho nên Ngài không thuyết, Ngài thuyết cho nhóm chư Thiên và phạm Thiên không có công việc lẫn thời gian của chư thiên cũng nhiều hơn.

**Vấn:** Khi Đức Phật thuyết suốt 3 tháng an cư mùa mưa liên tục không dừng lại, Đức Phật là nhân loại sẽ tồn tại (sống) giống như chư Thiên được chăng?

**Đáp:** Điều này Đức Phật sống bằng mãnh lực Toàn Giác Trí cho đến lúc ngụ xuống khát thực nước **Kuru**. Khi Đức Phật thuyết pháp để tế độ Phật mẫu chấm dứt xong, Đức Phật ngụ xuống thành phố **Samkassa** để thuyết pháp tóm tắt cho ngài **Sārīputta** dẫn dắt chỉ dạy cho 500 vị đệ tử bằng cách giảng giải không hẹp và không rộng lắm.

Hãy dịch và trình bày ý nghĩa của kệ ngôn như sau:

**Sadevakassa lokassa Ete vo sukhadhammatā**

**Yattha ce te nirujjhanti Tam tesam dukkhasamma tam**

*(Trích trong phẩm chư Thiên của  
Tương ưng 6 xit - saḷāyatanasaṃyutta)*

Tất cả chúng sanh trên thế gian cùng với chư Thiên định đặt với nhau rằng các cảnh hiệp thể như sắc, thính, khí, vị... là tốt đẹp và an lạc, pháp nào là Níp bàn mà các cảnh hiệp thể như sắc, thính, khí, vị.. tiêu hoại, diệt mất thì tất cả chúng sanh trên thế gian cùng với chư Thiên định đặt rằng: Pháp đó, tức Níp bàn là pháp không tốt, là khổ.

Kệ ngôn này ám chỉ đến Níp bàn chỉ có sự Tịnh lạc mà không có lạc cảm giác (**vedayasukha**), nhưng tất cả chúng sanh trên thế gian này không nhìn thấy, bởi do chính mãnh lực của vô minh che đậy và sinh diễn theo mãnh lực của ái dục.

## **CHƯƠNG 3 (pariccheda 3)**

### **GIẢI THÍCH VỀ THỌ TẬP YẾU**

1. **Tattha tividhā vedanāti kasmā vuttaṃ? manussaṃ yuttake dvepi tissopi pañcapi chapī aṭṭhārasapi cattimsapi aṭṭhasatampi vedanā vuttāpi? pucchā.**

**Vấn:** Đức Chánh Đẳng Giác thuyết về thọ trong thọ tương ưng (**vedanāsaṃyutta**) rằng có 2 thọ, 3 thọ, 5 thọ, 6 thọ, 18 thọ, 36 thọ, 108 thọ. Vì sao Ngài giáo thọ sư **Anuruddha** trình bày trong Thắng Pháp Tập Yếu (**abhidhammasaṃgaha**) rằng có 3 thọ.

2. **Saccaṃ anubhavanalakkhaṇena pana vedanā tividhāeva hoti yehi keci yaṅkiñci ārammaṇaṃ anubhavanti tesam sātato vā anubhavanti asātato vā majjhattato vā tato añño pakāro natthīti aññe pana pabheolā tena tena pariyāyena vuttā.**

**Đáp:** Thật sự Đức Chánh Đẳng Giác Ngài nêu lên thuyết về nhiều loại thọ, nhưng khi nói về trạng thái của việc hưởng cảnh, chỉ có 3 mà thôi, tức nhóm người nào hưởng cảnh loại nào, nhóm người đó đôi khi nhận được sự an vui, thích (lạc)

trong việc thụ hưởng, đôi khi cũng không nhận được sự vui thích (khổ) trong việc hưởng cảnh đó, hoặc đôi khi cũng có sự bình thản (xả) trong việc cảm giác đó, việc hưởng cảnh bất cứ loại nào không ngoài 3 trạng thái đó. Sự việc Đức Chánh Đẳng Giác thuyết phân loại của thọ có 5... là theo phương pháp khác nhau.

**3. Tattha hi dve kāyikacetāsikavasena vuttā yathāha katamā ca bhikkhave dve vedanā kāyikā ca cetāsikā cātī.**

Trong số lượng nhiều loại thọ đó, Đức Chánh Đẳng Giác thuyết về 2 thọ theo phân loại của thọ khởi hiện nơi thân và nơi tâm (kāyikavedanā cetāsikavedanā) như có Phật ngôn thuyết rằng:

“Này các tỳ kheo, thọ có 2 loại là gì? Thọ có 2 loại thân thọ (kāyikavedanā), tâm thọ (cetāsikavedanā).

**4. Sukhadukkhavasena vā upekkham sukhe saṅgahetvā yathāha dve vedanā vuttā bhagavatā sukhāvedanā dukkhāvedanā yāyaṃ bhante adukkhamasukkhāvedanā santasmim esā paṇite sukhe vuttā bhagavatāti.**

Một lý khác nữa, Đức Phật thuyết 2 thọ theo phân loại của lạc và khổ, còn xả thọ thì Đức Phật thuyết gom vào trong nhóm lạc thọ. Như số giải trình bày rằng: Đức Chánh Đẳng Giác thuyết 2 thọ, tức lạc thọ và khổ thọ, còn xả thọ thì Đức Phật nêu lên thuyết trong lạc thọ vì có sự an tịnh và vi tế.

**5. Vibhāvanīyaṃ pana anavajjapakkhikaṃ**

upekkham sukhe savajjapakkhikañca dukkhe  
saṅgahetvā dve vuttā tiuttam tam paḷiyam anāgataṃ pi  
yujjatiyeva.

Còn Ngài giáo thọ sư **Vibhāviniṭṭikā** thì trình bày rằng  
thọ xả không có tội lỗi được gom vào trong lạc thọ, xả thọ  
có tội thì gom vào trong khổ thọ. Theo như Ngài giáo thọ  
sư **Vibhāviniṭṭikā** trình bày như vậy thì không có Phật ngôn  
này chỉ là lời lẽ có thể tin được.

**6. Indriyabhedavasena pañca phassabhedavasena  
cha upavicāra bhedavasena aṭṭhārasa cha gehassitāni  
cha nekkhammanissitā pī ti evaṃ paccekam  
dvādasannaṃ somanassadomanassaupekkhānaṃ  
vasena chattimsatāyeva kālattayavasena aṭṭhasataṃ  
vedanā vuttāti.**

Đức Chánh Đẳng Giác thuyết về 5 thọ theo phân loại  
của quyền; 6 thọ theo phân loại xúc; Ngài thuyết 18 thọ  
theo phân loại bằng sự phân định (**upavicāra**); Ngài thuyết  
36 thọ theo phân loại của 6 thọ nương vào hiệp thế; 6 thọ  
nương vào siêu thế; tổng cộng 12 thọ. Trong số lượng 12  
thọ này thì hỷ thọ có 12, ưu thọ có 12, xả thọ có 12, tổng  
cộng 36 thọ.

Ngài thuyết về 108 thọ bằng cách lấy 36 thọ gom vào  
với 3 thời, tức thọ khởi hiện trong thời hiện tại có 36, thọ  
khởi hiện trong thời quá khứ có 36, thọ khởi hiện trong thời  
vị lai có 36.

7. Yañca katthaci sutte yañkiñci vedayitaṃ sabbam taṃ dukkhasminti vuttaṃ taṃ saṅkhāradukkhatāvasena vuttanti.

Đức Chánh Đẳng Giác thuyết trong một số bài kinh rằng thọ phân loại khác nhau đang có đó, Đức Phật xếp tất cả vào là khổ thọ. Sự việc Đức Phật thuyết như vậy bởi vì Ngài thuyết bằng cách hành khổ (saṅkhāradukkha), tức sanh diệt.

### Giải Thích Về 3 Thọ

*Lạc có 2 loại là:*

1. **Santisukha:** Tức Níp bàn.

2. **Vedayitasukha:** Tức 63 lạc thọ, 46 tâm sở.

*Khổ có 7 loại là:*

1. **Khổ khổ (dukkhadukkha):** Tức tâm thân thức thọ khổ, 2 tâm sân, 21 tâm sở.

2. **Hoại khổ (vipariṇāmadukkha):** Tức tâm thân thức thọ lạc, 62 tâm thọ hỷ, 46 tâm sở.

3. **Hành khổ (saṅkhāradukkha):** Tức tất cả tâm, tâm sở, sắc pháp.

4. **Tiền ảm khổ (paṭicchannadukkha)** hoặc phi thường nhiên khổ (**opākaṭadukkha**): Tức khổ khởi hiện theo đường thân, đường tâm, như đau răng, đau tai, nhức đầu... và sự nóng nảy khởi hiện do tham ái, sân hận...

5. Hiện lộ khổ (**oppaṭicchannadukkha**) hoặc thường nhiên khổ (**pākaṭadukkha**): Tức khổ khởi hiện theo đường thân, như các vết thương... (cũng ám chỉ vừa theo đường tâm).

6. Gián tiếp khổ (**pariyāyadukkha**): Tức hoại khổ, hành khổ.

7. Phi gián tiếp khổ (**nippariyāyadukkha**): Tức khổ khổ tiềm ẩn khổ, hiện lộ khổ.

*Xả có 10 loại:*

1. Lục xả (**chalaṅgupekkhā**): Tức tâm sở hành xả.
2. Vô lượng xả (**brahmavihārupekkha**): Tức tâm sở hành xả.
3. Xả giác chi (**bojjhaṅgupekkhā**): Tâm sở hành xả.
4. Cần xả (**viriyupekkhā**): Tâm sở cần.
5. Hành xả (**saṅkhārupekkhā**): Tâm sở trí tuệ.
6. Thọ xả (**vedanupekkhā**): Tâm sở thọ.
7. Quán xả (**vipassanupekkhā**): Tâm sở trí tuệ.
8. Trung bình xả (**tatramajjhattupekkhā**): Tâm sở hành xả.
9. Thiền xả (**jhānupekkhā**): Tâm sở hành xả.
10. Xả thanh tịnh (**parisuddhupekkhā**): Tâm sở hành xả.

1. *Lục xả*: Là xả của bậc A la hán khi xúc chạm 6 cảnh

cho dù cảnh tốt, cảnh xấu đi nữa cũng không thích thú, bất mãn chi cả mà vững tâm thản nhiên.

2. *Vô lượng xả*: Tâm đồng sanh với xả, tức vững tâm bình thản đối với tất cả chúng sanh, không vui thích hoặc thương hại, bởi hành động trong tâm rằng tất cả chúng sanh có nghiệp là của mình (**sabbesatta kammassaka**).

3. *Xả giác chi*: Định đặt trung dung đối với tất cả pháp đồng sanh, nghĩa là làm cho pháp đồng sanh quân bình nhau và làm cho đức tin với trí tuệ ngang bằng nhau.

4. *Cần xả*: Sự tinh cần trung bình không tăng không giảm trong sát na quán xét của mình quán (**vipassanā**).

5. *Hành xả*: Sự thản nhiên đối với tất cả hành (**saṅkhāra**), tức thản nhiên trạng thái sanh diệt.

6. *Thọ xả*: Tức 55 tâm sở xả thọ.

7. *Quán xả*: Hành giả khi mình quán quán xét thấy tam tướng bằng tuệ quán có sự thản nhiên trong việc quán xét tất cả hành như vô thường... kể từ thẩm sát tuệ (**sammasanañāṇa**) trở đi.

8. *Trung bình xả*: Tức xả có sự diễn tiến ngang nhau của tất cả pháp đồng sanh, giống như xả giác chi nhưng làm phạm sự rộng lớn hơn xả giác chi.

9. *Thiền xả*: Sự đặt mình trung dung bằng trạng thái thản nhiên đối với lạc có trong tứ thiền, gọi là thiền xả (**jhānupekkhā**).

10. *Thanh tịnh xả*: Là xả có trong ngũ thiền.

Lục xả (**chaḷangupekkhā**), hành xả (**saṅkhārupekkhā**), quán xả (**vipassanupekkhā**), 3 loại này là pháp dục (**kāmadhamma**).

Vô lượng xả (**brahmavihārupekkhā**), thiên xả (**jhānupekkhā**), thanh tịnh xả (**parisuddhupekkhā**), 3 loại này là pháp sắc giới (**rūpāvacaradhamma**).

Cần xả (**vīniyupekkhā**), thọ xả (**vedanupekkhā**), trung bình xả (**tatramajjhattupekkhā**), 3 loại này là pháp dục, sắc, vô sắc, siêu thế.

Xả giác chi là pháp dục, siêu thế.

Lục xả khởi hiện duy nhất trong cơ tánh vị A la hán, còn 9 xả còn lại khởi hiện trong cơ tánh của phàm nhân, bậc hữu học, bậc vô lậu học.

Lục xả, xả giác chi, cần xả, hành xả, quán xả và trung bình xả, 6 loại này là xả liên kết với tâm đồng sanh hỷ và tâm đồng sanh xả.

Vô lượng xả, thọ xả, thanh tịnh xả, 3 loại này là xả liên kết với tâm đồng sanh xả.

Thiên xả là xả liên kết với tâm đồng sanh hỷ.

Lục xả, cần xả, hành xả, thọ xả, quán xả và trung bình xả, 6 loại này sanh khởi được trong 6 cảnh.

Vô lượng xả, thiên xả, thanh tịnh xả, 3 loại này khởi hiện được trong cảnh pháp chế định.

## Giải thích tổng hợp các câu pháp trong thắng pháp tập yếu luận

Xả giác chi khởi hiện được trong cảnh pháp Níp bàn.

Thọ xả là thọ uẩn, 9 xả còn lại là hành uẩn.

Lục xả, vô lượng xả, xả giác chi, thiền xả, thanh tịnh xả, trung bình xả, 6 loại xả này không khởi hiện trong 1 sát na với nhau được, bởi vì chi pháp giống nhau, tức tâm sở hành xả.

Thọ xả, cần xả, 2 loại này khởi hiện được trong 1 sát na và đôi khi cũng đồng sanh với nhau.

Trung bình xả, hành xả, 2 loại này đôi khi cũng đồng sanh với nhau.

Trung bình xả, quán xả, 2 loại này đôi khi cũng đồng sanh với nhau.

Xả giác chi, hành xả hoặc xả giác chi, quán xả, 2 loại này đôi khi cũng đồng sanh với nhau.

Chi pháp của 10 loại xả này, gồm có 4 tâm sở, tức thọ, cần, hành xả và trí tuệ.

### **Chú thích:**

Hành có 3 là Phúc hành (**puññābhisankhāra**), Phi phúc hành (**apuññābhisankhāra**), Bất động hành (**aneñjābhisankhāra**). Trong 3 loại này thì **puñña** tức phúc, phúc này nghĩa là tinh tế, đầy đủ, thanh lọc, lợi ích, an lạc theo ngôn ngữ Thái thì có nhiều trường hợp ý nghĩa lắt léo, sẽ đề cập chỉ ý nghĩa an lạc. Có 6 loại an lạc là:

#### 1. Lạc Níp bàn (**nibbānasukha**).

2. Lạc nhập thiền diệt (**nirodhasamāpattisukha**).
3. Lạc nhập thiền quả (**phalasangāpattisukha**).
4. Lạc nhập thiền (**jhānasamāpattisukha**).
5. Lạc thành tựu do viễn ly (**vivekasamāpattisukha**).
6. Dục lạc (**kāmasukhā**).

### Chánh Kiến Có 6 Loại:

1. Chánh kiến nghiệp sở thuộc (**kammassakatāsammādiṭṭhi**): Sự thấy đúng rằng tạo thiện pháp được quả tốt, tạo bất thiện nhận quả xấu.

2. Chánh kiến về thiền định (**jhānasammādiṭṭhi**): Sự thấy đúng, thắng thiền được do uy lực của thân thông.

3. Chánh kiến về thiền quán (**vipassanāsammādiṭṭhi**): Sự thấy đúng về tam tướng của danh sắc.

4. Chánh kiến về đạo (**maggasammādiṭṭhi**): Sự thấy đúng về Nhập lưu đạo cho đến A la hán đạo.

5. Chánh kiến về quả (**phalasangādiṭṭhi**): Sự thấy đúng về Nhập lưu quả cho đến A la hán quả.

6. Chánh kiến về khả kháng (**paccavekkhanasammādiṭṭhi**): Sự thấy đúng về việc đoạn trừ được phiền não.

Phúc hành (**puññābhisankhāra**), Phi phúc hành (**apuññābhisankhāra**), Bất động hành

(**aneñjābhisañkhāra**). phân từ ra thành **puñña**, **abhi**, **sañkhāra**.

**Abhi**, tức tối thắng, tối thắng trong thời gian nào, tối thắng trong sát na mà họ tạo tác làm cho trở thành phước và là phước suốt trở đi, không có gì đến cản trở. Nếu tạo tác trở thành tội thì tội suốt trở đi không có gì đến cản trở, nên gọi là **Abhi**, tức tối thắng hoặc gọi là Tối vi hành ma vương (**abhisañkhāramāra**).

## Điều Ví Dụ Tâm Lộ Khởi Hiện Theo Đường Ngũ Môn

1. **Ettha ca vithīcittappavattiyā sukhaggahaṇaṭṭham ambapamādikam āharanti.**

Trong nơi đây, bậc thiện trí dẫn chúng ví dụ về trái xoài... để nắm giữ sự diễn hoạt của Tâm lộ (**vithī**), cho hiểu biết được dễ dàng.

2. **Tatridam ambopamāmatam.**

Trong nơi đó chỉ là ví dụ về trái xoài như sau:

3. **Eko kari puriso phalitamlrukkhamūle sasīsam pārupitvā niddāyanto āsanne patitossa ekakassa ambaphalassa saddena pabijjhitvā sīsato vattham apanetvā cakkhum ummiletvā disvā ca tam gahetvā madditvā upasaṅghitvā pakkabhāvam ñatvā paribhuñjitvā mukhagatam saha semhena ajjhoharivā puna tattheva niddāyati.**

Sẽ ví dụ cho thấy rõ như sau: Một người đàn ông nằm trùm đầu ngủ ở gốc cây xoài đang có trái, thức dậy bởi tiếng một trái xoài rơi xuống gần mình; mở mắt ra khỏi đầu, mở mắt nhìn xem và cầm lấy trái xoài đó bóp, ngửi mùi, biết rằng là xoài chín, mới nếm thử; nhai, nuốt trái xoài hòa cùng dịch vị rồi ngủ trở lại trong nơi đó như ban đầu nữa. Điều ví dụ này như thế nào, được giải thích như sau:

**1. Tattha purisossa niddāyana kālo viya bhavaṅgakālo.**

Trong nơi đây nên thấy thời gian của tâm hữu phần (**bhavaṅgacitta**) khởi hiện giống như thời gian ngủ của người đàn ông đó.

**2. Phalassa patitakālo viya ārammaṇassa pasādagh aṭṭanakālo.**

Nên thấy lúc cảnh xúc chạm với sắc thân kinh, giống như lúc trái xoài rơi xuống.

**3. Tassa saddena pabuddhakālo viya āvajjanakālo.**

Nên thấy tâm khai ngũ môn khởi hiện, giống như lúc người đàn ông đó thức dậy, bởi vì tiếng trái xoài rơi xuống.

**4. Ummīletvā olokitakālo viya cakkhuviññāpavattikālo.**

Nên thấy lúc nhãn thức khởi hiện, giống như người đàn ông đó mở mắt ra nhìn xem.

**5. Gahitakālo viya sampaticchannakālo.**

Nên thấy tâm quan sát (**santīraṇacitta**) khởi hiện, giống như người đàn ông đó bóp trái xoài.

**6. Upaliṅghanakālo viya voṭṭhabbanakālo.**

Nên thấy tâm phán đoán khởi hiện, giống như lúc người đàn ông đó ngửi trái xoài.

**7. Paribhogakālo viya javanakālo.**

Nên thấy lúc tâm đồng lực khởi hiện, giống như lúc người đàn ông đó ăn trái xoài.

**8. Mukhagataṃ saha semhena ajjhoharaṇakālo viya tadārammaṇakālo.**

Nên thấy lúc tâm na cảnh khởi hiện, giống như lúc người đàn ông đó nhai nuốt trái xoài trong miệng cùng với dịch vị.

**9. Puna niddayanakālo viya puna bhavaṅgakālo.**

Nên thấy lúc tâm hữu phần mới sanh khởi, giống như lúc người đàn ông đó nằm ngủ tiếp tục nữa.

**10. Imāya ca upamāya kiṃ dīpitaṃ hoti?**

Ngài trình bày nêu lên ví dụ như vậy có giải thích như thế nào?

**11. Ārammanassa pasādaghaṭṭanameva kiccaṃ.**

Việc xúc chạm sắc thần kinh là phận sự của cảnh.

**12. Āvajjanassa visayā bhujanameva.**

Việc thăm tra cảnh (để ý) là phận sự của tâm khai ngộ môn.

**13. Cakkhuvīññāṇassa dassanamattameva.**

Chỉ làm phạm sự thấy là phạm sự của nhãn thức.

**14. Sampaticchanādīnañca paṭiggaṇhanādittameva.**

Chỉ làm phạm sự thuần nhất nhận cảnh... là phạm sự của tâm tiếp thâu...

**15. Javanasseva pana ārammaṇarasānubhavaṇaṃ.**

Việc hưởng vị của cảnh là phạm sự thuần nhất của tâm đồng lực.

**16. Tadārammanassa ca tena anubhūtasappa anubhavanti evaṃ kiccavasena dhammānaṃ aññamaññaṃ asaṃkiṇṇatā dīpitā hoti.**

Việc hưởng cảnh của đồng lực đã hưởng là phạm sự của na cảnh, xem như Ngài trình bày pháp không lẫn lộn nhau do mãnh lực của phạm sự bằng trường hợp này.

**17. Evaṃ pavattamaṇaṃ pana cittaṃ tvaṃ nāma hutvā bhavaṇṅānantaraṃ hoti tvaṃ dassanādīsu aññataraṃ hutvā āvajjanānantarantayādinā niyuñjake kārake asatipi utu lījanīyāmādi viya cittaniyāma vaseneva pavattatīti veditabbaṃ.**

Tâm diễn hoạt như đã đề cập trên, nên hiểu như sau cho dù không có người nào sắp xếp phân chia phạm sự rằng: Ngài hãy làm phạm sự khai môn (**avajjana**) kế tiếp hữu phần, Ngài hãy trở thành loại khác trong phạm sự như thấy...

kế tiếp tâm khai môn đi nữa thì vẫn diễn hoạt bằng mãnh lực theo định luật cố nhiên của tâm (**cittaniyāma**), giống như định luật cố nhiên của thời tiết (**utuniyāma**) và định luật của chủng tử (**bījaniyāma**)...

### **Chú thích:**

Tất cả tâm gom lại là 1 ám chỉ biết cảnh mà thôi, nhưng có phận sự khác nhau, giai đoạn này trình bày cho thấy được “vô ngã” (**anatta**) rằng: Trong tất cả 14 tâm kể từ hữu phần đầu cho đến hữu phần sau cùng, luôn có phận sự riêng biệt, không chồng chéo thành loại khác, như cảnh sắc thì có phận sự xúc chạm sắc thân kinh.

Rồi Ngài giáo thọ sư vấn hỏi học viên rằng: Tâm hữu phần so sánh giống như gì?

Học viên đáp so sánh giống như người đàn ông đang nằm ngủ dưới cây xoài.

- Khi cảnh sắc đến xúc chạm sắc thân kinh giống như gì?
- Giống như trái xoài rơi xuống.
- Khi tâm khai môn khởi hiện giống như gì?
- Giống như người đàn ông đó thức dậy.

**Vấn:** Như vậy suốt cho đến hữu phần sau cùng, rồi hỏi trở ngược lại rằng người đàn ông đang ngủ giống như gì?

**Đáp** (học viên): Giống như tâm hữu phần.

- Hỏi mãi suốt trở đi cho đến hữu phần sau cùng; rồi giải thích rằng: Tâm khai môn sắp xếp cho nhãn thức khởi hiện sự thấy, hay nhãn thức sắp xếp cho tiếp thân khởi hiện hay chăng?

- (Học viên đáp): Không.

Điều này như thế nào thì định luật cố nhiên của tâm luôn tự mình diễn hoạt, không có ai là người đến sắp xếp. Giống như định luật cố nhiên của thời tiết, ai là người sắp xếp làm cho thời tiết đang lạnh, cho trở thành nóng hoặc tạo nên sự nóng, lạnh cho khởi hiện.

Hoặc các loại chủng tử cũng giống như vậy cho đến định luật cố nhiên của Nghiệp (**kammaniyāma**) như làm thiện, nói lành thì làm cho khởi hiện sự an lạc trở thành người tốt, chu thiên tốt; làm bất thiện, nói lời ác xấu thì làm cho sanh vào khổ cảnh như thế nào thì khi tâm khởi hiện thành lộ (**vithī**) cũng như vậy; không có người nào đến sắp xếp mà chỉ có tư thiện, bất thiện là người sắp xếp làm cho diễn tiến; như quạt máy đang quay; tâm hữu phần cũng là tâm hữu phần, lộ tâm cũng là lộ tâm.

**Vấn:** Vì sao đôi khi trong lộ tâm có hữu phần vừa qua (**atītabhavāṅga**) và đôi khi không có hữu phần vừa qua?

**Đáp:** Sắc thành tựu (**nipphannarūpa**) thuộc hiện tại thì hữu phần vừa qua khởi hiện được, sắc thành tựu thuộc quá khứ, vị lai thì tâm, tâm sở, sắc phi thành tựu (**anipphannarūpa**), Níp bàn, chế định, hữu phần vừa qua không sanh lên được.

### **Chú thích:**

Gọi là thô bởi vì có sự ấn định tuổi thọ, tức sanh (uppāda), trụ (tīhīti), diệt (bhaṅga).

Gọi là tế, bởi vì không có sự ấn định tuổi thọ, tức sanh, trụ, diệt.

### **Nhân Sanh Thiện Thọ Xả Có 6 Là:**

1. **Upekkhāpatisandhikatā:** Là người có tâm tục sinh thọ xả.

2. **Appasaddhatā:** Là người có ít đức tin.

3. **Avisuddhadiṭṭhitā:** Là người thấy sai hoặc thấy không đúng đắn.

4. **Ānisaṃsa adassāvitā:** Là người không thấy hoặc không hiểu quả báo của các thiện nghiệp.

5. **Majjhattārammaṇasamāyogo:** Hội đủ cảnh trung bình (vật thí và người thọ thí).

6. **Kassaciṭṭikatā:** Là người có 1 điều trở ngại nào ngăn cản.

### **Thiện Thọ Xả Thấp Hơn**

### **Thiện Thọ Hỷ Có 6:**

1. Thiện thọ xả khởi hiện do nương vào 6 nhân như đã đề cập.

2. Thiện thọ xả khởi hiện do có si nhiều.
3. Thiện thọ xả khởi hiện do trở thành đũa trẻ ngu muội.
4. Thiện thọ xả khởi hiện do bồn xén.
5. Thiện thọ xả khởi hiện do không có ước muốn (dục).
6. Thiện thọ xả khởi hiện do có sự hiểu biết ít.

Thiện thọ xả như đã đề cập trên nếu là tương ưng, trợ bằng với thiện thọ hỷ cũng thấp hơn thiện thọ hỷ (riêng biệt về dục giới).

### **Thiện Thọ Xả Cao Hơn Thiện Thọ Hỷ Có 3:**

1. Thiện thọ xả khởi hiện do có định nhiều, tức thiện ngũ thiên và đại thiện thọ xả nương vào định.

2. Thiện thọ xả khởi hiện do có trí tuệ nhiều, tức thiện thọ xả của bồ tát - Bà la môn **Mahāsankha** trong lúc tạo phước cháo trộn sữa và mật ong cho 4 trăm ngàn vị tỳ kheo có Đức Phật dẫn đầu suốt 7 ngày trong cái bát mà vua trời Đế Thích hóa hiện cho.

3. Thiện thọ xả khởi hiện do có khuynh hướng cao thượng, tức thiện thọ xả của bồ tát- vua **Mahāsūvi** xả thí tài sản, bố thí mỗi ngày 5 trăm ngàn đồng tiền vàng (**kaḥāpana**) mỗi ngày suốt đời sống.

Thiện thọ xả như đã đề cập trên, nếu là tương ưng và trợ ngang với thiện thọ hỷ thì cũng cao hơn thiện thọ hỷ, bởi vì có định nhiều, trí tuệ nhiều và khuynh hướng cao thượng.

## Nhân Sanh Hỷ Giác Chi Có 11:

1. **Buddhānussati:** Thường xuyên ghi nhớ đến ân đức của Đức Phật.

2. **Dhammānussati:** Thường xuyên ghi nhớ đến ân đức của Đức Pháp.

3. **Saṅghānussati:** Thường xuyên ghi nhớ đến ân đức của Đức Tăng.

4. **Sīlānussati:** Thường xuyên ghi nhớ đến ân đức Giới của mình.

5. **Cāgānussati:** Thường xuyên ghi nhớ đến ân đức xả Thí của mình.

6. **Devatānussati:** Thường xuyên ghi nhớ đến ân đức 7 pháp chân nhân của mình, là nhân làm cho sanh làm vua trời Đế Thích và chư thiên.

7. **Upasamānussati:** Thường xuyên ghi nhớ ân đức của Níp bàn.

8. **Sukhapuggalaparivajjaṃ:** Không giao du với người không có đức tin trong Tam bảo.

9. **Siniddhapuggalasevanā:** Giao du với người có đức tin nơi Tam bảo.

10. **Pasādanīyasuttantapaccavekkhaṇa:** Suy xét Kinh là nhân làm cho phát sanh đức tin.

**11. Tadadhimuttatā:** Hướng tâm đến pháp hỷ và thọ hỷ.

Nhân sanh nhóm hỷ giác chi này là nhân sanh thiện thọ hỷ (*Nhân làm cho thiện thọ hỷ khởi hiện được trình bày trong bộ vấn đáp Jotika*).

## Nhân Sanh Xả Giác Chi Có 5:

**1. Sattamajjhatattā:** Là người có tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh.

**2. Saṅkhāramajjhatattā:** Là người có tâm thân nhiên đối với pháp hành, tức danh, sắc của đối tượng có sanh mạng và đối tượng không có sanh mạng.

**3. Sattasaṅkhāraḷāyatapuggalaparivajjanatā:** Là người tránh xa người vui thích ước muốn đối với chúng pháp và pháp hành.

**4. Sattasaṅkhāramajjhappuggalasevanā:** Giao du với người có tâm trung dung đối với chúng sanh và pháp hành.

**5. Tadadhimuttatā:** Là người hướng tâm đến xả giác chi.

Chính nhân làm cho xả giác chi này khởi hiện là nhân sanh thiện thọ xả.



## CHƯƠNG THỨ 449

Phẩm 6 xứ (saḷāyatanavagga) Tương ưng kinh, Thọ tương ưng phần thứ 5.

*Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa*

**Ekam samayaṃ bhagavā rājagahe viharati veḷuvane kalandakanivāpe. Athakho molīyasivako paribbājako yena bhagavā tenupasaṅkami upasaṅkamitvā bhagavatā saddhiṃ sammodi sammodanīyaṃ kathaṃ kārāṇīyaṃ vītisaretvā ekamantaṃ nisīdīti.**

Một thời Đức Thế Tôn ngự tại tịnh xá Trúc Lâm (veluvana) nơi Kālonḍakanivāpa khu vực kinh thành Rājagaha, khi đó du sĩ Molīyasīvaka đi đến diện kiến Đức Thế Tôn, rồi thăm hỏi trò chuyện với Đức Thế Tôn, khi trải qua việc thăm hỏi vừa đủ để ghi nhớ đến nhau, mới ngồi xuống tại 1 nơi thích hợp bạch với Đức Thế Tôn rằng:

“Bạch Đức Gotama, có 1 nhóm sa môn, Bà la môn có luận điểm tà kiến như sau: Người này cảm thọ tất cả lạc, khổ hoặc phi khổ, phi lạc đều do hành động trong kiếp trước là nhân. Như vậy trong điều này Đức Gotama chỉ dạy như thế nào?”

Đức Thế Tôn phán bảo rằng: “Này **Sīvaka**, có 1 số cảm thọ tốt là nguyên nhân khởi hiện trên thế gian này, sự việc 1 số cảm thọ tốt là nguyên nhân khởi hiện trên thế gian này thì người tự mình hiểu được như vậy cũng có; thế gian cho rằng thật cũng có.

Này **Sīvaka**, trong điều đó nhóm sa môn, Bà la môn nào là người có luận điếm tà kiến rằng: Người này cảm thọ lạc, khổ hoặc phi khổ phi lạc một loại nào, lạc, khổ, phi khổ phi lạc thọ tất cả đều do hành động trong kiếp trước là nhân, thường dẫn đến chính sự hiểu với nhau và dẫn đến điều hiểu với nhau rằng là sự thật trong thế gian. Do đó, ta nói rằng là sự sai lệch (tà kiến) của nhóm sa môn, Bà la môn đó.

Này **Sīvaka**, có 1 số cảm thọ do đàm là nguyên nhân; có 1 số thọ do gió là nguyên nhân; có 1 số do mật, đàm, gió gom chung là nguyên nhân; có 1 số sanh lên do thời tiết thay đổi; có 1 số sanh lên từ việc chăm sóc mình không được đều đặn; có 1 số sanh lên từ hành động ác xấu.

Một số cảm thọ sanh lên từ quả của nghiệp thường hiện khởi trên thế gian này; sự việc 1 số cảm thọ do đàm là nguyên nhân... cho đến sanh lên từ quả của nghiệp hiện khởi trên thế gian này mà chính tự người hiểu với nhau như vậy cũng có, thế gian hiểu với nhau là sự thật cũng có.

Này **Sīvaka**, trong điều đó nhóm sa môn, Bà la môn nào có luận điếm và tà kiến rằng: Người nào cảm thọ lạc, khổ, phi khổ phi lạc, tất cả đều do hành động trong kiếp quá khứ

là nhân, thường dẫn đến chính sự hiểu với nhau và dẫn đến sự việc hiểu với nhau là sự thật trên thế gian, vì vậy ta nói rằng là sự sai lầm của nhóm sa môn, Bà la môn đó”.

Khi Đức Thế Tôn phán dạy như vậy, du sĩ **Molīyasivaka** bạch với Đức Thế Tôn rằng: “Bạch Đức **Gotama**, lời nói của Ngài rất rõ ràng, rất trong sáng. Xin Đức **Gotama** hãy ghi nhận cho con là cận sự nam, phó thác sanh mạng quy y Tam bảo là nơi nương tựa kể từ nay trở đi”.

Nguyên nhân của cảm thọ trong Kinh có 8 loại là:

1. Mật.
2. Đàm.
3. Gió.
4. Mật, đàm, gió gom chung.
5. Thời tiết.
6. Chăm sóc thân không đều đặn.
7. Do hành vi xấu ác.
8. Quả của nghiệp.

## **Bài Kinh Thứ 2**

Một thời Đức Thế Tôn phán gọi chư tỳ kheo, thuyết pháp rằng:

Này chư tỳ kheo, ta sẽ thuyết về pháp môn có 108 pháp

môn (**pariyāya**) cho các con, các con hãy chú tâm lắng nghe pháp môn đó.

Pháp môn có 108 như thế nào?

Này các tỳ kheo, ta thuyết về thọ theo pháp môn có 2 cũng có, có 3 cũng có, có 5 cũng có, có 6 cũng có, có 18, 36, 108 cũng có.

Này các tỳ kheo, thọ có 2 như thế nào?

Thọ có 2 là:

1. Thọ theo đường thân.
2. Thọ theo đường tâm.

Nhóm này ta gọi là 2 thọ.

Thọ có 3 như thế nào?

Thọ có 3 là:

1. Lạc thọ.
2. Khổ thọ.
3. Phi khổ, phi lạc thọ.

Nhóm này ta gọi là 3 thọ.

Thọ có 5 như thế nào?

Thọ có 5 là:

1. Lạc quyền

2. Khỏ quyền

3. Hỷ quyền

4. Ưu quyền

5. Xả quyền

Nhóm này ta gọi là 5 thọ.

Thọ có 18 như thế nào? Thọ có 18 là:

1. Hỷ thọ xoay quanh theo 6 sắc  
**(somanossarūpavicāraṇa).**

2. Ưu thọ xoay quanh theo 6 sắc  
**(domanassarūpavicāraṇa).**

3. Xả thọ xoay quanh theo 6 sắc **(upekkhārūpavicāraṇa).**

Nhóm này ta gọi là 18 thọ.

Thọ có 36 như thế nào? Thọ có 36 là:

1. 6 thọ hỷ nương vào dục.

2. 6 thọ hỷ ly dục.

3. 6 thọ ưu nương vào dục.

4. 6 thọ ưu ly dục.

5. 6 thọ xả nương vào dục.

6. 6 thọ xả ly dục.

Nhóm này ta gọi là 36 thọ.

Thọ có 108 như thế nào? Thọ có 108 là:

1. 36 thọ quá khứ.
2. 36 thọ vị lai.
3. 36 thọ hiện tại.

Nhóm này ta gọi là 108 thọ.

### **Bài Kinh Thứ 3**

Một thở nọ, có 1 tỷ kheo đến nơi ngụ diện kiến Đức Thế Tôn, rồi đánh lễ bạch hỏi rằng: Thọ như thế nào? Nhân sanh thọ, phương cách làm cho nhân sanh thọ? Sự diệt thọ, phương cách làm cho diệt thọ như thế nào? Thế nào là lợi ích, thế nào là nguy hại của thọ, thế nào là xuất ly khỏi thọ?

Đức Thế Tôn thuyết rằng: “Này các tỷ kheo, 3 loại thọ này là lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ, nhóm này ta gọi là thọ; do xúc sanh thọ mới sanh, ái là con đường làm nhân cho thọ sanh, do xúc diệt, thọ mới diệt.

Thánh đạo có 8 chi là:

1. Sự thấy đúng.
2. Sự suy nghĩ đúng.
3. Sự nói đúng.
4. Sự làm công việc đúng.
5. Sự nuôi mạng đúng.

6. Sự nỗ lực đúng.
7. Sự ghi nhớ đúng.
8. Sự trụ tâm vững chắc đúng.

Nhóm này là con đường đưa đến diệt thọ.

Lợi ích của thọ lạc, hỷ sanh lên do nương vào thọ nào, đây là lợi ích của thọ.

### **Lợi Ích Và Tai Hại Của Thọ:**

Lợi ích: Lạc (**sukkā**), hỷ (**somanassa**), khởi hiện do nương vào thọ nào, đây là lợi ích của thọ.

Tai hại: Lạc nào vô thường, là khổ có sự biến hoại là pháp thường, đây là nguy hại của thọ.

Sự xuất ly: Sự triệt tiêu dục ái (**chandarāga**) và sự đoạn trừ dục ái trong dục ái trong thọ nào, đây là sự xuất ly khỏi thọ.

### **Bài Kinh Thứ 4**

Một thưở nọ, Đức Thế Tôn phán gọi chư tỳ kheo, rồi thuyết pháp rằng: “Này các tỳ kheo, khi ta còn là Bồ tát, có suy nghĩ như sau: Thọ như thế nào, nhân sanh thọ, phương cách nhân sanh thọ; sự diệt thọ, phương cách diệt thọ như thế nào; thế nào là lợi ích, thế nào là nguy hại, thế nào là sự xuất ly khỏi thọ? Ta có sự suy nghĩ rằng: 3 thọ này là lạc

thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ; ta gọi là thọ do xúc sanh thọ mới sanh, ái là con đường dẫn đến nhân sanh thọ; do xúc diệt, thọ mới diệt”.

Thánh đạo có 8 chi là sự thấy đúng, sự suy nghĩ đúng... cho đến sự nỗ lực, tinh cần đúng, sự ghi nhớ đúng, sau cùng là trụ tâm đúng là con đường dẫn đến diệt thọ.

Lạc, hỷ sanh lên do nương vào thọ nào, đây là lợi ích của thọ; thọ nào vô thường, là khổ, có sự biến hoại là thường nhiên, đây là sự nguy hại của thọ.

Sự triệt tiêu dục ái và đoạn trừ dục ái trong thọ nào, đây là sự xuất ly khỏi thọ.

## Bài Kinh Thứ 5

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn phán gọi chư tỳ kheo, Ngài thuyết rằng: “Này các tỳ kheo, nhãn (**cakkhu**), trí (**ñāṇa**), tuệ (**paññā**), ánh sáng (**āloka**), tâm sáng suốt đã sanh lên trong pháp mà ta không từng được thấy, được nghe đến từ trước rằng: Đây là nhóm thọ, đây là nhân của thọ, đây là con đường dẫn đến nhân sanh thọ, đây là sự diệt thọ, đây là lợi ích của thọ, đây là nguy hại của thọ, đây là sự xuất ly khỏi thọ.

Hỷ hân hoan nương vào khoái lạc (lạc thế gian) có 6, tức dục vọng đến từ 6 cảnh là thọ pha lẫn vật chất; nương vào xuất ly (lạc viễn ly thế gian) có 6, tức sự thản nhiên đối với 6

cảnh bằng cách biết trọn vẹn như lục xả (**chalaṅgupekkhā**) của bậc A la hán thấy chỉ là thấy, nghe chỉ là nghe (là thọ ly vật chất).

Ưu nường vào dục vọng (khổ sở theo thế gian) có 6, tức mong muốn khao khát trong sắc, thanh thuộc 6 cảnh không như ý theo mong muốn (ưu thọ pha lẫn vật chất).

Nường vào xuất ly (**nekkhamma**) (khổ do nỗ lực viễn ly khỏi thế gian) có 6, tức khổ sanh lên từ việc tinh cần vào sát na tu tiến minh là ưu thọ ly vật chất.

Xả nường vào dục vọng là sự thân nhiên liên quan đến đường lối thế gian có 6, tức xả trong tâm tham và xả trong tâm đại thiện (là thọ xả pha lẫn vật chất).

Nường vào xuất ly (sự thân nhiên do viễn ly thế gian) có 6, tức hành xả tuệ (**saṅkhārupekkhāñāṇa**), xả giác chi (**upekkhāsambojjhaṅga**) là thọ xả ly vật chất, hành xả tuệ sanh lên từ tuệ, xả giác chi sanh lên từ niệm.

## **Sự Đình Chỉ Ưu Thọ Của Vua Trời Đế Thích**

Vua trời đế thích ngự trên thiên giới Đạo lợi khởi lên tâm nhiệt não, hốt hoảng, sợ hãi đối với sự chết, nhận được do 5 hiện tượng báo trước (**pubbanimitta**) đến xuất hiện làm cho vua trời tỉnh ngộ rằng: 7 ngày sau đó bằng ngày trong nhân loại, vua trời Đế thích phải chết từ thiên giới sanh xuống trong nhân loại; và có vị chư Thiên khác sẽ cai

quản thay thế vua trời, nên mới làm cho vua trời bần chồn, khổ sở vô cùng, nghĩa là:

1. Sợ hãi đối với sự chết.
2. Có sự ganh tỵ đối với người sẽ đến cai quản địa vị, thay thế mình.
3. Tiếc nuôi thiên sản, sẽ phải rơi vào trở thành của người khác.

Thông thường tất cả chư Thiên kể từ 7 ngày trở lại tính theo ngày của nhân loại sẽ mệnh chung thường khởi lên 5 hiện tượng báo trước là:

1. **Mālā milāyanti:** Bông hoa vật trang sức của vị ấy luôn tươi thắm kể từ khi tục sinh dần trở nên héo úa.
2. **Vatthāni kilissanti:** Thiên y là vật trang sức trở nên lu mờ.
3. **Kacchehi sedā muñcanti:** Mồ hôi nách chảy ra, thường nhiên tất cả chư Thiên không hề xuất hiện mồ hôi.
4. **Kāye dubbañṇiyaṃ okkamati:** Thân thể có sự lu mờ; trong lúc bình thường thân thể, màu da của tất cả thiên nam và thiên nữ thường tươi tắn đẹp đẽ, không có sự biến hoại, như tóc bạc, răng rụng, da nhăn...
5. **Daho devāsane nasaṇṭhāti:** Bần chồn, không vui thích nơi ở của mình.

Khi 5 hiện tượng đã đề cập trên xuất hiện lên thì có nghĩa là vị chư thiên đó chắc chắn phải chết, nhưng không

phải khắp cùng tất cả chư Thiên biết được dấu hiệu của điềm báo trước này; chư Thiên mà biết được phải là chư Thiên có trí tuệ tinh thông mới biết được. Giống như trong nhân giới, trước khi có sự hiện khởi, hiện lên, liên quan đến người có Tuệ ưu việt (**paññādhikāra**), hoặc liên quan đến khắp đất nước và dân chúng, sẽ dẫn đến điều tốt hoặc không tốt, thường có điềm báo khác nhau xuất hiện, như vì sao tinh tú, mặt trời, mặt trăng, mặt đất liền và nước... khởi hiện sai lệch thông thường; nhưng không phải khắp cả mọi người đều biết được, chỉ có đối với người có trí tuệ liên quan đến các sự kiện này mới biết được.

Vua trời Đế Thích là người có trí tuệ, cho nên khi 5 hiện tượng báo trước xuất hiện thì vua trời biết chắc rằng không bao lâu ta sẽ chấm dứt phước (mệnh chung) và khởi lên sự phiền muộn khổ sở.

Khi không thể tự mình đình chỉ lo âu, phiền não được, vua trời mới ngự xuống từ thiên giới Đạo lợi cùng với tất cả nhóm thiên nam và thiên nữ, có thiên nhân **pañcasika** là vị hướng dẫn cùng nhau đến diện kiến Đức Chánh Đẳng Giác tại hang động **Indasāla** gần nước **Rājagaha** bạch xin cơ hội để vấn hỏi. Khi Đức Phật cho phép thì vua trời mới bạch hỏi rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn, thường nhiên tất cả chúng sanh sẽ trở thành chư Thiên, nhân loại; hay bàng sanh thường có sự mong muốn sống an lạc, lìa khỏi kẻ thù và các tai nạn hiểm họa, không muốn lo âu khổ sở; nhưng tất cả chúng

sanh lên gặp phải các điều như đã đề cập. Như vậy con muốn hiểu rằng là do vật trói buộc nào? Xin Ngài vì lòng bi mẫn chỉ dạy cho con”.

Đức Thế Tôn phán bảo cho vua trời rằng: “Này vua trời Đế Thích, tất cả chúng sanh có thù hằn, có sợ hãi với nhau, có sự lo âu phiền muộn, bị các sự áp bức, cho dù tự mình không muốn cũng do nương vào kiết sử (**samyojana**) là 2 pháp trói buộc, tức ganh tỵ, bòn xén; nghĩa là không có hài lòng, vui thích đối với người khác tốt đẹp hơn mình. Bởi các trường hợp gọi là ganh tỵ, và thực tánh ganh tỵ này dẫn đến đối lập lại Tùy hỷ (**muditā**), là thực tánh hài lòng, vui thích đối với điều tốt đẹp của người khác.

Cho nên người nào có kiết sử ganh tỵ (**issāsamyojana**) khởi hiện thường xuyên thì chính kiết sử ganh tỵ này làm cho sự tốt đẹp của người đó trong các kiếp sống lần lần giảm xuống. Riêng về kiếp sống hiện tại sẽ làm cho sanh khởi tan vỡ sự đoàn kết với nhau. Đây là kiết sử trói buộc làm cho rơi vào trong sự khổ sở, nhiệt não.

Việc bòn rít tài sản, lợi lộc tốt đẹp của mình không muốn san sẻ cho ai gọi là bòn xén, và thực tánh của sự bòn xén này dẫn đến đối lập lại Xả thí (**cāga**) là thực tánh không tiếc nuối. Cho nên người nào có kiết sử bòn xén hiện khởi thường xuyên thì kiết sử bòn xén (**macchariyasamyojana**) này sẽ làm cho người đó nhận quả trong kiếp tiếp theo sẽ không có người tán thán, ca ngợi, mất đi người hộ độ. Riêng trong kiếp hiện tại sẽ làm cho suy giảm khỏi sự tăng trưởng

về lợi lộc, danh tiếng, hiểu biết, tùy tùng... Đây là kiết sử, vật trói buộc làm cho chúng sanh rơi vào khổ sở, nóng nảy.

Khi Đức Phật trả lời câu hỏi cho vua trời Đế Thích như vậy rồi, vua trời hân hoan, vui thích bạch với Đức Thế Tôn rằng: “Giờ đây con được sáng tỏ chấm dứt khỏi hoài nghi về câu hỏi này, nhưng con muốn bạch hỏi tiếp theo nữa rằng: “Cả 2 ganh tỵ và bòn xén này có pháp nào làm nhân cho sanh lên, xin Đức Phật hãy vì lòng bi mẫn làm sáng tỏ cho con?”

Đại đức **Manī** trả lời rằng: “Này vị cai quản tất cả chư Thiên, cả 2 ganh tỵ, bòn xén này khởi hiện cũng do nương vào nhân thương, ghét đối tượng hữu thức và vô thức; cho nên nếu người nào vẫn còn thương, ghét nhiều thì ganh tỵ, bòn xén thường khởi hiện nhiều; người nào có sự thương, ghét ít thì ganh tỵ, bòn xén khởi hiện ít; và nếu người nào không có sự thương, ghét thì ganh tỵ, bòn xén không khởi hiện”.

Vua trời Đế Thích hỏi tiếp tục nữa rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, cả 2 sự thương, ghét có gì là nhân làm cho sanh lên và có gì là nhân làm cho không sanh lên?”

Đức Thế Tôn thuyết rằng: “Dục (**chanda**) sự hài lòng trong 5 pháp:

**1. Pariyesanachanda:** Sự hài lòng trong việc tìm kiếm đối tượng (cảnh).

**2. Paṭihābhachanda:** Sự hài lòng khi được đối tượng mà mình đã kiếm tìm.

**3. Paribhagachanda:** Sự hài lòng trong việc thọ hưởng đối tượng.

**4. Sannidhichanda:** Sự hài lòng trong việc gìn giữ đối tượng đó.

**5. Visajjanachanda:** Sự hài lòng trong việc phân chia đối tượng đến cho người mà mình mong cầu để nương nhờ. Cả 5 loại này ám chỉ đến ái dục là nhân, làm cho thương ghét hiện khởi; nếu 5 loại dục này không có thì sự thương ghét không hiện khởi.

Vua trời Đế Thích hỏi tiếp theo nữa rằng: “Thế nào là nhân làm cho dục khởi hiện và thế nào là nhân không làm cho dục khởi hiện?”

Đức Phật đáp rằng: “Tâm, tức sự suy nghĩ sắp xếp lợi lộc mà mình có được rằng: các vật này để ta nhìn, để ta nghe, để ta ngửi, để ta nếm, để ta xúc chạm, vật này là của ta, vật kia là của người khác, vật này để giữ lại, vật kia để cho người khác. Nhóm tâm này là nhân làm cho 5 loại dục khởi hiện, nếu không có tâm này thì 5 loại dục cũng không hiện khởi”.

Vua trời Đế Thích hỏi tiếp tục rằng: “Thế nào là nhân làm cho tâm hiện khởi và thế nào là nhân không làm cho tâm khởi hiện?” Đức Phật đáp rằng: “Ái (**taṇhā**) gọi là tướng

chương ngại (**papañcasañña**) (108 ái) là nhân làm cho tâm khởi hiện, khi không có tướng chương ngại thì tâm cũng không hiện khởi”.

Vua trời Đế Thích hỏi tiếp rằng: “Thực hành như thế nào mới được gọi là người thực hành cần xứng, đạt đến Diệt tướng chương ngại?” Đức Phật đáp rằng: “Sự biết trong việc cảm thọ cảnh rằng: Thọ nào khi cảm thọ cảnh làm cho thiện pháp tăng trưởng, bất thiện pháp diệt đi, thọ đó gọi là Đáng thân cận (**sevitabba**). Hỷ, ưu, xả thọ nào khi cảm thọ làm cho bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp diệt đi, thọ đó gọi là Không đáng thân cận (**avesitabba**). Hỷ, ưu, xả nhóm thọ Đáng thân cận, tức thọ ly dục (**nekkhammassitavedanā**), tức cảm thọ cảnh không liên quan đến cảnh ngũ dục, còn thọ Không đáng thân cận, tức cảm thọ cảnh liên quan đến đời sống tại gia (**gehassitavedanā**).

Người biết được về tánh chất nhóm thọ này, được gọi là người thực hành đạt đến sự Diệt tướng chương ngại. Khi vua trời Đế Thích nghe được Đức Phật trả lời câu hỏi như vậy thì có sự hân hoan và hiểu về ý nghĩa của Pháp mà Đức Phật chỉ dạy hoàn hảo. Và trong sát na đó vua trời quán xét thọ Không đáng thân cận là thọ liên quan đến đời sống tại gia; an trú trong thọ Đáng thân cận là quán xét theo đường lối Tứ Niệm Xứ có tuệ sanh lên theo tuần tự thì chứng đắc pháp cao thượng, thành tựu Nhập lưu dứt tuyệt ganh tỵ, bõn xẻn vượt thoát khỏi ưu phiền, sầu muộn, lo âu trong tất cả mọi trường hợp.



## CHƯƠNG 7

### GIẢI THÍCH SỚ GIẢI, PHỤ SỚ GIẢI VỀ HÀM TẬN TẬP YẾU

Định nghĩa về Hàm tận tập yếu:

**1. Sabbesaṃ anavasesānaṃ paramattha  
dhammānaṃ saṅgahoti = Sabbasaṅgaho.**

Không còn dư sót, gọi là hàm tận.

**2. Pheṇapiṇḍūpamaṃ rupaṃ Vedanā pubbūpamā  
Marīcikūpamā saññā Saṅkhārā katalūpamā  
Mayūpamañca viññāṇaṃ Desitādiccabandhunā**

Sắc so sánh như bong bóng nước; thọ so sánh như bọt nước; tưởng so sánh như ảo ảnh; hành so sánh như cây chuối; thức so sánh như trò ảo thuật.

Đức Phật là bậc dòng giống mặt trời, Ngài đã xuất hiện.

**3. Bhājanam bhojanam tassa Byañjanaṃ bhojako tathā  
Bhuñjitāva ca pañcate Upamenti yathākkamaṃ**

Sắc giống như vật đựng, thọ giống như vật thực, tưởng

giống như thức ăn, hành uẩn giống như người chế biến, thức giống như người thợ dựng, 5 uẩn được ví dụ theo tuần tự như vậy.

**4. Atītānāgatapaccup Pannādi bhedabhinnakā**

**Ekajjham rāsi atthena Pañcakkhandhāti bhasitā**

Tất cả pháp khác nhau theo phân loại quá khứ, vị lai và hiện tại... mà Đức Thế Tôn thuyết là uẩn theo ý nghĩa gom vào thành 1 khối.

**5. Atītādibhedabhinnānam rūpānam rāsī = Rūpakkhando.**

Tất cả khối sắc khác biệt nhau theo phân loại như sắc quá khứ... gọi là sắc uẩn.

**6. Ekasmim ruppanalakkhaṇe rasim katvā ñāṇena pariggahitā rūpadhammāeva.**

Tất cả thực tánh pháp mà Đức Thế Tôn xếp vào thành nhóm theo 1 loại tướng trạng tiêu hoại, rồi Ngài xác định bằng trí tuệ gọi là sắc pháp.

**7. Tathā ekasmim vedayitalakkhaṇe sañjānalakkhaṇe rasim katvā pariggahitā atītā dibhedabhinnā vedanā saññā yo vedanākkhandho saññākkhandho ca nāma.**

Thực tánh pháp mà Đức Thế Tôn xếp vào thành nhóm theo 1 loại tướng, tướng hưởng cảnh, theo một loại tướng trạng ghi nhận cảnh, rồi xác định giống như nhau, tức tâm

sở thọ, gọi là thọ uân; tâm sở tướng, gọi là tướng uân khác biệt nhau theo phân loại quá khứ...

### **8. Saṅkharontīti saṅkhārā phassacetanādayo.**

Thực tánh pháp tạo tác gọi là hành, gồm có xúc và tâm sở tư...

**9. Tehi chasuvā uppattidvāresu tīsu  
vā kammadvāresu ekato saṅgamma  
samāgamma phusanacetayitādīhi attano  
attano kicechi dassanasavanādīni sadhāraṇa  
kiccāni vā kāyikavācasikamānasikāni vā  
sayananisajjattānagamanakathanacintanādīni sabbāni  
kiccāni karonti vidahantīti.**

Giải thích theo chi tiết: Tâm sở thuộc nhóm hành luôn hành động, sắp xếp cùng khắp phận sự như sự thấy, sự nghe... hoặc tất cả sự như đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, suy nghĩ... là phận sự diễn tiến theo đường thân, đường ngữ và đường tâm theo chức năng của mình như việc xúc chạm và suy nghĩ... gom lại trong cùng sát na với nhau, trong 6 sanh môn (**uppattidvāra**) hoặc 3 nghiệp môn (**kammadvāra**).

**10. Vuttaṃ hettaṃ saṃyuttake kiñci bhikkhave  
saṅkhāre vadetha saṅkhattaṃ asaṅkharontīti kho  
bhikkhave tasmā saṅkhārāti vuccanti.**

Thật vậy, điều này được Đức Thế Tôn nêu lên thuyết trong Tương Ứng Kinh được dẫn chứng nội dung như: “Này các tỳ kheo, thế nào là hữu vi (**saṅkhāra**)?”

Này các Tỷ kheo, tức pháp tạo tác pháp hành; vì vậy, ta mới gọi pháp đó là hữu vi (nghĩa là Đức Thế Tôn thuyết rằng hữu vi, bởi vì làm duyên tạo tác pháp hành như nhau; chính vậy nên không phải khác xa nhau).

**11. Kiñci saṅkhatam abhisañkharonti rūpam rūpatthāya saṅkhatam abhisañkharonti vedanam vedanatthāya saṅkhatam abhisañkharonti saññā saññatthāya saṅkha tamabhisankharonti saṅkhāre saṅkhāratthāya saṅkhamabhisañkharonti viññānam viññānatthāya saṅkhatamabhisañkharontīti kho bhikkhave tasmā saṅkhārāti vuccantīti.**

Việc tạo tác pháp hành đó, pháp hành là gì? Tạo tác cho trở thành là gì? Tạo tác pháp hành, tức sắc để trở thành sắc; tạo tác pháp hành, tức thọ để trở thành thọ; tạo tác pháp hành, tức tưởng để trở thành tưởng; tạo tác pháp hành, tức hành để trở thành hành; tạo tác pháp hành, tức thức để trở thành thức. Này các tỷ kheo, chính tạo tác pháp hành là như vậy, cho nên ta gọi là hành.

**12. Tattha rūpam rūpatthāya saṅkhatamabhikharontīti yasmim yasmim kāle sayana nisajjādivasena pavattā yā yā rūpavikati icchiyati tasmim tasmim kāle tassā tassārūpavikatiyā jātatthāya ariyāpatha parivattanā divasena tam tam rūpavikatim saṅkhatam abhisañkharontīti attho.**

Giải thích: Trong tất cả nội dung đã đề cập thì ý nghĩa tạo tác sắc để trở thành sắc, tức sự hoán chuyển hoặc thay

đôi của bất cứ sắc nào để diễn tiến, bởi năng lực của oai nghi, như sự nằm, sự ngồi... mà người muốn trong lúc nào, tất cả pháp hành luôn thực hiện tạo tác pháp hành, tức việc hoán chuyển hoặc thay đổi của sắc đó bằng năng lực của trạng thái như sự thay đổi oai nghi... để làm cho sắc cùng tánh chất (**rūpavikati**) hoán chuyển thay đổi của sắc đó khởi hiện trong lúc đó theo mong muốn.

**13. Khajjabhojjādikaṃ  
vatthāṇkārādikamañcapīṭhageharathādikaṃ sabbam  
upabhogaparibhogabhūtaṃ brāhīrārūpampi gahetvā  
yojetuṃ vaṭṭatiyeva.**

Cho dù tất cả sắc ngoại là vật chất để tiêu dùng như vật thực và thức uống, y phục, và đồ trang sức... giường, ghế, nhà cửa, xe cộ... (cũng nên tháp tùng theo lý đã đề cập trên).

**Chú thích:** Từ “**upabhoga**”, tức vật giành riêng cho bên trong thân thể như quần áo để mặc, vật thực để dùng.

Từ “**paribhoga**”, tức nhà cửa, xe cộ, giường, ghế, mọi loại vật dụng để sử dụng.

*Giải thích điều thứ 11:*

Tạo tác sắc để trở thành sắc. Ví như tất cả sắc của học viên lúc này là sắc gì?

Sắc ngồi, sắc nghe, sắc thấy và còn có sắc nóng giận, sắc cười, sắc viết, sắc làm thức ăn; tóm lại là sắc đang làm mọi công việc; bất cứ là sắc gì hoàn thành đến từ hành tạo tác làm cho tất cả diễn tiến.

Như vải lần đầu tiên là hạt bông vải trên cây; sau đó được lấy đem đi làm thành chỉ sợi, cho đến khi hoàn thành trở thành vải, rồi nhuộm màu, tạo hoa văn thời trang, cho đến lấy đi thiết kế thành loại vải khác nhau. Heo, gà, vịt cũng được chế biến thành nhiều loại thức ăn. Cây cối cũng được chế tạo thành xe cộ, nhà cửa, xóm làng. Sau cùng cho đến việc ngồi cũng còn có sự thay đổi thành nhiều dáng điệu, nhiều tư thế...

Từ “**Sabbe saṅkharā aniccā** và **sabbe saṅkhārā dukkhā**” như cây cối vẫn tồn tại, là cây cối cũng vẫn thuộc tất cả pháp hữu vi là vô thường; tất cả pháp hữu vi là khổ; bởi vì phải ngã do bị bão hoặc không thì chết hoặc mục nát, không tồn tại (ý nghĩa riêng biệt chừng ấy), thứ khác cũng giống như vậy; nếu đi đến chặt đốn đi để làm thành loại khác, như làm nhà, làm giường, tủ, bàn. Các thứ này cũng là hữu vi (**saṅkhāra**), tức tạo tác sắc để trở thành sắc; nhưng việc tạo tác mọi thứ cũng phải rơi vào trong vô thường, khổ, vô ngã. Vì vậy, pháp hữu vi, tức tạo tác này giống như người sống dưới luật pháp thì mọi thứ làm gì cũng được, nhưng cũng phải sống dưới pháp luật.

Một lý khác nữa, như người bệnh nặng muốn đứng dậy, giống như bình thường thì không được như thế nào, thì pháp hữu vi cũng không thể tạo tác làm cho thoát khỏi vô thường, khổ, vô ngã được. Pháp hữu vi giống như người lái xe; xe lái đi được phải là xe tốt, nếu xe hư hỏng thì lái đi được như thế nào?

Uẩn nghĩa là gì?

Nghĩa là khối, tập hợp, nhóm bởi 5 loại pháp, tức quá khứ, vị lai, hiện tại là 1 loại; bên trong, bên ngoài là 1 loại; tuy nhiên khi ghi nhận biết trong sát na đó rằng: *Tâm đồng sanh thọ hỷ tương ưng kiến vô trợ (somanassasahagataṃ ditṭhigatasampayuttaṃ asaṅkhārikam)* tâm đồng sanh thọ hỷ trong sát na đó nhưng không lấy quá khứ, vị lai, bên ngoài chỉ lấy thuần nhất bên trong, khi cắt bỏ ra như vậy thì sẽ là uẩn nào?

Chỉ là gián tiếp, không phải là trực tiếp. Ví dụ giống như người nhìn thấy đại dương rộng lớn bao la, ta sẽ nhìn thấy không được hết; thì ví dụ 5 loại pháp, 11 loại, nếu ai hỏi rằng nhìn thấy đại dương không? Thì phải nói rằng thấy cũng không sai, bởi vì nhìn thấy riêng biệt nơi đang thấy, gọi là theo cách phiến diện (*ekadesayūpacāranaya*).

Từ *bồ thí vật thực (dānaāhāra)* gom vào thì làm cho sắc khởi hiện từ vật thực như sắc nghiệp, sắc tâm, sắc nhiệt lượng (*utiyarūpa*), sắc vật thực. Cả 4 sắc này sanh lên thường xuyên nhưng không nhìn thấy được, sự việc cảm thấy no nê và thoải mái là thọ uẩn gom vào cảm thọ.

**Cittasamsatṭha dhammānaṃ Cetanāmukhato pana**

**Sankhārakkhandho nāmena Dhammā cetasika matā**

Pháp hữu vi là tên gọi của chính tâm sở tư, nhưng trong 50 tâm sở (trừ thọ, tưởng) thì tâm sở tư này là chánh yếu cho nên 50 tâm sở này gọi là hành uẩn

**Vedanādīsu pekasmim̐ Khandhasaddo tu rulhīyā.**

**Samuddā desadesesu Samuddādi varoyathā.**

**(saceasaṃkhipapakaraṇa)**

14. Vedanaṃ vedanatthāya  
saṅkhatamabhisāṅkharontī diṭṭhadhammikaṃ  
sampavāyikañca sabbaṃ pi vedanaṃ tattha  
diṭṭhadhammikaṃ vedanaṃ saṅkhatam  
abhisāṅkharontā cittakamma niccagītādīni taṃ taṃ  
vedanupakaraṇāni sampādanavasena samparāyikañca  
abhisāṅkharontā mānasakaṃ vā dibbaṃ vā taṃ  
vedanaṃ patthetvā dāsasīlādisampādana vasena  
abhisāṅkharonti esanayo sesesupi.

Việc tạo tác hữu vi, tức thọ để trở thành thọ, như giải thích sau: Tất cả thọ trong hiện tại và trong kiếp vị lai trong việc tạo tác 2 trường hợp thọ đó, khi tạo tác pháp hành thì thọ trong kiếp hiện tại luôn tạo tác bằng năng lực của phận sự như tạo lập cảm thọ tốt khác nhau, việc nhảy múa và ca hát... thì thọ đó là vật liệu làm cho thành tựu, khi tạo tác pháp hữu vi, tức thọ trong kiếp vị lai, luôn tạo tác bằng năng lực của việc dựng lên sự ước muốn thọ đó sẽ trở thành thọ trong nhân giới hoặc trong thiên giới; rồi dẫn đến tạo thiện pháp như bố thí, trì giới,... là cho thành tựu. Ngay cả tưởng, hành, thức còn lại thì cũng tạo tác theo ý giống như vậy.

15. Saṅkhāresu pana phassaṃ phassatthāya cetanaṃ  
cetanatthāyātiadinā dānaṃ dānatthāya sīlaṃ silatthāya

**paṇātipātaṃ paṇātipātatthāyāti adinā vā sabbaṃ  
lokapavattiṃ ñātvā vitthāretabbāti.**

Tuy nhiên phân hành thì nên hiểu rằng xúc tạo tác để được lợi ích cho xúc, tư tạo tác để được lợi ích cho tư... hoặc khi biết được sự kiện của khắp cả thế gian thì nên giải thích theo chi tiết rằng bố thí cũng để tạo tác lợi ích cho bố thí, trì giới để tạo tác lợi ích cho trì giới, sát sanh cũng để tạo tác lợi ích cho sát sanh...

**16. Ettha siyā kasmā saṅkhāresu pakaṭā cetanādayo  
vitakkādayo lobhādayo saddhā sati paññā dayo ca  
dhamme viṣuṃ viṣuṃ khandhabhāvena avatvā vedanā  
saññā va vuttati.**

Khi đã như vậy, trong tất cả pháp làm duyên tạo tác thì tâm sở biến hành (**sabbacittasādhāraṇacetosika**) như tư... cũng hiện bày; tâm sở biệt cảnh (**pakiṇṇakacetosika**) như tầm... cũng hiện bày; tâm sở bất thiện (**akusalacetosika**) như tham... cũng hiện bày, tâm sở tịnh hảo (**sobhaṇacetosika**) như tín, niệm, trí tuệ cũng hiện bày.

Vì sao Đức Thế Tôn không thuyết phân tích tất cả cho nhiều ra thành các uẩn khác nhau, do nhân nào chỉ nêu lên tâm sở thọ, tâm sở tưởng là uẩn mà thôi?

**17. Vuccate yathā hi cheko mahābhisakko  
bhesajjamulāni gahetvā cuṇṇaṃ karonto tesu mūlesu  
imāni mūlānipi mudūni honti imāni khuddakanipi  
kakk aḷāni hontīti ñātvā tato poṭhamataraṃ**

**kakkhaḷāni viṣuṃ uddharitvā suṭṭhu koṭṭvā cuṇṇaṃ karoti tato ubhayāni missetvā silāyaṃ pi setvā bhesajjakamme upaneti evaṃ karonto nikilamati.**

Ngài thuyết rằng: Giống như người thầy thuốc am hiểu tinh tường; khi đi hái cây thuốc, mang về bào chế chúng trở thành dược liệu; y có sự hiểu biết tinh tường rằng: trong tất cả đồng dược liệu đó, loại này mặc dù lớn nhưng mềm, loại này cho dù nhỏ nhưng cứng. Vì vậy mới lựa loại cứng ra riêng rẽ với nhau, rồi giã ra cho nhuyễn trước; rồi lấy loại dược liệu mềm còn lại đem đi giã cho nhuyễn; sau đó lấy 2 loại dược liệu đem giã chung với nhau thì trở thành thuốc mà không phải vất vả.

**18. Evamevaṃ bhagavā pi nāmarūpadhammesu tilakkhaṇaṃ āropetvā nicca sukha atta subha vipallāsānaṃ pahānatthāya anuyuñjantā devamanussa vibhāge akate tisu dhammesu kilamissantīti natvā nāma dhammesu vedanā saññā cittasaṅkhāte tayo dhamme viṣuṃ uddharitvā ekamekaṃ khandhaṃ nāma katvā desesi.**

Mặc dù Đức Thế Tôn thuyết về tánh chất của uẩn như vậy, nghĩa là Đức Phật hiểu biết toàn hảo rằng: khi tất cả chư thiên và nhân loại tinh cần tu tiến (về danh sắc), khi nêu lên Tam tướng thì sẽ đoạn trừ được pháp Điên đảo (**vipallāsadhamma**), tức thường, lạc, ngã, mỹ. Nếu như Đức Phật không thuyết phân tích ra thành uẩn trước sẽ trở nên vất vả nhiều về 3 loại pháp. Vì vậy, trong tất cả danh

pháp chỉ nêu lên 3 loại pháp, tức thọ, tưởng và tâm phân ra thành 1 uẩn riêng rẽ rồi Ngài mới thuyết.

**Chú thích:** Ví dụ; so sánh

Rễ nhỏ, cứng; tức thọ, tưởng, tâm.

Rễ lớn mềm; tức hành.



**Giải Thích Về Uẩn Theo Chi Tiết  
Trong Hàm Tận Tập Yếu  
CHƯƠNG 7**

**Thọ Uẩn (vedanākhandho)**

**19. Tathā hi yathā macchā nāma udake sati ukkaṇṭhitā nāma natthi asati pana ekantane ukkaṇṭhitā yeva honti, yathā vā madhukara vā bhamarā vā yasmiṃ vane puppharasa phalarase labhanti tattha ukkaṇṭhitā nāma natthi alabhamānā pana ekantena ukkaṇṭhitā eva honti.**

Trình bày chi tiết nội dung đã đề cập trên, thường nhiên cá khi không có nước sẽ sợ hãi, khổ sở.

Một lý khác nữa, trong rừng vẫn có bông hoa và trái cây cho loài ong bướm được hút hoặc nếm vị, ong bướm trong rừng này thường không có sự sợ hãi, khổ sở, nhưng tất cả loài ong bướm nếu không được hút hoặc nếm vị của bông hoa và trái cây thì sẽ sợ hãi, khổ sở vô cùng như thế nào.

**20. Evameva imesaṃ sattānaṃ sukhasaññitesu patisaṇaṇesu vedanāsadisamaṃ patisaṇaṇaṃ nāma natthi**

**manussa deva bahmapattiyo assādentāpi sukhadeva  
natthāya eva assādenti.**

Thì tất cả chúng sanh như thế đó, nghĩa là trong tất cả sự việc dính mắc tất cả diễn tiến theo đường lối hiểu rằng là lạc sẽ không có gì nhiều hơn thọ, ngay cả tất cả chúng sanh thích thú tài sản nhân loại, tài sản chư thiên thì việc thích thú cũng để được lợi ích cho chính thọ đó.

**21. Yadi ca tāhi vinā yathicchitaṃ sukhavedanaṃ  
labheyyaṃ konāma tā sādiyissati tathā phassacetanā  
dīhi vitakkavicāraviriyādīhi ca lobhadosādīhi saddhā  
sati paññādīhi ca saṅkhārakkhandhadhammehi  
ditṭhadhammikaṃ sampariyikaṅca yaṅkiñci  
saṅkhatam abhisankharontāpi sukhavedananatthāya eva  
abhisankharonti.**

Lại nữa, nếu như tất cả chúng sanh sẽ được lạc thọ như mong muốn ngoài ra tài sản như đã đề cập đó, thì ai sẽ nói là người thích thú các tài sản đó bằng cách tương tự như vậy, tất cả pháp ngay cả khi tạo tác 1 loại pháp hành (**saṅkhatadhamma**) sẽ trở thành trong kiếp hiện tại hoặc kiếp vị lai đi nữa, cũng bằng tất cả pháp hành uẩn như xúc, tư... hay như tầm, tứ, cần... hoặc như tham, sân hay như tín, niệm, trí tuệ... cũng thường tạo tác để được lợi ích cho lạc thọ đó.

**22. Yadi ca tādisena abhisankharaṇena vināpi  
yathicehitaṃ sukhaṃ labheyyuṃ tehi dhammehi attho  
natthīti ko nāma te dhamme abhisankharissatīti.**

Lại nữa, nếu như tất cả chúng sanh sẽ được lạc theo mong muốn, thậm chí loại trừ việc tạo tác như vậy ra thì sự mong muốn bởi tất cả nhóm pháp đó cũng không có; như vậy thì ai nói rằng sẽ là người tạo tác tất cả pháp đó.

**23. Iti sukhasaññitesu dhammesu vedanā nāma imesaṃ sattānaṃ paramatthaṃ sagataṃ sukhasaññitatṭhānaṃ hoti tasmā bhagavā taṃ visuṃ ekaṃ khandhaṃ katvā khandhadesanaṃ desetīti.**

Do đó trong tất cả pháp mà chúng sanh cho rằng xóa là lạc do chính thọ đó là nền tảng quan trọng của lạc tưởng của tất cả nhóm chúng sanh đó. Vì vậy, Đức Thế Tôn mới truy tìm lấy thọ ra thành 1 uẩn riêng rẽ trong khi Ngài thuyết về uẩn.

**24.** Tương tự như vậy trong tất cả sự việc dính mắc diễn tiến theo đường lối cho rằng là bản ngã của tất cả nhóm chúng sanh thì sẽ không có gì nhiều hơn tưởng sự thật là như vậy; tất cả nhóm chúng sanh đó, tất cả khởi hiện trong giáo pháp đó, biết được tất cả sự việc cần phải biết trong lãnh vực của mình bằng tưởng thường chấp thủ rằng là sự hiểu biết đặc thù.

**25.** Khi tất cả chúng sanh dẫn đến tình trạng hiểu biết như vậy thì thường sẽ hiểu là người khác hiểu biết ngàn nào ta cũng sẽ hiểu biết ngàn ấy, không ai hiểu biết hơn ta, khi đã như vậy cũng hiểu được rằng: Tưởng hiểu rằng là trí tuệ là Chí thượng ngã (**paramaatta**) và sự chấp thủ như vậy trở thành lý tưởng.

**26.** Do đó, các pháp diễn tiến theo đường lối cho rằng tất cả là bản ngã, chính ngăn ấy tưởng là nhân làm nền tảng trọng yếu của tưởng rằng là bản ngã của tất cả nhóm chúng sanh đó. Vì vậy, Đức Thế Tôn khi thuyết về uẩn mới nêu lên lấy tưởng ra thành 1 loại uẩn riêng rẽ.

**27.** Tương tự như vậy, tất cả sự việc dính mắc theo đường lối cho rằng là pháp thường tồn của tất cả nhóm chúng sanh này sẽ không có gì nhiều hơn tâm thật sự là như vậy, tất cả chúng sanh thường hiểu rằng: Lạc khổ là pháp vô thường, khổ sẽ không có với người có lạc, lạc sẽ không có với người có khổ.

Sự ghi nhớ, tức tưởng cũng vô thường, đôi khi cũng quên lãng, nhưng đôi khi không quên lãng. Sự tham lam cũng vô thường; đôi khi cũng khởi hiện, đôi khi không khởi hiện. Hay sân cũng vô thường, đôi khi sân, đôi khi cũng không sân. Hay đức tin cũng vô thường, đôi khi thì tin tưởng, đôi khi cũng không tin tưởng. Sự việc nắm giữ tất cả pháp tâm sở là pháp vô thường, thường có vài nhóm người trên thế gian nhưng chỉ nêu lên pháp tâm sở là vô thường mà không nói đến tâm.

**28.** Nhưng tất cả chúng sanh nắm giữ hoặc hiểu rằng: Tâm vô thường thì đôi khi khởi hiện, đôi khi không khởi hiện. Như đã đề cập phần đầu thì chẳng có, mà thường hiểu rằng: Tâm là pháp thường tồn tự mình đơn độc, chỉ là đôi khi đồng sanh với lạc, đôi khi đồng sanh với khổ... mới khởi

lên ý định rằng: Tâm là pháp thường tồn, tức Thường tướng (aniccasañña).

29. Như đã đề cập trên, chính tâm mới là nhân làm nên tảng quan trọng trong tất cả pháp diễn tiến theo đường lối cho rằng là pháp thường tồn, tức thường tướng. Vì vậy Đức Chánh Đẳng Giác khi Ngài thuyết về uẩn nêu tâm ra thành 1 uẩn riêng rẽ.

**Chú thích:** *Kê từ điều 23... Ngài giáo thọ sư không viết pali cho.*

## **Giải Thích Đặc Biệt Về Uẩn**

Bậc thiện trí làm cho ý nghĩa được biết rõ ràng thì nên hiểu theo cách thức giải thích cho chín chắn, để hiểu được sâu rộng về tất cả uẩn bằng cách tuần tự, bằng cách đặc biệt, bằng cách không hơn không kém, bằng cách ví dụ, bằng cách nên thấy theo 2 phương diện, bằng cách thành tựu lợi ích với người biết được như vậy.

## **Bằng Cách Tuần Tự**

Trong nhóm câu mẫu đề đó nói theo tuần tự trong nơi đây thì có nhiều loại tuần tự, tức tuần tự sanh lên, tuần tự đoạn trừ, tuần tự thực hành, tuần tự cõi, tuần tự thuyết giảng.

## **Tuần Tự Của 5 Uẩn**

Trong nhóm tuần tự đó thì tuần tự khởi đầu rằng ban đầu phôi châu, từ phôi châu,... trở thành miếng thịt, gọi là tuần tự sanh lên.

Tuần tự khởi đầu rằng: Pháp cần phải đoạn trừ bằng tri kiến, pháp cần phải đoạn trừ bằng tu tiến; gọi là tuần tự đoạn trừ.

Tuần tự khởi đầu rằng: Sự trong sạch của giới, sự trong sạch của tâm; gọi là tuần tự thực hành.

Tuần tự khởi đầu rằng: Dục giới, sắc giới; gọi là tuần tự của cõi.

Tuần tự khởi đầu rằng: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần hoặc kệ bố thí, kệ trì giới; gọi là tuần tự thuyết giảng.

Trong nhóm tuần tự đó thì tuần tự sanh lên chưa cần đề cập trong nơi đây, trước vẫn còn là giống như phôi châu... chưa được xếp vào là sanh lên hoàn toàn. Việc xác định trước sau thì tuần tự của việc đoạn trừ cũng vẫn không dùng được, bởi vì chưa nên đoạn trừ thiện và vô ký.

Tuần tự của việc thực hành cũng vẫn không dùng được, bởi vì không nên thực hành bất thiện.

Tuần tự của cõi cũng vẫn không dùng được, bởi vì uẩn có thọ... Liên quan trong 4 cõi, chỉ dùng được thuần nhất tuần tự của thuyết giảng.

Thật vậy, Đức Thế Tôn chủ yếu sẽ cứu vớt chúng sanh

hữu duyên rơi vào trong chấp thủ là ta trong 5 uẩn, bởi vì không phân tích chia chẻ, để lia khỏi việc chấp thủ rằng là ta, bằng sự thấy tách rời ra thành nhóm và đồng. Ngài chú ý mong muốn để đem đến lợi ích nắm giữ dễ dàng đối với chúng sanh hữu duyên đó. Giai đoạn đầu Ngài thuyết về sắc loại thô theo lãnh vực của nhãn... Từ đó Ngài mới thuyết về thọ sẽ cảm giác theo sắc mong muốn và không mong muốn. Từ đó Ngài thuyết về tướng nắm giữ trạng thái theo lãnh vực thọ rằng: Cảm giác điều nào thì biết theo điều đó. Từ đó Ngài thuyết về hành là pháp tạo tác theo mãnh lực của tướng. Từ đó Ngài thuyết về thức là nơi nương nhờ của thọ,... và là chánh yếu (**adhipati**) của thọ... nên hiểu theo cách thức giải thích chỉ bấy nhiêu.

## **Bảng Cách Đặc Biệt**

Từ “bảng cách đặc biệt” tức bảng cách khác biệt nhau của tất cả uẩn và uẩn thủ, 2 loại uẩn này khác biệt nhau như thế nào?

Trong nơi đây uẩn mà Ngài nêu lên đề cập không khác nhau, đối với uẩn thủ (**upādānakhandha**) Ngài đề cập khác nhau, bởi việc hình thành uẩn có lậu hoặc (**āsava**) và là cội nguồn của thủ.

Tương ứng như Đức Phật thuyết rằng: “Này các tỳ kheo, ta sẽ thuyết về 5 uẩn cho các con, tức 5 thủ uẩn, các con hãy lắng nghe về 5 uẩn đó, này các tỳ kheo 5 uẩn như thế nào?”

Này các tỳ kheo, một loại sắc nào thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại hoặc gần. Này các tỳ kheo, đây là sắc uẩn.

Một loại thọ uẩn thuộc quá khứ... đây gọi là thọ uẩn... một loại thức uẩn... hoặc gần. Này các tỳ kheo chính nhóm này gọi là 5 uẩn.

Này các tỳ kheo, thế nào là 5 thủ uẩn? Này các tỳ kheo, một loại sắc nào thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại hoặc gần, diễn tiến với lậu hoặc là cội nguồn của thủ. Này các tỳ kheo, đây gọi là sắc thủ uẩn (**rūpādānakhanda**).

Một loại thọ nào thuộc quá khứ... Này các tỳ kheo, đây gọi là thọ thủ uẩn (**vedanūpādānakhanda**).

Một loại thức uẩn nào... hoặc gần diễn tiến với lậu hoặc là cội nguồn của thủ. Này các tỳ kheo, đây gọi là thức thủ uẩn (**viññānūpādānakhanda**). Này các tỳ kheo, nhóm này gọi là 5 thủ uẩn.”

Lại nữa, trong nhóm 5 thủ uẩn này, uẩn như thọ... không có lậu hoặc cũng có, có lậu hoặc cũng có, nhưng sắc không phải như vậy, Ngài nêu lên đề cập trong tất cả uẩn, bởi vì sắc đó phải tính là uẩn do ý nghĩa là nhóm. Vì vậy, Ngài mới nêu lên đề cập trong thủ uẩn, bởi vì phải sắp xếp là thủ uẩn do ý nghĩa diễn tiến với lậu hoặc, còn thọ... không có lậu hoặc thì Ngài cũng đề cập trong tất cả uẩn, có lậu hoặc thì đề cập trong thủ uẩn cần phải thấy sự việc trong từ thủ uẩn này vẫn còn uẩn là giác quan của thủ, gọi là thủ uẩn. Nhưng trong nơi đây, Ngài chủ yếu lấy uẩn bởi vì gom tất cả nhóm uẩn này vào là một với nhau.

## Bảng Cách Không Hơn Không Kém

Vì sao? Ngài nêu lên thuyết riêng biệt về 5 uẩn, không hơn, không kém, bởi vì quy tụ lại tất cả pháp hành (**saṅkhatadhamma**) vào thành nhóm với nhau và bởi vì tất cả những thứ được chấp thủ “là ta” hoặc “có trong ta” thì không nằm ngoài 5 uẩn này, và bởi vì tất cả pháp uẩn, ngoài ra có thể gom vào 5 uẩn. Thật ra, có những pháp khác biệt, nhiều loại nhưng vẫn có thể gom lại thành nhóm, như pháp có thực tánh thuộc sắc pháp được gom lại thành 1 nhóm là sắc uẩn; pháp có thực tánh thuộc cảm thọ được gom lại thành 1 nhóm là thọ uẩn; pháp có thực tánh thuộc tưởng được gom lại thành 1 nhóm, gọi là tưởng uẩn. Hành, thức cũng cùng lý như vậy. Vì vậy, Ngài mới thuyết riêng biệt 5 (uẩn) bởi vì gom lại pháp thành thực tánh của tất cả pháp hành vào thành nhóm với nhau.

Lại nữa, những thứ là nhân chấp thủ, cho rằng là ta hoặc có trong ta thì không nằm ngoài 5 uẩn, như sắc,... Tương ứng như Đức Phật thuyết rằng: “Này các tỳ kheo, khi sắc hiện hữu thì sự dính mắc trong sắc, rồi khởi lên ý niệm là ta, là của ta, là tự ngã của ta. Khi thọ, tưởng, hành, thức hiện hữu thì sự dính mắc trong thức rồi khởi lên ý niệm rằng là ta, là của ta, là tự ngã của ta. Do đó, Ngài mới thuyết riêng biệt 5, trong tất cả những thứ là nhân đưa đến chấp thủ rằng có cái ta thì không vượt khỏi 5 uẩn; vì vậy, Ngài chỉ thuyết 5 uẩn mà thôi.

Lại nữa, trong nhóm 5 pháp uẩn, như nhóm giới uẩn... đã được nhắc đến thì dù là nhóm uẩn nào đi nữa cũng không nằm ngoài 5 uẩn. Vì rằng chúng đều nương hành uẩn, cho nên Ngài chỉ thuyết riêng biệt 5, vì nhóm pháp uẩn khác đều quy tụ vào 5 uẩn, nên hiểu theo cách thức giải thích bằng cách không hơn, không kém.

## Bảng Cách Ví Dụ

Trong câu mẫu đề này có giải thích về sắc thủ uẩn so sánh như bệnh viện; bởi vì là nơi nương ngụ của tướng thủ uẩn so sánh như nguyên nhân của bệnh tật, do khả năng là vật, môn và cảnh.

Thọ thủ uẩn so sánh như bệnh tật, bởi vì là pháp hành hạ tướng thủ uẩn. Thọ thủ uẩn so sánh như bệnh tật, bởi vì thọ khởi hiện được cũng phải kết hợp với tham ái (**rāga**) do mãnh lực dục tướng...

Hành thủ uẩn so sánh như việc dùng chất độc hại vì là nguyên nhân của bệnh tật, tức thọ. Tương ứng như Ngài thuyết rằng hành tạo lên thọ vì là người nhận lãnh.

Lại nữa, Ngài thuyết rằng: Thân thức là quả đồng sanh với khổ do bất thiện nghiệp đã tạo. Thức uẩn so sánh như bệnh nhân, bởi vì không thoát khỏi bệnh tật, tức thọ.

Lại nữa, 5 nhóm uẩn này có ví dụ giống như người do thám, giống như nguyên nhân, giống như sự hiểu sai, giống như

người tạo lên nguyên nhân, giống như người sai lầm và giống như gánh nặng, có gánh nặng, người nuôi dưỡng và người thọ dụng, nên hiểu cách thức giải thích theo ví dụ sau đây:

1. **Etamma:** 5 uẩn là của ta: Ái dục.
2. **Esohamasmi:** 5 uẩn là ta: Ngã mạn.
3. **Esomeattā:** 5 uẩn là tự ngã của ta: Tà kiến.

## 5 Pháp Uẩn (pañcadhammakhandha)

Trong hành uẩn có 5:

1. Giới uẩn (**sīlakhanda**): Chi pháp tâm sở giới phần.
2. Định uẩn (**samādhikhanda**): Tâm sở nhất hành.
3. Tuệ uẩn (**paññākkhandha**): Chi pháp tâm sở trí tuệ.
4. Giải thoát uẩn (**vimuttikhanda**): Tâm sở trí tuệ.
5. Giảithoáttrikiếnuẩn(**vimuttiñāṇadassanakhandha**): Chi pháp tâm sở trí tuệ.

1. **Gilanasālā:** Bệnh viện, tức sắc uẩn.
2. **Gelañña:** Bệnh tật, tức thọ uẩn.
3. **Gelaññasamuṭṭhāna:** Nguyên nhân chứng bệnh, tức tướng uẩn.
4. **Asappāyasevana:** Vật độc hại, tức hành uẩn.
5. **Gilāna:** Bệnh nhân, tức thức uẩn.

## Bằng Cách Thấy Theo 2 Phương Diện

Trong câu mẫu đề này nên hiểu theo cách thức của câu giải thích bằng cách nên thấy thành 2 phương diện theo tóm tắt và chi tiết. Thật ra, theo tóm tắt 5 thủ uẩn nên thấy là kẻ thù vung kiếm lên; như trong bài kinh Ví dụ con rắn (**asīvisūpamasutta**) và nên thấy là gánh nặng như trong bài kinh Gánh nặng (**bhārasutta**), nên thấy là người thợ đục như trong bài kinh (**khajjanīyapariyāya**), nên thấy là pháp làm duyên tạo tác và là kẻ sát nhân, vì là vô thường, khổ, vô ngã, như trong bài kinh Song đối (**yamakasutta**).

Nhưng trước khi đề cập theo chi tiết nên thấy sắc giống như bọt nước, vì không chịu đựng được sự áp bức; nên thấy thọ giống như bong bóng nước, vì thoải mái trong chốc lát; nên thấy tưởng giống như ảo ảnh, vì thoáng mắt; nên thấy hành giống như cây chuối, vì không có cốt lõi; nên thấy thức giống như trò ảo thuật.

Trước khi nói theo chi tiết nên thấy sắc bên trong cho dù thù thắng cũng bất mỹ; nên thấy thọ là khổ, vì không thoát khỏi cả 3 loại khổ; nên thấy tưởng và hành là vô ngã, vì không ở trong quyền lực; nên thấy thức là vô thường, vì là pháp sanh lên và diệt đi để được thành tựu lợi ích cho người thấy được như vậy.

Việc thành tựu lợi ích nào có được với người thấy như vậy theo 2 phương diện tóm tắt và chi tiết nên hiểu theo cách của điều giải thích, về việc thành tựu lợi ích này như

thế nào? Sẽ giải thích theo tóm tắt trước; người thấy 5 thủ uẩn là kẻ thù vung kiếm... thường không khổ sở vì tất cả uẩn, theo chi tiết người thấy sắc... là thực tánh, như bọt nước và bong bóng nước thì không thấy rằng là cốt lõi trong sắc... chỉ thấy là không cốt lõi.

Bằng cách đặc biệt người thấy sắc diễn tiến bên trong là vật bất mỹ thường xác định biết Đoàn thực (**kabalīṅkārahāra**) thì đoạn trừ được mỹ điên đảo rằng mỹ trong điều bất mỹ; vượt qua được dục bộc lưu, không say đắm trong vật dục, không chất chứa dục lậu, phá hủy tham ái thân phược, không chấp giữ dục thủ.

Khi thấy thọ là khổ thì xác định biết được xúc thực (**phassāhāra**) thường đoạn trừ Lạc điên đảo trong điều khổ, thường vượt qua được hữu bộc lưu, không say đắm trong việc tạo dựng hữu, thường không chất chứa hữu lậu, phá hủy sân độc thân phược, không chấp giữ giới cầm thủ.

Khi thấy tướng và hành là pháp không phải là ta, thường xác định biết được Tư thực (**manosañcetanāhāra**) thường đoạn trừ được Ngã điên đảo rằng là ta, trong điều không phải là ta, vượt qua được Kiến bộc lưu, thường không say đắm trong việc tạo dựng kiến, thường không chất chứa Kiến lậu, phá hủy Ngã thực chấp thân phược (**idamsaccābhinivesakāyagantha**) thường không chấp thủ rằng là ta.

Khi thấy thức là pháp vô thường, thì xác định biết được

Thực thực (**viññāṇāhāra**) thường đoạn trừ được Tâm điên đảo rằng thường trong điều vô thường, thì vượt qua khỏi Vô minh bực lưu, thường không say đắm trong việc tạo dựng vô minh, thường không chắt chứa Vô minh lậu, phá hủy Giới cấm thủ thân phược, thường không chấp giữ Kiến thủ.

Sự việc thấy được tên sát nhân... có nhiều quả báo như vậy, do đó bậc thiện trí thức nên thấy tất cả uẩn là tên sát nhân...

## MỤC LỤC

1. **Katamo:** Bằng cách tuần tự.
2. **Vivesato:** Bằng cách đặc biệt.
3. **Anunādikato:** Bằng cách không hơn không kém.
4. **Upamāto:** Bằng cách ví dụ.
5. **Daṭṭhabbato:** Bằng cách nên thấy thành 2 phương diện tóm tắt và chi tiết.
6. **Evampassamṭassatthasiddhito:** Bằng cách thành tựu lợi ích với người thấy được như vậy.

## Tuần Tự Có 5 Loại Là:

1. **Uppattikkama:** Tuần tự sanh lên của tâm theo lộ tâm.
2. **Pahānakkama:** Tuần tự đoạn trừ.
3. **Paṭipattikama:** Tuần tự thực hành.

4. **Bhūmikkama**: Tuân tự cõi.

5. **Desanākkama**: Tuân tự thuyết giảng.

*Kết Thúc Giải Thích Theo Chi Tiết Chi Bảy Nhiêu.*

## GIẢI THÍCH SƠ ĐỒ VỀ QUYỀN VÀ LỰC

Lớn mạnh (Quyền <b>indriya</b> ) và dẫn đầu (Lực <b>nāma</b> )	
Tín ( <b>saddhā</b> ) thông thường	Trong việc tạo thiện pháp, như bố thí, trì giới, tu tiến thích nghi với vòng luân hồi, ám chỉ mãnh lực liên quan đến ái dục, không thể làm cho ly ái dục được.
Tín tu tiến	Trong việc tạo thiện pháp, như bố thí, trì giới, tu tiến ly luân hồi, có nhiều sức mạnh, ám chỉ không liên quan đến ái dục, có thể làm cho ly ái dục được.
Tấn ( <b>viriya</b> ) thông thường	Trong việc tạo thiện pháp như bố thí, trì giới, tu tiến thích nghi với luân hồi, ám chỉ mãnh lực liên quan đến biếng nhác, không thể làm ly biếng nhác ( <b>kosajja</b> ) được.

Tân tu tiến	Trong việc tạo thiện pháp như bố thí, trì giới, tu tiến ly luân hồi, có nhiều sức mạnh, ám chỉ không liên quan đến biếng nhác, có thể làm cho xa lìa, biếng nhác.
Niệm ( <b>sati</b> ) thông thường	Trong việc tạo thiện pháp, như bố thí, trì giới, tu tiến thích nghi với luân hồi, ám chỉ mãnh lực liên quan đến quên lãng ( <b>muṭṭhasacca</b> ) được.
Niệm tu tiến	Trong việc tạo thiện pháp như bố thí, trì giới, tu tiến ly luân hồi có nhiều sức mạnh, ám chỉ không liên quan đến quên lãng có thể làm cho xa lìa quên lãng.
Định ( <b>samādhī</b> ) thông thường	Trong việc tạo thiện pháp như bố thí, trì giới, tu tiến thích nghi với luân hồi, ám chỉ mãnh lực liên quan đến phóng tán ( <b>vikkhepa</b> ).

Định tu tiến	Trong việc tạo thiện pháp như bố thí, trì giới, tu tiến ly luân hồi có nhiều sức mạnh, ám chỉ không liên quan đến phóng tán có thể làm cho xa lìa phóng tán được.
Tuệ ( <b>paññā</b> ) thông thường	Trong việc tạo thiện pháp như bố thí, trì giới, tu tiến thích nghi với luân hồi, ám chỉ mãnh lực liên quan đến vô minh không xa lìa vô minh được.
Tuệ tu tiến	Trong việc tạo thiện pháp như bố thí, trì giới, tu tiến ly luân hồi có nhiều sức mạnh, ám chỉ không liên quan đến vô minh ( <b>sammoha</b> ) có thể làm cho xa lìa vô minh được.

### Chú thích:

Tín, tấn, niệm, định, tuệ thông thường và thuộc Tu tiến thành (**bhavanāmaya**), trong 2 loại đó thì loại thông thường không gọi là pháp giác phần (**bodhipakkhiyadhamma**), còn loại tu tiến thành thì gọi là pháp giác phần.

## Lời Dịch

1. **Bhavanāmaya**: Tất cả pháp như tín... thành tựu do tu tiến, tu tiến chỉ tịnh, tu tiến minh quán.

2. **Vatṭanissita**: Việc tạo trừ tất cả thiện pháp như bố thí... nương trú vào trong vòng luân hồi.

3. **Vivatṭanissita**: Việc tạo trừ tất cả thiện pháp như bố thí, trì giới, tu tiến không nương vào trong vòng luân hồi chỉ ước nguyện duy nhất Đạo, Quả, Níp bàn.

4. **Paṭirūpaka**: Khi tạo thiện pháp như bố thí... không làm thật sự, chỉ làm theo người khác, còn họ thì lơ là.

5. **Taṇhā**: Sự tham muốn được cảnh hiệp thế, tức 5 cảnh dục.

6. **Kosajja**: Khi tạo thiện pháp thôi lười, không kiên trì được.

7. **Muṭṭhasacca**: Khi tạo thiện pháp không có ghi nhớ, không biết hoặc quên lãng.

8. **Vikkhepa**: Khi tạo thiện pháp không chủ tâm, tán loạn.

9. **Sammoha**: Khi tạo thiện pháp nhiều mê muội, không có sự suy xét.

## **Giải Thích Về Giới (dhātu) Cần Phải Ghi Nhớ:**

1. Giới (**dhātu**) chân đế có 18.
2. Giới chế định (**paññatti**) không có.
3. Giới thuần nhất danh có 7, tức 7 thức giới.
4. Giới thuần nhất sắc có 10, tức 10 giới thô (**oḷārika**).
5. Giới vừa danh và sắc có 1 là pháp giới.
6. Trong 89 tâm được 7 giới, tức 7 thức giới.
7. Trong 52 tâm sở được 1 giới, tức pháp giới.
8. Trong 28 sắc được 11 giới, tức 10 giới thô, 1 pháp giới.
9. Níp bàn chân đế được 1 giới, tức pháp giới.
10. Số lượng giới khởi hiện được trong nhãn môn (theo đường mắt) có 6, tức:
  - a. Nhãn giới
  - b. Sắc giới
  - c. Nhãn thức giới
  - d. Ý giới
  - e. Ý thức giới
  - f. Pháp giới.

(Hoặc 1 lý khác nữa, từng nói với nhau rằng: Một lần thấy sắc, nếu xếp vào thành giới được 6 giới).

11. Số lượng giới khởi hiện được trong ý môn (theo đường ý) có 7, tức sắc giới, tinh giới, khí giới, vị giới, xúc giới, ý thức giới, pháp giới.

12. Giới theo môn có 6, tức nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới (là giới nhận lãnh).

13. Giới làm cảnh có 6, tức sắc giới, tinh giới, khí giới, vị giới, xúc giới, pháp giới (là giới xúc chạm).

14. Giới là thức biết cảnh (**ārammaṇikaviññāṇa**) có 6, tức nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới, ý thức giới.

### **(Giới Biết):**

15. Giới xúc chạm có 6, tức sắc giới, tinh giới, khí giới, vị giới, xúc giới, pháp giới.

16. Giới nhận lãnh xúc chạm có 6, tức nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới.

17. Giới ra khỏi sự nhận lãnh xúc chạm có 6, tức nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới, ý thức giới.

(Khi giới xúc chạm với giới nhận lãnh xúc chạm vào với nhau thì gọi là giới biết sanh lên).

## Giải Thích Về Đế Cần Phải Ghi Nhớ:

1. Đế thuộc chân đế có 4.
2. Đế thuộc tục đế không có.
3. Chân đế (**paramatthato**) là đế (**sacca**) có 4.
4. Chân đế không là đế (tức ngoại đế) có 2, tức 8 tâm siêu thế, 36 tâm sở (trừ 8 tâm sở chi đạo đồng sanh với 4 tâm đạo).

**Chú thích:** *Trình bày loại Thánh đế này là theo cách trực tiếp (**mukhayanaya**) hoặc theo cách Thăng pháp (**abhidhammanaya**).*

5. Một lý khác nữa, chân đế không có đế (ngoài đế) không có; nghĩa là 8 chi đạo tâm sở hợp trong 4 tâm quả, cũng gọi là đạo đế theo cách so sánh (**sadisūpacaranaya**); bởi vì giống nhau với 8 chi đạo tâm sở hợp trong 4 tâm đạo tâm siêu thế. Và tất cả 28 tâm sở còn lại gọi là khổ đế. Bởi vì Đức Chánh Đẳng Giác thuyết rằng: **Sabbe saṅkhārā dukkhā catusaccavinimutto ñeyyo nāma natthi**. Tất cả pháp hành là khổ, gọi là pháp cần phải biết, ngoài ra khỏi 4 Đế thì không có.

**Chú thích:** *Đức Phật thuyết như vậy theo cách gián tiếp (**pariyāyanaya**) hoặc theo cách kinh (**suttantanaya**).*

6. Thánh đế thuần nhất danh có 3, tức tập đế, diệt đế, đạo đế.

7. Thánh đế thuần nhất sắc không có.
8. Thánh đế thuộc danh và sắc có 1, tức khổ đế.
9. Thánh đế thuần nhất là tâm không có.
10. Thánh đế thuần nhất là tâm sở có 2, tức tập đế, đạo đế.
11. Thánh đế thuần nhất là Níp bàn có 1, tức Diệt đế.
12. Trong 89 tâm được 1 thánh đế, tức khổ đế.
13. Trong 52 tâm sở được 3 đế, tức khổ đế, tập đế, đạo đế.
14. 28 sắc pháp được 1 đế, tức khổ đế.
15. Níp bàn được 1 đế, tức diệt đế.

## CÂU HỎI (pañhā)

Câu hỏi theo đường truyền thanh vào ngày thứ 1, dương lịch 2509 (thời gian 1 tiếng).

**Vấn:** Việc tính tâm, tâm sở, sắc pháp, Níp bàn có chừng này số lượng sẽ làm cho biết đến việc làm tốt thì được an lạc, làm xấu thì đau khổ như thế nào?

**Đáp:** Để cho biết đến pháp chân đế, bởi vì là pháp học không phải là pháp hành; khi đã là pháp học thì phải học tập theo tuần tự căn bản của pháp học kể từ A,B... cho đến bậc sau cùng, tức phải học thuộc lòng căn bản cho tốt trước nếu tiến bậc trung học cơ sở, trung học phổ thông, đại học, cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ làm sao được, nếu chưa từng biết qua mẫu tự A,B.

Lại nữa, nếu không làm như vậy, pháp học sẽ không đi đúng trình tự thứ lớp, việc học tập ấy cũng cần phải có định trong tâm đại thiện mới được, như vậy được xem là 1 thiện sự cho chính mình ngay trong lúc học rồi.

Thông thường tất cả việc học tập trên thế gian phải có bậc sơ cấp, trung cấp, cao cấp như thế nào, thì việc học tập trong Phật giáo, tức pháp học cũng phải có bậc sơ cấp, trung cấp, cao cấp cũng như vậy.

Vì vậy việc tính số lượng tâm, tâm sở, sắc pháp, Níp bàn cũng để cho biết đến pháp chân đế bậc sơ cấp, trong lúc đó cũng xem như được học thuộc lòng, ghi nhớ pháp chân đế để làm phát sanh sự hiểu biết rằng: Thế nào là sắc, thế nào là danh, là Tâm tùy quán (**cittānupassanā**), Pháp tùy quán (**dhammānupassanā**), phân loại thành tuệ văn (**sutamayapañña**), nếu như có Ba la mật già mạnh thì có thể chứng đắc Đạo Quả trong sát na đó, nếu không có trí tuệ Ba la mật già mạnh khi ước nguyện sẽ chứng đắc Toàn Giác Trí, Chí Thượng Thịnh Văn, Đại Thịnh Văn Giác thì cũng làm cho thành tựu được theo mong muốn và việc tích lũy trí tuệ Ba la mật bảo tồn lại được trong đời vị lai. Khi chứng đắc A la hán lúc nào thì sẽ trở thành bậc A la hán hội đủ Lục thông, Tam minh, Tứ vô ngại giải mà chẳng phải bậc A la hán thông thường. Việc kết tập Tam tạng phải nương vào các bậc A la hán này quy tụ vào, bởi do năng lực của việc đến học tập theo tuần tự kể từ đầu; nên việc kết tập Tam tạng có nền tảng vững chắc, mà chẳng phải nương vào bậc A la hán thông thường.

Ví dụ giống như việc xây nhà phải chọn cột đỡ móng cho tốt trước, ngôi nhà mới chống đỡ gió, mưa bão được như thế nào, thì pháp học của Phật giáo (**parittasāsanā**) phải học tập từ đầu, tức phải tính toán pháp chân đế cho hiểu, ghi nhớ cho đúng đắn trước như thế đó. Thật ra có thể có người nói rằng: Không cần phải tính toán cũng được, không chắc là phải cần thiết ghi nhớ?

Điều này xin trả lời rằng được giống nhau, nhưng sự biết của người đó không chặt chẽ, có thể trả lời câu hỏi không được chính xác hoàn toàn giống như người đến học tập theo tuần tự.

Việc tính tâm, tâm sở là nói đến việc làm tốt được an lạc, việc làm xấu thì đau khổ rõ ràng, như trong chương trình phân chia tâm thành từng phương diện; phương diện thuộc khía cạnh tốt và không tốt, gọi tịnh hảo và vô tịnh hảo; phương diện thuộc giống (**jati**) gọi là giống thiện, giống bất thiện, giống quả, giống vô ký là hiện thân thực tánh, không phải là người làm tốt và không tốt từ trường hợp nào; phương diện thế gian gọi là hiệp thế, siêu thế. Hiệp thế thì luân chuyển trong thế gian theo tuần tự của hành động tốt và không tốt; bởi vì tâm hiệp thế thường cho quả cả thời tục sinh và thời bình nhật.

Nói đến sự chết, rồi phải tái sinh trở lại nữa thuộc tốt và không tốt là điều còn hoài nghi và vẫn còn được hiểu đến 1 số loại tâm chỉ làm cho thành tựu trong hành động, lời nói, suy nghĩ nhưng không cho bất cứ quả nào khởi hiện trong

tương lai là tâm của bậc A la hán nữa. Đối với siêu thế là tâm triệt tiêu sanh hữu làm cho chấm dứt sanh hữu theo tuần tự cấp bậc của tâm đó.

Một trường hợp khác nữa, gọi là tâm tham có 8, tâm sân có 2, tâm si có 2; tức như thế này, thế kia cũng là lợi ích cho chính mình còn lại nhiều loại, bởi vì trong sát na đang tính tâm cũng là Định khi hài lòng thích thú hoặc khi không hài lòng không ưa thích khởi lên cũng biết được rằng đây là tâm tham, đây là tâm sân, thì tâm này là tâm tùy quán thuộc tuệ văn.

Khi tạo việc tốt 1 loại nào trong 10 phước nghiệp sự (**puññakiriyavatthu**) thì biết rằng đây là tâm đại thiện; nếu tạo việc tốt thuộc chỉ tịnh thì cũng biết được rằng đây là thiện sắc giới, thiện vô sắc giới; nếu tạo việc tốt thuộc minh quán (**vipassanā**) cũng sẽ biết được rằng đây là tâm Đạo, tâm Quả, xem như được học biết đến sự tốt, xấu cả của mình và người khác.

Tóm lại, việc làm tốt và không tốt của tất cả mọi người chẳng vượt ra ngoài khỏi nhóm tâm này từ bất cứ trường hợp nào; vì vậy, Đức Chánh Đẳng Giác trình bày sự diệu kỳ và quan trọng của vô số tâm, như dẫn chứng **pāli** trình bày rằng:

**Ditthaṃ vo bhikkhave caraṇaṃ nāma cittaṃti? evaṃ bhante, taṃpi kho bhikkhave caraṇaṃ cittaṃ cittaṃeva cittaṃti tenāpi kho bhikkhave caraṇena cittaṃ cittaññeva cittataranti, nāhaṃ bhikkhave aññaṃ ekanikāyampi samanupassami, yaṃ evaṃ**

**cittaṃ, yathayidaṃ bhikkhave tiracchanagatā paṇā, tepi kho bhikkhave tiracchānagatā pāṇā citteneva cittigatā, tehipi kho bhikkhave tiracchānagatehi paṇehi cittaññeva cittataranti.**

*(Trong ung kinh pāli).*

Đức Thế Tôn hỏi rằng: “Này các tỳ kheo, cảnh sắc đa dạng, muôn màu, muôn vẻ bao quanh (**carāṇa**) được phơi bày khắp nơi, các con có thấy chăng?”

Bạch Đức Thế Tôn, đã thấy.

Này các tỳ kheo, tuy rằng các sắc đa dạng, muôn màu, muôn vẻ như thế cũng chính tâm suy nghĩ ra.

Này các tỳ kheo, tâm là pháp tánh đa dạng hơn sắc, cảnh sắc muôn màu, muôn vẻ này.

Này các tỳ kheo, tất cả loài bàng sanh nào hiện hữu trên thế gian, Như Lai chưa từng thấy loài bàng sanh nào khác đa dạng giống như loại bàng sanh này.

Này các tỳ kheo, tất cả loại bàng sanh đa dạng đến ngàn ấy cũng do chính tâm là người làm cho đa dạng.

Này các tỳ kheo, chính tâm đa dạng nhiều hơn loài bàng sanh”.

Khi tâm hiện khởi thì tâm sở cũng phải sanh lên, cho nên bắt buộc phải tính và học thuộc lòng tâm sở rành rẽ, bởi vì làm tốt và không tốt nơi tâm sở, đối với tâm chỉ là chủ yếu biết cảnh.

Như Đức Phật nêu lên thuyết rằng: “**cetanāhaṃ bhikkhave kammaṃ vadāmi**” đây là hiện thân của “tâm sở tư” chẳng phải là tâm, ngoài ra đây cũng vẫn có tâm sở khác gom vào nữa, bởi việc làm tốt và không tốt hiện hữu nhiều khía cạnh, nhiều phương diện. Thì tâm sở đồng sanh cũng có nhiều khía cạnh, nhiều phương diện như nhau, mà chẳng phải lẫn lộn, hỗn loạn từ loại nào khác.

Vì vậy, khi bắt đầu học tập cũng phải đọc thuộc, phải tính và làm cho hiểu về vấn đề này cho tốt, để hiểu đến sự diễn tiến về “tâm sở chân đế” (**cetasikaparamattha**) cho chính xác hoàn toàn trong lúc tạo nghiệp tốt, nghiệp xấu. Bất cứ loại nào thuộc tâm nào, nhóm nào là chủ yếu, là hiện thân của việc hành động.

Lại nữa, việc tính số lượng sắc cũng làm cho biết được sắc chân đế (**rūpaparamattha**) theo căn bản pháp học và sẽ hiểu được rằng: Trong thân thể của chúng ta có bao nhiêu loại sắc nào, loại sắc nào làm cho thành tựu trong việc làm tốt và không tốt, loại sắc nào làm cho thành tựu trong việc thấy, việc nghe... và loại sắc nào không liên quan đến vấn đề này, chỉ là nương vào để diễn hoạt. Sự hình thành của sắc, tức thân thể này hình thành được như thế nào, đang diễn hoạt như thế nào, có gì là sở sanh (**samutthāna**). Khi chuyển động oai nghi lớn nhỏ thì biết được rằng: Là loại sắc này, là thân tùy quán thuộc tuệ văn, xem như là được học, biết, ghi nhớ đến sắc pháp, danh pháp đang diễn hoạt bên trong ta.

Được từng đọc kệ ngôn Tường thuật (**pāṭhakathā**) của 1 người, gặp được nội dung 1 vài phần mà người tường thuật nói rằng: Vị giáo thọ sư của y nói với y rằng người khoe khoang rằng giỏi có sự hiểu biết rộng, vậy người có biết được trên ngón tay của mình có bao nhiêu đốt?

Y giật mình nghĩ tại sao ta không biết ngón tay của mình có được bao nhiêu đốt. Vì vậy việc tính tâm, tâm sở, sắc pháp cũng để biết đến sự diễn hoạt của danh, sắc; tức thân, tâm của chính mình là nguyên nhân làm cho biết được ngón tay của mình có bao nhiêu đốt.

Đối với Níp bàn cũng sẽ loại trừ việc tính không được giống như vậy, bởi vì đã đề cập rằng “pháp học” không phải pháp hành; nếu tính số lượng Níp bàn không đúng thì không thể hiểu được rằng Níp bàn có bao nhiêu loại như thế nào, mỗi loại có ý nghĩa như thế nào? Bắt buộc phải nắm lấy nền tảng của từ “Níp bàn” cho thông mới hiểu được đúng, nói đúng.

Như đã đề cập trên chẳng có dụng ý gì để giải đáp vấn đề gì lớn lao cả, chỉ là muốn làm sáng tỏ vấn đề tính tâm, tâm sở, sắc pháp, Níp bàn là pháp thực tánh để gìn giữ ủng hộ phương diện này được phát triển lâu dài và rèn luyện nghe câu hỏi, trả lời câu hỏi cùng với việc học tập của mình đang học tập.

## Nội Dung Trường Thuật (pāṭhakatha)

Nội dung trường thuật trong ngày này sẽ đề cập đến pháp nhân và pháp quả, việc diễn tiến trên cả 2 trường hợp pháp nhân và pháp quả nói theo phương diện pháp nghĩa (**dhammadhiṭṭhāna**) thì gọi là pháp duyên khởi (**paṭīccasamuppāda**); nói theo quan điểm nhân sinh (**puggalādhīṭṭhāna**) gọi là chúng sanh, nếu xếp thành chi pháp, tức tâm, tâm sở, sắc pháp, tất cả là pháp chân đế; cả 2 loại pháp nhân và pháp quả có sự liên quan nhau không gián đoạn được hiện bày lên thành danh, sắc diễn tiến trên thế gian.

Danh, sắc hiện bày lên trên thế gian hằng ngày, cả 2 danh sắc này, bậc Chánh Đẳng Giác gọi là chúng sanh, sự việc Ngài gọi danh sắc là chúng sanh do Đức Phật gọi theo quan điểm nhân sinh. Nếu nói theo phương diện pháp nghĩa thì danh sắc này cũng là pháp duyên khởi là pháp có 12 chi.

Pháp duyên khởi là pháp có 12 chi, tức danh sắc hiện bày lên diễn tiến trên thế gian hằng ngày mà Đức Chánh Đẳng Giác thuyết gọi là chúng sanh.

Khi phân tích theo phân loại chúng sanh thì chỉ phân tích theo thành 3 loại với nhau, tức:

1. Chúng sanh khổ cảnh.
2. Chúng sanh cõi vui dục giới.
3. Chúng sanh phạm thiên.

Cả 3 loại chúng sanh này khi phân tích theo luân hồi (**vaṭṭa**), tức sự luân chuyển thì mỗi một loại chúng sanh cũng có sự luân chuyển thành 3 loại với nhau, tức:

1. Phiền não luân hồi (**kilesavaṭṭa**): Tức tà kiến, dục ái, hữu ái.

2. Nghiệp luân hồi (**kammavaṭṭa**): 12 bất thiện nghiệp đạo, 17 nghiệp thiện hiệp thể.

3. Quả luân hồi (**vipākavaṭṭa**): 19 tâm tục sinh, sắc nghiệp.

Trong tất cả 3 loại luân hồi này, khi được xếp phân ra theo phân loại chúng sanh theo riêng biệt thì có như sau:

1. Tà kiến (**micchādiṭṭhi**): Sự thấy sai là phiền não luân hồi của tất cả chúng sanh khổ cảnh.

2. 10 ác hạnh (**duccaritta**): Việc làm liên quan đến thân, ngữ, ý sai giới, pháp là nghiệp luân hồi của tất cả chúng sanh khổ cảnh.

3. Tâm quan sát thọ xả quả bất thiện (**upekkhāsantīraṇaakusalavipāka**): Tâm sở đồng sanh và thân thể của chúng sanh đó là quả luân hồi của tất cả chúng sanh khổ cảnh.

1. Dục ái (**kāmatanḥā**): Tức sự hài lòng trong sắc thính, khí, vị, xúc chạm thuộc ngũ dục là phiền não luân hồi của tất cả chúng sanh cõi vui dục giới.

2. 10 thiện hạnh (**sucaritta**): Việc làm liên quan đến thân, ngữ, ý như bố thí, trì giới, tu tiên; là nghiệp luân hồi của tất cả chúng sanh cõi vui dục giới.

3. Tâm sở đồng sanh với tâm quan sát thọ xả quả thiện (**upekkhāsantīraṇakusalavipāka**), tâm đại quả (**mahāvīpāka**) và thân thể của nhân loại, chư thiên là quả luân hồi.

1. Hữu ái (**bhavataṇhā**): Tức có sự ưa thích hài lòng trong thiền, thần thông và cõi sắc, cõi vô sắc là phiền não luân hồi của tất cả chúng sanh, Phạm thiên.

2. Kiên cố định (**appanāsamadhi**): 5 thiền sắc giới, 4 thiền vô sắc giới là nghiệp luân hồi của tất cả chúng sanh phạm thiên.

3. Tâm quả đáo đại (**mahaggatavīpakacitta**): Tâm sở đồng sanh và thân thể của tất cả chúng sanh, phạm thiên là quả luân hồi.

Do đó, nên thấy rằng: mỗi một chúng sanh ngoại trừ bậc A la hán thì cả luân hồi này luôn xoay chuyển dính liền nhau thành vòng tròn thường xuyên trôi buộc chúng sanh khắp cùng mọi người, chỉ trừ ra người chứng đắc Đạo, Quả diệt đi phần nào mà thôi, mới có cơ hội từ từ thoát ra khỏi cả 3 loại luân hồi này theo tuần tự như:

Bậc Dự lưu, bậc Nhất lai: cả 2 nhóm người này thoát khỏi từ phiền não, nghiệp, quả liên quan đến chúng sanh

khổ cảnh, nhưng chưa thoát ra khỏi 3 luân hồi liên quan đến nhân loại, chư thiên, phạm thiên.

Còn bậc bất lai thì thoát khỏi phiền não, nghiệp, Quả liên quan đến nhân loại, chư thiên nhưng chưa thoát khỏi 3 luân hồi liên quan đến phạm thiên.

Người nào chứng đắc trở thành A la hán, người đó mới thoát ra khỏi luân hồi liên quan đến phạm thiên là luân hồi cuối cùng.

Ngoài nhóm người này ra thì tất cả chúng sanh còn là phàm nhân, tất cả nhóm chúng sanh này không thể thoát ra khỏi 3 luân hồi liên quan đến chúng sanh khổ cảnh, chúng sanh cõi vui dục giới, chúng sanh phạm thiên được.

Do đó, tất cả bậc thiện trí mới đề cập rằng 4 cõi khổ là nơi sanh lên của chúng sanh, như chúng sanh bàng sanh... đây là luân hồi bậc hạ (**hetṭhimasamsāra**).

7 cõi vui dục giới là nơi sanh lên của tất cả nhân loại, chư thiên gọi là luân hồi bậc trung (**majjhimasamsāra**).

20 cõi phạm thiên là nơi sanh lên của tất cả phạm thiên gọi là luân hồi bậc thượng (**uparimasamsāra**).

Tất cả đối tượng sanh lên trong 3 luân hồi này tất cả đều là khổ, pháp triệt tiêu luân hồi là pháp duyên khởi làm cho chấm dứt được chỉ duy nhất có Níp bàn, nếu nói theo quan điểm nhân sinh có 3 trường hợp là:

Níp bàn thứ nhất (**paṭhamanibbāna**): Níp bàn của bậc Dự lưu, bậc Nhất lai.

Níp bàn thứ hai (**dutiyanibbāna**): tức Níp bàn của bậc Bất lai.

Níp bàn thứ ba (**tatiyanibbāna**): Níp bàn của bậc A la hán.

*Níp bàn thứ 1:* Của 2 bậc Dự lưu, Bậc nhất lai này có thể đoạn trừ khổ đang có trong tầng luân hồi bậc hạ cho chấm dứt được hoàn toàn.

*Níp bàn thứ 2:* Của bậc Bất lai có thể được đoạn trừ khổ đang có trong tầng luân hồi bậc trung.

*Níp bàn thứ 3:* Của bậc A la hán có thể đoạn trừ khổ đang có trong tầng luân hồi bậc thượng.

Do đó, người có nguyện ước tác chứng Níp bàn là pháp đình chỉ tất cả khổ, người đó phải có sự hiểu biết về pháp duyên khởi là pháp sanh lên thường xuyên luân luôn trong cơ tánh của mình rằng pháp duyên khởi sanh lên ở đâu?

Pháp duyên khởi, pháp này trước kia khởi hiện cũng hiện khởi theo đường lối 6 môn của mình, tức theo đường mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm của mình, chẳng phải sanh lên nơi khác. Nơi đây sẽ đề cập riêng biệt chỉ pháp duyên khởi hiện khởi thuần nhất theo đường mắt cùng với phương pháp triệt tiêu pháp duyên khởi hiện khởi theo đường mắt.

Pháp duyên khởi sanh lên theo đường mắt phải cùng với

3 pháp thân kinh nhãn, cảnh sắc, nhãn thức. Khi 3 pháp này hội tụ thì phát sanh xúc cùng với phạm sự (**rasa**) hiện bày lên trong cùng sát na với nhau.

Như Đức Phật thuyết rằng “**Cakkhuñca paṭicca rūpe ca uppojjati cakkhuviññānam tiṇṇam saṅgati phasso**”

Khi xúc làm cho phạm sự hiện bày lên thì thọ cũng làm phạm sự hưởng vị liền tức thì trở thành lạc cũng có, khổ cũng có, xả cũng có; chính như vậy mới gọi là xúc duyên thọ (**phassapaccayāvedanā**).

Thọ duyên ái (**vedanāpaccayātanhā**) thọ, tức sự hưởng cảnh là lạc, khổ, bình thân; nhóm thọ này làm cho tham, tức sự vui thích, hài lòng, dính mắc hiện khởi trong cảnh đó; tham khởi hiện do nương vào sự hưởng cảnh an lạc, tức thông thường tất cả chúng sanh ở trên thế gian này vào sát na nhìn thấy đối tượng hữu thức và vô thức đẹp đẽ theo pháp tánh hoặc theo sự thấy của mình trong sát na đó cảm giác thoải mái cùng với sự hài lòng dính mắc trong cảnh đó khởi lên tức thì. Một trường hợp khác nữa, vào sát na được nghe tiếng của đối tượng hữu thức và vô thức thanh tao theo pháp tánh hoặc theo sự thấy của mình trong sát na đó cảm giác êm dịu cùng với sự hài lòng, dính mắc trong cảnh đó khởi lên liền tức thì; theo cách tương tự như vậy vào sát na được ngửi, nếm, xúc chạm cũng giống thế; sẽ nêu dẫn chứng vừa đủ cho thấy.

Như ngày hôm qua họ đi mua 1 tấm vải trong lúc họ

đem vải đến, vừa nhìn thấy được thì có sự hài lòng, ưng ý tấm vải đó vô cùng, đây chính là Thọ hỷ; từ sự hài lòng này làm duyên cho khởi lên ái dục, hài lòng thích thú, tấm vải đó. Đây là nói theo trực tiếp.

Còn thọ ưu, tức sự không hài lòng làm duyên cho ái dục như tấm vải mà họ mua đem đến cho, khi nhìn thấy thì khởi lên sự không hài lòng, bởi vì là tấm vải không ưng ý, nương vào chính tấm vải đó làm cho khởi lên suy nghĩ rằng: nếu mua 1 loại vải khác nữa đem đến sẽ thích hợp hơn nhiều, sự hài lòng thích thú 1 loại khác nữa khởi lên do nương vào sự không hài lòng, tức không ưng ý tấm vải mua đem đến, đây chính là thọ ưu làm duyên cho ái (**taṇhā**) khởi hiện, tức ham muốn được tấm vải khác nữa; nhưng làm duyên theo gián tiếp. Đối với điều thứ 1 làm duyên cho ái trực tiếp, và có cảnh là loại vải như nhau, khác nhau chỉ là loại vải mà thôi.

Như đã đề cập trên, cũng sẽ thấy được rằng: Thọ hỷ làm duyên cho ái trực tiếp và ái khởi hiện từ thọ hỷ là duyên này thì Ái này khởi hiện trong lộ Tâm cùng nhóm với nhau, tức lộ tâm nhãn môn với lộ ý môn nối tiếp lộ ngũ môn (**tadanuvattikamanodvāravithī**) là 1 nhóm lộ tâm khởi trong mỗi một sát na. Còn thọ ưu làm duyên cho ái diễn tiến gián tiếp, nói về tâm lộ thì thọ ưu ở trong nhóm lộ tâm nhãn môn với lộ ý môn nối tiếp lộ ngũ; đối với ái sanh lên trong nhóm lộ thường ý môn (**suddhamanodvāravithī**) khởi hiện nối tiếp lộ ý môn, nối tiếp lộ ngũ môn gọi là luân lưu hiện tại (**santatipaccupanna**).

Theo như giải thích trên là giải thích phân tích lộ tâm theo lý thực tánh (**sabhāvanaya**) nói theo kêu gọi (**voḥāra**) để hiểu với nhau rằng: Thọ ưu với ái đồng sanh với nhau được, nhưng sự thật thì thọ ưu với ái khởi hiện mỗi lộ tâm, chẳng phải cùng nhóm lộ tâm với nhau.

Ái làm duyên cho thủ, trong nơi đây ái tức là tham (**lobha**) sanh lên trước bởi vì thông thường tham khi khởi hiện trong sát na đầu tiên chưa có sức mạnh dũng mãnh là thực tánh có sự hài lòng trong loại cảnh thông thường, cho nên loại tham này mới có tên gọi là ái. Còn thủ, tức tham sanh lên về sau nối tiếp tham sanh lên trước gọi là ái. Bởi vì thông thường tham sanh lên về sau này thường có nhiều sức mạnh lẫn có thể bám níu trong cảnh đó được vững chắc, không chịu buông bỏ, vì vậy tham sanh lên về sau này mới gọi là thủ.

Thủ làm duyên cho hữu khởi hiện trong nơi đây; hữu, tức thuần nhất là nghiệp hữu, tức 12 tư bất thiện và 17 tư thiện hiệp thể, thông thường tất cả chúng sanh khi chấp thủ trong một loại cảnh nào, thì phải có sự cố gắng giành lấy cảnh đó về thành của mình cho bằng được, bằng việc hành động theo đường thân, ngữ, ý cả về phương diện tốt và phương diện xấu cho hiện bày lên, chính như vậy: Thủ làm duyên cho hữu.

Còn nghiệp hữu làm duyên cho sanh, tức sanh nghiệp hữu sanh lên trong hiện tại cho sanh này trước, đối với sự sanh làm nhân loại, chư thiên, phạm thiên, địa ngục, nga

quỷ, súc sanh, atula, nhóm này là sanh sẽ có tiếp theo trong vị lai. Tiếp đến sanh làm duyên cho già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não khởi hiện thích hợp với người và cõi, như sầu... não, gom lại 5 trường hợp khổ này không sanh lên trong cơ tánh của bậc Bất lai, bậc A la hán và phạm thiên, già, bệnh, cả 2 trường hợp này không có trong cõi chư thiên, cõi phạm thiên, chỉ thuần nhất có chết.

Do đó, kể từ già cho đến não, tóm lại cả 8 trường hợp khổ này khởi hiện với người và cõi nhất định cũng có, bất định cũng có, khổ khởi hiện với người và cõi hiện hữu nhất định thuần nhất là khổ chết mà thôi.

Còn 7 trường hợp khổ còn lại khởi hiện với người và cõi được giống nhau chỉ là không thường xuyên. Như đã trình bày ở phần đầu đây là sự khởi hiện của tất cả khổ, bởi trường hợp như vậy.

Người có nguyện ước thực hành để triệt tiêu pháp duyên khởi (**paṭiccasamuppādadhamma**) pháp nhân và pháp quả làm cho khổ khởi hiện theo đường mắt này có thể làm cho hiểu trước rằng: Sự nhận biết rằng vì sao được thấy vật này, vật kia?

Sự việc nhận biết được thấy vật này, vật kia, bởi vì có 5 loại pháp, tức thần kinh nhãn, cảnh sắc, nhãn thức, xúc, thọ. Khi 5 loại pháp này hội đủ thì gọi là thấy được các vật khác nhau, kết hợp với sự nhận biết khởi hiện lên trong sát na đó rằng “được thấy” là pháp thường nhiên của tất cả mọi

người trên thế gian quy định nói với nhau khắp cùng rằng “ta thấy”.

Do đó, người có sự ước nguyện sẽ triệt tiêu pháp duyên khởi khởi hiện theo đường mắt, lúc nào 5 loại pháp này cùng hiện bày lên thì lúc đó sẽ nhận biết rằng “được thấy”, vào sát na nhận biết rằng: sự thấy đó hành giả nhất định phải dùng niệm ghi nhận liền, tức rằng “thấy à”; niệm làm phận sự ghi nhận, biết rằng “thấy à” này là niệm sanh lên thuần nhất theo đường lộ ý môn, gọi là “lộ minh quán” (**vipassanāvithī**).

Khi hành giả có niệm quán sát ghi nhận, biết thường xuyên rằng “thấy à”. Như vậy mỗi lần thấy thì xem nắm giữ được rằng: Phá hủy pháp duyên khởi theo đường mắt được phần nào trong chính sát na niệm quan sát ghi nhận biết đó, tuy rằng: Có thọ đang đồng sanh trong sát na đó thật nhưng thọ không thể làm duyên cho ái được. Khi ái không sanh lên được thì thủ, nghiệp hữu, sanh, cho đến não cũng không thể khởi hiện được theo đường tai, mũi, lưỡi, thân, phương pháp cũng chỉ diễn tiến theo tương tự giống như vậy.

Người nào có thể phá hủy pháp duyên khởi theo đường mắt... người đó cũng có hy vọng sẽ trở thành bậc thánh nhân chắc chắn trong tương lai, lần sẽ làm cho người đó thoát khỏi khổ sai biệt liên quan đến vòng luân hồi và đạt đến Níp bàn là nơi an vui tịch tịnh thật sự.

## Thavali Abhayabhūmināratha

**1. Vấn:** Một vị hành giả nào ghi nhận biết rằng “thấy à, thấy à” trong sát na đó thì đặt niệm như thế nào?

**Đáp:**

Trong sát na đó phải đặt niệm nơi cảnh sắc.

Giải thích: Cảnh sắc này là sắc, nhận biết rằng thấy là danh, là chân đế thật sự mà không liên quan đến chế định.

Khi hành giả quan sát ghi nhận luôn luôn biết đúng như vậy tiếp nối nhau không gián đoạn. Khi cảnh sắc khuất tầm mắt thì nhận biết rằng: Sự thấy cũng sẽ diệt thôi; vô thường, khổ, vô ngã cũng sẽ xuất hiện với hành giả, bởi vì toàn là danh sắc là sự đi ngược dòng nước phiền não tiềm niệm; không cho tâm tuôn chảy đi đến chế định rằng là người nam, người nữ,... là nhân hiện thân làm cho khởi hiện tham, sân si, tức vừa lòng, không vừa lòng trong cảnh sắc liên quan từ việc chấp thủ tướng chung (**nimitta**) tướng riêng (**anubyañyana**).

Do đó, Đức Phật mới chỉ dạy cho Ngài **Bāhiya** rằng:

“**Diṭṭhe diṭṭhamattaṃ bhavissati**- trong lúc thấy chỉ là được thấy”.

“**Sute sutamattaṃ bhavissati**- trong lúc nghe chỉ là được nghe”.

Nếu đặt niệm ghi nhận ở nơi ngực, tức trái tim rằng

“thấy à, thấy à” thì phiền não tiềm miên ngủ ngầm nơi tâm hữu phân (**bhavaṅgacitta**) cũng sẽ có được cơ hội sanh lên liên quan do đặt niệm không đúng. Ví dụ giống như người đau nhức nơi cánh tay nhưng ngược lại lấy thuốc thoa nơi chân thì sự đau nhức ở cánh tay không thể hết được như thế nào; thì việc đặt niệm ghi nhận không đúng cũng không thể ngăn chặn dòng nước phiền não được như thế đó.

Lại nữa, việc đặt niệm nơi cảnh sắc bởi vì cảnh sắc này là sắc thô (**oḷarīkarūpa**), sắc xúc chạm nhau thường xuyên (**sappaṭigharūpa**), sắc gần đối với tuệ quán cần phải biết được dễ dàng (**santikerūpa**) để thuận lợi dễ dàng cho hành giả ghi nhớ làm cho định chưa sanh khởi được sanh khởi mau chóng.

Còn việc đặt niệm nơi mắt cũng phải từ trường hợp khởi điểm nào, nếu như việc ghi nhận biết danh pháp trước sắc pháp, là pháp vi tế sẽ làm cho định khó sanh lên.

Phương pháp ghi nhận cho đúng đắn, phải ghi nhận sắc pháp trước danh pháp, bởi vì cảnh xuất hiện rõ ràng nhiều có thể làm cho định hiện khởi được dễ dàng, nếu như người đó từng có định già mạnh rồi thì không là gì, tuy nhiên, phải ghi nhận đúng như liên quan với cảnh sắc đó mà chưa từng có định trước.

Đối với đường mũi, lưỡi, thân thì phải đặt niệm nơi mùi, vị, xúc là cảnh đến xúc chạm theo đường mũi, lưỡi, thân. Như Đức Phật dạy rằng:

**Mute, mutamattam bhavissati-** trong lúc được mùi, được vị, được xúc chạm cũng chỉ là được mùi, được vị, được xúc chạm là sắc vào chạm đến được (**sampattaggāhakarūpa**) mà không cần phải quan tâm đến rằng là mùi gì, vị gì, xúc gì, điều nào cả.

Việc đặt niệm quán ghi nhận để biết là pháp ngăn chặn dòng nước phiền não như đã đề cập trên, vẫn còn **pali** giải thích trình bày cho hiểu được nữa rằng:

### 1. Cakkhu rupena samvāsam Rāgaputtam vijāyati

**Mahānathakaro sohi Samvāsam tena vāraye**

Con thường do tham ái sanh ra, bởi vì sống chung với mắt và màu sắc (cảnh sắc), sắc ái này làm cho mất đi nhiều điều lợi ích, vì vậy các bậc hiền trí nên ngăn chặn sống chung với mắt và màu sắc.

### 2. Sota saddehi samvāsam Rāgaputtam vijāyati

**Mahānatthakaro sohi Samvāsam tena vāraye**

Con thường do tham ái sanh ra, bởi vì sống chung với tai và âm thanh (cảnh thính), thính ái này làm cho mất đi nhiều điều lợi ích, vì vậy các bậc hiền trí nên ngăn chặn sống chung với tai và âm thanh.

### Chú thích:

Đức Phật chỉ dạy cho Ngài **Bāhiya** chỉ có 3 xứ (**āyatana**), tức thấy (**ditṭha**), nghe (**suta**), xúc chạm (**muta**), có 3 loại

ghi nhận theo đường mũi, lưỡi, thân; bởi vì 3 loại này nếu loại nếu cảnh không đến xúc chạm thì không biết được. Như mũi nhận biết mùi, cũng phải có gió thổi hiu hiu làm cho mùi đến thân kinh tý mới biết được mùi; đường lưỡi, đường thân cũng giống như vậy phải chạm ngay lưỡi, ngay thân mới biết được.

Vì vậy, Đức Phật mới chỉ cho Ngài **Bāhiya** quán xét, ghi nhận ngay 3 loại này bên trong, bên ngoài xúc chạm nhau, vô thường, khổ, vô ngã là tam tướng hiện bày cho thấy cùng với danh sắc.

Sự việc chỉ dạy như vậy để làm cho phát sanh gì?

Để chúng ta biết rằng: người này, người kia cũng không thể làm cho trở thành phước, tội chi cả. Các việc này cũng để làm cho phát sanh trí tuệ biết trọn vẹn danh sắc theo thực tánh mà họ đang hiện diện theo sự thật như thế nào, gọi là biết trọn vẹn pháp hữu vi (**saṅkhāra**) theo phương diện sanh. Khi pháp hữu vi tức danh sắc hiện bày rõ ràng, tiếp đến trình bày đến tướng trạng vô thường, khổ, vô ngã cho hiển lộ cho rõ ràng gọi là biết tam tướng, là sự biết trọn vẹn pháp hữu vi theo phương diện Diệt làm cho phát sanh trí tuệ có mắt thấy pháp theo sự thật về điều đó. Nếu biết nhiều hơn lìa khỏi sự thật của họ cũng là vô minh, chính là nhận lấy vấn đề chế định, khi vấn đề chế định nhiều như vậy thì danh sắc diệt thường xuyên cũng không thấy. Do đó, Đức Phật mới chỉ dạy cho biết chỉ riêng biết nơi mũi, lưỡi, thân mà thôi, không cho biết gì khác ngoài ra đây.

**2. Vấn:** Pháp bất thiện là cảnh của bất thiện và pháp bất thiện là cảnh của thiện khác nhau như thế nào?

**Đáp:**

Khác nhau, tức pháp bất thiện là cảnh của bất thiện thì làm cho bất thiện được tồn tại lâu dài và có sức mạnh nhiều lên. Còn pháp bất thiện là cảnh của thiện thì bất thiện tồn tại không được lâu dài phải diệt đi trong sát na đó và tiếp theo theo pháp thiện cũng sanh lên.

**3. Vấn:** Người đang nghe tiếng radio tính số lượng cảnh thì được bao nhiêu?

**Đáp:** Được 2 là cảnh thanh và cảnh pháp chế định.

**4. Vấn:** Phương pháp tu tiến minh quán tóm tắt và hiểu được dễ dàng thì như thế nào?

**Đáp:**

Phương pháp tu tiến minh quán tóm tắt, tức phải biết công việc mà mình đang làm, đang nghe, đang suy nghĩ, đang hưởng thụ và sự thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm. Việc hiểu được dễ dàng, tức hành giả không cần phải có sự hiểu biết liên quan đến vấn đề pháp học như: Uẩn, xứ, giới, đế. Hành giả chỉ có phận sự ghi nhận biết theo phương pháp tu tiến tóm tắt đã đề cập trên mà thôi.

**5. Vấn:** Bạc Dụ lưu như thế nào và có phương pháp nào biết được người đó là bạc Dụ lưu?

**Đáp:**

Người thấy được Níp bàn bằng mãnh lực Đạo Quả lần đầu tiên, bởi vì đoạn trừ sát tuyệt kiến, hoài nghi, có phương pháp biết được rằng bằng bất cứ mọi hình thức nào cũng không thay đổi tâm tin tưởng tôn giáo theo tôn giáo khác và không phạm vào nghiệp đạo.

**6. Vấn:** Sự tạo tác tập đế (*samudayasacca*) và việc tạo lập đạo đế có nhân quả khác nhau như thế nào?

**Đáp:** Có nhân quả khác nhau, tức việc tạo tác tập đế phải nương vào vô minh và ái dục là nhân, còn việc tạo lập đạo đế phải nương vào đức tin, niệm, tỉnh giác là nhân.

**7. Vấn:** Trong tất cả 3 loại bố thí, trì giới, tu tiên, loại nào có nhiều quả báo nhất?

**Đáp:** Tu tiên có nhiều quả báo nhất.

**8. Vấn:** Quả báo nhiều nhất có nghĩa như thế nào?

**Đáp:** Nghĩa là việc đoạn trừ được phiền não khác nhau, tức bố thí, trì giới, đoạn trừ được phiền não tạm thời (*tadāṅgapahāna*) mà không thể đoạn trừ phiền não bằng cách áp chế (*vikkhambhana*) và bằng cách sát tuyệt được (*samuccheda*), còn tu tiên thì có thể đoạn trừ phiền não được cả 3 cách.

**9. Vấn:** Một người đang dùng com, nếu loại bỏ cảnh pháp ra sẽ ngon hay không, sẽ nhận biết như thế nào?

**Đáp:** Người đang dùng cơm nếu loại bỏ cảnh pháp chế định ra thì sẽ không ăn ngon; bởi vì tham ưa thích trong vật thực không còn khởi hiện, khi tham không khởi hiện thì không có sự ngon, sẽ chỉ có sự nhận biết nhai, nuốt... mà thôi, vì liên quan đến niệm ghi nhận biết thường xuyên chỉ là “ vị”.

**10. Vấn:** Vì sao Đức Phật thuyết 2 tâm sở hôn trầm và thụy miên này gom vào thành 1 loại triền cái (**nivaraṇa**), phóng dật và hối gom vào thành 1 loại?

**Đáp:**

Sự việc mà Đức Phật thuyết hôn trầm và thụy miên; phóng dật và hối gom chung nhau thành triền cái, bởi vì cả 2 tâm sở này có phạm sự, nhân và đối lập giống nhau; vì vậy Ngài thuyết gom chung với nhau thành mỗi đôi, tức cả 2 hôn trầm, thụy miên khi nói theo phạm sự làm cho tất cả dẫn đến dã dượi, lười sụt có sự lờ đờ, ngáp ngủ; khi nói theo nhân có sự lười biếng hoặc dùng vật thực nhiều hơn; khi nói theo đối lập thì đối lập với sự tinh cần.

Cả phóng dật và hối khi nói theo phạm sự làm cho tất cả tâm dẫn đến sự phóng tán không có an tịnh; khi nói theo nhân có sự lo âu đến biến cố của quyền thuộc... tức pháp suy vong cả 5 trường hợp này là nhân: Quyền thuộc suy vong (**ñātibyasana**), tài sản suy vong (**bhagabyasana**); bệnh tật suy vong (**rogabyasana**); giới suy vong (**sīlabyasana**); kiến suy vong (**diṭṭhibyasana**); khi nói theo đối lập thì đối lập lại tu tiến chỉ tịnh, tức sự vắng lặng.

**11. Vấn:** Việc khăng quyết na cảnh (**tadārammaṇa**) rằng phước hoặc tội thì lấy gì làm điều kiện để khăng quyết?

**Đáp:**

Việc khăng định na cảnh, tức tâm quả rằng là phước hoặc tội phải lấy cảnh đến làm điều kiện để khăng quyết, như nhận lấy cảnh xấu (**aniṭṭhārammaṇa**), tức bị đánh, mắng, chửi, nói xấu... các việc này là na cảnh bất thiện, nhưng không sân hận vì suy nghĩ được rằng sự việc bị đánh, mắng, chửi đó cũng do nghiệp của mình. Giai đoạn này là đồng lực thiện, còn na cảnh chỉ là loại quả bất thiện cũ, nếu sẽ cho na cảnh quả bất thiện thì phải nhận lấy trong kiếp vị lai. Giai đoạn này thì quả thay đổi được, tức kiếp này na cảnh là quả bất thiện nhưng kiếp sau sẽ thay đổi thành quả thiện.

Nếu nhận được cảnh tốt (**itthārammaṇa**), như lợi lộc, danh tiếng, tán thán, an lạc, giàu sang, đầy đủ, của cải, vàng bạc là na cảnh của quả thiện, nhưng làm cho tâm không ưa thích buông bỏ, làm cho tham dễ duôi say đắm khởi lên chi phối tâm thường xuyên như vậy là đồng lực bất thiện, còn na cảnh chỉ là quả thiện; nếu là na cảnh quả bất thiện thì phải nhận được trong kiếp sau, giai đoạn này quả thay đổi được, tức kiếp này na cảnh là quả thiện nhưng kiếp sau sẽ thay đổi thành quả bất thiện.

Về phương diện na cảnh không thay đổi, tức bị đánh, mắng, chửi, nói xấu, nói độc ác, các việc này là na cảnh bất

thiện thuộc nghiệp quá khứ cho quả rồi khởi lên hiềm hận, oán thù, giận dữ với nhau khởi lên tiếp theo nữa là đồng lực bất thiện; vì vậy na cảnh kiếp này là bất thiện, kiếp sau cũng là bất thiện gọi là na cảnh không thay đổi.

Kiếp này là người đầy đủ giàu sang, tiền tài, vàng bạc, quyến thuộc thì na cảnh là thiện, tức nghiệp quá khứ cho quả, rồi giữ mình theo lẽ lối bố thí, trì giới, tu tiến bằng cách nhắc đến sự việc mà ta giàu sang đầy đủ như vậy cũng do thiện pháp tạo trong kiếp trước cho quả, vì vậy na cảnh trong kiếp này cũng là thiện, kiếp sau cũng là thiện tiếp tục, gọi là na cảnh không thay đổi. Na cảnh có 4 cách thức như vậy.

**Chú thích:** Sự việc đem nhiều vấn đề na cảnh đề cập lặp lại trong nơi đây để hiểu được một loại nữa rằng: Cho dù kiếp này na cảnh là quả bất thiện đi nữa nhưng nếu đồng lực là thiện thì na cảnh trong kiếp sau cũng sẽ thay đổi thành thiện được.

**12. Vấn:** Trong sát na Thuận thứ trí (**anulamañña**) sanh lên thì hành giả thấy danh sắc rỗng không, trí này ở trong lộ tâm là gì? Là nhóm lộ tâm nào?

**Đáp:**

Thấy danh sắc trí này trong lộ đặc đạo, tức lộ tâm là nhóm đại thiện tương ưng trí.

**Giải thích:** Thuận thứ trí này vẫn có danh sắc hiệp thể hiện bày kể từ Thẩm sát trí (**sammasanañña**)... cho đến

Hành xả trí (**saṅkhārupekkhāñāṇa**) và là sự biết trong pháp hành danh sắc lần sau cùng, việc ghi nhận biết danh sắc kể từ lần đầu cho đến lần sau cùng này có danh sắc luân lưu hiện tại (**santatipaccuppanna**) làm cảnh không phải thời hiện tại (**addhāpaccuppanna**) và sát na hiện tại (**khaṇikapaccuppanna**).

**Chú thích:**

**Anuloma:** theo tương ứng nhưng 10 tuệ quán (**vipassanāñāṇa**) với 37 pháp giác ngộ (**bodhipakkhiya dhamma**).

Hoặc một lý khác nữa, làm cho hai bên đồng lực, tức đồng lực đại thiện tương ưng trí với đồng lực đạo, đồng lực quả nối liền xuôi theo nhau liên quan từ không có phiền não vào cản trở.

**Anuloma:** dịch là thích hợp như thế nào? Thích hợp sẽ được đạo quả, bởi vì không có phiền não vào quấy nhiễu, có danh sắc làm cảnh; nếu không có danh sắc làm cảnh cũng phải là chuyên tộc (**gotrabhu**) có Níp bàn làm cảnh trong sát na ghi nhận rằng “đói bụng à”, suy nghĩ đến phiền muộn “ưu buồn à”; các việc này là cảnh quá khứ đã diệt nhưng được xếp vào trong hiện tại, bởi vì là luân lưu hiện tại; tức tâm đó diệt đi, tâm ghi nhận biết cũng sanh lên thay thế bằng cách không có tâm nào khác vào chen kẽ, mới là luân lưu hiện tại mà không phải là thời hiện tại.

Nói rằng: Hiện tại thì phải là luân lưu hiện tại, sát na

hiện tại không ghi nhận được mà phải là Đức Phật mới biết được, thời hiện tại cũng không lấy được, thông thường tâm phải sanh mỗi tâm. Vì vậy, lúc ghi nhận mà 2 cái tâm đồng sanh với nhau thì không được; chỉ tâm trước diệt đi, tâm thứ 2 sanh lên thay thế, chỉ dùng tâm thứ 2 này ghi nhận biết tâm thứ nhất, gọi là luân lưu hiện tại.

**13. Vấn:** Hành giả minh quán khi Danh sắc phân tích trí (*nāmarūpoparicchedañāṇa*) khởi hiện thì nhận biết như thế nào?

**Đáp:** Hành giả minh quán khi Danh sắc phân tích trí khởi hiện thì hành giả chỉ nhận biết sự sanh lên trong sát na đó rằng: Chỉ có niệm với cảnh hai pháp mà thôi, bất cứ là sự đi, đứng, nằm, ngồi hoặc trong bất cứ tiểu oai nghi nào đi nữa, hành giả chỉ có nhận biết Chỉ chừng ấy, bởi vì trong sát na đó các pháp chế định không hiện bày lên được, mà chỉ có 2 loại danh sắc hiện bày lên diễn hoạt đều đặn mà không cần phải nỗ lực nhiều và chỉ có đặc tánh của sự phòng lên và xẹp xuống với đặc tánh của các việc chuyển động như đỡ chân, bước, co, duỗi, niệm quan sát, ghi nhận biết cùng với việc nhận biết hiện khởi trước mắt, việc chuyển động đi lại không gián đoạn.

**14. Vấn:** Hành giả tu tập minh quán thấy duy nhất chỉ 1 loại tam tướng thì chứng đắc đạo quả được không? Và người thấy vô thường tướng rõ nhất được xếp vào loại người nào? Khổ tướng rõ nhất được xếp vào loại người nào? Vô ngã tướng rõ nhất được xếp vào loại người nào?

**Đáp:** Hành giả tu tập minh quán thấy được chỉ 1 loại trong tất cả tam tướng thì hành giả đó cũng chứng đắc được đạo quả, bởi vì việc tu tập minh quán của hành giả tính từ Sanh diệt trí (**udayabbayañāṇam**)... cho đến đạo tuệ, quả tuệ khởi hiện theo tuần tự được phải nương vào việc thấy tam tướng làm nền tảng, cho nên người nào không thấy tam tướng dù chỉ 1 loại thì tuệ quán cũng không sanh lên được với người đó, khi tuệ quán chưa sanh lên với người đó thì xem như người đó chưa chứng đắc đạo, quả.

Lại nữa, người thấy vô thường tướng rõ nhất do người đó có tín quyền già mạnh.

Người thấy khổ tướng rõ nhất do người đó có định quyền già mạnh.

Người thấy vô ngã tướng rõ nhất do người đó có tuệ quyền già mạnh.

**15. Vấn:** Hoài nghi và phóng dật, cả 2 có sự khác nhau như thế nào?

**Đáp:**

Khác nhau, tức hoài nghi: Đáng ghê sợ, khó chữa, kiêu ngạo, phá hủy lợi ích người khác hoặc dẫn dắt người khác làm cho tổn hại, không tôn kính, không tin tưởng, dẫn vào khổ cảnh, làm cho khởi hiện 3 loại tà kiến, là phiền não thô, không đắc được thánh nhân, tin tưởng tôn giáo khác dễ dàng.

Phóng dật: Không đáng ghê sợ, không khó chữa, không kiêu ngạo, đơn độc sanh lên, đơn độc diệt mất, không làm cho người khác tổn hại như khởi hiện thì làm cho mơ hồ, ngòai lơ đãng, nghe gì cũng không biết nội dung, cung kính, tin tưởng, có ít sức mạnh, không dẫn vào khổ cảnh, không làm cho phát sanh tà kiến, là phiền não tế, trở thành bậc thánh được, không tin tưởng tôn giáo khác.

**16. Vấn:** Con voi và con kiến có bao nhiêu số lượng sắc khác nhau hay chăng?

**Đáp:**

Con voi và con kiến có số lượng sắc bằng nhau, tức 27 sắc, sự việc con voi có xác thân lớn và con kiến xác thân nhỏ, bởi vì thân xác con voi có bợn sắc nhiệt lượng (**utijarūpa**), bợn sắc vật thực (**ahārajarūpa**) nhiều hơn con kiến. Sự việc con voi có bợn sắc nhiệt lượng với bợn sắc vật thực nhiều do liên quan đến 2 nhân, tức sát na ở trong bụng thì bụng của con voi to lớn hơn nhiều, nên bợn sắc nhiệt lượng thường sanh lên được nhiều nhất; vì vậy, mới làm cho xác thân của con voi to lớn, trong sát na ăn vật thực thì con voi cũng ăn vật thực nhiều hơn, còn con kiến vào sát na ở trong bụng của con kiến cũng nhỏ cho nên bợn sắc nhiệt lượng đang có trong bụng con kiến cũng thường sanh lên được ít nên làm cho con kiến có thân xác nhỏ lẫn việc ăn vật thực của con kiến cũng ăn được ít. Vì vậy mới làm cho thân của con kiến và con voi khác nhau.

**17. Vấn:** Trong việc vun bồi thiện thí, Ngài giáo thọ sư sơ giải nêu lên trình bày theo 2 phương thức thiện thí (**dānakusala**) thành tựu theo phương thức Thắng pháp (**abhidhammapariyāyanaya**) và thiện thí thành tựu theo phương thức Luật (**vinayapariyāyanaya**), muốn hiểu rằng cả 2 phương thức này có sự khác nhau như thế nào?

**Đáp:** Trong 2 phương thức này có sự khác nhau như sau:

Theo phương thức Thắng pháp thì người xả thí chỉ nghĩ đến đồ vật mà ta sẽ đem đến dâng cúng chư Tăng. Chính việc nghĩ đến sẽ đem đồ vật cúng dường đến chư Tăng được xếp vào là thành tựu thiện thí vì là Tư tiền (**pubbacetanā**) sẽ cúng dường.

Còn thiện thí thành tựu theo phương thức Luật thì người cúng dường phải nghĩ đến đồ vật mà mình chủ tâm sẽ dâng cúng, rồi đem đồ vật tác bạch lời cúng dường thì mới thành tựu ấy là thiện thí, khác nhau chỉ bấy nhiêu.

**18. Vấn:** Sự kiện mà tất cả dân chúng không biết trước được 4 điều gì, xin hãy giải thích?

**Đáp:**

1. Không biết được rằng mình sẽ chết khi nào, tức khi nào đến 10, 20, 30 hoặc đến 80 tuổi cũng không biết được cho dù có thầy bói cho cũng không chắc chắn.

2. Không biết được rằng chết lúc nào, ám chỉ đến buổi sáng hoặc buổi trưa, chiều, tối, nửa đêm cũng không biết được.

3. Do bệnh gì chết cũng không biết.

4. Không biết rằng sẽ chết nơi nào, ám chỉ trong nhà của mình, đất nước của mình hoặc nhà của người khác, đất nước người khác. Cả 4 trường hợp này nếu đắc vị lai thông (**anātaṃsañāṇa**) thì sẽ biết được.

**19. Vấn:** Đức Chánh Đẳng Giác của chúng ta khi còn là Bồ Tát tạo trử ba la mật thời gian 4 a tăng kỳ 100 ngàn đại kiếp, trong khoảng thời gian đó, Ngài thọ trì ngũ giới, muốn hiểu rằng việc thọ trì ngũ giới của Bồ Tát gìn giữ cho trong sạch suốt được hay chẳng? Nếu gìn giữ không được suốt thì giới vi phạm là điều giới nào, và không vi phạm điều giới nào?

**Đáp:** Việc thọ trì ngũ giới của Bồ Tát khi đang còn tạo trử ba la mật thì giới mà Bồ Tát gìn giữ suốt không từng vi phạm là nói dối, giới mà Bồ Tát gìn giữ suốt không được vẫn còn vi phạm là 4 điều còn lại như sát sanh...

**20. Vấn:** Đức Bồ Tát trong lúc đang luân chuyển trong vòng luân hồi thì trí tuệ khởi hiện bằng nhau trong mỗi kiếp hay chẳng?

**Đáp:** Trí tuệ của đức Bồ Tát đang luân chuyển trong vòng luân hồi trong mỗi kiếp không bằng nhau (*Lời giải thích có trong saratthasangaha đoạn đầu*).

**21. Vấn:** Loại tội nặng gọi là đại tội (**mahāpāpa**) có bao nhiêu? Và ai là người phạm đại tội này?

**Đáp:** Loại tội nặng gọi là đại tội có 4 là:

1. Có 1 người Bà la môn đi tìm đàn bò mất tích ở trong rừng, trong lúc đang tìm thì bất ngờ bị trượt rơi xuống vực thẳm không lên được nên mắc kẹt ở đáy 2 - 3 ngày, có 1 con khỉ Bò Tát sống nương ngụ trong khu rừng này, khi đến lúc ra đi tìm kiếm thức ăn, trong lúc đi tìm kiếm thì tình cờ thấy Bà la môn mắc kẹt trong vực sâu, con khỉ Bò Tát có lòng bi mẫn mới nhảy xuống giúp bằng cách cho Bà la môn cưỡi cổ đi lên.

Việc giúp đỡ người rơi vào khổ đau khó khăn như vậy là sự giúp đỡ vất vả vô cùng lẫn việc giúp đỡ gian nan khác nữa.

Do đó khi giúp đỡ cho leo lên từ vực sâu được nên con khỉ này cũng kiệt sức, nên nằm ngủ nghỉ ngơi trong nơi đó, trong lúc con khỉ này đang nằm ngủ, Bà la môn cũng suy nghĩ rằng: Nếu ta trở về nhà ngay bây giờ thì không có vật gì cầm theo trở về nhà, bò cũng không gặp được, vì vậy ta phải giết con khỉ này để lấy thịt trở về nhà.

Khi Bà la môn quyết định như vậy, rồi thì đi nhặt hòn đá lớn đến ném vào đầu của con khỉ đang ngủ, con khỉ giật mình hốt hoảng thức dậy nhưng chẳng bị tai hại đến chết, chỉ bị té đầu thôi, hành vi này được xếp vào đại tội.

Sự việc được xếp vào là đại tội, bởi vì là sự phản phúc, vong ơn đối với người có ân đức giúp đỡ cho mình thoát khỏi sự chết.

2. Đức vua **Upavara** nói dối trong thời kỳ sơ kiếp.

3. Tỳ kheo **Kokālika** là môn đồ của **Devadatta** đã nhục mạ ngài **Sāriputta** và tất cả bậc A la hán.

4. Hành vi của **Devadatta** đối với Đức Phật là bậc có ân đức với mình.

*4 loại hành vi này gọi là đại tội.*

**22. Vấn:** Hãy phân tích 3 việc đoạn trừ ngã kiến (**attadiṭṭhi**), thô thiển (**vīṭikkama**), trung bình (**pariyuṭṭhāna**), tiềm miên (**anusaya**), bằng giới (**sīla**), định (**samadhi**), tuệ (**paññā**), hoặc 7 thanh tịnh (**visuddhu**)?

**Đáp:** Việc đoạn trừ 3 loại ngã kiến bằng giới, định, tuệ hoặc 7 thanh tịnh như sau: Giới thanh tịnh (**sīlavisuddhi**): Đoạn trừ ngã kiến thô. Tâm thanh tịnh (**cittavisuddhi**): Đoạn trừ ngã kiến trung bình. Kể từ kiến thanh tịnh (**diṭṭhivisuddhi**)... cho đến tri kiến thanh tịnh (**ñāṇadassanavisuddhi**), (**bodhipakkhiyadhamma**), đoạn trừ ngã kiến tiềm miên, nhưng việc đoạn trừ ngã kiến tiềm miên được sát tuyệt, tức duy nhất tri kiến thanh tịnh, còn 4 thanh tịnh cũng đoạn trừ ngã kiến tiềm miên giống nhưng chưa sát tuyệt. Việc đoạn trừ 3 loại ngã kiến bằng Giới, Định, Tuệ thì Giới đoạn trừ ngã kiến thô, Định đoạn trừ ngã kiến trung bình, Tuệ đoạn trừ ngã kiến tiềm miên.

**23. Vấn:** Dân chài lưới cá bắt được nhiều cá, hoặc thợ săn bắt được nhiều thú để nuôi mạng của mình được phát

triển trở thành người giàu có. Muốn hiểu được việc bắt được nhiều cá hoặc săn được nhiều thú của cả 2 người này là do mãnh lực của nghiệp thiện hoặc mãnh lực của việc bất thiện?

**Đáp:** Dân chài lưới cá bắt được nhiều cá hoặc thợ săn, săn được nhiều thú để việc nuôi mạng của mình được phát triển giàu có lên là do mãnh lực của thiện nghiệp quá khứ cho quả trong thời bình nhật, nhưng hành động bắt cá hoặc săn thú là bất thiện nghiệp, việc làm mới khởi hiện. Theo thông thường quả sanh lên từ việc làm bất thiện là bất thiện nghiệp sẽ là quả không đáng hài lòng và không đáng mong muốn hoặc không làm cho phát triển giàu có, mà chỉ làm cho nhận lấy khổ sở, nhọc nhằn và cản trở tài sản, của cải, vàng bạc thành đạt từ các trở ngại khác. Vì vậy, sự việc dân chài lưới bắt được nhiều cá, hoặc thợ săn, săn được nhiều thú mới khẳng định được rằng là quả của bất thiện nghiệp trong kiếp quá khứ cho quả.

**24. Vấn:** Hãy trình bày 37 Pháp Giác Phần (**bodhipakkhiyadhamma**) là gì và từ “giác ngộ” (**bodhi**) trong Pháp Giác Phần có nghĩa như thế nào?

**Đáp:** Pháp giác phần có 37, tức 4 niệm xứ (**satipatthāna**), 4 chánh cần (**sammappadhāna**), 4 như ý túc (**iddhipāda**), 5 quyền (**indriya**), 5 lực (**bala**), 7 giác chi (**bojjhaṅga**), 8 thánh đạo (**ariyamagga**).

Từ “giác ngộ” (**bodhi**) trong pháp giác phần này có 3 nghĩa là:

1. Pháp nào liễu tri 4 thánh đế, pháp đó gọi là giác ngộ. Hoặc:

2. Tâm sở trí tuệ đồng sanh với 4 tâm đạo, gọi là giác ngộ. Và:

3. Pháp nào trợ giúp ủng hộ tâm, tâm sở trí tuệ liễu tri 4 thánh đế, pháp đó gọi là “giác ngộ” (**bodhi**).

Hoặc 1 lý khác nữa, “giác ngộ” tức giác hữu tình (**bodhisatta**), hoặc Chánh Đẳng Giác (**sammāsambodhi**), Độc Giác Phật (**paccekabodhi**), Chí Thượng Thủ Thịnh Văn (**aggasāvakabodhi**), Đại Thịnh Văn Giác (**mahāsāvakabodhi**), Thịnh Văn Giác Thường (**pakatibodhi**).

Từ pháp nào trợ giúp ủng hộ như trong **Bangkok** có hiện hữu hàng trăm chùa nhưng được phân ra thành 2 tông phái (**nikāya**), tức **Dhammayuti** và **Mahānikāya**. Nhóm **Mahānikāya** cũng trợ giúp ủng hộ **Mahānikāya** với nhau để lớn mạnh lên như thế nào thì tất cả pháp cũng trợ giúp, ủng hộ cho tâm sở trí tuệ liễu tri 4 Thánh đế như thế đó.

Vì vậy, Pháp đó mới gọi là pháp giác phân. Trong sát na đang ghi nhận “phồng à! xẹp à!” thì 37 Pháp Giác Phân tham dự vào mỗi 1 sát na. Vì vậy, người nào muốn liễu tri 4 Thánh đế, người đó phải nỗ lực tạo trử 37 Pháp Giác Phân cho tăng trưởng lên. Ví dụ giống như người muốn dùng sào riêng hoặc vải thì phải trồng cây sào riêng hoặc vải.

**Chú thích:** Từ “giác phần” trong Giác phần tập yếu (**bodhipakkhiyasāṅgha**) này tức tâm sở trí tuệ đồng sanh trong 4 tâm đạo.

Từ “giác phần” (**bodhipakkhiya**) ám chỉ pháp nào là nhóm thân thuộc của phương diện Đạo tuệ, pháp đó gọi là “giác phần”, tức 37 Pháp Giác Phần, như 4 Niệm xứ... Tóm lại là pháp đồng nhóm về phương diện 4 Đạo tuệ, gọi là “giác phần”; pháp liễu tri 4 Thánh đế, gọi là “giác ngộ” (**bodhi**).

Trong Giác phần tập yếu này ám chỉ riêng biệt “giác ngộ” trong Pháp Giác Phần, Giác Ngộ ngoài ra nhóm giác phần tập yếu thì không tính vào, bởi vì từ “giác ngộ” có nhiều loại như Chánh Đẳng Giác, Độc Giác, Thinh Văn Giác nhóm này đều là trí tuệ trong Đại tổ tương ưng trí; nhưng với giác ngộ liên quan với pháp giác phần này, tức 1 tâm sở trí tuệ hợp trong 4 tâm Đạo. Trí tuệ hợp với trong 4 tâm Đạo này được cả 2 phương diện, tức giác ngộ liên quan với giác tri (**bojjhanga**) cùng liên quan với pháp giác phần là nhân, làm cho liễu tri 4 Thánh đế và là hiện thân người liễu tri 4 Thánh đế.

**25. Vấn:** Hãy trình bày chi pháp chân đế của 4 niệm xứ và Đức Chánh Đẳng ám chỉ như thế nào về sự việc nêu lên duy nhất niệm. Trình bày phân ra thành 4, hãy giải thích?

**Đáp:** Thân tùy quán niệm xứ (**kāyānupassanāsatiṭṭhāna**). Chi pháp tâm sở niệm hợp với 8 tâm Đại thiện, 8 tâm Đại ô, 26 đồng lực kiên cố.

Thọ            tùy            quán            niệm            xứ  
(vedanānupassanāsatiṭṭhāna)...

Tâm tùy quán niệm xứ (cittānupassanāsatiṭṭhāna)...

Pháp            tùy            quán            niệm            xứ  
(dhammānupassanāsatiṭṭhāna)...

Sự việc Đức Phật nêu lên chỉ tâm sở niệm trình bày phân ra 4; cũng để làm cho hiểu rằng: cảnh là cứ điểm của việc ghi nhận cũng có 4; tướng trạng hiển lộ lên cũng có 4; đoạn trừ điên đảo pháp cũng có 4, như sẽ giải thích sau đây:

1. Thân tùy quán niệm xứ: Có cảnh là thân thể, đoạn trừ thì đoạn trừ mỹ tướng (subhasaññā) làm cho bất mỹ tướng xuất hiện. Ví như ánh sáng xuất hiện thì bóng tối sẽ diệt đi, theo thường nhiên tất cả chúng sanh luôn bị 4 pháp điên đảo (vipallāsadhmma) này che đậy không cho thấy theo sự thật.

Giống như con ngựa bị đeo bằng kính màu xanh, nên thấy cỏ khô là cỏ xanh tươi. Hoặc giống như con chó đang gặm xương, xương đó cũng không có thịt và máu, nhưng nó nhận biết rằng ngon. Sự việc nhận biết rằng ngon cũng biết được bằng chính nước miếng của mình, hoặc khi có con chó khác đến gần thì nó khởi lên sự tiếc nuối, nên đến cắn nhau liền tức thì. Do mãnh lực của chấp giữ cục xương như thế nào thì tất cả chúng sanh đang đắm say trong các cảnh cũng do tham ái của mình, nên mới khởi hiện sự ganh ghét nhau.

2. Thọ tùy quán niệm xứ: Có cảnh lạc, khổ, xả; đoạn trừ thì đoạn trừ lạc tướng, làm cho khổ tướng xuất hiện lên. Do đó trong lúc đang thực hành khi mỗi khởi hiện, phần nhiều giáo thọ sư thường chỉ bảo, ngăn không cho thay đổi (oai nghi) cũng để ghi nhận biết khổ.

Nếu thay đổi qua lại thì khổ nơi nhưc mỗi cũng sẽ giảm diệt đi, trở lại thoải mái an lạc, bởi vì oai nghi này chực chờ, che đậy không cho thấy khổ. Vì vậy mới làm cho ghi nhận trước. Nếu niệm, định tốt thì khổ cũng sẽ diệt đi. Nếu như mất thật mới từ từ thay đổi (qua lại) để thấy được sự vô thường, khổ, vô ngã.

3. Tâm tùy quán niệm xứ: Không có cảnh, tức 81 tâm hiệp thế, 52 tâm sở; đoạn trừ thì đoạn trừ thường tướng, làm cho vô thường tướng xuất hiện.

Nhưng chúng ta không có tâm đảo đại nên không lấy nhóm tâm này làm cảnh được, chỉ lấy 45 tâm dục giới (trừ tâm ứng cúng vi tiểu và 8 tâm đại tố), tức việc ghi nhận rằng “thấy à”, được “nghe à”, lấy nhãn thức, nhĩ thức làm cảnh, “sân à”, “thích à” có tham, sân làm cảnh.

4. Pháp tùy quán niệm xứ: Có cảnh, tức tướng và 50 tâm sở còn lại; đoạn trừ thì đoạn trừ ngã tướng làm cho vô ngã tướng xuất hiện. Là việc ghi nhận toàn là thực tánh pháp; như khi thấy thì ghi nhận rằng đây là thực tánh của nhãn thức, thích là thực tánh của tham, không thích là thực tánh của sân, sự tin tưởng là thực tánh của đức tin, sự biết rộng

rãi là thực tánh của trí tuệ, mắt thấy là thực tánh của nhãn thức, oai nghi lớn nhỏ là thực tánh của sắc.

4 niệm xứ này có duy nhất tâm sở niệm là chi pháp sanh lên với 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 26 tâm đồng lực kiên cố.

**26. Vấn:** Hãy trình bày chi pháp cùng với giải thích về 4 chánh cần theo riêng biệt?

**Đáp:** 1. Tinh cần đoạn trừ bất thiện pháp đã sanh (**uppannānaṃ pāpakānaṃ pahānāya vāyāmo**). Chi pháp tâm sở cần hợp trong 21 tâm thiện.

2. Tinh cần không cho bất thiện pháp sanh lên (**anuppannānaṃ pāpakānaṃ anuppādāya vāyāmo**). Chi pháp tâm sở cần hợp với 21 tâm thiện.

3. Tinh cần làm cho thiện pháp sanh lên (**anuppannānaṃ kusalānaṃ uppādāya vāyāmo**). Chi pháp tâm sở cần hợp với 21 tâm thiện.

4. Tinh cần làm cho thiện pháp đã sanh được tăng trưởng (**uppannānaṃ kusalānaṃ bhīyyobhāvayā vāyāmo**). Chi pháp tâm sở cần hợp trong 21 tâm thiện.

**Giải thích:** Vì sao chỉ lấy tâm sở cần đồng sanh với 21 tâm thiện, mà không phổ biến giống như niệm?

Sự việc chỉ lấy tâm sở cần đồng sanh trong 21 tâm thiện, mà không lấy khắp cùng giống như tâm sở niệm, bởi vì: Trong sát na bố thí, trì giới, tu tiến, học tập, chỉ dạy, thuyết pháp và trong sát na ghi nhận danh sắc cũng để đoạn trừ bất

thiện đã sanh và chưa sanh, không cho sanh lên; phát triển thiện chưa từng sanh làm cho sanh lên, tinh cần, giữ gìn các thiện pháp đã sanh làm cho tăng trưởng lên. Mỗi lần tạo các việc phước khác nhau thì 4 sự tinh cần phải gom vào thường xuyên, không gián đoạn. Khi chứng đắc A la hán thì không có phận sự phải đoạn trừ và cần phải tu tiến nữa. Đối với tâm quả siêu thế là quả cho nên không lấy tâm sở cần đồng sanh với tâm tố và tâm quả.

**Trong điều 2, Đức Chánh Đăng Giác ám chỉ như thế nào mới thuyết như vậy?**

Ám chỉ đến bất thiện chưa từng làm trong kiếp hiện tại này mà thôi, như chưa từng giết người, giết gà vịt, bắn chim, lưới cá. Các việc này cũng tinh cần từ bỏ tiếp tục, đừng ngông cuồng tạo tác; hoặc nếu từng giết chim, giết thú, giết người, tạo 1 loại ác hạnh nào rồi; trong kiếp này cũng tinh cần từ bỏ không suy nghĩ đến vấn đề đã tạo ác hạnh đó; và lập tâm suy nghĩ từ bỏ sẽ không làm tiếp tục nữa; nếu làm được như vậy thì các nghiệp đó có thể trở thành vô hiệu nghiệp, bởi vì nghiệp đã tạo lâu rồi và chúng ta cũng không quan tâm suy nghĩ đến nghiệp này. Nhưng nếu thiện thì nên suy nghĩ đến thường xuyên để làm cho thiện tăng trưởng lên. Đối với 1 điều đó ta phải chịu nhận lãnh mọi loại bất thiện mà ta từng tạo cho đến giết cha, giết mẹ mà không khước từ được.

**Còn điều 3 rằng:** Tinh cần tu tiến chưa từng sanh làm cho sanh lên, tức thiện đạo; bởi vì thiện đạo này chưa từng

sinh lên với ta, cho dù trong kiếp quá khứ. Nếu thiện đạo đã sanh thì ta cũng không phải luân chuyển trong vòng luân hồi; nhưng đối với thiện hiệp thể như đấng thiện này từng sanh lên với ta từ trong kiếp trước kia. Nhưng trong điều này ám chỉ đến kiếp hiện tại này mà ta chưa tu tiến cho sanh lên. Vì vậy phải tu tiến cho sanh lên.

**Điều 4:** Rằng tinh cần làm cho thiện đã sanh tăng trưởng, phát triển lên; tức thiện hiệp thể như bố thí, trì giới, tu tiến từng sanh với mình trong kiếp này và kiếp trước phải tinh cần làm cho phát triển hơn lên; tức làm cho sanh lên liên tục.

**Chú thích:** Sự việc gom ý câu hỏi trong vấn đề 4 niệm xứ, 4 chánh cần ghi ra ở mọi nơi cũng làm cho thấy được rằng: Việc giải thích câu pháp đó thường có giải thích nhiều số lượng mà không chú ý tranh đua với chương trình giáo khoa nào cả. Và tấn là chánh cần phải là tấn loại già mạnh, tấn thông thường thì không được; nghĩa là việc tinh cần không thối chuyển cho dù máu và thịt trong thân của ta sẽ khô cạn hết; chỉ còn lại da, gân, xương đi nữa. Phận sự nào cần phải làm cho thành tựu bởi việc tinh cần; nếu phận sự này chưa thành tựu, tất ta sẽ không từ bỏ việc tinh cần này.

**27. Vấn:** Hỷ lạc (**pītisomanassa**) khởi hiện lên được nương vào bao nhiêu nhân? Hãy nêu dẫn chứng theo riêng biệt?

**Đáp:** Hỷ hiện khởi lên được, nương vào 5 nhân, tức:

Hỷ (**pītisomanassa**) hiện khởi nương vào nhân tham, si. Như ta có vườn sầu riêng năm này, sầu riêng ra trái mỗi

cây, thì xem 1 cây có hàng chục trái. Tính nhằm xem thì thấy được lợi nhuận tốt hơn trước kia nhiều. Hoặc đang xem kịch hoặc xem phim vui cười thích thú. Đây là hỷ sanh lên từ tham, si; nhân si tức trong sát na này là hành khổ.

Hỷ sanh lên từ nhân vô tham làm chánh yếu như một người Trung Quốc không hiểu biết gì về vấn đề nghiệp và quả của nghiệp. Một ngày nọ, y cúng dường vật thực thượng vị đến chư Tăng; vào lúc đó chư Tăng thọ dụng được nhiều thì người Trung Quốc phát sanh hỷ lạc (**pītisomanassa**). Trong sự việc chư Tăng thọ dụng vật thực bằng sự không tiếc nuối gì về tài chánh đã mua thực phẩm cúng dường. Như vậy gọi là hỷ hiện khởi từ nhân vô tham.

Còn về nhân vô sân, như ta thương mến một người nào nhưng rồi người này lâm vào đau khổ, khốn đốn; giúp đỡ gì cũng không được. Về sau này, y gặp may mắn trở thành người đủ ăn, đủ mặc hoặc giàu có. Khi biết được mà người mình thương mến, hài lòng, nhận được sự an lạc thì phát sanh hỷ lạc. Do vô sân là hiện thân của tâm từ này phải có cảnh là chúng sanh chế định thương mến vừa lòng (**piyamanāpasattavapaññatti**); hoặc gặp được cha mẹ, thầy cô thì vui thích. Như vậy hỷ sanh lên từ nhân vô sân.

Nhân vô si như ta đang nghe Giáo thọ sư giải thích, trong lúc đó khởi lên hiểu biết rõ ràng về pháp đó. Khi có sự hiểu biết rõ ràng như vậy thì phát sanh hỷ lạc; hoặc tu tiến minh quán cho đến thực chứng tam tướng. Như vậy gọi là hỷ lạc khởi hiện từ nhân vô si.

**28. Vấn:** Cảnh có thể làm cho tâm sở tật (**issācetasikā**) và tâm sở vô lượng phần (**appamaññācetasika**) khởi hiện được ở đâu như thế nào, hãy giải thích tường tận?

**Đáp:**

Cảnh làm cho tâm sở tật và tâm sở vô lượng phần khởi hiện lên được ở bên ngoài, tức người có ân đức tốt đẹp hơn mình hoặc ngang bằng mình; bằng giới đức, định đức, tuệ đức, danh tiếng, màu da, xinh đẹp, hiểu biết, tinh tường, tài sản, sung túc; tất cả cảnh này là cảnh của bi mẫn, nghĩa là cảnh của tật và bi (**muditā**) giống nhau. Nếu như thực tánh của tật với bi thì đối lập nhau. Đối với bi là chúng sanh đang rơi vào đau khổ, khốn đốn.

Cảnh của tật có cả chân đế và chế định; như nhìn thấy họ trang điểm, y phục và vàng bạc, châu báu; nhưng người đó lơ đãng đôi khi làm cho y phục dấy bẩn hoặc vật trang sức rơi mất hoặc bị người trộm đi, khi vừa thấy họ vào; hoặc hiểu rằng họ vào thì thích thú; như vậy là cả chân đế và chế định.

Tóm lại tật khi sẽ khởi hiện thì khởi hiện từ việc được thấy, nghe về vấn đề tốt, không khởi hiện từ việc thấy, nghe về vấn đề không tốt. Đối với bi cũng giống như vậy, nhưng nếu cảnh của bi chỉ thuần nhất là cảnh chế định, bởi vì Ngài nêu lên chủ yếu là chúng sanh.

Bi, tùy hỷ có 2 loại thật và giả. Loại thật khi khởi hiện thì tâm trong sáng, thư thái suốt không có sự lo âu nào chen

vào về sau này. Còn loại giả khởi hiện lần đầu thì tự tại; nhưng rồi về sau trở lại than vãn, sầu muộn, như con trai rơi vào khốn đốn bất hạnh; hoặc bệnh tật thì thương cảm, cũng có sự sầu muộn, buồn rầu về các vấn đề này.

Còn bi mẫn cũng giống như vậy, phần nhiều thường có với người thương mến hoặc quyến thuộc, con trai, con gái của mình mà thôi; là nhân làm cho phát sanh ganh ty. Như việc sanh kế giống nhau, như bà bán trái cây với bà bán trái cây, giáo thọ sư với giáo thọ sư, nữ nhân với nữ nhân hoặc nhóm bạn này với nhóm bạn này... thì ganh ty dễ khởi lên nhất. Nếu sanh kế khác nhau thì sẽ không chực chờ ganh ty với nhau lắm.

Cảnh của tật và vô lượng phần ở tại nơi nào đó ám chỉ pháp phá hủy sự đoàn kết đến bên trong hoặc bên ngoài. Tội của ganh ty làm tan rã việc đoàn kết với nhau trong kiếp này. Ngài giáo thọ sư sơ giải gọi là pháp phá hủy sự đoàn kết, chết rồi thì rơi vào khổ cảnh.

Như câu chuyện **Devadatta** thấy dân chúng trong kinh thành **Kosambi** cung kính Ngài **Moggallana**, **Sāriputta** nhiều hơn mình. **Devadatta** cũng là dòng giống **Sakya** như nhau, vì sao lại không tôn kính y, lại tôn kính 2 vị Tối thượng tinh văn; khi ganh ty khởi lên thì gây chia rẽ Tăng, phá hủy sự đoàn kết, khi chết phải rơi vào địa ngục, khi thoát khỏi địa ngục sanh lên làm nhân loại cũng phải nhận lấy quả bị khinh rẻ, miệt thị; làm cho tan rã, chia lìa nhóm bạn bè trong

kiếp này và kiếp sau. Sự việc ganh tỵ, khởi hiện được cũng do không có tâm từ.

Ân đức của vô lượng phần trong kiếp này như thế nào? Ân đức của vô lượng phần trong kiếp này khi khởi hiện thì làm cho thoát khỏi ganh tỵ và làm cho tâm nhận được an lạc, là nơi thương yêu của tất cả mọi người; khi chết thì sanh vào cõi vui.

**29. Vấn:** Theo như một số Ngài giáo thọ sư đề cập rằng: Phận sự làm cho tất cả pháp được thành tựu là thiện, bất thiện, vô ký; đề cập như vậy là đúng đắn hay không, giải thích?

**Đáp:**

Không đúng đắn. Bởi vì thiện, bất thiện sanh lên từ tác ý (**yoniso**) và không tác ý (**ayoniso**).

Thiện sanh lên từ khéo tác ý (**yonisomanasikāra**) như có câu **pali** trình bày rằng: “**Yoniso bhikkhave mansikaroto anuppannāceva kusalādharmā uppajjanti**”

“Này các tỳ kheo, thiện pháp chưa từng sanh lên được cơ hội sanh lên với người khéo tác ý”.

Nếu nhân làm cho thiện, bất thiện, vô ký đã sanh thì tâm sở si đồng sanh với tâm si, không có nhân đồng sanh; nhưng tâm sở si này cũng vẫn là bất thiện.

Hoặc 10 tâm vô nhân cũng không có nhân đồng sanh; nhưng cũng là pháp vô ký được. Bọn sắc tâm thiện và bọn

## Giải thích tổng hợp các câu pháp trong thắng pháp tập yếu luận

sắc tâm bất thiện này cũng đồng sanh với 6 nhân thường xuyên, nhưng cũng không gọi là thiện, bất thiện mà chỉ là pháp vô ký; bởi vì tất cả sắc và pháp vô ký, ví như bóng tối hoặc chanh có vị chua là tánh chất.

Ngài giáo thọ sư sơ giải ví dụ rằng: Nơi nào không có ánh sáng thì thường nhiên phải là bóng tối. Không có bất cứ điều nào làm cho bóng tối nữa là bản chất hiện hữu như vậy. Do đó chỉ làm cho pháp tương ưng biết cảnh cho được tồn tại vững chắc và phát triển tốt tươi tiếp tục. Nhưng không có nhân làm cho thiện, bất thiện, vô ký hiện khởi; mà thiện, bất thiện vô ký sanh lên từ tác ý và không tác ý. Bởi vì thông thường tâm của mọi người, người này có tâm hài lòng và không hài lòng thường xuyên. Khi hài lòng hiện khởi có tham đồng sanh, Ngài gọi tâm tham. Khi có sự không hài lòng khởi hiện do có sân đồng sanh, Ngài gọi là tâm sân. Sân hiện khởi cũng chính do không có nhẫn nại; chỉ nhân này mới có thể làm cho thành tựu trong việc tạo thiện, bất thiện theo đường thân, ngữ, ý được; nhưng không được ám chỉ đến làm cho thiện, bất thiện, vô ký sanh lên.

**30. Vấn:** Thiện nghiệp không có phận sự làm cho người đó sanh lên làm nhân loại, chư thiên... được chắc chắn có hay không; hãy nêu lên giải thích nguyên nhân?

**Đáp:**

Thiện nghiệp không có phận sự làm cho người đó sanh lên làm nhân loại, chư thiên... được chắc chắn có 5 loại, tức:

1. Thiện đạo.
2. Thông thiện.
3. 8 tâm đại thiện hiện khởi theo đường lộ tâm ngũ môn.
4. Tâm đại thiện khởi hiện trong lộ cận tử (**marañāsannavithī**).
5. Tâm đại thiện hiện khởi trong sát na chiêm bao.

Trong tất cả 5 loại thiện này, tức:

1. Thiện đạo là thiện sanh lên từ việc tu tiến minh quán, thấy được tam tướng nơi danh, sắc, ngũ uẩn là thiện triệt tiêu cho chấm dứt sanh hữu. Nên không có phận sự sắp xếp, làm cho sanh lên là nhân loại hoặc chư thiên... được.

2. Thông thiện là thiện đặc biệt sanh lên từ ngũ thiền để khai triển thần thông khác nhau.

3. Đại thiện hiện khởi theo đường lộ tâm ngũ môn yếu sức mạnh và chưa hoàn thành trong việc tạo thiện hạnh; thiện có thể làm cho thành tựu các phận sự được phải là thiện hiện khởi duy nhất theo đường lộ tâm ý môn.

Khi thiện hiện khởi theo đường ngũ môn chưa thể làm cho thành tựu phận sự như đã đề cập, cũng không thể xếp vào việc làm cho sanh lên làm nhân loại và chư thiên,... được.

4. Đại thiện khởi hiện trong lộ cận tử cho dù được nhận lấy cảnh là sanh nghiệp (**janakakamma**) thật; nhưng trong

sát na đó có sức mạnh yếu xuống, nên không thể xếp vào việc làm cho sanh lên làm nhân loại, chư thiên được; chỉ là thiện trợ giúp ủng hộ cho thiện sanh nghiệp có sức mạnh nêu lên.

5. Đại thiện hiện khởi trong sát na chiêm bao, bởi vì việc chiêm bao hiện khởi từ việc ngủ không say đắm; hay việc chiêm bao ngoài ra các sự kiện mà ta đã làm hoặc người chiêm bao cũng không làm công việc liên quan loại thiện nào trong lúc chiêm bao.

**31. Vấn:** Tâm sân hữu trợ (**sasaṅkhārika**) đồng sanh với 17 tâm sở có hay không? Nếu có xin hãy trình bày, nêu dẫn chứng?

**Đáp:**

Tâm sân hữu trợ, nếu nói theo cách thuyết giảng thì có 22 tâm sở đồng sanh. Nếu nói theo cách sanh lên (**uppatti**) thì không đồng sanh được với 22 tâm sở, chỉ đồng sanh được với 20 tâm sở; bởi vì tật (**issā**), lận (**macchariya**), hối (**kukkucca**), tất cả 3 tâm sở này không thể đồng sanh cùng với nhau trong 1 sát na được. Vì vậy tâm sân vô trợ mới có 17 tâm sở, trừ tật, lận, hối và hôn trầm, thụy miên.

Như cha mẹ làm cho con cái khó chịu; hoặc con cái làm cho cha mẹ bực tức, thì sự nóng giận giữa cha mẹ với con cái không liên quan với tật, lận, hối; và trong sát na đó hôn trầm, thụy miên, cũng không đồng sanh bởi vì nóng giận

khởi hiện mạnh bạo; nhưng nếu sự nóng giận không mạnh bạo chỉ là nóng giận vừa chừng thì tâm sân khởi hiện trong sát na đó cũng đồng sanh với hôn trầm, thụy miên được; do hôn trầm, thụy miên vào đồng sanh nên làm cho tâm sân yếu sức mạnh.

**32. Vấn:** Sắc pháp khi quy tụ gom chung lại với nhau thì hiện bày hình dáng thân thể, vậy danh pháp khi gom lại với nhau thì hiện bày hình dáng thân thể như nhau với sắc pháp hay không? Và danh pháp này phần nhiều sanh lên ở đâu?

**Đáp:**

Không có. Danh pháp sanh lên nơi sắc ý vật nhiều nhất, bởi vì, tâm khởi hiện từ sắc ý vật có thể làm phạm sự cả tốt lẫn xấu cho thành tựu được; tâm hiện khởi nơi khác nữa, như mắt, tai... ít sanh lên lẫn không làm cho thành tựu bất cứ phạm sự nào được.

**33. Vấn:** Hãy trình bày sự khác biệt nhau giữa Ý nghĩa biến tri (**ñātapariññā**), Tam tướng biến tri (**tīraṇapariññā**), Đoạn trừ biến tri (**pahānapariññā**).

**Đáp:**

Sự khác biệt nhau giữa Ý nghĩa biến tri, Tam tướng biến tri và Đoạn trừ biến tri, tức:

1. Lúc nào Danh sắc phân tích tuệ (**nāmarūpaparicchedañāna**) và Duyên đạt tuệ (**paccayapariggahañāṇa**) xuất hiện với hành giả; lúc đó

hành giả có sự biết tướng trạng của tâm, tâm sở, sắc pháp theo riêng biệt. Đây là ý nghĩa biến tri.

2. Lúc nào Thâm quán tuệ (**sammasanañāṇa**) và Sanh diệt tuệ (**udayabbayañāṇa**) hiện khởi với hành giả lúc đó hành giả ghi nhận danh sắc theo tam tướng. Đây là Tam tướng biến tri.

3. Lúc nào Hoại diệt tuệ (**bhangañāṇa**)... cho đến Đạo tuệ, Quả tuệ hiện khởi với hành giả; lúc đó hành giả đoạn trừ, thường tướng, lạc tướng, ngã tướng, mỹ tướng được. Đây là Đoạn trừ biến tri.

### 34. Vấn:

Thân hành, ngữ hành, ý hành, 3 loại này có ý nghĩa gì? Chi pháp chân đế là gì?

### Đáp:

Thân hành (**kāyasañkhāra**), nghĩa là tạo tác theo đường thân.

Chi pháp: 20 tâm sở tư đồng sanh với thiện dục giới, bất thiện và hơi thở ra vô.

Ngữ hành (**vacīsañkhāra**), nghĩa là tạo tác theo đường ngữ.

Chi pháp: 20 tâm sở tư đồng sanh với thiện dục giới và bất thiện và tầm, tứ; bởi vì thông thường tất cả chúng sanh phải suy nghĩ trước mới nói ra. Việc suy nghĩ là tầm, làm cho suy nghĩ đó nối tiếp nhau hoài là tứ.

Ý hành (**manosaṅkhāra**), nghĩa là tạo tác theo đường tâm.

Chi pháp: tâm sở tư đồng sanh với 29 thiện, bất thiện hiệp thể và tướng, thọ; bởi vì tạo tác theo đường tâm mà loại trừ ra sự nhớ lại, cảm giác thì không có.

**35. Vấn:** Sự mau chóng của con ngựa **Manamayasiṅgha** là con ngựa của Dạ xoa **Puṇṇaka** với sự mau chóng của tâm nhân loại thì loại nào có sự mau chóng nhiều hơn?

**Đáp:**

Sự mau chóng của con ngựa **Manamayasiṅgha** mà Dạ xoa **Puṇṇaka** cưỡi có sự mau lẹ hơn tâm của nhân loại. Bởi vì con ngựa **Manamayasiṅgha** không phải con ngựa thông thường mà là Thiên tử hóa hiện thân ra.

**36. Vấn:** Việc biết cảnh của tâm giống việc biết cảnh của trí tuệ hay không, xin giải thích ?

**Đáp:** Việc biết cảnh của tâm và việc biết cảnh của trí tuệ khác nhau, tức việc biết cảnh của tâm có sự biết cảnh thông thường, như biết cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp nhưng không biết rằng: Đây là cảnh sắc, đây là cảnh thanh, đây là cảnh khí, đây là cảnh vị, đây là cảnh xúc, đây là cảnh pháp, đây là sắc, đây là danh và không biết được rằng cả 6 cảnh này có sự sanh diệt, không biết lạc, không biết khổ, không biết nhân, không biết quả.

Còn sự việc biết cảnh của trí tuệ, biết rằng: đây là cảnh sắc cho đến cảnh pháp và cảnh nào là sắc, là danh và cảnh

nào là nhân là quả, các cảnh này có sự sanh lên rồi diệt đi, biết là lạc, biết là khổ.

**37. Vấn:** Đức Phật thuyết rằng: “**pabhassaramidaṃ bhikkhave cittaṃ**” trong nơi đây tâm chói sáng, tức tâm nhóm tâm nào? Và trong mỗi một người có bao nhiêu tâm chói sáng?

**Đáp:** **Pabhassaramidaṃ cittaṃ:** tức 19 tâm sở hữu phần, mỗi một người có 1 tâm chói sáng, tức tâm tục sanh.

**38. Vấn:** Tâm tục sanh của Bạc Chánh Đăng Chánh Giác là tâm nào?

**Đáp:** Tâm tục sanh của Bạc Chánh Đăng Chánh Giác là tâm quả thọ hỷ tương ưng trí vô trợ (**somanassasahagataṃ ñānasompayuttaṃ asaṅkhārikavipākacittaṃ**)

**39. Vấn:** Bồ tát **Vessantara** trước khi rời khỏi quốc độ đi vào rừng đã cúng dường đại thí đến 7 ngày. Trong tất cả đại thí có sự bố thí rượu trong số lượng đó; trong sự việc mà bồ tát **Vessantara** bố thí rượu này thì bồ tát biết hoặc không biết rằng rượu là có tội, nếu biết vì sao lại làm?

**Đáp:**

Trong sự việc bồ tát bố thí rượu Ngài hiểu được rượu là vật có tội; nhưng để không cho tất cả dân chúng cùng nhau đến nhận vật thực chiêu đãi bố thí đó nói rằng: Việc xả thí của bồ tát không có rượu; vì Ngài không muốn nghe được lời không có, vì vậy cho dù rượu là vật tội, Ngài cũng xếp

đặt, giữ lại để không cho thiếu, lẫn để không phải nhận lời chê bai từ dân chúng rằng: Việc chiêu đãi vật thực của Ngài Vessantara này không có rượu.

**40. Vấn:** Xứ (*āyatana*) danh có bao nhiêu?

**Đáp:** Có 2, tức ý xứ, pháp xứ.

**Vấn:** Xứ sắc có bao nhiêu?

**Đáp:** Có 11, tức 10 xứ thô, pháp xứ.

**Vấn:** Xứ bên trong (*ajjhattikāyatana*) có bao nhiêu?

**Đáp:** Có 6, tức nhãn xứ, nhĩ xứ... ý xứ.

**Vấn:** Xứ bên ngoài (*bāhirāyatana*) có bao nhiêu?

**Đáp:** Có 6, tức sắc xứ, thanh xứ... pháp xứ.

**Vấn:** Xứ bị xúc chạm có bao nhiêu?

**Đáp:** Có 6, tức mắt, tai... tâm.

**Vấn:** Khi cả 2 xứ xúc chạm nhau, rồi thì pháp gì sanh lên? Ví như giống như gì?

**Đáp:** Tâm, tâm sở sanh lên, giống như người đến đứng ngay nơi kính thì bóng hiện lên trong kính; hoặc giống như ví sắt lửa khi vừa đổ sơn vào trong chốc lát thì làm cho lửa cháy lên.

**41. Vấn:** Từ “xứ” (*āyatana*) nghĩa là gì?

**Đáp:**

Nghĩa là nhóm pháp nào miệt mài giống như tinh cần để làm cho quả của mình khởi hiện; vì vậy, pháp đó Gọi là “xứ” (āyatana)

“āyatanti attano phaluppattiyā ussāhantāviya hontīti = āyatanāni”.

42. **Vấn:** Ý nghĩa của xứ có bao nhiêu loại, là gì?

**Đáp:**

Có 5 loại, tức:

1. **Sañjātidesaṭṭha:** Không sanh lên vị trí khác được.
2. **Nivāsaṭṭha:** Nếu có nhân duyên đầy đủ thì mới sanh lên.
3. **Ākaraṭṭha:** Dù là người chur thiên hay bàng sanh cũng đều có (gom 3 loại này riêng biệt xứ bên trong).
4. **Samosaranaṭṭha:** Giống như cùng quy tụ trong cảnh... mà mình đanh biết (xứ bên ngoài).
5. **Kāraṇaṭṭha:** Nếu không có nhóm xứ này thì tâm lộ không sanh lên được (xứ bên trong, xứ bên ngoài).

**Chú thích:** Nguyên nhân sanh lên (**uppattikāraṇa**) là nhân của việc khởi hiện của tâm, tâm sở; nếu không có hoặc chỉ có 1 loại nào thì tâm, tâm sở cũng không sanh lên được; vì vậy phải lấy cả bên trong, bên ngoài.

Tóm lại cả 12 xứ là nhân làm cho sanh lên.

**43. Vấn:** Vì sao Ngài thuyết “nhãn xứ” trước rồi mới thuyết xứ khác theo tuần tự?

**Đáp:** Bởi vì là pháp quan trọng nhiều hơn, như **pāli** nêu lên trình bày:

**Tattha cakkhusotāni sattānaṃ hitakriyāsu bahupakārattā kāmarūpabyāpitattāca pākaṭṭhāpīti ādimhi vuttāni tehi asannattā todanantaraṃ ghānaṃ tato jivhāti imāni cattāri padesāyatanāni nāma tato sakalakāyabyāpako kāyo tato tesam sabbesaṃ gocaravisayaggāhakaṃ manoti sesāni pana tesam visayattā tadanukkameneva vuttāpīti.**

Trong số lượng 12 xứ thì nhãn, nhĩ quan trọng nhiều hơn; bởi vì là điều kiện trợ giúp, ủng hộ cho tất cả chúng sanh tạo vô số điều lợi ích; và 1 trường hợp nữa là lợi ích phổ biến cả trong cõi dục và cõi sắc. Cho nên Đức Phật mới thuyết theo thứ tự đầu tiên. Tỷ, thiệt được Đức thuyết theo thứ tự kế tiếp nhau cũng vì gần loại với nhóm nhãn và nhĩ đó. Như đã đề cập trên, cả 4 xứ này mới gọi là nơi chốn của xứ (**padesāyatana**). Từ đó Đức Phật thuyết đến thân xứ có khắp cùng trong thân; và ý xứ là thực tánh pháp biết cảnh là hành xứ (**gocara**) của nhóm xứ đó. Còn xứ còn lại ngoài ra đó (tức 6 xứ bên ngoài). Đức Phật thuyết theo tuần tự từ đó trở đi, vì là cảnh của 6 xứ bên trong đó.

*(Phụ số giải paramatthadīpanī 3).*

**Chú thích:** Lợi ích được thấy cao thượng (**dassanānuttariyaṅga**): Nhãn xứ.

Lợi ích được nghe cao thượng (**savanānuttariyaṅga**): Nhĩ xứ.

#### 44. Câu hỏi về uẩn:

1. **Vấn:** Pháp chân đế về uẩn có bao nhiêu?

**Đáp:** Có 3, tức tâm, tâm sở, sắc pháp.

2. **Vấn:** Pháp chân đế ngoại uẩn có bao nhiêu?

**Đáp:** Có 1 là Níp bàn. Vì sao? Vì không có 5 loại.

3. **Vấn:** Pháp chế định thuộc về uẩn nào?

**Đáp:** Không thuộc uẩn nào. Vì sao? Bởi vì không phải là chân đế, tức là không có pháp thực tánh.

4. **Vấn:** Uẩn thuộc danh pháp có bao nhiêu?

**Đáp:** Có 4, tức thọ, tưởng, hành, thức.

5. **Vấn:** Uẩn thuộc sắc pháp có bao nhiêu?

**Đáp:** Có 1, tức 28 sắc pháp.

6. **Vấn:** Uẩn (**khandha**) có nghĩa là gì?

**Đáp:** Nhóm, khối, đống (**rāsī**).

7. Phân ra có bao nhiêu loại là gì?

Phân ra có 5 loại, tức hiện tại, quá khứ, vị lai là 1 loại.

Trong ta và ngoài ta là 1 loại.

Thô và vi tế là 1 loại.

Hạ liệt và thù thắng là 1 loại.

Gần và xa là 1 loại.

**8. Vấn:** Níp bàn gọi là loại được không?

**Đáp:**

Không được, vì sao? Vì không gom vào trong 5 loại và không thành đôi. Ví dụ như: bên trong, bên ngoài, thô, tế; nếu sắc uẩn hoặc thọ uẩn, tưởng uẩn có duy nhất trong ta cũng không gọi là uẩn được; bởi vì có đôi, tức lẫn lộn gom chung với nhau. Níp bàn không có đôi, không lẫn lộn gom chung với pháp gì cả, ví dụ hơi thở... có cả quá khứ, vị lai, hiện tại; nếu ghi nhận hơi thở thì ghi nhận hiện tại mà thôi, không cần quan tâm trong quá khứ, vị lai.

Ví dụ, người thọ dụng vật thực có phận sự duy nhất là nhai, không cần quan tâm rằng chua, ngọt nhưng chua và ngọt cũng phải tự hiện bày. Và ví dụ tất cả pháp trên thế gian này phải có thành mỗi đôi như có cao, thấp, béo, gầy, sáng, tối, rộng, hẹp, dài, ngắn, đen, trắng, tốt, xấu là điều so sánh rằng là uẩn bởi vì vì thành mỗi đôi như vậy.

**9. Vấn:** Đức Phật thuyết uẩn theo cách thức gì?

**Đáp:** Ngài thuyết theo 6 cách thức, tức:

1. Cách thức thuyết giảng (**desanakkamanaya**): Thuyết theo tuần tự như sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

2. Cách thức thực hành (**patipattikkamanaya**): Thuyết 5 uẩn gom vào 7 thanh tịnh.

3. Cách thức đoạn trừ (**pahānakkamanaya**): Thuyết bằng cách đoạn trừ, các pháp thực tánh cần phải đoạn trừ bằng sơ đạo (**dassanenapahātabbādhammā**), các pháp thực tánh cần phải đoạn trừ bằng 3 thánh đạo cao (**bhāvanāyapahātabbādhammā**), các pháp thực tánh không cần phải đoạn trừ bằng sơ đạo và 3 thánh đạo cao (**nevadassanenabhāvanāyapahātabbādhammā**), tức phải đoạn trừ thân kiến, hoài nghi trước mà không đoạn trừ phiền não khác trước được.

4. Cách thức cõi (**bhūmikkamanaya**): Thuyết theo tuần tự cõi.

5. Cách thức diễn hoạt (**pavattikkamanaya**): Thuyết theo tuần tự của sự sanh như sắc nhỏ như giọt dầu mè trong suốt (**kalala**), sắc có hình dáng bọt nước sền sệt màu như nước rửa thịt (**abbuda**), sắc có hình dáng giống như cục thịt bày nhầy màu đỏ (**pesi**), sắc có hình dáng giống như khối tròn, giống như trứng gà (**ghana**), sắc phân ra thành 5 nhánh (**pañcasākhā**).

6. Cách thức về trí tuệ (**ñāṇakkamanaya**): Thuyết làm cho biết theo tuần tự về trí tuệ của mình quán.

**10. Vấn:** Pháp gì là thực tánh của 5 uẩn?

**Đáp:**

**Sắc (rūpa):** Có thực tánh tiêu hoại.

**Thọ (vedanā):** Có thực tánh cảm giác.

**Tưởng (saññā):** Có thực tánh nhớ lại.

**Hành (saṅkhāra):** Có thực tánh tạo tác.

**Thức (viññāṇa):** Có thực tánh biết cảnh.

**11. Vấn:** Vì sao trong 5 uẩn này thì sắc, thọ, tưởng, hành là phụ thuộc của thức?

**Đáp:**

Bởi vì sắc tiêu hoại đi, thì ai biết thức biết, thọ cảm giác thì thức biết, tưởng ghi nhớ lại thì thức biết; hành tạo tác, thức cũng biết.

Uẩn thuộc chơn đế có 5, uẩn thuộc chế định không có.

Uẩn bên trong thuộc đối tượng hữu thức có 5.

Uẩn bên ngoài thuộc đối tượng vô thức có 1.

**45. Vấn:** Vì sao Đức Phật thuyết phân ra tâm sở thọ và tâm sở tưởng thành mỗi một uẩn riêng rẽ, còn 50 tâm sở Ngài xếp thành một nhóm hành uẩn?

**Đáp:**

Sự việc Đức Phật thuyết phân ra tâm sở thọ và tâm sở tưởng ra thành mỗi một uẩn riêng rẽ, còn 50 tâm sở còn lại Ngài xếp hành uẩn thành một uẩn, bởi vì tâm sở thọ và tâm sở tưởng có sự quan trọng nhiều hơn, tức tâm sở thọ có sự

quan trọng trong việc cảm giác cảnh theo riêng biệt, tâm sở tưởng cũng có sự nhớ lại cảnh theo riêng biệt, còn 50 tâm sở còn lại không có sự quan trọng bằng, vì vậy Ngài mới sắp xếp hành uẩn thành một uẩn.

Điều ví dụ này giống như vị lương y đi vào rừng tìm thuốc nơi rễ, cây, lá, hoa. Khi được đầy đủ rồi thì sắp xếp phân ra rễ, cây cứng bỏ vào cối giã riêng rẽ; còn lá, hoa và rễ nơi khác nữa thì giã lẫn lộn chung với nhau trong cối giã. Điều này như thế nào, thì tâm sở thọ và tâm sở tưởng giống như rễ thuốc cứng, còn 50 tâm sở ngoài ra giống như rễ thuốc mềm.

Sự việc Ngài phân ra như vậy cũng để được lợi ích cho hành giả tu tiến mình quán bởi vì cả hai thọ và tưởng này khó quán xét cho thấy được nguy hại, 50 tâm sở còn lại thì quán xét nguy hại được dễ dàng hơn.

Vì vậy nếu lấy thọ, tưởng đem đi quán xét chung với 50 tâm sở này thì tuệ quán bậc cao như Kinh Hải Tuệ (**bhayaññāṇa**), Quá Hoạn Tuệ (**ādīnavaññāṇa**), Yếm Ó Tuệ (**nibbidāññāṇa**), Dục Thoát Tuệ (**muñcītukamyatāññāṇa**) các tuệ này cũng không thể sanh lên với hành giả được, bởi vì tưởng có sự nhớ lại cảnh đó, thọ cũng vẫn thích thú trong việc cảm giác cảnh, và việc cảm giác cảnh của thọ cũng chỉ cảm giác theo tưởng luôn luôn, tưởng nhớ lại rằng tốt thì khởi hiện hỷ thọ, nhớ lại không tốt thì sanh lên ưu thọ, nhớ lại không tốt không xấu trung dung thì khởi lên xả thọ, bởi

vì tất cả chúng sanh bất luận loại nào đều là có sự mong mỏi ước muốn sự an thân lạc tâm.

Vì vậy khi sự thấy, sự nghe rồi thì nhớ lại bằng tưởng minh quán rằng thường, lạc, ngã, mỹ và tinh cần tìm kiếm phương pháp để nhận được sự an thân lạc tâm bằng cách tạo bất luận là thiện hạnh hoặc ác hạnh, trong lúc đang tinh cần tạo thì phải gặp sự đau khổ thân tâm cũng có, nhưng nhóm chúng sanh này cũng không thấy tai hại từ trường hợp nào cả. Chính tâm sở thọ và tâm sở tưởng này là nhân làm cho tất cả chúng sanh phải luân chuyển trong vòng luân hồi thời gian lâu dài không thể xác định sanh hữu. Tất cả bậc hiền trí nói rằng lạc thọ này là pháp đáng ghê sợ vô cùng. Do đó, Đức Phật thuyết phân thành mỗi uẩn riêng rẽ.

Khi hành giả quán xét thọ và tưởng theo riêng biệt thì tuệ quán phân đầu cũng sẽ sanh lên với hành giả trở thành Kinh Hải Tuệ, Quá Hoạn Tuệ, Yếm Ó Tuệ, Dục Thoát Tuệ theo tuần tự tiếp đến Đạo tuệ, Quả tuệ cũng sẽ hiện khởi, còn 50 tâm sở còn lại cũng xem như hành giả cũng đồng thời thấy được tai hại. Vì vậy, Đức Phật thuyết phân thành mỗi một uẩn riêng rẽ, tâm sở thọ, ví dụ giống như tên trùm tướng cướp chực chờ hưởng thụ an lạc mà đàn em tìm kiếm mang về cho. Tâm sở tưởng giống như tên phó đảng cướp chực chờ ghi lại tình hình rằng nơi nào có tài sản sung túc, hay khi đã ghi lại hoàn thành xong xuôi thì ra lệnh sắp xếp cho đàn em cướp lấy đem về. Giống như 1 trong 50 tâm sở chuẩn bị tạo tác bên trong, hành giả giống như cảnh sát nếu

đi bắt lấy đàn em của bọn cướp đem về thì tên trùm tướng cướp và tên phó đảng cướp cũng vẫn sắp đặt tiếp tục được, cho nên trước khi dẹp bọn cướp cho yên ổn hết mầm mống thì phải bắt tên trùm tướng cướp và tên phó đảng cướp trước, khi bắt tên trùm và tên phó đảng được rồi thì đàn em cũng bị bắt, điều này như thế nào, thì hành giả cũng phải quán xét cho thấy tai hại của thọ và tướng trước như thế đó.

**46. Vấn:** Từ “**anāgāmi**” dịch là gì?

Bậc Bất lai sanh lên được trong cõi nào ?

Nhóm phạm Thiên chưa đắc chứng Bất lai gọi là bậc Bất lai được hay không?

**Đáp:**

**Āgaccha** dịch là không tục sinh sanh trở lại trong cõi dục nữa.

A tức **Na** là từ phản bác không.

**Nā** là **āgaccha** tức đến, khi gom từ lại tức **Na āgaccha** : Không đến.

Nhưng trong thời bình nhật bậc Bất lai đi đến cõi dục được như **Sanamgabhrahma** (Thường Đồng Phạm Thiên) là bậc Bất lai, bậc Bất lai sanh được trong 15 cõi sắc giới (trừ cõi vô tướng) và cõi vô sắc giới, tổng cộng 19 cõi. Trong cõi Quảng Quả (**vehapphalā**) chỉ sanh lên được bậc Bất lai đắc ngũ thiền mà thôi.

Ví dụ giống như nhà hát kịch có nơi ngồi danh dự, có giá cao phải giới hạn người như người bậc này mới ngồi được như thế nào, thì bậc Bất lai không chứng đắc ngũ thiền thì không sanh vào cõi này được.

Đối với cõi Tịnh cư (**suddhāvāsabhūmi**) tùy theo 5 quyền, bậc Bất lai đắc ngũ thiền cũng sanh vào cõi ngũ thiền, cõi nhị thiền, cõi tam thiền theo tuần tự.

Bậc Nhập lưu, bậc Nhất lai sanh vào trong cõi phạm Thiên gọi là bậc Bất lai được chăng? Gọi được.

Bởi vì Ngài không sanh trở lại trong cõi dục nữa, gọi là bậc thiên chứng Bất lai do mãnh lực của thiên, nhưng bậc Bất lai không sanh trở lại trong cõi dục nữa do mãnh lực của quả.

Sự việc đề cập bậc Nhập lưu, bậc Nhất lai không sanh trở lại trong cõi dục nữa, bởi vì trong phạm Thiên giới có phạm tam nhân gom chung vào, phạm tam nhân này vẫn phải sanh trở lại trong cõi dục nữa. Đây là điều so sánh của phạm Thiên phạm và phạm Thiên thánh nhân không sanh trở vào trong cõi dục nữa.

**47. Vấn:** Hãy phân 10 kiết sử theo Hạ phần kiết sử (**orambhāgiyaṣaṃyojana**) và Thượng phần kiết sử (**udhambhāgiyaṣaṃyojana**). Trình bày chi pháp và giải thích, và pháp đoạn trừ nhóm kiết sử này được sát tuyệt là pháp nào?

**Đáp:**

Giải thích: Trong hạ phần kiết sử và thượng phần kiết sử thì hạ phần kiết sử, tức phạm thiên khi hoại thiên hoặc hưởng quả của thiên hết rồi, vào sát na khi phạm Thiên mệnh chung thì phạm Thiên đó phải sanh trở lại trong cõi dục bởi dục ái và sân mà phạm Thiên đoạn trừ chỉ là áp chế (**vikkhambhana**).

Tất cả chư thiên và nhân loại cũng vẫn chưa đoạn trừ thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ được, khi chưa đoạn trừ được thì nhóm kiết sử này sẽ dẫn đi đến khổ cảnh, như vậy mới gọi là hạ phần kiết sử. Còn thượng phần kiết sử thì bậc Nhập lưu đoạn trừ thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ được không bị rơi vào khổ cảnh nhưng chưa đoạn trừ được dục ái, sân thì vẫn còn phải sanh vào trong cõi dục nữa, còn bậc Bất lai đoạn trừ được dục ái, sân nhưng vẫn chưa đoạn trừ được sắc ái, vô sắc ái, cho nên nhóm phiền não này mới trôi buộc trong cõi cao tiếp tục, còn bậc A la hán đoạn trừ được cả thượng phần và hạ phần.

**Chú thích:** Câu hỏi này được giải đáp riêng biệt từ lời giải thích bởi vì thấy rằng là điều nên biết, còn việc phân tích chi pháp và pháp đoạn trừ nhóm này không cần thiết phải đem ra trình bày trong nơi này nữa bởi vì trình bày rõ ràng trong chương trình giáo khoa rồi.

**48. Đạo duyên (**maggapaccaya**) trong câu thiện**

**1. Pañca viññāṇesu jhānaṅgani (vitakka pacchimakaṃ hi jhānaṃ nāma).**

**2. Aketukesu maggaṅgāni na labbhanti (hetumacchimako maggo nāma).**

**3. Tathā avīriyesu ekaggatā indriyabalabhāvaṃ na gacchati (vīriyapacchimakaṃ balaṃ).**

**4. Vicikicchācitte pana maggabhāvaṃ pi na gacchati.**

1. Tâm sở xả thọ, tâm sở nhất hành hợp trong 10 tâm ngũ song thức là chi pháp không có được, bởi vì không có tâm là chi thiền.

2. Trong 18 tâm vô nhân có 3 chi đạo tức tâm hợp trong 8 tâm vô nhân, cần hợp trong 2 tâm vô nhân, nhất hành hợp trong 8 tâm vô nhân không là chi đạo được bởi vì các tâm này không có nhân đồng sanh.

Ví dụ giống như xe báu đang có nhưng nhân so sánh giống như đường phố hoặc con đường không có. Trong nhóm tâm này xe báu cũng không thể đi được. Hoặc một ví dụ khác nữa, nhân này giống như rễ cái của cây cổ thụ như cây xoài và cây me giữ thân cây cho rắn chắc và vững vàng, tâm đồng sanh với nhân chính là như vậy, việc trợ giúp cho tâm biết cảnh mới được vững chắc, cho nên tâm vô nhân giống như cây ngắn ngày không có rễ giữ cho vững chắc được, dù cho chi đạo đang có với tâm thật nhưng các tâm này không đồng sanh với nhân và không thể biết cảnh cho vững chắc được, vì vậy mới là không có chi đạo.

3. 16 tâm vô cần tức là 10 tâm ngũ song thức, 3 ý giới, 3 tâm quan sát, tổng cộng 16 tâm mới có tâm và nhất hành là

chi đạo, nhưng các tâm này không đồng sanh với tâm sở cần nên các tâm này không thể làm công việc gì được cả, ngoài ra sợ hãi và thối chuyển. Vì vậy, mới không là chi đạo được, không là lực được, không là quyền được.

4. Tâm sở nhất hành đồng sanh với tâm hoại nghi cũng không là chi đạo được, bởi vì hoại nghi là tin cũng không phải, không tin cũng không phải, nghĩa là vẫn còn hời hợt nên không là chi đạo được, không là quyền được, không là lực được, nhưng là chi thiên được, bởi vì chú vào cảnh, nhìn chăm chăm vào cảnh như trong sát na xem kịch được xếp vào là thiên, bởi vì “thiên” nghĩa là chú vào, nhìn chăm chăm.

Kiến, tầm, cần, nhất hành trong 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở, và tâm sở nhất hành hợp trong 11 tâm bất thiện (trừ tâm hoại nghi), 27 tâm sở là chi đạo được, một số Ngài giáo thọ sư đề cập như vậy.

Cả hai tâm quả thiện vô nhân và tâm quả hữu nhân không làm cho bất cứ quả nào sanh lên. Ví như bóng trong kiếng, bóng của người cầm súng trong kiếng cũng có, người cầm súng cũng có, nhưng người và súng ở trong kiếng làm gì được? Cũng vậy nhóm tâm quả này không cho bất cứ quả nào, cả hữu nhân và vô nhân, quả hữu nhân đồng sanh từ tâm thiện bậc thượng, quả vô nhân đồng sanh từ tâm thiện bậc hạ.

**49. Vấn:** Hãy giải thích từ **Nanā visum visum ekato saha kadāci aniyatayogī niyatayogī** và phân tích tâm sở có tên như đã đề cập trên mỗi loại có bao nhiêu tâm, là gì?

**Đáp: Nānā:** khác nhau

**Visum visum:** riêng biệt. Khi gom cả hai từ này lại tức đồng sanh khác nhau theo riêng biệt tức 3 tâm sở, tức tạt, lặn, hối một nhóm; ngăn trừ phần hiệp thể một nhóm; hai vô lượng phần một nhóm, tổng cộng là 8 tâm.

**Nānā** tức 8 tâm sở này.

**Visum visum** cũng tức 8 tâm sở này giống nhau.

**Ekato:** đồng sanh với nhau trong một sát na.

**Saha** cùng chung với nhau, hai từ này có ý nghĩa giống nhau. Tức tâm sở tợ tha biến hành một nhóm, tâm sở si phần một nhóm, tâm sở hôn phần một nhóm, 19 tâm sở tịnh hảo biến hành một nhóm, ngăn trừ phần siêu thể một nhóm.

**Kadāci:** đôi khi đồng sanh tức 9 tâm sở là ngã mạn, tạt, lặn, hối, ngăn trừ phần hiệp thể, hai vô lượng phần.

**Aniyatayagī:** đồng sanh bất định.

**Yogī:** đồng sanh.

**a:** không.

**Niyata** bất định, tức 11 tâm sở là ngã mạn, tạt, lặn, hối, hôn trầm, thụy miên, 3 ngăn trừ phần hiệp thể, 2 vô lượng phần.

**Niyatayogī:** đồng sanh nhất định, tức 41 tâm sở hoặc 44 tâm sở là thêm ngăn trừ phần siêu thế vào mới thành 44 tâm sở.

**50. Vấn:**

Tâm sân khởi hiện do có sự thúc đẩy, nhưng tâm đó có 17 tâm sở được hay không? Nếu được xin giải thích, nêu ví dụ cho biết được?

**Đáp:**

Tâm sân khởi hiện do có thúc đẩy nhưng tâm này có 17 tâm sở đồng sanh được. Bởi vì sân trong sát na đó đang có nhiều sức mạnh, khi sân đang có nhiều sức mạnh thì hôn trầm, thụy miên không đồng sanh được; mặc dù sân này hiện khởi từ sự thúc đẩy đi nữa và trong sát na đó tật, lặn, hối cũng không đồng sanh như sân giữa mẹ với con trai, học trò với thầy, quyến thuộc với quyến thuộc, vợ với chồng... tức loại tâm sân này cho dù khởi hiện do sự thúc đẩy thật, nhưng trong sát na hiện khởi có sự nỗ lực cho nên hôn trầm, thụy miên mới không đồng sanh và sân này cũng không liên quan với tật, lặn, hối vì vậy tật, lặn, hối không đồng sanh.

**51. Vấn:** Thực tướng (**sabhāvalakkhaṇa**) của si như thế nào? Hãy trình bày sự khác nhau giữa si thô thiển (**pariyutṭhānamoha**) và si tiềm miên (**anusayamoha**).

**Đáp:**

Thực tướng của si có trạng thái mê muội trong cả hai đường lối tức si hoài nghi và si phóng dật.

Si tức sự mê muội này có nghĩa là che đậy và bung bít không cho biết cảnh theo sự thật mà trở lại biết cảnh không theo sự thật.

Ví như con ngựa bị cho mang kính mắt màu xanh cho đến lúc người chủ mang thức ăn cỏ khô đến, người chủ phải dùng kính màu xanh trước mặt để đánh lừa hoặc che mắt con ngựa đó để thấy cỏ khô trở thành cỏ xanh tươi. Về phần con ngựa khi mang kính xanh vào như vậy thì lầm tưởng hiểu sai rằng cỏ khô mà họ đem đến là cỏ xanh tươi, do ảnh hưởng của kiếng xanh che mắt bao kín, không cho thấy theo sự thật nên hiểu lầm mình thấy được như vậy.

Si chực chờ, che đậy, nắm giữ cảnh không thật và làm cho lầm lạc hiểu sai rằng là thật.

Sự khác nhau của si tiềm miên và si thô thiển như trong sát na đang tu tiến chỉ tịnh bằng cách chú niệm rằng “đất, đất” hoặc đang tu tiến minh quán trong sát na có niệm ghi nhận biết rằng “thấy à, nghe à” thì si tiềm miên cũng dính theo dòng tâm. Đây là si tiềm miên vì chưa hiện bày lên, sự việc si chỉ là tiềm miên dính theo trong tâm, bởi vì trong sát na đó đang có tín, niệm, tuệ già mạnh nên làm cho si lặng yên trở thành tiềm miên.

Nếu thiếu tín, niệm, tuệ trong sát na nào thì sát na đó hoại nghi và phóng dật hiện khởi liền tức thì, đây gọi là si thô thiển.

Si tiềm miên không phải là chân đế, khi là thô thiển khởi hiện mới xếp vào trong thực tánh chân đế.

**52. Vấn:** Pháp tánh của tâm có sự khác nhau tốt và không tốt có hay không? Và pháp gì làm cho tâm có sự khác nhau tốt và không tốt?

**Đáp:** Pháp tánh của tâm không có sự khác nhau trong sự tốt và không tốt bởi vì: Tất cả tâm có phạm sự thuần nhất biết cảnh, sự việc tâm khác nhau do thiện và bất thiện bởi vì có pháp tâm sở vào đồng sanh theo phương cách tương ưng, như tâm nào đồng sanh với tâm sở tịnh hảo như tín...thì tâm đó là thiện hoặc vô ký, nếu tâm nào đồng sanh với 14 tâm sở bất thiện như si...thì là tâm bất thiện.

Ví dụ như hãng xưởng của một nơi, hãng xưởng hoặc công ty này bắt buộc phải có người quản lý để làm công việc được diễn tiến tốt đẹp như thế nào thì tâm sở vào đồng sanh với tâm cũng có sự quản lý cho tâm diễn tiến được khác nhau như thế đó, tâm sở này không tự mình đơn độc khởi hiện được, phải nương vào tâm sanh lên và biết cảnh theo tâm. Giống như người quản lý của một công ty, người quản lý có phạm sự quản lý được cũng bắt buộc phải có giám đốc công ty là người lãnh đạo, ngoại trừ giám đốc công ty không có.

**53. Vấn:** Hai tâm khai ngũ môn và khai ý môn này, tâm nào quan trọng nhiều hơn, vì sao?

**Đáp:** Hai tâm khai ngũ môn và khai ý môn này thì tâm khai ý môn quan trọng hơn nhiều, sự quan trọng của tâm khai ý môn như sau:

Nói về cõi: Sinh lên cả cõi tứ uẩn và cõi ngũ uẩn (trừ cõi vô tướng).

Nói về người: Sinh lên được đối với tất cả mọi người tức người khổ cảnh, nhân loại, chư thiên, phạm thiên sắc giới, phạm thiên vô sắc giới (trừ người đạo, người vô tướng).

Nói về nơi nương: Nương vào sắc ý vật sanh lên, không nương vào sắc ý vật sanh lên cũng được.

Nói về cảnh: Được cả 6 cảnh, quá khứ, vị lai, hiện tại và ngoại thời.

Nói về lộ tâm: Sinh lên được cả lộ ngũ môn và lộ ý môn và làm cho thành tựu trong mọi việc làm cả thiện, bất thiện.

Về phân thiện như đánh lễ chư Tăng, tụng kinh, tu tiến chỉ tịnh cho đến việc học tập, về suy nghĩ, về phận sự của tất cả công việc, nếu khởi hiện trong cơ tánh của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác thì biết được tất cả cảnh giống như Toàn Giác Trí. Vì vậy tâm khai ý môn có tên gọi là “tâm đại tượng” (**mahāgojaccitta**) trong sát na đang thấy, đang nghe, đang ngửi mùi, đang nếm vị, đang xúc chạm thì phải nương vào tâm khai ý môn, nếu thiếu tâm khai ý môn thì không biết được rằng đây là sắc gì và tiếng gì, đạo quả thần thông, cũng không khởi hiện được.

Đối với tâm khai ngũ môn có phận sự xét 5 cảnh mà thôi không thể biết đến nội dung khác nhau trong sự thấy, trong sự nghe. Nếu có người nào chỉ có duy nhất tâm khai

ngũ môn ngoài ra tâm khai ý môn thì người đó giống như hình nộm, chỉ có chớp mắt được và chuyển động đi lờ đờ, lẫn thiện và bất thiện sanh lên từ tâm khai ngũ môn cũng là thiện và bất thiện thông thường, việc biết cảnh cũng chỉ biết được ngũ cảnh hiện tại.

Nói về cõi: Sanh lên được chỉ trong cõi ngũ uẩn (trừ cõi tứ uẩn và cõi vô tướng).

Nói về người cũng sanh được chỉ người dục giới, người sắc giới (trừ người vô sắc giới, người vô tướng), không tu tiến phước thiện đặc biệt như tu tiến chỉ tịnh, tu tiến minh quán được.

Nói về nơi nương: Cũng phải nương vào cõi sắc vật sanh lên.

Nói về cảnh: Biết được riêng biệt chỉ ngũ cảnh hiện tại.

Nói về lộ tâm: Cũng chỉ được lộ ngũ môn.

**54. Vấn:** Việc mỉm cười có bao nhiêu loại và việc mỉm cười bằng tâm Ứng Cúng Vi Tiểu có bao nhiêu loại?

**Đáp:**

Mỉm cười có 6 loại **Sita, hasita, vihasita, upahasita, apahasita, atihasita** và việc mỉm cười bằng 2 tâm Ứng Cúng Vi Tiểu có 2 loại là sita, hasita.

**Chú thích:**

**Sita:** Sự thích thú bằng mắt.

**Hasita:** Là mỉm cười thấy chân răng.

**Vihasita:** Cười khế.

**Upahasita:** Cười lúc lắc cái đầu.

**Apahasita:** Cười chảy nước mắt.

**Atihasita:** Cười cho đêm rung chuyển toàn thân.

**55. Vấn:** Tâm Ứng Cúng Vi Tiểu (**hasituppādacitta**) là tâm hiện khởi với loại người nào? Và khi đã hiện khởi có trạng thái như thế nào?

**Đáp:**

Tâm Ứng Cúng Vi Tiểu chỉ hiện khởi được riêng biệt với người là bậc A la hán và khi tâm ứng cúng vi tiểu hiện khởi có trạng thái mỉm cười.

**56. Vấn:** Sự không hiểu biết về kiến thức mà ta chưa từng được học và sự không nhận biết về vấn đề mà ta chưa từng được nghe... sẽ là *si* được hay không?

**Đáp:**

Trạng thái của *si* tức không biết dính mắc trong cảnh sự việc không biết, không được gọi là dính mắc trong cảnh như không hiểu biết về kiến thức khác nhau mà ta chưa từng học tập hoặc được nghe đến, việc không biết như vậy không là dính mắc trong cảnh cho nên không là *si*.

**57. Vấn:** Tâm không thể làm cho sắc tâm khởi hiện được có bao nhiêu tâm? Vì sao?

**Đáp:**

Tâm không thể làm cho sắc tâm khởi hiện được có 38 tâm, tức 10 tâm ngũ song thức, 4 tâm quả vô sắc và tâm tử của bậc A la hán là 9 tâm tam nhân cõi ngũ uẩn, tức 4 tâm đại quả tương ưng trí và 5 tâm quả sắc giới với 15 tâm tục sanh của tất cả chúng sanh sanh vào trong cõi ngũ uẩn.

38 tâm này không làm cho sắc tâm hiện khởi nhưng 15 tâm tục sinh của tất cả chúng sanh bất định không thể làm cho sắc tâm hiện khởi được chỉ riêng biệt trong sát na tục sanh mà thôi. Nhưng vừa đến tâm hữu phần là thời bình nhật thì sắc tâm cũng sanh lên được.

Đối với tâm quan sát thọ xả và tâm đại quả lúc làm phận sự quan sát và na cảnh thì sắc tâm cũng khởi hiện được cho nên bất định, còn 14 tâm nữa thì nhất định.

Vì sao 15 tâm tục sinh không làm cho sắc tâm hiện khởi bởi vì trong sát na đó tâm tục sinh vẫn còn mới sanh lên, tâm vẫn còn yếu nhiều, không đủ sức mạnh làm cho sắc tâm hiện khởi, nương từ vẫn đang còn mới sanh lên.

Ví như người đi đường đến vùng đất mới khác nữa, chính mình là người khác lạ trước chưa biết thân thích với người nào cả. Vì vậy đang trong sát na đó cũng còn yếu nên không thể làm cho sắc tâm khởi hiện được và trong sát na đó cũng có sắc nghiệp tục sinh đang đồng sanh.

Vì sao 10 tâm ngũ song thức không làm cho sắc tâm khởi hiện bởi vì 10 tâm này yếu sức mạnh và do mãnh lực vô gián duyên mà mình nhận được cũng nương từ tâm là

nơi khác biệt nhau với mình, ngang bằng sự trợ giúp từ một người ở vùng đất khác.

Vì vậy sự trợ giúp mới không liên tục có sức mạnh, tự mình cũng yếu sức mạnh, người làm phận sự trợ giúp cho mình cũng ở vùng đất khác nên không đủ sức mạnh làm cho sắc sanh lên.

Bốn tâm quả vô sắc không làm cho sắc hiện khởi được bởi vì 4 tâm quả vô sắc này là quả thiện vô sắc. Nhóm thiện vô sắc cũng sanh từ việc tu tiên ly sắc ái (**rūpavirāgabhāvanā**) là thiện không ưa thích sắc, vì vậy không làm cho sắc hiện khởi.

Tâm tử của bậc A la hán vì sao không làm cho sắc tâm khởi hiện? Bởi vì tâm tử của bậc A la hán yếu sức mạnh. Sự việc tâm tử của bậc A la hán yếu sức mạnh, bởi vì Ngài đoạn trừ gốc rễ luân hồi, dứt tuyệt tức tham và si không còn, khi cả 2 tham và si không còn thì tâm tử cũng yếu sức mạnh. Bởi vì tâm tử có sức mạnh làm cho sắc hiện khởi được trong sát na tử, cũng do mãnh lực của chính tham và si, vì vậy tâm tử của phàm nhân vẫn còn sắc hiện khởi.

**58. Vấn:** Việc cười của phàm nhân và việc cười của 4 Bậc Thánh khác biệt nhau như thế nào? Hãy giải thích phàm nhân cười bằng tâm gì? Mỗi bậc Thánh cười bằng tâm gì? Và riêng biệt việc cười của bậc A la hán có gì đặc biệt chăng?

**Đáp :** Sự khác biệt nhau về cử chỉ và tâm bởi vì phàm

nhân cười bằng 4 tâm tham thọ hỷ, 4 tâm đại thiện thọ hỷ, cử chỉ biểu hiện ra có 6 loại là:

1. Sự thích thú bằng mắt (**Sita**).
2. Mím cười thấy chân răng (**Hasita**).
3. Cười khẽ (**Vihāsita**).
4. Cười lúc lắc cái đầu (**Upahasita**).
5. Cười chảy nước mắt (**Apahasita**).
6. Cười đến rung chuyển toàn thân (**Atihasita**).

Đối với bậc Nhập lưu, bậc Nhất lai, bậc Bất lai cười bằng 6 tâm, tức 2 tâm bất tương ưng kiến thọ hỷ, 4 tâm đại thiện thọ hỷ và cử chỉ mím cười hiện bày ra có 4 loại là đôi thứ nhất và đôi thứ hai.

Bậc A la hán cười bằng 5 tâm, tức 4 tâm đại tố thọ hỷ, 1 tâm ứng cúng thọ hỷ, cử chỉ của bậc A la hán biểu hiện ra có 4 loại là đôi thứ nhất và đôi thứ hai.

Việc cười của bậc A la hán nếu cảnh xuất hiện rõ thì cười bằng 2 tâm đại tố tương ưng trí thọ hỷ, nếu cảnh đến không xuất hiện rõ thì cười bằng 2 tâm đại tố bất tương ưng trí thọ hỷ và tâm ứng cúng vi tiếu.

Tâm cười của bậc A la hán tức 2 tâm đại tố tương ưng trí thọ hỷ, cảnh xuất hiện rõ ràng gọi là cảnh có sức mạnh (**balavaārammaṇa**) tức thấy người chen chúc với nhau, nhìn xem mỗi sự vui chơi ca hát, nhảy múa trong địa điểm

khác nhau rồi Ngài suy nghĩ đến rằng loại tham này Ngài không còn và tham như vậy nương vào si che đậy, mới làm cho tham hiện khởi, như vậy bằng tâm đại tổ tương ưng trí, bởi vì cảnh yếu sức mạnh. Như nhìn thấy ngạ quỷ thì việc nhìn thấy như vậy là thấy bằng thần thông.

Có người hỏi rằng vì sao phải có tâm Ứng Cúng Vi Tiểu nữa? Ngài đáp rằng bởi vì thấy cảnh không thích tức **Anusāre suvatthūsu**.

**59. Vấn:** Bốn pháp chân đế nếu tính theo thực tánh thật có số lượng bao nhiêu? Hãy giải thích nguyên nhân?

**Đáp:**

Bốn pháp chân đế nếu tính theo thực tánh thật có số lượng 72, tức tất cả tâm tính chung trạng thái là một, tức trạng thái biết cảnh (**ārammaṇavijānanalakkhaṇa**), 52 tâm sở có trạng thái riêng biệt của mình, 52 tâm sở gom chung với nhau không được.

Điều này ví dụ tâm giống như người chỉ trồng quýt, mặc dù có số lượng vô số hàng trăm cũng chỉ là quýt. Nếu có người hỏi rằng ông trồng cây gì? Người dân vườn phải trả lời rằng trồng tất cả chỉ là quýt. Tất cả có 121 cây, còn tâm sở giống như người dân vườn trồng cây đủ loại như măng cụt, sầu riêng, nhãn... các cây này có tính chất khác nhau, không gom lại thành một loại được như thế nào thì tâm sở không gom lại thành một loại được như thế đó.

Xúc có tính chất chạm vào, thọ cũng có sự hưởng thụ, tưởng cũng có sự nhớ lại, tư cũng có sự tạo tác trở thành thiện, bất thiện.

Sắc chỉ riêng biệt 18 sắc thành tựu (**nipphannarūpa**). Sự việc không lấy sắc phi thành tựu, bởi vì 10 sắc phi thành tựu này tương tự như sắc chế định, không có thực tánh riêng biệt của mình và sắc chân đế thật. Khi hành giả tu tiến minh quán cũng phải sử dụng nhóm sắc này chú vào để thấy được vô thường, khổ, vô ngã mà không chú vào 10 sắc phi thành tựu (**anipphannarūpa**) được.

Niết bàn thì có tính chất tịch tịnh.

**60. Vấn:** Sắc không thể hiện bày lên được trong sát na tục sanh có số lượng bao nhiêu? Hãy trình bày nguyên nhân?

**Đáp:**

Sắc không thể hiện bày lên được trong thời tục sinh có 8 sắc tức sắc tinh, 2 sắc biểu tri, 3 sắc kỳ dị, sắc dị, sắc diệt, sắc còn lại ngoài ra đó luôn hiện bày lên được. Theo thích hợp với người và cõi, 3 sắc kỳ dị tức sự thuận lợi thoải mái của sắc và thoải mái của tâm.

Trong sự việc 8 sắc này không sanh lên được trong thời tục sinh bởi vì chủ yếu lấy sát na sanh của tâm tục sinh mà thôi, xem như hóa sanh (**opapātika**) hoặc thai sanh (**gabbasoeyyaka**) đi nữa thì 8 sắc này không hiện khởi trong thời tục sinh được.

**61. Vấn:** Tâm sở tầm đồng sanh với tâm siêu thế theo tóm tắt có bao nhiêu và tâm sở hỷ đồng sanh với tâm siêu thế theo tóm tắt có được hay không, hãy giải thích?

**Đáp:**

Tâm sở tầm đồng sanh với tâm theo tóm tắt được tất cả. Bởi vì tâm siêu thế theo tóm tắt không phải là tâm thiên, không có sự tai hại của tâm. Vì vậy khi 8 tâm siêu thế hiện khởi thì tầm vào đồng sanh được theo thông thường lẫn tầm là chi đạo.

Còn tâm siêu thế theo chi tiết thì tâm sở tầm không thể vào đồng sanh tất cả, bởi vì thiên thuộc siêu thế có 5 chi thiên làm cảnh bằng việc sử dụng phương pháp chú niệm 5 chi thiên này theo vô thường, khổ, vô ngã.

Khi tâm siêu thế hiện khởi thì tâm siêu thế này đồng sanh với 5 chi thiên và hành giả thấy sự tai hại trong tầm. Vì vậy tầm mới không đồng sanh với tâm nhị thiên theo sự không hài lòng của thiên giả sơ thiên.

Tâm sở hỷ đồng sanh được với tâm siêu thế theo tóm tắt cũng có, không được cũng có nhưng là cận định (**upacārasamādhī**).

Nếu cận định là thọ hỷ thì đồng sanh. Nếu là thọ xả thì hỷ không đồng sanh được.

Sự việc cận định là hỷ thọ hoặc xả thọ bởi vì nương từ 5 quyền. Nếu 5 quyền như tín quyền, tuệ quyền già mạnh thì

cận định là thọ hỷ, nếu định quyền già mạnh thì cận định là thọ xả.

Tín quyền, tuệ quyền già mạnh làm cho tương ưng thọ hỷ khởi hiện.

Định quyền già mạnh làm cho tương ưng thọ xả khởi niệm.

## **62. Vấn:**

Trong tất cả 10 loại phiền não thì 6 loại tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hoài nghi này là tiềm miên được nhưng 4 loại hôn trầm, phóng dật, vô tâm, vô úy này không là tiềm miên được, vì sao? Hãy giải thích?

## **Đáp:**

Tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hoài nghi cả 6 loại này là phiền não tiềm miên được, bởi vì: 6 loại phiền não này có nhiều sức mạnh mãnh liệt dẫn đầu trong tâm bất thiện đồng sanh với mình có thể làm cho các ác hạnh được thành tựu.

Vì vậy cho dù 6 loại phiền não đã diệt đi rồi nhưng mãnh lực của nhóm phiền não này luôn dính theo cơ tánh của chúng sanh suốt. Do đó Đức Chánh Đẳng Giác mới thuyết rằng là tiềm miên (**anusayā**). Còn 4 loại phiền não còn lại tức hôn trầm, phóng dật, vô tâm, vô úy không là tiềm miên.

Bởi vì 4 loại phiền não này không dẫn đầu trong tâm bất thiện đồng sanh với mình được, là phiền não yếu sức mạnh, không phải là pháp làm cho các ác hạnh được thành tựu chỉ là pháp hỗ trợ giúp đỡ mà thôi.

Và khi 4 loại phiền não này đã diệt thì mãnh lực cũng không dính theo riêng biệt trong cơ tánh, vì vậy Đức Chánh Đẳng Giác không tuyên thuyết chúng là tiềm miên.

**63.** Trong bốn sắc tâm, bốn sắc nhiệt lượng, bốn sắc vật thực là bốn bát tuần (**suddhaṭṭhakakalāpa**) được theo riêng biệt. Bởi vì các bốn sắc này không phải là bốn sắc sanh lên từ nghiệp, còn 8 sắc bất ly (**avinibhogarūpa**) sanh lên từ nghiệp không là bốn bát tuần được theo riêng biệt, bởi vì các bốn sắc này sanh lên từ nghiệp, do pháp nào sanh lên từ nghiệp thì pháp đó phải có mạng quyền. Khi là pháp có mạng quyền thì phải có mạng quyền gìn giữ. Vì vậy, sắc bất ly sanh lên từ nghiệp không có theo riêng biệt được. Nếu có theo riêng biệt thì không gọi là sắc nghiệp, sắc sanh lên từ nghiệp. Thông thường bốn sắc sanh lên từ nghiệp sẽ không có theo riêng biệt được, loại ít nhất cũng phải có 9 sắc.

**64. Vấn:** Hãy trình bày số lượng tâm đồng sanh với tâm sở?

**Đáp:**

1. Tâm sở đồng sanh với tâm quan sát thọ hỷ, nhưng không đồng sanh với tâm khai ý môn được.

Tức 51 tâm hữu hỷ (**pīti**).

2. Tâm sở đồng sanh với tâm khai ý môn nhưng không đồng sanh được với tâm quan sát thọ hỷ.

Tức 105 tâm hữu cần.

3. Tâm sở đồng sanh với tâm tương ưng hoài nghi, nhưng không đồng sanh với tâm tương ưng phóng dật.

Tức tâm si hoại nghi.

4. Tâm sở đồng sanh với tâm tương ưng phóng dật, nhưng không đồng sanh với tâm tương ưng hoại nghi.

Tức 110 tâm hữu thắng giải (**adhimokkha**).

5. Tâm sở đồng sanh cả 2 tham, sân, nhưng không đồng sanh với si.

Tức hôn trầm, thụ miên đồng sanh với 5 tâm bất thiện hữu trợ.

6. Tâm sở đồng sanh với tâm tịnh hảo hiệp thế, nhưng không đồng sanh với tâm siêu thế.

Tức 2 vô lượng phần đồng sanh với 28 tâm.

Nếu hỏi theo trực tiếp: Hãy trình bày tâm đồng sanh với tâm sở như sau:

Tâm đồng sanh với hỷ, cần, hoại nghi, thắng giải, hôn trầm, thụ miên, 2 vô lượng phần.

**65. Vấn:** Hãy trình bày 12 chi đạo cùng với chi pháp. Vì sao tà kiến... là chi đạo, hãy giải thích?

**Đáp:**

12 chi đạo, tức chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tà kiến, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định.

9 chi pháp tức trí tuệ, tầm, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, cần, niệm, nhất hành, tà kiến.

Sự việc tà kiến là chi đạo được, bởi vì tà kiến là con đường dẫn đến khổ cảnh. Vì vậy, Dự lưu đạo mới sanh lên và phá tan con đường dẫn đến khổ cảnh trước, cho nên khi con đường này đã bị triệt tiêu, thì bậc Nhập lưu cũng không có con đường dẫn đến khổ cảnh, nên thoát khỏi khổ cảnh.

Đối với phàm nhân thì tà kiến vẫn còn, đang là con đường dẫn đến khổ cảnh. Do đó, tà kiến mới là chi đạo được, bởi vì đạo (**magga**) nghĩa là con đường, còn con đường đi đến nhân cảnh hoặc Níp bàn, tức trí tuệ.

**66. Vấn:** Toàn Giác Trí (**sabbaññutaññāṇa**) là gì?

Toàn Giác Trí với A la hán Đạo Trí (**arahattamaggaññāṇa**) hai loại này loại nào cao quý hơn, hãy giải thích?

**Đáp:**

Toàn Giác Trí tức tâm sở trí tuệ trong tâm đại tổ tương ưng trí thứ 1, Toàn Giác Trí với A la hán đạo trí. Cả 2 loại này thì A la hán đạo trí cao quý, bởi vì đoạn trừ phiền não bằng cách sát tuyệt và là pháp siêu thế.

Còn toàn giác trí là pháp hiệp thế. Việc đoạn trừ phiền não của Toàn Giác Trí chỉ là đoạn trừ tạm thời (**tadaṃgapahāna**) mà thôi. Toàn giác trí khởi hiện được cũng phải nương vào A la hán đạo trí.

**67. Vấn:**

Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức hiện khởi được do nương vào tham bất thiện nghiệp, sân bất thiện nghiệp. Trong quá khứ có sự sinh diễn như thế nào.

Hãy nêu ví dụ trình bày cho thấy, nếu xếp vào trong pháp duyên khởi thì xếp vào trong câu nào?

**Đáp:**

Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức khởi hiện do nương vào tham bất thiện nghiệp, sân bất thiện nghiệp, xếp vào trong pháp Duyên khởi câu Hành duyên Thức (**saṅkhārapaccayā viññāṇam**) như sau:

NHÂN	QUẢ
1. Phúc hành, tức 13 tư trong đại thiện và thiện sắc giới.	1. Tâm quan sát thọ xả quả bất thiện là ý thức.
2. Phi phúc hành, tức 12 tư bất thiện.	2. Tâm quan sát thọ xả quả thiện là ý thức.
3. Bất động hành, tức 4 tư thiện vô sắc giới, hoặc 1 lý khác nữa.	3. 4 Tâm đại quả bất tương ưng trí.
Thân hành, tức tư đại thiện và bất thiện khởi hiện theo đường thân.	4. 4 Tâm đại quả tương ưng trí.
Ngũ hành, tức tư đại thiện và bất thiện khởi hiện theo đường ngũ.	5. 5 Tâm quả sắc giới
Tâm hành, tức tất cả 29 tư thiện hiệp thế và bất thiện khởi hiện theo đường tâm.	6. 4 Tâm quả vô sắc giới.
	7. 2 Tâm nhãn thức.
	8. 2 Tâm nhĩ thức.
	9. 2 Tâm tỷ thức.
	10. 2 Tâm thiệt thức.
	11. 2 Tâm thân thức.
	12. 2 Tâm tiếp xúc, là ý thức.
	13. 3 Tâm quan sát, là ý thức.

Nếu Đức Phật thuyết chỉ là Hành duyên Thức (**saṅkhārapaccayā viññāṇam**) thuần nhất theo phương diện Pháp nghĩa (**dhammādhiṭṭhāna**) thì tất cả chúng sanh nghe cũng không biết được nội dung do mãnh lực của thân kiến có thường xuyên trong chính dòng tâm che đậy, không cho biết đến danh sắc đang sinh diễn, chỉ thấy rằng danh sắc này là ta mà không hiểu biết danh sắc diệt đi chút nào cả. Vì vậy Đức Phật mới thuyết theo quan điểm Nhân sinh (**puggaladhiṭṭhāna**) rằng tâm quan sát thọ xả quả bất thiện là gì? Tức người khổ cảnh này khi đã sanh vào rồi thì sự thấy, sự nghe, sự ngửi, sự nếm, sự xúc chạm không tốt hiện khởi thành quả trong thời bình nhật. Rồi Ngài thuyết như vậy mãi cả về phương diện nhân và phương diện quả, vì vậy nên bắt buộc phải hiểu cho tốt rằng Hành duyên cho Thức này thế nào là nhân, thế nào là quả, nên phải trình bày biểu đồ về phương diện nhân và phương diện quả để nắm bắt, để hiểu được về pháp duyên khởi. Ngũ song thức khởi hiện từ tham bất thiện nghiệp như ưa thích xem người say rượu, người đánh nhau, người bị xe đụng, người tàn tật, thích nghe người nói xấu, mắng chửi, cãi lộn nhau, thích ngửi mùi thối như bóp con rệp rồi ngửi, xia răng rồi ngửi, hoặc dùng tay dụi mũi rồi lấy đem ngửi, thích ăn đồ không tốt, thích xoa bóp mạnh bạo, quần áo đẹp không dám mặc, thích nằm trên nền nhà. Còn sân bất thiện nghiệp không muốn gặp người không hợp nhau hoặc không muốn thấy đồ vật tốt bị sút mẻ, hư hỏng cũng bắt buộc phải thấy, không thích bị mắng chửi cũng phải bị mắng chửi và phải chịu đựng nghe lời mắng

chửi từ cha mẹ, thầy tổ, không muốn ngửi mùi thối cũng phải ngửi mùi thối như phải đổ phân, đổ rác rến, không muốn uống thuốc đắng cũng phải uống, không thích ngủ nơi bẩn thỉu cũng phải ngủ.

**68. Vấn:** Ngũ song thức có sự thấy... khởi hiện từ si bất thiện nghiệp như thế nào, hãy giải thích và nêu dẫn chứng?

**Đáp:**

Ngũ song thức... khởi hiện từ si bất thiện nghiệp như đi gặp phải người ác hoặc nghe lời nói rằng mình không tốt 1 trường hợp nào, trong lúc được thấy, được nghe cũng không thể khẳng định được rằng là người xấu, đây là lời lẽ mà họ nói xấu, xuyên tạc, chửi rủa ta khởi hiện từ si hoài nghi bất thiện nghiệp từ trong quá khứ cho quá.

Đối với si phóng dật thì trong sát na được thấy, được nghe, ngửi, nếm, xúc chạm thì tán loạn theo 5 cảnh này không thể suy xét rằng cảnh mà ta đang chứng kiến gặp gỡ đó sai, đúng, tốt, xấu như thế nào cũng không biết.

**69. Vấn:** Pháp gì làm duyên cho khởi hiện mắt, tai, mũi, lưỡi, tay, chân, đuôi, cánh...?

**Đáp:**

Sắc nghiệp làm duyên cho khởi hiện mắt, tai, mũi, lưỡi, tay, chân, đuôi, cánh... nếu không có sắc nghiệp thì nhóm này cũng không hiện khởi được vào trong pháp duyên khởi rằng Danh sắc làm duyên cho Lục nhập (**nāmarūpapaccayā**

**salāyatanam**), sáu nội xứ khởi hiện cũng do nương vào danh sắc.

Như nêu ví dụ cho thấy: Trứng không có mầm sống, loại trứng này ấp cũng không thành con và ăn cũng không thành tội, bởi vì loại trứng này không có sắc nghiệp để làm cho khởi hiện mắt, tai, mũi, lưỡi, tay, chân, đuôi, cánh...

Nhưng trứng có sắc nghiệp hoặc chúng sanh khác nhau và người có mắt, tai, mũi, hiện khởi lên được, bởi vì trong sát na tục sinh có bốn thân thập sắc (**kāyadasaka**), bốn tánh thập sắc (**bhāvadasaka**), bốn ý vật thập sắc. Và khi đủ 7 ngày bên trong bốn sắc **kālala**, chính bốn sắc mạng quyền này là bốn sắc tứ đại nghiệp (**kammajamahābhūta**) làm cho hiện khởi lên mắt, tai, mũi, lưỡi trong tuần thứ 11. Nếu vào sát na tục sinh không có bốn sắc nghiệp (**kammajarūpa**) hiện khởi và bên trong 7 ngày là bốn mạng quyền cửu sắc (**jīvatanavakakalāpa**) là một loại sắc nghiệp trong tất cả bốn sắc nghiệp không sanh lên trước được thì nhóm mắt, tai, mũi, lưỡi này là nhóm sắc y sinh (**upādāyarūpa**) sanh lên cũng phải nương vào sắc tứ đại mà thành hình là bốn sắc tứ đại nghiệp.

**70. Vấn:** Pháp gì là nhân làm cho 3 danh uẩn tâm sở và bốn sắc nghiệp sanh lên. Hãy trình bày theo phương cách pháp duyên khởi, và tâm sở với sắc nghiệp khởi hiện theo nhân đó có khác biệt nhau không, hãy giải thích?

**Đáp:**

Thức là nhân làm cho ba uẩn tâm sở và sắc nghiệp khởi hiện, nếu trình bày theo phương thức pháp duyên khởi cũng được với câu rằng “Thức duyên cho Danh sắc” (**viññānapaccayānāmarūpaṃ**), trong nơi đây thức được phân thành 3 loại, tức :

- 1- Nghiệp thức (**kammaviññāṇa**).
- 2- Thức tục sinh (**paṭisandhiviññāṇa**).
- 3- Thức bình nhật (**pavattativiññāṇa**).

3 danh uẩn tâm sở và bốn sắc nghiệp tục sinh sẽ hiện bày lên được do nương vào cả 2 nghiệp thức và thức tục sinh.

3 danh uẩn tâm sở khởi hiện được do nương vào thức tục sinh và thức quả bình nhật (**pavattativipākaviññāṇa**) cả trong thời tục sinh và thời bình nhật, sắc nghiệp bình nhật hiện khởi được do nương vào duy nhất thức nghiệp.

Tâm sở với sắc nghiệp hiện khởi theo nhân đó có sự khác biệt nhau, tức tâm sở và bốn sắc nghiệp hiện khởi từ tâm quan sát thọ xả quả bất thiện, thân thể cũng là chúng sanh địa ngục, ngạ quỷ, atula, bàng sanh, danh tức tâm sở cũng chỉ khởi từ nhiều tâm sở bất thiện, nhưng phải trừ ra một vài nhóm bàng sanh như Đức Bồ Tát, Đức Chánh Đẳng Giác, Độc Giác, Chí Thượng Thịnh Văn có tâm tốt hơn nhóm bàng sanh thông thường.

Thức quả bình nhật còn lại 13 làm duyên cho 3

danh uẩn tâm sở và sắc nghiệp bằng hậu sanh duyên (**pacchājātapaccayupanna**) tức 13 tâm quả bình nhật này hiện khởi sau nhưng làm duyên cho sắc nghiệp sanh trước chưa diệt đi bằng hậu sanh duyên, sắc nghiệp sanh trước là Hậu sanh sở duyên (**pacchājā tapaccayupanna**).

**71. Vấn:** Hãy trình bày chi pháp của từ “hành” (**saṅkhāra**) với “nghiệp hữu” (**kammabhava**) trong pháp duyên khởi và sự khác biệt nhau giữa hành với nghiệp hữu như thế nào ?

**Đáp:** Chi pháp của hành tức 12 tư bất thiện nghiệp, 17 tư thiện nghiệp hiệp thế, tổng cộng 29.

Chi pháp của nghiệp hữu giống nhau, tức 29 tư thiện nghiệp, tư bất thiện nghiệp, có sự khác biệt nhau, tức 29 tư trong kiếp quá khứ là nhân làm cho hiện khởi 5 thủ uẩn. Trong kiếp hiện tại này là hành, 29 tư mà ta đang tạo trong hiện tại này sẽ làm nhân làm cho sanh lên 5 thủ uẩn (**upādānakhandha**) trong cõi, trong kiếp vị lai tiếp theo là nghiệp hữu.

Tóm lại, tư thuộc hành là nghiệp cũ, là cha mẹ của ta, làm cho ta sanh ra hiện khởi trong kiếp này, còn tư thuộc nghiệp hữu là nghiệp mới là cha mẹ của ta tiếp theo trong kiếp sau.

Đây là sự khác nhau của từ “hành” và “nghiệp hữu”, đối với chi pháp thì không có sự khác biệt nhau, hành vi mà ta đang tạo hằng ngày sẽ là cha mẹ của ta trong kiếp sau.

**Chú thích:** Ngài trưởng lão **Dhammavarodama** chùa **Rājādhivāsa** là chùa mà Ngài sáng tác về vấn đề phức tạp của 2 nghiệp cũ và nghiệp mới đều là nền tảng của giai đoạn tử thần Ma vương (**maccumāra**).

**72. Vấn:** Hãy trình bày pháp duyên khởi khởi hiện từ đường mắt và phương pháp triệt tiêu pháp duyên khởi sanh lên theo đường mắt như thế nào?

**Đáp:**

Pháp duyên khởi sanh lên theo đường mắt phải đồng cùng với 3 pháp, tức thần kinh nhãn, cảnh sắc, nhãn thức. Khi 3 pháp này hội tụ với nhau làm cho xúc khởi hiện, xúc làm cho thọ khởi hiện, thọ làm cho ái khởi hiện, ái làm cho thủ khởi hiện, thủ làm cho hữu khởi hiện, hữu làm cho sanh khởi hiện, sanh làm cho già khởi hiện, sầu, bi, khổ.

Như trong pàli rằng: **“Cakkhuñca paticca rūpa ca uppajjati cakkhuviññānaṃ tinnamaṃ saṅgati phasso phassapaccayā vedana vedanapaccayā taṇhā”**.

Do đó, phương pháp triệt tiêu pháp duyên khởi theo đường mắt phải triệt tiêu nơi thọ bằng cách ghi nhận rằng “thấy à! thấy à!” bởi vì sát na đang thấy cảnh sắc thì thọ cũng đang hưởng thụ cảnh sắc. Nếu không có hưởng thụ cảnh sắc thì sự thấy cũng không hiện khởi được. Vì vậy khi dùng niệm ghi nhận biết rằng “thấy à! thấy à!” Như vậy cũng được gọi là triệt tiêu pháp duyên khởi sanh lên theo đường mắt, bởi vì thọ không thể làm duyên cho ái được trong sát na bằng mãnh lực của niệm vào ghi nhận.

**73. Vấn:** Vì sao hành giả tu tiến từ, bi, hỷ 3 loại nghiệp xứ này chỉ thành tựu được 4 thiền sắc giới thấp mà không đắc được đến ngũ thiền do nhân nào. Hãy giải thích, nêu dẫn chứng, trình bày?

**Đáp:**

Sự việc hành giả tu tiến 3 loại nghiệp xứ từ, bi, hỷ chỉ đắc được 4 thiền sắc giới thấp, bởi vì cả 3 loại nghiệp xứ này áp chế tâm sở sân, tức từ là nhân làm cho thoát khỏi nóng giận, bi là nhân làm cho thoát khỏi não hại, hỷ là nhân làm cho thoát khỏi không hài lòng (**anabhīrati**).

Tóm lại là 3 pháp này có chi pháp là 1, tức tâm sở sân, là pháp đồng sanh với thọ ưu. Cho nên người tu tiến 3 phạm trú (**brahmavihāra**) này cũng để thoát khỏi tâm sở sân là pháp đồng sanh với thọ ưu. Khi tu tiến thì thoát khỏi được ưu thọ thì thiền hiện khởi cũng đồng sanh với hỷ thọ.

Ví như ta tiêu diệt được kẻ thù được yên ổn thì thường có tâm phần khởi yêu thích như thế nào, thì việc tu tiến 3 phạm trú này khi tâm thoát khỏi sự nóng giận, não hại, không hài lòng là sân rồi thì sẽ có tâm phần khởi, vui thích như thế đó. Do vậy, thiền sanh lên từ việc tu tiến 3 phạm trú mới thành tựu chỉ được 4 thiền thấp, vì là thiền thoát khỏi ưu thọ, khi thoát khỏi ưu thọ được thì phải khởi hiện hỷ thọ. Nhưng trong sát na đang rải tâm từ, bi, hỷ bằng tâm đại thiện, đôi khi đồng sanh hỷ thọ, đôi khi đồng sanh xả thọ lẫn lộn nhau như vậy mãi. Trong khi tu tiến vào đến giai đoạn cận định (**upacārasamādhī**) là

định gần chứng đắc thiên, kể từ cận định... trở đi thì tâm đại thiện đồng sanh duy nhất với thọ hỷ cho đến kiên cố định (**appanāsamādhī**). Do đó, 4 thiên này mới đồng sanh với thọ hỷ. Như dẫn chứng trình bày trong **Bhāsāṭikā** nội dung trùng hợp với số giải Thanh Tịnh Đạo rằng:

**Mettādayo tayo pubbā Domanassa nissarā.**

**Somanassā vippayogā Heṭṭhā catukka jhānikā.**

Cả 3 phạm trú phần đầu như từ... là nhân thoát khỏi nóng giận, não hại, ganh tỵ, hiện khởi từ ưu thọ nên đồng sanh với hỷ thọ luôn luôn không tách rời nhau, vì vậy mới thành tựu chỉ được 4 thiên thấp.

**Chú thích:** Bởi vì là giáo trình là sơ, nhị, tam, tứ thiên, còn xả phạm trú là giáo trình riêng biệt của ngũ thiên.

*“Vượt qua nóng giận mới thành tựu được tâm từ.*

*Vượt qua não hại mới thành tựu được tâm bi.*

*Vượt qua không vừa lòng mới thành tựu được tâm hỷ”.*

**74. Vấn:** Người tu tiến nghiệp xứ bất tịnh (**asubhakammaṭṭhāna**) và nghiệp xứ thân hành niệm (**kāyagatāsatikammaṭṭhāna**) cả 2 loại này chỉ chứng đắc sơ thiên. Muốn hiểu rằng pháp gì cản trở không cho đắc chứng thiên cao hơn. Hãy giải thích, nêu dẫn chứng?

**Đáp:**

Bởi vì cả 2 nghiệp xứ bất tịnh và nghiệp xứ thân hành



**75. Vấn:** Vì sao người tu tiến xả phạm trú chỉ chứng đắc riêng biệt được ngũ thiền và người tu tiến nghiệp xứ khác nữa ngoài ra 4 phạm trú cho đến 4 thiền sắc giới bậc thấp, mà thay đổi nghiệp xứ tu tiến xả phạm trú (**upekkhābrahmavihāra**) để chứng đắc ngũ thiền có thành tựu được hay chăng? Hãy giải thích cùng nêu dẫn chứng lên trình bày?

**Đáp:**

Người tu tiến xả phạm trú chỉ duy nhất đắc ngũ thiền, bởi vì người đó có sự vững tâm trung dung đối với tất cả chúng sanh, tức không thương yêu, không tội nghiệp, không vui thích, chỉ nghĩ đến tất cả chúng sanh có nghiệp riêng (**sabbe satta kammassakā hontu**) liên tục đối với nhóm chúng sanh đó.

Khi tâm không có sự liên quan với thương yêu, tội nghiệp, vui thích thì tâm cũng trở nên trung dung, tức thân nhiên cho nên khi thiền sẽ khởi hiện lên cũng đồng sanh với xả thọ là thiền ly ưu thọ và lạc thọ. Và người tu tiến nghiệp xứ khác ngoài ra 4 phạm trú cho đến chứng đắc 4 thiền sắc giới thấp rồi thay đổi nghiệp xứ tu tiến xả phạm trú để chứng đắc ngũ thiền thì không thành tựu, bởi vì có cảnh khác nhau.

Nếu muốn chứng đắc nhưng phải trú niệm 3 phạm trú từ đầu như nhau, bởi vì có cảnh là chúng sanh chế định. Cho dù đề mục hoàn tịnh (**kaṣiṇa**) là nhóm chế định như nhau thật nhưng là mỗi loại chế định khác nhau, còn xả phạm trú này liên quan đến chúng sanh chế định, đừng nói rằng chỉ

10 đề mục hoàn tịnh cho dù nghiệp xứ khác cũng không giống nhau.

Như dẫn chứng trình bày rằng:

**Majjhiattavedanā yagā Pañcame jātupekkhā**

**Mettādīhi ca laddhajjhā Nikasse vesa vattati**

Xả phạm trú này khởi hiện nơi ngũ thiện, bởi vì đồng sanh với xả thọ và xả phạm trú này là nghiệp xứ của hành giả đắc thiền bằng việc tu tiến 1 trong 3 loại phạm trú nào như từ...

### **Chú thích:**

Xả ba la mật (**upekkhāpāramī**) đối lập lại tham, sân, tức không vui thích đối với người đối xử tốt với mình và không bất mãn đối với người đối xử tệ với mình.

Việc tạo trữ xả ba la mật khó hơn, xả phạm trú khó nhất, cao quý nhất, nhưng dù sao đi nữa xả phạm trú phải khó hơn từ, bi, hỷ.

**76. Vấn:** Trong sự việc tùy niệm (**anussati**), vật thực uế tướng (**āhārepaṭikūlasaññā**), phân quán tứ đại (**catudhātuvavaṭṭhāna**). Tổng cộng 10 nhóm nghiệp xứ này không thể đắc chứng kiên cố được, bởi vì cảnh của nhóm nghiệp xứ này là chân đế. Như vậy thiền siêu thế có Níp bàn là cảnh chân đế và thiền vô sắc thứ 2 với nhóm thứ 4 cũng có cảnh chân đế, nhưng vì sao nhóm thiền này đạt đến kiên cố tức Đạo, Quả và thiền cũng khởi hiện được. Hãy giải thích, nêu dẫn chứng lên trình bày?

**Đáp:**

Thiền siêu thế có Níp bàn là cảnh chân đế nhưng cũng chứng đắc đến kiên cố thiền (**appanājhāna**) được, bởi vì thiền siêu thế do mãnh lực của việc tu tiến sanh lên theo tuần tự, bởi vì việc tiến tu minh quán có sự chú niệm đối với cảnh đang hiện bày trước mắt là việc biết cảnh được dễ dàng và khi đang tu tiến cũng khởi hiện theo tuần tự gọi là thanh tịnh như giới thanh tịnh (**sīlavissuddhi**)... việc gọi là thanh tịnh này là gọi theo quả sanh lên từ việc tu tiến minh quán.

Còn thiền thứ 2, 4 có chân đế là cảnh cũng chứng đắc đến kiên cố thiền được, bởi vì thiền vô sắc giới do mãnh lực của việc tu tiến sanh lên vượt qua cảnh, tức trong lần đầu tương tự tướng (**paṭibhāganimitta**) đến từ 9 đề mục hoàn tịnh (**kaṣiṇa**) vẫn còn dính mắc theo tâm. Vì vậy khi hành giả tu tiến không vô biên xứ (**ākāsañcāyatana**) nên nhất thiết phải loại cảnh tương tự tướng ra khỏi trước mới chứng đắc thiền Không vô biên xứ bằng cách chú niệm rằng: “Hư không vô cùng tận! Hư không vô cùng tận!” (**akāsoananto**).

Nếu thiền thức vô biên xứ (**viññāṇañcāyatana**) khởi niệm cũng phải loại hư không thoát thai từ đề mục hoàn tịnh ra khỏi (**kaṣiṇugghāṭimākāsa**) cho diệt mất trước, bằng cách chú niệm rằng: “Thức vô cùng tận! Thức vô cùng tận!” (**viññāṇam anantaṃ**), bởi vì từ thức này là tên gọi của chính thiền Không vô biên xứ đó.

Nếu thiên vô sở hữu xứ khởi hiện cũng phải loại cảnh pháp Đáo đại thiên thiện Không vô biên xứ ra khỏi trước, bằng cách chú niệm rằng: “Không có chi cả! Không có chi cả!” (**natthi kiñci**), tức thiên thiện Không vô biên xứ từng sanh lên với ta, giờ đây không còn gì cả.

Nếu thiên thiện phi tướng phi phi tướng xứ khởi hiện cũng phải loại cảnh pháp vô hữu chế định ra khỏi trước, bằng cách chú niệm rằng: “Đây là an tịnh, đây là vi tế” (**santametam pañītametam**)

Như có dẫn chứng trình bày trong **Bhāsāṭīkā** mà nội dung trùng khớp với số giải Thanh Tịnh Đạo rằng:

**Paramatthagambhīrepi Bhāvanā anukkamato lokuttaro āruppātu Ālamba samatikkamā.**

Mặc dù có cảnh thâm sâu là chân đế thật nhưng Đạo, Quả cũng sanh lên được, bởi vì do mãnh lực của tuệ tu tiến sanh lên theo tuần tự.

Còn thiên vô sắc giới thứ 2 và thứ 4 chứng đắc được đến kiên cố cũng do mãnh lực của việc tu tiến (**bhāvanā**) có thể làm cho vượt qua cảnh của thiên bậc thấp được.

**77. Vấn:** Việc hành động, nói năng, suy nghĩ hiện khởi, từ cả 2 thân kiến và ngã mạn khác nhau như thế nào?

**Đáp:**

Từ “thân kiến” (**sakkāyadiṭṭhi**) trong nơi đây có nghĩa là không nhận biết đây là danh sắc, như trong sát na thấy, sự

thấy này là ta, ta trong thấy, người có thân kiến, có sự chấp thủ rằng: con trai, vợ chồng, tài sản của ta, rồi các việc này là nhân làm phát sinh tranh cãi, gây gổ như người chỉ có tâm điên đảo (**cittavipallāsa**) tưởng điên đảo (**saññāvipallāsa**). Mặc dù chấp thủ rằng: con trai, vợ chồng, tài sản của ta thật nhưng các đối tượng này không thể làm cho phát sanh gây gổ, tranh cãi. Đây là ân đức pháp của bậc Dự lưu đã đoạn trừ thân kiến điên đảo (**ditthivipallāsa**).

Tóm lại, thân kiến luôn bám chặt chấp thủ rằng là bản ngã chắc thật. Còn người không có thân kiến chấp rằng là bản ngã thật nhưng chỉ là chấp mà thôi. Vì vậy nếu có nhân nào khởi hiện lên tham, sân cũng không hiện khởi mạnh bạo, việc đoạn trừ được hoàn nghi, dù cho không có Đức Phật trong thời kỳ kiếp không (**suññakappa**) cũng không trở lại đi theo tôn giáo khác và việc đoạn trừ tà kiến được có lợi ích, tức dù cho có tình cần muốn làm cho an lạc thân tâm bằng trường hợp nào hoặc bất cứ loại nào đi nữa thì việc tình cần đó không tạo ác hạnh được, bởi vì thân kiến có thể tạo ác hạnh được. Còn người chỉ có ngã mạn, cho dù có vấn đề gì xảy ra mạnh bạo cũng không thể tạo ác hạnh.

**78. Vấn:** Thường nhiên Phạm Thiên có cả mắt và tai, nhưng mũi, lưỡi, thân, sắc tánh không hiện khởi được. Vì sao hình dáng thể xác của Phạm Thiên giống như người nam hoặc người nữ, Phạm Thiên dùng vật thực hay chẳng?

**Đáp:**

Sự việc phạm Thiên có mắt và tai được, bởi vì có đủ lợi ích được thấy cao thượng, lợi ích được nghe cao thượng.

Đối với mũi, lưỡi, thân, sắc tánh chỉ có duy nhất ngũ dục nên cả 2 loại này không hiện khởi.

Mắt, tai giống như con dao dùng trong việc lợi ích cũng được, không lợi ích cũng được, vì nên bắt buộc phải có trước lẫn cũng không mạnh bạo. Nhưng mũi, lưỡi, thân, sắc tánh giống như súng thông thường, khi đã có súng thì làm cho chủ nhân có tâm bạo dạn trong việc giết người nhiều hơn dao dẫn đến trường hợp đơn độc trong việc giết họ, sử dụng để làm lợi ích khác cũng không được.

Vì vậy phạm Thiên mới không có mũi, lưỡi, thân, sắc tánh, hình dáng thân thể giống nhau với người nam, không thọ dụng vật thực, bởi vì cây như ý không làm cho hiện khởi vật thực chư Thiên.

*(Phạm thiên có hình dáng thân thể giống như người nào không thọ dụng vật thực được giải thích trong bộ sách nhóm 4 cõi (bhūmicatukka) quyển 2, trang 62).*

**79. Vấn:** Vì sao sắc mạng quyền (**jīvitajarūpa**) hiện hữu chỉ trong bốn sắc nghiệp, còn trong bốn sắc tâm, sắc nhiệt lượng, sắc vật thực thì không có, hãy giải thích?

Và trong sát na tục sinh của phạm Thiên sắc giới không có bốn mạng quyền cửu sắc (**jīvitanavakakalāpa**) hiện khởi, còn trong sát na tục sanh của nhóm người dục giới

bọn mạng quyền cửu sắc không khởi hiện chỉ sanh lên trong thời kỳ bình nhật mà thôi.

Xin trình bày nguyên nhân, giải thích cho rõ ràng?

**Đáp:**

Sự việc sắc mạng quyền hiện hữu riêng biệt trong bọn sắc nghiệp, bởi bọn sắc nghiệp là sắc sanh lên nương vào nghiệp quá khứ là nhân.

Vì vậy trong sát na sanh lên nếu không có sắc mạng quyền giữ gìn thì tất cả nhóm sắc nghiệp không thể tồn tại suốt cho đủ tuổi thọ và không thể sanh lên mới được nữa, nghĩa là thông thường tuổi thọ của sắc có tuổi bằng với 17 tâm. Nếu tính số lượng sát na tiểu thì được 51 sát na. Trong sự việc sắc nghiệp có tuổi thọ tồn tại cho đến 51 sát na tiểu và sanh lên mới tiếp tục được cũng do mãnh lực của sắc mạng quyền theo giữ gìn.

Ví như 1 đứa bé sanh ra từ thai bào người mẹ, người mẹ đó chết đi thì người có phận sự trông nuôi đứa bé tiếp tục, tức bảo mẫu hoặc vú nuôi thì đứa bé mới có sự sống tiếp tục và tăng trưởng lớn khôn được.

Nếu không có bảo mẫu và vú nuôi giữ gìn thì đứa bé cũng sẽ không sống tiếp tục được như thế nào thì sắc nghiệp so sánh giống như 1 đứa bé, người sanh ra so sánh giống như nghiệp quá khứ mình đã tạo trong kiếp trước kia và kiếp này, và nhóm nghiệp đó khi cho quả hiện bày lên rồi thì diệt mất chấm dứt mãnh lực, so sánh giống như 1 người mẹ khi

sanh ra đưa bé rời chết đi. Bảo mẫu hoặc vú nuôi dưỡng gìn giữ đưa bé tiếp tục, so sánh ví như bọn sắc mạng quyền gìn giữ bọn sắc nghiệp được như vậy.

Còn bọn sắc tâm, bọn sắc nhiệt lượng, bọn sắc vật thực, nhóm này không có bọn sắc mạng quyền, bởi vì bọn sắc tâm sanh lên từ tâm khởi hiện trong hiện tại, bọn sắc nhiệt lượng sanh lên từ nhiệt lượng hiện tại và bọn sắc vật thực cũng sanh lên từ vật thực hiện tại cho nên mới không cần thiết phải có bọn sắc mạng quyền gìn giữ nữa cũng được, bởi vì tâm, nhiệt lượng, vật thực làm duyên cho nhóm sắc này, nhóm sắc nọ sanh lên so sánh ví như 1 người mẹ trông nom gìn giữ con của chính mình, vì vậy mới không nhất thiết phải có bảo mẫu hoặc vú nuôi nữa cũng được.

Trong sát na tục sinh của nhóm phạm Thiên sắc giới thì bọn mạng quyền cửu sắc khởi hiện đặc biệt theo riêng rẽ.

Còn trong sát na tục sanh của nhóm người dục giới thì bọn mạng quyền cửu sắc không khởi hiện theo riêng biệt. Bởi vì nhóm người dục giới vào sát na tục sinh có bọn thân thập sắc và bọn tánh thập sắc đang hiện khởi.

Thông thường cả 2 bọn thân thập sắc (**kāyadasakakalāpa**) và bọn tánh thập sắc (**bhāvadasakakalāpa**) này thường có khắp cùng trong thân, và trong 2 bọn này cũng có bọn sắc mạng quyền trong bọn sắc đó. Vì vậy nên không cần thiết phải có bọn mạng quyền cửu sắc hiện khởi theo riêng biệt trong thời tục sinh.

Còn phạm Thiên sắc giới trong thời kỳ tục sinh thì bọn sắc nghiệp sanh lên không có bọn thân thập sắc và bọn tánh thập sắc là bọn sắc sanh lên khắp thân thể, chỉ có bọn sắc sanh lên trong nơi riêng biệt mà thôi, như bọn nhãn thập sắc...

Một lý khác nữa, trong sát na tục sinh thân thể của phạm Thiên hiện bày lên đầy đủ 1 lần giống nhau, như nhóm người dục giới hóa sanh, và thân thể hiện bày lên đầy đủ này cũng đều là sắc nghiệp cả. Vì vậy nên cần thiết phải có bọn mạng quyền cửu sắc khởi hiện theo riêng biệt để gìn giữ bọn sắc nghiệp, tức thân thể của nhóm phạm Thiên đó cho tồn tại và hiện khởi nối tiếp nhau.

**80. Vấn:** Sự mê muội không biết trong 8 loại pháp gì, hãy giải thích đến sự không biết nhóm đó, và sự không hiểu biết về kiến thức phần nào trong đường lối thế gian hay đường lối pháp, gọi là vô minh được hay chẳng? Và vô minh học viên Thắng pháp đoạn trừ được có hay chẳng, nếu có là vô minh loại nào và việc đoạn trừ thì đoạn trừ như thế nào? Hãy giải thích, nêu nguyên nhân cho thấy rõ?

**Đáp:** Sự mê muội không biết trong 8 loại pháp, tức:

1. Không biết tứ đế.
2. Không biết quá khứ (**pubbanta**).
3. Không biết vị lai (**aparanta**).
4. Không biết quá khứ, vị lai (**pubbantāparanta**).
5. Pháp duyên khởi (**paṭiccasamuppāda**).

Sự không hiểu biết về kiến thức đường lối thế gian hoặc chưa hiểu về Thắng pháp không xếp vào là mê muội, sự mê muội tức không biết về 8 pháp. Và vô minh mà học viên đoạn trừ được chính là 8 loại vô minh này, đoạn trừ bằng việc học tập và suy xét, cân nhắc theo việc học tập, tức tuệ văn (**sutamayapaññā**) và tuệ tư (**cintāmayapaññā**) đoạn trừ được 2 loại vô minh, tức đoạn trừ tạm thời (**tadaṅgapahāna**) và áp chế đoạn trừ (**vikhambhanapahāna**) được suốt đời sống. Vì sao lại nêu lên tuệ văn, tuệ tư vào đề cập, rằng có sự đoạn trừ vô minh được. Sự việc nêu lên đoạn trừ vô minh bằng việc học tập của tuệ văn và tuệ tư, bởi vì người khác không được lãnh hội việc học tập sẽ được như thế nào? Khi không biết mà suy xét cân nhắc cho đúng đắn được như thế nào? Vì vậy mới nêu lên đoạn trừ vô minh bằng việc học tập, bằng việc suy xét, cân nhắc. Trong tất cả 8 loại vô minh này thì học viên đoạn trừ được luôn luôn có 3 loại, tức quá khứ, vị lai, quá khứ vị lai suốt cho đến tất cả hàng phật tử cũng đoạn trừ được. Nhưng với 4 Đế và pháp duyên khởi đoạn trừ được trong chốc lát lúc đang cân nhắc, suy xét mà thôi. Nếu không cân nhắc, suy xét thì không đoạn trừ được vẫn cứ phải si mê, hôn ám.

**81. Vấn:** Hãy trình bày nguyên nhân lấy 2 tâm si vô trợ và 18 tâm vô nhân, tâm quả bất tương ưng và tâm đáo đại, tâm siêu thế theo tương ưng?

**Đáp:**

Sự việc 18 tâm vô nhân là tâm bất tương ưng có phân tích về nhân (**hetu vicāraṇa**) trong 18 tâm vô nhân rằng:

**1. Yasmā pana hetuyonāma mahantārammoṃā. Tasmā te dubbala kamma nibbatesu dubbalavatthu kiccaṭṭhānesu ca imesu cittlesu nuppajjanti.**

Thông thường tất cả nhân là pháp rộng lớn (**mahantadhamma**) vì vậy tất cả nhóm nhân đó thường không sanh lên trong nhóm tâm vô nhân này, nghĩa là sanh lên từ nghiệp có ít sức mạnh (**dubbalakamma**) và có vật, sự, sở (**ṭhāna**) có ít sức mạnh (**dubbala**)

**2. Atthasabbaṃ pāpakammaṃ vikkhepayuttaṃ sayampi cañcalati dubbalaṃ hoti.**

Trong tất cả 2 nghiệp thì tất cả nghiệp bất thiện đồng sanh với phóng tán, tự mình cũng thường giao động, ít sức mạnh (**dubbala**).

**3. Tasmā taṃ kappatṭhitikakampi samānaṃ kalantare hetuyuttaṃ vipākaṃ janetuṃ na sakkoti.**

Do đó bất thiện nghiệp mới là nghiệp tồn tại suốt kiếp (**kappatṭhitikakamma**) tức nghiệp chia rẽ Tăng (**saṅghabhedakamma**) không thể làm cho dị thực quả đồng sanh với nhân hiện khởi trong thời gian khác (**anāgata**).

**4. Tihetukakammaṃ pi samānaṃ dubbalesu cakkhādivatthūsu ca dassanādisu kiccaṭṭhānesu ca hetuyuttaṃ vipākaṃ janetuṃ na sakkoti.**

Dù cho thiện nghiệp tam nhân cũng không thể làm cho dị thực quả đồng sanh với nhân sanh lên trong nhãn vật...

là yếu sức mạnh và trong sự, xứ (**ṭhānaṃ**) như thấy... yếu sức mạnh.

**5. Āvajjana dassanakiccāni ca dubbalakiccāni eva honti tasmā imāni sabbapi sampayuttaheturahitāni jātānīti daṭṭhabbaṃ**

Sự khai môn, sự thấy là sự yếu sức mạnh thật sự. Vì vậy tất cả tâm vô nhân này mới là tâm loại trừ nhân tương ưng ra. Tất cả bậc thiện trí nên hiểu ý nghĩa như đã giải thích.

*(Kết thúc phân tích về Nhân (**hetuvicāraṇa**) trong tâm vô nhân).*

### **Chú thích: PHÁP NHÂN**

Nghiệp thiện tam nhân (**Tihetukakusalakamma**) theo phương diện pháp nghĩa (**dhammādhiṭṭhāna**) tức 4 tâm đại thiện tương ưng trí.

Theo quan điểm nhân sanh (**puggalādhiṭṭhāna**) tức hành vi đang nghe pháp, bố thí, tu tiến, có sự biết nhân quả, tức nghiệp sở thuộc trí (**kammassakatāñña**) tuệ quán (**vipassanāñña**).

Nghiệp thiện nhị nhân (**divihetukakusalakamma**) theo phương diện pháp nghĩa, tức 4 tâm đại thiện bất tương ưng trí, tâm sở đồng sanh.

Theo quan điểm nhân sanh, tức hành vi của nhóm tà kiến hoặc trẻ em không biết gì khi họ bảo hãy bố thí thì làm theo.

Nghiệp bất thiện nhị nhân (**divihetukakusalakamma**) theo phương diện pháp nghĩa, tức 8 tâm tham, 2 tâm sân, tâm sở đồng sanh.

Theo quan điểm nhân sanh, tức hành vi của nhóm tà kiến và nhóm tin tưởng Phật giáo thái quá 3 thân ác hạnh, 4 ngữ ác hạnh, 3 ý ác hạnh.

Nghiệp bất thiện nhất nhân (**ekahetukaakusalakamma**) theo phương diện pháp nghĩa tức 2 tâm si.

Theo quan điểm nhân sanh, tức sự hoài nghi và phóng tán.

## PHÁP QUẢ

Tâm quả tam nhân (**tihetukavipāka**) có 2 loại theo phương diện pháp nghĩa, tức tâm đại quả tương ưng trí, tâm sở đồng sanh.

Theo quan điểm nhân sanh, tức nhân loại, Chư Thiên bậc cao.

Tâm quả nhị nhân (**divihetukavipāka**) có 2 loại, theo phương diện pháp nghĩa, tức 4 tâm đại quả bất tương ưng trí, tâm sở đồng sanh.

Theo quan điểm nhân sanh, tức nhân loại, chư thiên bậc trung.

8 tâm quả thiện vô nhân (**ahetukakusalavipākacitta**) có 3 loại, theo phương diện pháp nghĩa, tức 8 tâm quả thiện vô nhân.

Theo quan điểm nhân sanh, tức thấy cảnh tốt, nghe cảnh tốt, tiếp nhận vấn đề tốt, đều là cảnh tốt.

7 tâm quả bất thiện (**akusalavipākacitta**) có 3 loại theo phương diện pháp nghĩa, tức 7 tâm quả bất thiện.

Theo quan điểm nhân sanh, tức thấy cảnh không tốt, nghe cảnh không tốt, tiếp nhận vấn đề không tốt, đều là cảnh không tốt.

Về phương diện có cả hữu nhân, vô nhân, nhưng về phương diện bất thiện chỉ có vô nhân, bởi vì bất thiện nghiệp là pháp giao động, như tham, ngã mạn, hoài nghi, tà kiến nhóm này khi hiện khởi thì phóng tán, giao động đồng sanh với phóng dật.

So sánh giống như chủ tướng cướp cho dù có nhiều sức mạnh, cũng giao động, không dám giáp mặt với cảnh sát. Trong lúc trộm cắp hoặc cướp cũng phải nao núng, nhìn trước, nhìn sau và nhân tham, nhân sân, nhân si cũng là giống bất thiện còn vô nhân, 7 tâm quả bất thiện là pháp vô ký, giống bất thiện không đồng sanh với giống quả được.

**Vấn:** Còn 8 tâm quả thiện vô nhân là quả của đại thiện. Vì sao không có nhân đồng sanh, đối với 8 tâm đại quả cũng là quả của đại thiện giống nhau, vì sao lại có nhân đồng sanh?

**Đáp:** Tâm vô nhân nói theo phạm sự, theo sở (**thāna**) chỉ là nhỏ nhoi phụ thuộc theo đồng lực và na cảnh.

Giống như dân chúng lệ thuộc vào chính quyền, nếu ví dụ như cây... thì chỉ là cây thông thường, nếu so sánh như hạt giống cũng vẫn là hạt giống, không bằng trái đang có khắp nơi trên đất. Còn 8 tâm quả hữu nhân có nhân đồng sanh, ví như cây có lõi lớn lên được cũng chỉ riêng biệt trong đất tốt và rừng sâu như là rừng tuyết (**himavanta**) và núi Hy mã Lạp sơn (**himalaya**) còn nhân so sánh giống như đất tốt.

## Nguyên Nhân Xa Của Ngũ Song Thức

**1. Kammaṣṣa katattā upacitattā uppannaṃ hoti cakkhaviññāṇaṃ.**

Nhãn thức hiện khởi được do nghiệp mà mình tạo ra từ trong quá khứ.

**2. Kammaṣṣa katattā upacitattā uppannaṃ hoti sotaviññāṇaṃ.**

Nhĩ thức hiện khởi được do nghiệp mà mình tạo ra từ trong quá khứ.

**3. Kammaṣṣa katattā upacitattā uppannaṃ hoti ghānaviññāṇaṃ.**

Tỷ thức hiện khởi được do nghiệp mà mình tạo ra từ trong quá khứ.

**4. Kammaṣṣa katattā upacitattā uppannaṃ hoti jivhāviññāṇaṃ**

Thiệt thức hiện khởi được do nghiệp mình tạo ra từ trong quá khứ.

**5. Kammaṣṣa katattā upacittā uppannaṃ hoti kayāvīññāṇaṃ.**

Thân thức hiện khởi được do nghiệp mà mình tạo ra được từ trong quá khứ.

Trong điều này, trình bày cho thấy rõ rằng phần bác 6 nhân không đồng sanh được với nhóm tâm này, xác định rằng nhân của nó, tức nghiệp quá khứ là hiện khởi chỉ là nhân xa, còn nhân cận là:

Thần kinh nhãn (**cakkhupasāda**).

Cảnh sắc (**rūpārammaṇa**) tức các màu sắc.

Ánh sáng (**ālokaṃ**) tức ánh sáng chế định.

Tác ý (**manasikāra**) tức tâm khai ngũ môn.

Đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân xin hãy xem trong luận giải tâm lộ danh sắc (**nāmarūpavithīvinicchaya**).

## **Trình Bày Nhân Trở Thành Thiện, Bất Thiện, Quả, Tố**

**1. Ettha ca vithimutta cittāni cittadubbalattā pañcaviññāṇāni vatthudubbalattā sampañicchanādīni ca kiccaṭṭhānadubbalattā attano ussāhavinā kevalaṃ vipaccanamattānaṃ pavattantīti tāni sabbāni vipākāni eva honti.**

Trong 18 tâm vô nhân này, tâm lộ chủ quan (**vithīmuttacitta**) tức 2 tâm quan sát thọ xả, trừ ra sự nỗ lực của mình thường chỉ khởi hiện thuần nhất là tâm quả bởi vì có phạm sự yếu sức mạnh.

10 tâm ngũ song thức, trừ ra sự nỗ lực của mình thường chỉ khởi hiện bằng nhân thuần nhất là tâm quả, bởi vì vật yếu sức mạnh.

2 tâm tiếp thụ và tâm quan sát thọ hỷ trừ ra sự nỗ lực của mình thường chỉ khởi hiện bằng nhân thuần nhất là tâm quả, bởi vì sự và sở (**ṭhāna**) có ít sức mạnh. Vì vậy tất cả nhóm tâm đó mới thuần nhất là dị thực quả.

### **Chú thích:**

Tâm lộ chủ quan (**vithīmuttacitta**), tức 2 tâm quan sát thọ xả trong nơi đây thì trừ tâm lộ chủ quan, tức tâm khởi hiện ngoại môn, bởi vì làm phạm sự tử, tục sinh, hữu phần.

Nếu làm phạm sự quan sát, na cảnh thì tâm sanh lên trong môn, tức theo đường lối ngũ môn, ý môn. Vì vậy mới có tên gọi là tâm lục môn (**chadvarikacitta**) hoặc tâm ngoại môn (**dvāravimuttacitta**).

Việc trình bày pháp hoặc giải thích pháp mà loại trừ tâm lộ ra thì không được, bởi vì danh pháp này sanh lên nơi đâu?

Sanh lên nơi tất cả đối tượng hữu thức.

Sanh lên ngay nơi nào?

Sanh lên theo đường mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm gọi là tâm ngũ môn (**pañcadvāravithi**) cho nên phải trình bày lộ tâm.

Tâm quan sát thọ xả trong nơi đây có phận sự yếu sức mạnh, bởi vì làm phận sự tử, tục sinh, hữu phần.

Ngoài trừ sự nỗ lực, nghĩa là tự mình không thể làm cho chính mình khởi hiện lên được, ngoại trừ nương vào người khác thì mình mới sanh lên được. Giống như đứa bé đi đâu phải tùy thuộc họ dẫn đi, khi mình đi bằng cách phải nương vào họ thì tự mình cũng không có bất cứ sự nỗ lực nào cả để làm cho khởi hiện bất cứ thành quả nào tiếp tục được nữa, ví như gạo hoặc hạt mít đã bị luộc.

*Giải thích điều khởi lên thắc mắc đến 21 tâm quả hữu nhân và tâm quả đó là cả vô nhân lẫn hữu nhân là tâm yếu sức mạnh.*

**Vi**, tức đặc biệt.

**Pāka**, tức chín mùi.

Quả chín mùi đặc biệt từ nhân cho dù là tâm quả siêu thế cũng giống nhau. Nếu không có 4 tâm Đạo là nhân thì tự mình cũng không có bất cứ sự nỗ lực, tinh cần nào làm cho khởi hiện được, khi đã khởi hiện thì không cho bất cứ quả nào sanh lên tiếp tục nữa. Từ **Vatthu** ám chỉ 5 sắc thân kinh, là sắc y sinh phải nương vào sắc tứ đại (**mahābhūtarūpa**). Nếu không có sắc y sinh (**upādāyarūpa**) cũng không sanh

lên được. Tâm tiếp thân, tâm quan sát thọ hỷ có sự (**kicca**) và sở (**thāna**) có ít sức mạnh. Giống như người trông coi, phục vụ, lật vật như quét nhà, nấu nước thì tâm tiếp thân có phận sự phục vụ cảnh kế tiếp ngũ song thức và tâm quan sát, xem xét tốt, không tốt chỉ một chút khi đến phận sự na cảnh là người ăn chặn bã nữa; và cũng làm một sự, một sở. So sánh giống như hội đồng chính phủ, người làm nhiệm vụ trong chính phủ phải là người có năng lực, do đó nhóm tâm này giống như người không có năng lực gì.

**2. Yāni pana balavakiccattā attano ussāhenā pavattanti āyatim ca vipākuppā danattham ussāha sahi tāni honti tāni kusalākusalāni nāma honti.**

Còn nhóm tâm nào thường hiện khởi bằng sự nỗ lực của mình, bởi vì phận sự có nhiều sức mạnh. Và nhóm tâm nào là tâm đồng sanh, bởi sự nỗ lực để làm cho quả sanh lên tiếp tục. Nhóm tâm đó gọi là thiện, bất thiện.

**3. Yāni pana cittāni vipaccanamattam atikamma attano ussāheneva pavattenti tesu avajjanadvayam vipakākasantānato laddhapaccayattā thokam dubbalabhāvato itarāni ca nikantāsayasantāne pavattattā sabbaso vipākuppādanattham ussāharahitāni ceva hontīti tāni sabbāni kariyāni nāma jātāpīti datthabbam.**

Còn nhóm tâm nào thường sanh lên do sự nỗ lực thuần nhất của mình vượt qua nhân, chỉ để trở thành quả, trong nhóm tâm đó thì có 2 tâm khai môn (**āvajjanacitta**) là tâm

loại khỏi sự tinh cần để làm cho quả hiện khởi bằng tất cả trường hợp, bởi vì có sức mạnh chút ít do được duyên tiếp nối của quả. Còn tâm Ứng cúng vi tiểu là tâm loại trừ sự nỗ lực ra để làm cho quả sanh lên bằng tất cả trường hợp, bởi vì hiện khởi nơi cơ tánh của Ngài lìa khỏi tiềm miên (tức bậc A la hán). Vì vậy tất cả nhóm tâm đó mới gọi là tâm tố, tất cả học viên nên hiểu như vậy.

**Chú thích:** Bởi vì được duyên tiếp nối của quả, nghĩa là bởi vì được duyên tiếp nối từ tâm hữu phần do tự mình sanh lên, ám chỉ đến biết cảnh, mà họ có thể tự mình biết cảnh được. Tâm Ứng cúng vi tiểu cho dùng làm sự đồng lực thật nhưng khởi hiện trong cơ tánh của bậc A la hán.

**4. Idani adito patthāya vedanāvicāraṇā vuccati.**

Bây giờ bắt đầu từ đây trở đi sẽ đề cập đến phân tích về thọ (*vicāraṇavedanā*).

**5. Tathāhi cakkhaviññāṇādīnaṃ tāva vatthūni ca ārammaṇāni ca upādāyarūpaneva honti.**

Chi tiết như sau: vật và cảnh của nhãn thức... là sắc y sinh.

**6. Upādāyarūpanaṅca picupiṇḍakānaṃ viya aññamaññasanḥaṭṭanaṃ dubbalamevāti tāni iṭṭhe aniṭṭhe ca ārammaṇe upekkhāsahagatā neva hontīti.**

Việc xúc chạm lẫn nhau của sắc y sinh là pháp có rất ít sức mạnh, giống như xúc chạm nhau của cục bông gòn. Vì

vậy tâm nhãn thức... mới là tâm đồng sanh thuần nhất với thọ xả. Bậc thiện trí nên hiểu nội dung như đã giải thích trên.

**7. Kāyaviññāṇassa pana ārammaṇāni mahābhūtāni hontīti.**

Còn cảnh của tâm thân thức là sắc tứ đại.

**8. Yathā adhikaraṇimattṭhake tṭhapitaṃ picupiṇḍakaṃ ayobhūṭena paharantānaṃ ayokūṭassa picupiṇḍakaṃ atikkamma adhikaraṇi ghaṭṭanaṃ balavataraṃ hoti.**

Giống như người lấy búa đập vào cục bông gòn để trên đe, cây búa sắt đập vào cục bông gòn chạm vào đe là vật có nhiều sức mạnh dữ dội như thế nào.

**9. Tathā tesam ārammaṇabhūtānaṃ kāyavatthum atikkamma kāyanissaya bhūtesu saṅghaṭṭanaṃ balavataraṃ.**

Việc xúc chạm nhau của nhóm sắc tứ đại là cảnh của tâm thân thức, trong sắc tứ đại là nơi nương của thần kinh thân vượt qua thân vật, là vật có nhiều sức mạnh dữ dội như thế nào.

**10. Tasmā kāyaviññāṇaṃ iṭṭhe sukkaṣahagataṃ aniṭṭhe dukkaṣahagataṃ hotīti.**

Vì vậy thân thức mới là tâm đồng sanh với lạc thọ trong cảnh tốt (**iṭṭhārammaṇaṃ**) đồng sanh với khổ thọ trong cảnh xấu (**aniṭṭhārammaṇa**).

**11. Sampaticchanacittam pana sabbadubbalāpi pañcaviññānānam anantaram uppajjati niccam dubbalam hutvā sabbattha upekkhāsahagata mevāti.**

Tâm tiếp thân luôn khởi hiện nổi tiếp ngũ song thức có ít sức mạnh hơn mỗi tâm, vì vậy tâm tiếp thân mới thường xuyên có ít sức mạnh, là tâm đồng sanh với xả thọ trong tất cả cảnh tốt, cảnh xấu.

**12. Vibhāvaniyam pana asamānissayehi tehi laddhapaccayatā vasena ayamatto vibhāvito.**

Nhưng trong *Vibhāvinītikā* Ngài giáo thọ sư trình bày nội dung do năng lực của tâm được từ tâm ngũ song thức làm duyên cho có nơi nương không bằng nhau với mình.

**Chú thích:** Có nơi nương không bằng nhau với mình, tức nhãn thức nương vào thần kinh nhãn, so sánh giống như đá thông thường. Còn tâm tiếp theo nương vào ý vật, so sánh giống như đá đặc biệt. Từ “làm duyên cho” giống như 1 người ở Bangkok, một người ở tỉnh khác thì sự giúp đỡ lẫn nhau không được đầy đủ.

**13. Santiraṇam pana sayampi balava vatthum nissāya pavattati tadisena ca bahavavattu nissayena purimacittena laddhapaccayam hotīti thokam balavataram hoti.**

Còn tâm quan sát ngay cả tự mình cũng nương vật có nhiều sức mạnh mới hiện khởi được và được làm duyên từ tâm tiếp thân ngang bằng nhau với mình nương vào

sắc ý vật có sức mạnh. Vì vậy tâm quan sát mới có 1 chút sức mạnh.

**14. Tasmā taṃ kusalavipākaṃ iṭṭhe upekkhāsahagataṃ atuṭṭhesomanassasahagataṃ hoti.**

Bởi vì tâm quan sát là tâm quả thiện là tâm đồng sanh với xả thọ trong cảnh tốt, là tâm đồng sanh với hỷ thọ trong cảnh rất tốt (**atuṭṭhārammaṇa**).

**15. Akusalavipākaṃ pana anīṭṭhepi atianīṭṭhepi upekkhā sahagata meva hoti.**

Còn tâm quan sát quả bất thiện là tâm đồng sanh với xả thọ cả trong cảnh xấu và cảnh rất xấu (**atianīṭṭhārammaṇa**).

**16. Yasma iti ce.**

Nếu có câu hỏi chen vào rằng: Vì sao tâm quan sát quả bất thiện là tâm đồng sanh thuần nhất với xả thọ cả trong cảnh xấu và cảnh rất xấu?

**17. Yadi hi taṃ atianīṭṭhārammaṇavasena vedānabhedayuttaṃ siya dukkhena vā domanassena vā yuttaṃ siya.**

Đáp: Nếu tâm quan sát quả bất thiện đồng sanh với loại thọ bằng mãnh lực của cảnh rất xấu thì tâm quan sát quả bất thiện cũng phải đồng sanh với khổ thọ hoặc ưu thọ.

**18. Tattha dukkhena tāva na yujjati tasmā ekantakāyikattā dukkhassati.**

Trong 2 loại thọ khổ hoặc thọ ưu thì tâm quan sát quả bất thiện đồng sanh với khổ thọ (**dukkhavedanā**) chưa đúng, vì sao? Bởi vì khổ thọ sanh lên nơi thân thuần nhất.

**19. Domanassenapi na yujjati tasmā paṭighena paṭihaññattā eva domanassabhāvaṃ pattā domanassavedanā patighena imaṃ nappavattatīti ekantākusalatena paṭighena niccayogino domanassa abyākatesu asambhavejoti.**

Tâm quan sát quả bất thiện đồng sanh với ưu thọ không đúng, vì sao?

Bởi vì ưu thọ dẫn đến buồn rầu, tâm sở sân xúc chạm loại tâm sở sân ra thì không sanh lên được.

Vì vậy, tâm quan sát quả bất thiện đồng sanh với ưu thọ mới không đúng, bởi vì thọ ưu thường luôn đồng sanh với phần uế thuần nhất là bất thiện, mà không khởi hiện trong tất cả pháp vô ký.

**20. Avajjanadvayaṃ pana santīraṇatopi thokaṃ balavaṃ hoti.**

**Vipākānaṃ hi pavattitūṃ pi attano ussāhabalaṃ nāma natthi.**

**Balavantehi pana kammā dipaccayehi jānāti balavantāni nāma honti dubbalehi jātāni dubbalāni nāmāti.**

2 tâm khai môn có nhiều sức mạnh hơn tâm quan sát

chút ít, thông thường sức mạnh nỗ lực của mình để sanh lên thường không có với tâm quả, nhưng tâm quả sanh lên do duyên như nghiệp... có sức mạnh gọi là tâm quả có sức mạnh. Tâm quả sanh lên do duyên như nghiệp... có ít sức mạnh gọi là tâm quả có ít sức mạnh.

**21. Evaṃ santepi taṃ āvajjanadvayaṃ kammānubhāvato ca muccitvā vipākasantānato ca paccayaṃ gahetvā aṭṭhitattā dubbalameva hotīti sadāpi upekkhāyuttamevāti.**

Ngay cả 2 tâm khai môn có ít sức mạnh:

1. Bởi vì thoát khỏi mãnh lực của nghiệp rồi sanh lên.
2. Bởi vì dựa vào sự trợ giúp từ việc nối tiếp của tâm quả rồi hiện khởi.

Vì vậy 2 tâm khai môn này mới đồng sanh thuần nhất với xả thọ trong mỗi cảnh, cảnh tốt, cảnh xấu.

**22. Vibhāvanīyaṃ pana pañcadvārāvajjanaṃ pubbe kenaci aggaheti ārammaṇe ekavāremeva pavattattā. Manodvāravajjanañca visadisacittasantānaparāvattanavasena byāpārantarasapekkhattā ārammaṇarasam adhimattato anubhavitum na sakkotīti sabbatthāpi majjhattavedanāyuttamevāti vuttaṃ.**

Còn trong **Vibhāvinīṭika** giáo thọ sư đề cập rằng tâm khai ngũ môn đồng sanh thuần nhất với thọ xả trong mỗi

cảnh, bởi vì không thể hưởng thụ vị của cảnh quá độ được, vì sanh lên một lần trong cảnh mà chưa một tâm nào nắm lấy trước. Lại nữa, tâm khai ý môn đồng sanh thuần nhất với thọ xả trong cảnh, bởi vì không thể thụ hưởng vị của cảnh quá độ được, vì có sự liên quan dính chấp khác nữa do mãnh lực làm cho tâm đồng lực nối tiếp nhau, không giống với mình.

**23. Tattha byāpārantarasapekkhattāti idaṃ niyujjati. Na hi cittānaṃ balavadubbalatā vireso attana pacchā pavattassa cittassa vasena sakkā vuttaṃ. Attano panna paccayehi eva so sakkā vuttanti.**

Trong *Vibhāvinīṭikā* thì cụm từ *byāpārantarasa* bởi vì có sự dính chấp, liên quan khác nữa thường không đúng. Thật ra tâm có sức mạnh nhiều, có sức mạnh ít là đặc biệt thì bất cứ ai cũng không thể nói được do mãnh lực tâm sanh lên về sau mình đâu. Nhưng sự việc tâm có sức mạnh nhiều và sức mạnh ít là đặc biệt thì bất cứ ai cũng có thể nói được do duyên của mình mà thôi. (Đoạn này, Ngài giáo thọ sư *Ledi* phản bác Ngài *Vibhāvinīṭikā*).

**24. Itrathā santīraṇassāpi byāpārantarasā pekkatā siyā. Tampi hi visadisa cittasāntānaṃ attanā paraṃ vattetiyevāti. Ahetukacittesu vedanā vicaraṇā niṭṭhitā.**

Nói theo trường hợp khác, sự việc tâm quan sát có sự liên quan, dính chấp trong trường hợp khác cũng phải có. Thật ra tâm quan sát cho dù mình làm cho sanh lên về sau nối tiếp của tâm tố (*kviyācitta*) không giống như với mình.

**Chú thích:** Sự việc tâm quan sát có sự liên quan, dính chấp trong trường hợp khác cũng phải có, nghĩa là tâm quan sát đã khởi hiện thì tâm phán đoán (**voṭṭhabbanacitta**) cũng khởi hiện nối tiếp thành mỗi giống. Vì vậy, cũng xếp vào được là tâm quan sát có ít sức mạnh, bởi vì liên quan đến tâm tố, không giống với mình, *như vậy cũng nghe được* nhưng còn tâm khai ngũ môn, tâm khai ý môn là xả thọ.

1. Sanh lên 1 sát na và sanh lên trước.

2. Nhận lấy cảnh trước tâm khác.

3. So sánh giống như người bỏ thí vật thực tốt hoặc không tốt đi nữa, chỉ là một từ ám chỉ đến cảnh tốt (**iṭṭhārammaṇaṃ**), cảnh xấu (**aniṭṭhārammaṇa**).

4. Giống như người đàn ông đi đến Bưu điện có phận sự gửi thư, người nhận thư hoặc biết nội dung của thư, tức tâm đồng lực. Nội dung tốt thì hỷ thọ tham, nếu nội dung không tốt thì ưu thọ đồng lực bất thiện.

Còn tâm khai ý môn làm phận sự phán đoán theo đường lối trí tuệ, giống như viên thẩm phán không hân hoan, không chán nản, bởi vì không phải là vấn đề của mình.

Hân hoan, chán nản nơi đồng lực (*theo lời dạy truyền thống của giáo thọ sư*) tâm phán đoán mặc dù làm phận sự cũng được duyên đến từ tâm quan sát là tâm quả.

Sự việc tâm khai ngũ môn, tâm khai ý môn là xả thọ, như bắt cảnh nhỏ hoặc tiếng rất khẽ, thân kinh Nhãn và sắc thân

kinh cũng không tốt, ánh sáng và không gian cũng không đủ, tác ý cũng không có, như vậy cũng là thọ xả được.

Từ “tự mình cũng có sức mạnh chút ít hơn tâm quả”, bởi vì tâm khai môn khởi hiện do sự nỗ lực của chính mình. Còn tâm quả phải nương vào họ mà hiện khởi, cho nên mới gọi là có sức mạnh chút ít, nhưng là thọ xả, bởi vì duyên của mình đến từ tâm hữu phần cả *tâm khai ngũ môn và khai ý môn*.

Còn tâm khai ý môn làm duyên cho tâm đồng lực giống với mình cũng có, không giống với mình cũng có. Giống với mình, tức đồng lực tốt, nhưng tâm quan sát làm duyên cho tâm khai ý môn theo đường ngũ môn không giống với mình được. Nhưng vì sao tâm khai ý môn không có sức mạnh vẫn là xả thọ, còn tâm quan sát nếu là cảnh rất tốt là thọ hỷ, nhưng tâm phán đoán không là thọ hỷ thấp tùng theo. Vì vậy, tâm quan sát có ít sức mạnh, bởi vì liên quan đến tâm tố. Vì sao lúc nhận lấy cảnh rất tốt nên khởi lên hỷ thọ được, vì sao không là xả thọ liên quan theo mình? Do đó, Ngài giáo thọ sư **Ledi** mới phản bác lại quan kiến Ngài giáo thọ sư **Vibhāviniṭkā** rằng tâm có ít và nhiều sức mạnh sẽ hiện khởi được từ duyên (**paccaya**) của mình mà thôi, không sanh lên được từ sự liên quan làm cho tâm khác khởi hiện nối tiếp về sau mình.

## **Trình Bày Phân Tích Về Trợ (Saṅkhāravicaṇa)**

**1. Imāni cittāni attano pakatipaccayagaṇasamāyoge sati nuppajjanti natthi. Tasmā asaṅkharikānevāti vadanti.**

Nhóm tâm vô nhân này khi đồng sanh với nhóm duyên theo thông thường của mình sẽ không sanh thì không có, tức phải nhất định sanh lên. Cho nên tất cả giáo thọ sư mới nói rằng nhóm tâm vô nhân này thuần nhất là tâm vô trợ (asaṅkhārikacitta).

**2. Mūlaṭīkāyampana vipākuddhare  
ahetukavipākānaṃ aparibyattikiccattā  
sasaṅkharikkammaviruddho asaṅkharikabhāvopi  
natthi asaṅkhārikammaviruddho  
sasaṅkhārikabhāvopi natthi.**

Còn trong **mūlaṭīkā** ngay cả vô trợ là đối lập đối với nghiệp hữu trợ cũng không có, bởi vì tất cả quả vô nhân có phận sự không hiện bày trong quả triệt tiêu (**upākuddhāra**).

**3. Tasmā tesam ubhayakammenapi uppatti therena anuññātāti vuttam.**

Do đó sự khởi hiện của nhóm tâm vô nhân bằng cả 2 nghiệp, tức nghiệp vô trợ và nghiệp hữu trợ. Ngài giáo thọ sư trưởng lão **Mahādatta** đã chấp nhận. Vì vậy, Ngài giáo thọ sư **Mūlaṭīkā** (trưởng lão **Ānanda**) mới đề cập như vậy.

4. Etena tiṇṇaṃ kiriyacittānīpi tadubhayabhāvābhāvo vutto hoti tānīpi hi aparibyattakiccāni yevāti.

Lời nói của Ngài giáo thọ sư **Mūlaṭīkā** nghĩa là Ngài đề cập không có sự trở thành vô trợ và hữu trợ, ngay cả 3 tâm tố vô nhân. Bởi vì 3 tâm tố vô nhân có phạm sự không hiện bày giống nhau.

**Tampi sabbaññutaññāpadīnaṃ anucārikamattattā aparibyattakiccaṃ nāma hoti.**

Tâm Ứng cúng vi tiểu gọi là có phạm sự không hiện bày, bởi vì tâm Ứng cúng vi tiểu khởi hiện theo sau của Trí như Toàn Giác Trí...

### **Chú thích:**

*Giải thích điều thứ 1-* theo lời dạy truyền thống của giáo thọ sư (**ācariyavādaṃ**) rằng: Khi có sự đồng sanh với nhóm duyên của mình, tức thần kinh nhãn, cảnh sắc, ánh sáng, tác ý, khi đồng nhóm với nhau thì sanh lên không có ai ngăn chặn được cho đến Bạc Chánh Đẳng Giác, nếu thiếu đi 1 pháp nào cũng, không sanh lên được.

Điều thứ 2, khi tâm về phương diện có sức mạnh mạnh bạo thì phải có tâm nữa về phương diện có ít sức mạnh giống nhau với tâm quả khác nữa. Vì vậy, tâm vô nhân không phải vô trợ, hữu trợ. Nếu là 1 loại thì tâm vô nhân cũng phải có 30 tâm, sẽ không có chừng này 15 tâm được, bởi vì vô trợ (**asaṅkhāra**), hữu trợ (**sasaṅkhāra**) đối lập nhau. Vô trợ

là mau lẹ (**tikkha**), tức có sức mạnh mạnh bạo, hữu trợ là chậm chạp (**mandu**), tức có ít sức mạnh. Giống như vật chất phải có đôi với nhau, như tối thì phải có sáng, có đen phải có trắng, có cao thì phải có thấp, không chỉ có 1 thứ được.

Từ “vô nhân” không hiện bày bởi vì lộ tâm ngũ môn (**pañcadvāravithī**) như trong lúc xem sách hoặc nhìn xem các cảnh sắc khác thì nhãn thức không hiện bày, sẽ chỉ hiện bày đồng lực (**javana**), tức theo đường lộ tâm ý môn mà thôi. Như tụng kinh, quán xét thiền quán, thuyết pháp, học, đọc Thắng pháp, thích, không thích, nóng giận, mắng chửi, nói tốt, làm tốt, suy nghĩ tốt sẽ hiện bày từ tâm đồng lực, nhãn thức, nhĩ thức, thuộc ngũ song thức là phụ thuộc cho đồng lực khởi hiện theo đường ý môn sanh lên, nếu thiếu đồng lực theo đường ý môn thì hành động, lời nói, suy nghĩ cũng không thành tựu mà lẳng lặng chấm dứt.

Điều thứ 3: 15 tâm vô nhân này khởi sanh từ nghiệp quá khứ, tức thiện vô trợ hoặc bất thiện nghiệp vô trợ cũng được, thiện hữu trợ, bất thiện nghiệp hữu trợ cũng được. Ngài trưởng lão giáo thọ sư **Mahādatta** nói như vậy.

Điều thứ 4: 3 tâm tố vô nhân cũng không phải vô trợ, hữu trợ. Bởi vì không hiện bày, chỉ làm phạm sự khai môn cho tâm đồng lực, giống như đầu bếp. Còn tâm Ứng cúng làm phạm sự đồng lực thật nhưng cũng có phạm sự chút, không giống như phạm sự của tâm khác, giống như người có công việc lật vật.

**5. Athavā rupadassanasaddasavonadīni sattā kadāci attano icchāya karonti kadāci parehi ussāhitā karontīti paccakkhatova siddhametaṃ.**

Một lý khác nữa, tất cả chúng sanh thấy sắc, nghe tiếng... theo mong muốn của mình. Tỉnh thoảng trong thời gian, đôi khi bị người khác rủ rê mới thấy được sắc, nghe được tiếng... việc thấy sắc, nghe tiếng... này là hoàn thành rõ ràng (pakkhasiddhi) không tự ước định (anumāna) lầy.

**6. Tattha yadā attano icchāya karonti tadā pañcadvārāvajjanādīni sabbāni vīthicittāni asaṅkhārikāni nāma honti yadā parchi ussāhitā karonti tadā sasāṅkhārikāni nāma honti.**

Trong việc thấy sắc, nghe tiếng, khi nào tất cả chúng sanh thấy sắc, nghe tiếng... theo mong muốn của mình, khi đó tất cả lộ tâm khai ngũ môn... gọi là vô trợ. Khi nào tất cả chúng sanh bị người khác rủ rê mới thấy sắc, nghe tiếng... khi đó tất cả lộ tâm, như tâm khai ngũ môn... gọi hữu trợ.

**7. Dvāravimuttesu pana dvīsu upekkhāsantiraṇesu aṭṭha mahāvipākesu viya vattabbo.**

Còn việc vô trợ và hữu trợ trong 2 tâm quan sát thọ xả là ngoại môn. Các bậc thiện trí hiểu giống như trong 8 tâm đại quả.

**8. Iti sabbāni ahetukacittāni tena pariyāyena saṅkhārabhedena pañcakaṃ bhinnānieva honti.**

Tất cả tâm vô nhân là tâm khác nhau, theo riêng biệt bằng cách phân loại của Trợ theo gián tiếp đã trình bày đến bởi trường hợp như vậy.

**9. Evaṃ santepi aparibyattakiccatāyeva tesam saṅkhārabhedo paliyaṃ na vuttoti veditabbo.**

Như vậy sự khác nhau về Trợ (**saṅkhāra**) của nhóm tâm vô nhân, bậc thiện trí nên hiểu rằng Đức Thế Tôn không thuyết trong bộ Pháp tụ (**dhammasaṅgaṇī**) bởi vì có phạm sự không rõ ràng.

### **Chú thích:**

Giải thích đến cảnh của tâm đại quả theo nghiệp (**kamma**), nghiệp tướng (**kammanimitta**), thú tướng (**gatinimitta**) là cảnh diễn tiến trong kiếp quá khứ khi cận tử và giải thích đến trọng nghiệp (**garukamma**), cận tử nghiệp (**āsannakamma**), thường nghiệp (**aciṇṇakamma**), khinh tác nghiệp (**kaṭattākamma**) như lúc đang ngồi thì gió thổi chết ngay tức thì, bom nổ chết. Như vậy không có cận tử nghiệp, cận tử nghiệp có được cũng phải làm cho thành tựu trước mới làm cho tục sinh được. Nếu chưa thành tựu, phạm sự hành động đó thì không làm cho quả tục sanh được; như trước khi chết tự mình tụng kinh, nhìn thấy tượng Đức Phật, nghe thuyết Pháp, hoàn thành trước 1 giờ rồi chết; như vậy là vô trợ. Nếu bị thúc đẩy thì là hữu trợ, nếu cận tử nghiệp không có thì có thường nghiệp tức nghiệp làm thường xuyên. Nếu thường nghiệp không có thì khinh tác

ngiệp trong nhiều kiếp sống quá khứ hoặc kiếp trước cho quá, bởi vì trọng nghiệp không có.

2 tâm quan sát này, nếu làm phạm sự quan sát thì là cảnh hiện tại. Nếu làm phạm sự na cảnh thì là hiện tại, quá khứ, vị lai. Nếu làm phạm sự hữu phần thì là cảnh quá khứ nhận lấy từ kiếp sống trước trong lúc cận tử (cận tử nghiệp như suy nghĩ đến, pháp từng học đến, đang thâm suy trong lúc cận tử, khinh tác nghiệp như bố thí, rồi hồi hướng phước cho bất cứ ai chỉ bằng miệng hoặc tùy hỷ phước cũng chỉ bằng miệng nhưng tâm dừng dừng hoặc thọ trì giới, tu tiến minh quán rồi vô tình đập muỗi).

## **Trạng Thái, Phạm Sự, Thành Tựu, Nhân Cận Của Nhãn Thức**

### **1. Cakkhusannissitarūpavijjānalakkhaṇaṃ:**

Trạng thái có nương thân kinh nhãn và biết đặc biệt cảnh sắc (đặc biệt theo riêng biệt).

### **2. Rupamattārammaṇarasam:**

Phạm sự có cảnh sắc làm cảnh (hoặc có phạm sự để nhận lấy cảnh sắc chân đế).

### **3. Rūpabhimukhabhāvapaccupaṭṭhānaṃ:**

Thành tựu có trước mắt cảnh sắc thực tánh.

### **4. Rūpārammaṇapañcadvārāvajjanāpagamaṇipadaṭṭhānaṃ:**

Nhân cận có sự lìa khỏi tâm khai ngộ môn có riêng biệt cảnh sắc.

*(Pháp tánh là nhân ghi nhận, biết gọi là trạng thái).*

## **Trạng Thái, Phận Sự, Thành Tựu, Nhân Cận Của Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức.**

**1) Sotasannissita saddavijānana lakkhaṇaṃ**

**Ghānasannissita gandhavijānana lakkhaṇaṃ**

**Jivhāsannissita rasavijānana lakkhaṇaṃ**

**Kāyasannissita phoṭṭhabbavijānana lakkhaṇaṃ**

**2) Saddamattārammaṇa rasaṃ**

**Gandhamattārammaṇa rasaṃ**

**Rasamattārammaṇa rasaṃ**

**Phoṭṭhabbamattārammaṇa rasaṃ**

**3) Saddābhimukhābhāva paccupaṭṭhānaṃ**

**Gandhābhimukhābhāva paccupaṭṭhānaṃ**

**Rasābhimukhābhāva paccupaṭṭhānaṃ**

**Phoṭṭhabbābhimukhābhāva paccupaṭṭhānaṃ**

**4) Saddārammaṇa pañcadvārāvajjanā pagama  
padaṭṭhanaṃ**

**Gandhārammaṇa pañcadvārāvajjanā pagama  
padaṭṭhanaṃ**

**Rasārammaṇa pañcadvārāvajjanā pagama  
padaṭṭhānaṃ**

**Phatthabbārammaṇa pañcadvārāvajjanā pagama  
padaṭṭhānaṃ**

**Trạng Thái, Phận Sự, Thành Tựu,  
Nhân Cận Của Tâm Khai Ngũ Môn  
(pañcadvārāvajjanacitta)**

**1. Cakkhuvīññāṇādi purecāra rupādi vijānana  
lakkhaṇa**

Trạng thái sanh lên trước nhãn thức... rồi nhận lấy ngũ cảnh, như cảnh sắc...

**2. Āvajjana rasā**

Phận sự, thăm tra ngũ cảnh.

**3. Rūpādiabhimukhabhāva paccupaṭṭhānā**

Thành tựu có ngũ cảnh trước mắt như cảnh sắc...

(Cảnh thính, tức đi vào gặp nhau với cảnh sắc).

**4. Bhavaṅgacittacheda padaṭṭhānā**

Nhân cận có sự vắng mặt tâm hữu phần.

**Chú thích:** Từ “trạng thái” này ám chỉ đến tất cả tâm biết cảnh. Vì vậy trạng thái của tâm khai ngũ môn, tâm tiếp xúc, tâm quan sát đều phải biết cảnh sắc. Việc biết cảnh của tâm khai ngũ môn; nếu biết tốt, hiểu tốt thì làm cho khởi hiện đồng lực thiện; nếu biết không tốt, hiểu không tốt thì

làm cho khởi hiện đồng lực bất thiện. Việc thu thúc thì thu thúc như nhau, nếu không thu thúc thì thái quá sẽ không chỉnh sửa tâm khác được.

Giải thích trong cảnh duyên, phần lộ tâm ngũ môn rằng theo đường ngũ môn làm cho lạc, khổ trong thời bình nhật. Hỏi Ngài, Ngài trả lời rằng: Lộ tâm ngũ môn có đồng lực thiện, đồng lực bất thiện giống nhau. Nhưng thường nhiên người có tiềm miên nhiều lúc thấy sẽ dùng tác ý không liên tục được, dần dần không khéo tác ý (**ayoniso**) sanh khởi ngoại trừ thời gian ngủ mà thôi. Vì vậy mới tu tiến minh quán, nhưng cho dù như vậy cũng không từ từ dừng lại được, bởi vì tiềm miên đã từng quen tích lũy từ lâu.

Còn phạm sự khác nhau như tâm khai ngũ môn tác ý trong 5 cảnh thì nhãn thức làm phạm sự thấy, tiếp thân, đón nhận, quan sát thì xem xét tốt hoặc không tốt, cảnh tốt, cảnh xấu.

Nếu tâm hữu phần hiện khởi mãi thì tâm khai ngũ môn cũng không sanh lên được, tiếp đến tâm hữu phần diệt đi thì tâm khai ngũ môn mới sanh lên được. Đây gọi là nhân cận làm cho khởi hiện.

## **Trạng Thái (Lakkhaṇa), Phạm Sự (Tassa), Thành Tựu (Paccupaṭṭhāna), Nhân Cận (Paḍaṭṭhāna) Của Tâm Tiếp Thân.**

### **1. Cakkhuvīññāṇadīnaṃ anantaraṃ rūpādi vijānanalakkhaṇā**

Trạng thái có sự biết sắc... theo tuần tự của tâm nhãn thức...

## **2. Rupādisampañcchana rasā**

Phận sự đón nhận sắc...

## **3. Tathābhāvapaccupaṭṭhānā**

Thành tựu diễn tiến theo tánh chất thuần nhất. (Có trạng thái thuần nhất giống câu 2 và hiện bày trong tuệ quán rằng tâm này đón nhận sắc thuần nhất).

## **4. Cakkhuvīññāṇādivupagama padaṭṭhānā**

Nhân cận không có nhân nhãn thức... (Sự việc lấy tâm nhãn thức là nhân cận của tâm tiếp thụ, bởi vì tâm tiếp thụ chỉ hiện khởi được riêng biệt trong thời kỳ bình nhật, vì nếu tâm nhãn thức chưa hiện khởi thấy cảnh sắc thì tâm tiếp thụ đón nhận được như thế nào cho dù nương vào ý vật).

# **Trạng Thái, Phận Sự, Thành Tựu, Nhân Cận Của Tâm Quan Sát**

## **1. Saḷārammaṇavijānana lakkhaṇā**

Trạng thái biết 6 cảnh (biết 5 cảnh theo đường ngũ môn, biết cảnh pháp theo đường ý môn).

## **2. Santīraṇādi rasā**

Phận sự có sự xem xét (chỉ xem xét rằng tốt hoặc không tốt, tức cảnh tốt, cảnh xấu).

### 3. Tathābhāva paccupaṭṭhānā

Thành tựu diễn tiến theo tính chất thuần nhất.

(Tức thuần nhất với câu 2, hiện bày trong tuệ quán (**vipassanāññāṇa**) nhưng không phổ biến khắp cùng với tất cả bậc thánh, chỉ riêng biệt Đức Chánh Đẳng Giác và bậc Đắc thông (**abhiññālābhi**)).

### 4. Hadavatthu padaṭṭhāna

Nhân cận có sắc ý vật.

Có sắc ý vật là nhân cận, bởi vì tâm quan sát là tâm hữu phần trong thời tục sinh, nếu không có ý vật thì không tục sinh được và tâm tục sinh của chó, mèo, cá, người câm, trong sát na con chó chết, con cá chết, người câm chết thì phải làm phận sự chết, nếu sanh thì phải làm phận sự tục sinh, trong sát na sanh lên liên tục trong cơ tánh của con chó, con mèo, con cá thì làm phận sự hữu phần. Tâm quan sát có 5 phận sự, nếu phận sự hưởng cảnh nối tiếp đồng lực là tâm na cảnh.

Tóm lại, nội dung thì tâm quan sát phải làm phận sự thời tục sinh lẫn thời bình nhật. Trong sát na làm phận sự quan sát thì chỉ làm duy nhất theo đường lối ngũ môn, tức so sánh cảnh. Nếu là phận sự Na cảnh thì hưởng cảnh nối tiếp đồng lực làm cả theo đường lối ngũ môn và ý môn. *Rồi Ngài giáo thọ sư giải thích cũng ghi cả 5 tâm lộ.*

**Vấn:** Trong sát na thấy cảnh sắc, pháp gì khởi hiện?

**Đáp:** Tâm lộ nhãn môn khởi hiện.

**Vấn:** Nếu được nghe tiếng, pháp gì khởi hiện?

**Đáp:** Tâm lộ nhĩ thức khởi hiện.

**Vấn:** Tâm vô nhân có bao nhiêu?

**Đáp:** Có 18 tâm.

**Vấn:** Là gì?

**Đáp:** Phải trả lời cho đúng rằng: 17 tâm quả bất thiện, rồi tính vừa đến tâm thân thức, rằng thân thức đồng sanh với khổ (**dukkhasahagatakāyaviññāṇa**).

**Vấn:** Tâm quả bất thiện, tâm tố có bao nhiêu?

**Đáp:** Phải trả lời cho đúng rằng: 8 tâm quả bất thiện vô nhân, 3 tâm tố vô nhân.

Tất cả nhắc đi, nhắc lại quá mức, bởi vì tâm quan sát này có 5 phạm sự, và là tâm vô nhân lẫn là tâm quả. Hai tâm tố này có cả tâm quả hữu nhân (**sahetuka**) và vô nhân (**ahetuka**). Tâm tố cũng giống như vậy có cả hữu nhân, vô nhân.

Vì vậy, phải hiểu cho chính xác về trạng thái, phạm sự, thành tựu, nhân cận. Nếu Đức Phật thuyết rằng: **Cakkhusamissita rūpavijjānana lakkhaṇaṃ...** cho đến **rūpābhimukhabhāva padaṭṭhānaṃ** như vậy gọi là phương cách tuần tự thuyết pháp (**desanākamanaya**) bởi vì tâm không có sanh lên thật.

Như vậy rồi Ngài giáo thọ sư trình bày rằng: Hữu phần

quá khứ, hữu phần rúng động, hữu phần dứt dòng, tâm khai ngũ môn, tâm nhãn thức, tâm tiếp thấu, tâm quan sát, tâm phán đoán, tâm đồng lực, tâm na cảnh. Đây là phương cách tuần tự sanh lên (**upattikamanaya**) ngay cả Đức Chánh Đẳng Giác cũng thuyết như vậy.

(Việc đem ra trạng thái, phận sự, thành tựu, nhân cận, trình bày cũng để cho biết rằng: Tất cả pháp chân đế là pháp có thật, khi đã là thực tánh pháp có thật thì mỗi một thực tánh có cả 4 loại tướng trạng này thường xuyên thiếu 1 loại nào cũng không được, ngoại trừ ra duy nhất Níp bàn không có nhân cận).

## **Trạng Thái, Phận Sự, Thành Tựu, Nhân Cận Của Tâm Khai Ý Môn**

### **1. Salārammaṇa vijānana lakkhaṇā**

Trạng thái biết được 6 cảnh.

### **2. Pañcadvāramamodvāresu voṭṭhabbanāvajjanarasā**

Phận sự có sự khẳng quyết 5 cảnh trong ngũ môn và thẩm tra 6 cảnh trong ý môn.

### **3. Tathābhāva paccupaṭṭhānā**

Thành tựu diễn tiến theo tánh chất thuần nhất (giống câu thứ 2).

4. **Ahetukavipāka manoviññādhātu bhavaṅgaṇaṃ aññatarāpagama padatṭhānā**

Nhân cận không có ý thức giới là tâm quả vô nhân, tức tâm quan sát (trong ngũ môn) và hữu phần dứt dòng 1 loại nào ( trong ý môn).

**Chú thích:**

Câu thứ 1, việc biết cảnh của tâm khai ý môn, nếu theo đường ngũ môn chỉ biết được 5 cảnh, nếu theo đường ý môn sẽ được 6 cảnh. Việc khẳng quyết của tâm khai ý môn, tức dứt khoát rằng: Cảnh tốt là tốt, cảnh xấu là xấu, cả 2 loại này lấy một loại nào khác biệt nhau với tâm quan sát, tức chỉ là so sánh đây tốt, đây không tốt.

Câu thứ 3, **tathābhāva paccupaṭṭhānā** điều này tức sự hiểu biết rằng: Tâm khai ý môn này nếu sanh lên theo đường ngũ môn thì làm phận sự thuần nhất khẳng quyết cảnh, nếu sanh lên theo đường ý môn thì thẩm tra 6 cảnh xuất hiện trong tuệ quán.

Câu thứ 4, từ **ahetukavipākamanaviññādhātu** này nếu không hiểu về Thắng Pháp Tập Yếu Luận (**abhidhammatthasaṅgaha**) và lộ tâm thì chẳng thấy được mình, đến khi hiểu về lộ tâm thì sẽ nhận biết quan sát có trong lộ tâm ngũ môn và tâm na cảnh theo đường ngũ môn và lộ tâm ý môn.

## **Trạng Thái, Phận Sự, Thành Tựu, Nhân Cận Của Tâm Ứng Cúng Vi Tiểu**

### **1. Saḷārammaṇa vijānana lakkhaṇā**

Trạng thái có sự biết được 6 cảnh.

### **2. Arahaṃ anusaresu vatthūsu hasituppadāna rasā**

Phận sự khởi hiện sự hân hoan đối với vật chất không tuyệt đẹp của tất cả bậc A la hán.

### **3. Tathābhāva paccupaṭṭhānā**

Thành tựu diễn tiến theo tính chất thuần nhất (giống câu thứ 2).

### **4. Ekantato hadayavatthu padaṭṭhānā**

Nhân cận thuần nhất có sắc ý vật.

**Chú thích:** Từ **anusāresu** là từ phản bác cảnh thù thắng như Chư Thiên...

Từ “*vật chất không tuyệt đẹp*”, tức không phải là vật chất tốt, là vật chất đáng thương hại và đối tượng rất thô thiển thấp kém, như nhìn thấy ngọc quý đang bị lửa cháy trên đầu, khi nhìn thấy thì sự mỉm cười chưa khởi hiện, tiếp đến trong tâm hiểu được rằng: sự việc phải là như vậy cũng do mãnh lực phiền não hiện khởi làm cho tạo nghiệp mới nhận lấy quả như vậy, và Ngài đã thoát khỏi phiền não nghiệp loại đó.

Hoặc thấy nhóm nga quý thì hiểu rằng trước đây từng là gì? Và hiện nay phải trở thành nhóm nga quý như vậy, khi suy xét rồi thì mỉm cười. Hoặc nhìn thấy nữ nhân đang chạy chơi và mỉm cười vui vẻ do mãnh lực phiền não, Ngài cũng mỉm cười bởi vì Ngài thoát khỏi tình trạng như vậy.

Việc mỉm cười của bậc A La Hán không liên quan với 5 cảnh đến xuất hiện theo đường ngũ môn, chỉ là nương nhờ vào mà thôi. Việc mỉm cười của Ngài là mỉm cười bằng cảnh pháp quá khứ, tức tức mạng thông (**pubbenivāsānussatiññaabhiñña**), vị lai thông (**anāgatamsañña**) tức cảnh pháp quá khứ, vị lai.

Nếu như vậy thì lạc quán (**sukhavipassaka**) không mỉm cười được hoặc mỉm cười được, nhưng không phải là Thông, việc mỉm cười là sắc thuộc sắc thân biểu tri (**kāyaviññattirūpa**), nếu có ngữ thì thuộc ngữ biểu tri (**vacīviññattirūpa**).

Do đó, theo đường ngũ môn thì có đồng lực giống nhau nhưng việc mỉm cười không xuất hiện, bởi vì là sắc. Vì vậy, xuất hiện việc mỉm cười phải xuất hiện theo đường lộ tâm ý môn. Bởi vì mỉm cười, ai là người mỉm cười, sắc là người mỉm cười; nhưng ai là người sai khiến, tâm là người sai khiến; đang viết, dạy, nói thì pháp gì viết, dạy, nói là sắc; ai là người sai khiến, danh là người sai khiến.

Nếu không có danh sai khiến thì sẽ làm được không? Không được, sắc không biết gì, so sánh giống như người ngu, nhưng tâm giống như người thông minh.

## **Định Nghĩa Về Vô Nhân**

**Natthi hetū ye santīti: Ahetukā**

(và) **natthi hetū etesanti: Ahetukā**

Tất cả nhân của nhóm tâm không có nhân, vì vậy nhóm tâm đó gọi là vô nhân, hoặc tất cả nhân không có của nhóm tâm nào, vì vậy nhóm tâm đó mới gọi là vô nhân.

## **Định Nghĩa Về Nhãn Thức**

**Cakkhum nissitaṃ viññāṇanti: cakkhaviññāṇaṃ**

(và) **cakkhusmiṃ nissitaṃ viññāṇanti: cakkhaviññāṇaṃ**

Thức nương vào thần kinh nhãn, vì vậy gọi là nhãn thức, hoặc thức nương vào thần kinh nhãn, cho nên gọi là nhãn thức.

**(atthavā) cakkhusmiṃ uppannaṃ viññāṇanti cakkhaviññāṇaṃ**

Hoặc một lý khác nữa, thức sanh lên nơi thần kinh nhãn, vì vậy mới gọi là nhãn thức.

### **Ví dụ**

**1. Seyyathā bhikkhave kaṭṭhañca paṭicca aggi jalata kaṭṭhaggitveva saṅkhayaṃ gacchati**

Này các tỳ kheo, lửa cháy sáng rực do nương vào

khúc cây, và gọi là lửa củi (lửa cháy lên do nướng củi, gọi lửa củi).

**2. Sakalikañca paṭicca aggi jalati sakalikaggitveva saṅkhayaṃ gacchati.**

Giống như lửa cháy lên do nướng vào rom, gọi là lửa rom.

**3. Tinañca paṭicca aggi jalati tiṇaggitveva saṅkhayaṃ gacchati.**

Giống như lửa cháy lên do nướng vào cỏ, gọi là lửa cỏ.

**4. Gomayañca paṭicca aggi jalati gomaggitveva saṅkhāyaṃ gacchanti.**

Giống như lửa cháy lên do nướng vào phân bò, gọi là lửa phân bò.

**5. Kusañca paṭicca aggi jalati kusaggitveva saṅkhāyaṃ gacchanti.**

Giống như lửa cháy lên do nướng vào vỏ trấu, gọi là lửa vỏ trấu.

**6. Saṅkarañca paṭicca aggi jalati saṅkaaggitveva saṅkhāyaṃ gacchanti.**

Giống như lửa cháy lên do nướng vào rác rến, gọi là lửa rác rến.

**Evameva kho bhikkhave cakkhuñca paṭicca rūpeca uppajjati viññāṇaṃ cakkhuvīññāṇanteva saṅkhayaṃ gacchati.**

Này các tỳ kheo, thức hiện khởi do nương vào thần kinh nhãn, cảnh sắc, gọi là nhãn thức.

**Sotañca paṭicca saddeca uppajjati viññāṇaṃ sotaviññāṇantveva saṅkhayaṃ gacchati.**

Thức hiện khởi do nương vào thần kinh nhĩ, cảnh thanh, gọi là nhĩ thức.

**Ghānañca paṭicca gandheca uppajjati viññāṇaṃ ghāna viññāṇantveva saṅkhayaṃ gacchati.**

Thức hiện khởi do nương vào thần kinh tỷ, cảnh khí, gọi là tỷ thức.

**Jivhañca paṭicca raseca uppajjati viññāṇaṃ jivhāviññāṇantveva saṅkhayaṃ gacchati.**

Thức hiện khởi do nương vào thần kinh thiệt, cảnh vị, gọi là thiệt thức.

**Kayañca paṭicca phoṭṭhabbeca uppajjati viññāṇaṃ kāyaviññāṇantveva saṅkhayaṃ gacchati.**

Thức hiện khởi do nương vào thần kinh thân, cảnh xúc, gọi là thân thức.

**Manañca paṭicca dhammeca uppajjati viññāṇaṃ mano viññāṇantveva saṅkhayaṃ gacchati.**

Thức hiện khởi do nương vào ý môn và cảnh pháp, gọi là ý thức (tức 76 tâm còn lại).

### Chú thích:

Trong nơi 89 tâm, tức 6 thức còn thiếu 3 ý giới (**manodhātu**) bởi vì Ngài tính vào theo đường lộ tâm ngũ môn, bởi vì cả 5 lộ tâm hiện khởi thì mỗi lộ tâm 3 ý giới cũng sanh lên và 3 ý giới có 5 cảnh mà thôi, nhưng từng sát na đều có cảnh hiện tại.

**Hadayañca paṭicca pañcārammaṇāni ca uppajjati viññāṇaṃ manodhātūti saṅkhayaṃ gacchati.**

Ý giới thường hiện khởi do nương vào sắc ý vật và ngũ cảnh, gọi là ý giới.

(Sắc ý vật gọi là sắc tế (**sukhumarūpa**) tất cả tâm sanh lên được do nương vào sắc ý vật, ngoại trừ tâm quả vô sắc).

## Định Nghĩa Về Khổ

### **Kucchitaṃ hutvā khanatīti: Dukkhaṃ**

Pháp tánh nào mà tất cả chúng sanh chán ghét, có thể làm cho lạc diệt mất, vì vậy pháp tánh đó gọi là khổ.

**Chú thích:** Trong nơi đây giải thích về khổ có 2 loại là:

1. Làm cho lìa khỏi lạc.
2. Khổ khởi hiện, khi xúc chạm cảnh xấu thì tâm thân thức đồng sanh khổ sanh lên.

Khi khổ sanh lên thì đáng chán ghét hoặc đáng thương mến? Đáng chán ghét, nếu ai lấy lửa đến dí hoặc đánh đập

thì không chịu đựng nổi, nhưng nếu ai lấy vật mềm mại xoa bóp thì làm cho thỏa mái, chịu đựng được.

## **Định Nghĩa Về Lạc**

### **Kāyacittābādham khanatīti: Sukham**

Pháp nào làm cho tâm thân thức không thoải mái bị diệt mất, vì vậy pháp tánh đó gọi là lạc.

**Chú thích:** Trong nơi đây, giải thích về lạc, có 2 loại là:

1. Làm cho lìa khỏi khổ.
2. Lạc khởi hiện.

Trong sát na xúc chạm cảnh tốt thì lạc chịu được nhưng khổ thì không chịu đựng nổi; khổ, lạc sanh lên từ thiện, bất thiện.

## **Định Nghĩa Về Tâm Tiếp Thâu**

### **Suṭṭhu paṭimukham icchatīti: sampaticchanam.**

Tâm muốn cảnh trước mắt tốt, gọi là tâm tiếp thâu. (Điều này ám chỉ đến nếu khởi hiện theo đường nhãn môn thì có cảnh sắc, nếu sanh lên theo đường nhĩ môn thì có cảnh thanh riêng biệt tốt, ám chỉ hiện tại).

### **(Và) sam paṭi icchatīti: Sampaticchanam**

Hoặc tâm nhận lấy cảnh nhưng theo riêng biệt, gọi là tâm tiếp thâu.

(Điều này ám chỉ rằng: nhận lấy pháp khác không được ngoại trừ nhận lấy từ 5 thức mà không nhận lấy từ đại thiện, bất thiện, thiện đáo đại, thiện siêu thế nối tiếp đồng lực được).

**(Và) pañcaviññāṇagahitaṃ ārammaṇaṃ  
sampaṭiccatīti: Sampaṭicchana**

Hoặc tâm nhận lấy vào thời điểm cảnh mà 5 thức đã nhận lấy, gọi là tâm tiếp thân.

(Nhận lấy vào thời điểm ám chỉ lấy lộ tâm, so sánh giống như người đứng thành hàng 14 người này như nhãn thức... thành hàng rồi chuyển nối tiếp nhau cho đến sau cùng, tức tâm hữu phần).

## **Định Nghĩa Về Tâm Quan Sát**

**Suṭṭhu tvetīti: santīraṇaṃ**

**(và) yathā sampaṭicchitaṃ ārammaṇaṃ  
sammātirīti: santīraṇaṃ**

Tâm suy xét đối chiếu tốt, gọi là tâm quan sát (hoặc 1 lý khác nữa) đối chiếu tốt cảnh mà tâm trước, tức tâm tiếp thân nhận lấy như thế nào, gọi là tâm quan sát.

Đối chiếu chỉ là cảnh tốt hoặc cảnh xấu, mà tâm tiếp thân với tâm quan sát, tên và công việc làm giống nhau.

Như gọi là thầy thuốc thì họ cũng có phận sự pha chế thuốc; khi gọi là thầy bói thì họ cũng có phận sự xem bói;

như mèo hoặc tắc kè thì tiếng kêu phát ra cũng tiếng mèo, tiếng tắc kè.

Tâm tiếp thân có phận sự nhận lấy cảnh tiếp nối tâm nhãn thức, tâm nhĩ thức; gọi là phận sự nhận lấy cảnh, tâm quan sát cũng có phận sự đối chiếu rằng đây là tốt hoặc không tốt.

## Định Nghĩa Về Tâm Quả

**Pahāyakapahātabbhavena aññamaññviruddhānaṃ kusalākusalānaṃ pākāti: vipākā.**

Tất cả nhóm pháp nào là quả của thiện và bất thiện đối lập lẫn nhau theo sự đoạn trừ và bị đoạn trừ; vì vậy tất cả nhóm pháp tánh đó gọi là quả.

Trong nơi đây, từ “quả” (**vipākā**) riêng biệt được 15 tâm quả vô nhân mà thôi.

**Vấn:** Tâm vô nhân là gì?

**Đáp:** 7 tâm quả bất thiện, 8 tâm quả thiện vô nhân.

**Vấn:** Là nhân hay là quả?

**Đáp:** Là quả.

**Vấn:** Là quả của gì? Nếu sợ hãi bất thiện thì tạo thiện, tạo như thế nào?

Làm tốt, nói tốt, suy nghĩ tốt thì bất thiện cũng sẽ diệt mất; bởi vì là pháp bị đoạn trừ bằng thiện là pháp đoạn trừ.

Thiện giống như ánh sáng, bất thiện giống như bóng tối, không thể triệt tiêu ánh sáng cho chấm dứt được, nhưng ánh sáng luôn chen vào, đi vào trong nơi bóng tối được.

## **Định Nghĩa Về Tâm Quả Bất Thiện**

**Akusalassa vipākāni: Akusalavipākāni**

Quả của tâm bất thiện, gọi là quả bất thiện

## **Định Nghĩa Về Tâm Quả Vô Nhân**

**Kusalassa vipākāni sampayuttahetu virahato  
ahetukānicāti kuslavipakā hetukacittāni**

Tâm quả của thiện cũng là tâm vô nhân, bởi vì loại trừ nhân tương ưng, vì vậy mới gọi là tâm quả thiện vô nhân.

## **Định Nghĩa Về Tâm Tố**

**Karaṇaṃ karaṇamattaṃ: Kiriya**

Tâm hành động chỉ là hành động (không dẫn đến cho quả), gọi là tâm tố (**kiriya-citta**).

## **Định Nghĩa Về Tâm Khai Ngũ Môn**

**Pañcadvāre uppannaṃ ārammaṇa āvajjananti:  
Pañcadvārāvajjanaṃ**

Tâm thâm tra 5 cảnh khởi hiện trong ngũ môn, như nhãn,... (hoặc tác ý đến cảnh) cho nên mới gọi là tâm khai ngũ môn. (Thâm tra so sánh giống như đèn báo hiệu cho máy bay đến đường nào đúng, thì mở cửa theo đường đó).

## Định Nghĩa Về Tâm Khai Ý Môn

**Manodvāre uppannaṃ ārammaṇaṃ avajjananti:  
Manodvārāvajjanaṃ**

Tâm thâm tra 6 cảnh hiện khởi theo 6 môn, vì vậy mới gọi là tâm khai ý môn. (Tâm khai ý môn nếu sanh lên theo đường ý môn, nhận lấy cảnh trực tiếp, rồi chuyển cho tâm đồng lực ngay, không làm phạm sự khăng quyết. Bởi vì tâm khai ý môn hiện khởi theo đường ý môn này sanh lên từ tâm hữu phần; nếu hiện khởi theo đường ngũ môn thì làm phạm sự khăng quyết, rồi chuyển cho đồng lực nhận lấy giống nhau, nhưng không phải trực tiếp).

## Định Nghĩa Về Tâm Ứng Cúng Vi Tiểu

### 1. **Hasanaṃ: Hasitaṃ**

Sự mỉm cười là vi tiểu (**hasita**).

### 2. **Hasitaṃ uppādetīti: Hasituppāda**

Tâm nào làm cho sự mỉm cười khởi hiện (trong cơ tánh của bậc thánh A La Hán), vì vậy mới gọi là Ứng cúng vi tiểu (**hasituppāda**).

**82. Vấn:** Hãy trình bày sự khác nhau giữa Bi (**katikā**), Tùy hỷ (**muditā**) đồng sanh với tâm đại thiện, đại tố và đồng sanh với thiện sắc giới?

**Đáp:**

Bi, Tùy hỷ đồng sanh với đại thiện, đại tố có sự khác biệt nhau đồng sanh với tâm sắc giới, tức:

1. Nói về thọ, đôi khi khởi hiện cùng với thọ hỷ, đôi khi khởi hiện cùng với thọ xả, nhưng trong thiện sắc giới phải đồng sanh với thọ hỷ thuần nhất.

2. Trong tâm đại thiện, đại tố có tánh chất thô, trong thiện sắc giới có tánh chất tế.

3. Trong tâm đại thiện, đại tố phải được gặp thấy chúng sanh đau khổ, chúng sanh an lạc thật sự làm cảnh, hoặc không như vậy thì phải suy xét cho thấy sự khổ, lạc chúng sanh trong tương lai thì bi, tùy hỷ mới sanh lên được. Nhưng trong thiện sắc giới không phải có cảnh đến hiện bày thật; như vậy chỉ dựa vào sự khổ, lạc của khắp cả chúng sanh.

4. Do đó, trong tâm đại thiện, đại tố mới xuất hiện rõ ràng nhiều; nhưng trong thiện sắc giới không xuất hiện rõ ràng, bởi vì nhận lấy từ khổ, lạc chế định (**dukkhita, sukhitapaññatti**) làm cảnh mà thôi.

5. Trong tâm đại thiện, đại tố sanh lên từ trí văn, trí tư; nhưng trong thiện sắc giới sanh lên từ tu tiến thành (**bhāvanāmaya**).

6. Trong tâm đại thiện, đại tổ không đạt đến giai đoạn kiên cố; nhưng trong thiên sắc giới thì đạt đến giai đoạn kiên cố, nhưng tất cả phải trừ ra Đức Phật và bậc A la hán chứng thiên bằng việc tu tiến kiên cố này.

Nếu bậc A la hán không đắc hoặc chứng đắc thiên đi nữa, nhưng thiên đó không phải đắc bằng việc tu tiến vô lượng thì bi, tùy hỷ của các Ngài không đạt đến giai đoạn vô lượng (**appamañña**) chỉ là bi, tùy hỷ thật mà thôi.

7. Trong sát na đang tu tiến thì bi, hỷ đồng sanh trong tâm đại thiện nếu chưa chứng đắc thì việc tu tiến giai đoạn đầu (**pubbabhāgabhāvanā**) có thể thay đổi thành sầu khổ (**soka**), tham. Nhưng nếu chứng đắc thiên thì không có sự thay đổi, vì vậy trong sát na gần đắc thiên sẽ trở thành vô lượng tâm; còn phần còn lại ngoài ra đó chưa là vô lượng tâm.

8. Bi, hỷ trong tâm đại thiện chỉ là đồng sanh với tâm đại thiện và đôi khi thì hiện khởi, đôi khi thì không hiện; bởi vì là hành giả bất định (**aniyatayogī**). Trước khi sanh lên phải có cảnh đến trước mới hiện khởi, lần tâm đại thiện cũng có nhiều loại.

Vì sao tâm đại thiện có nhiều loại? Bởi vì có nhiều loại, tức tâm đại thiện sanh lên từ đức tin cũng có; niệm, trí tuệ, cần cũng có; bi, hỷ cũng có. Và bi, hỷ sanh lên với tâm đại thiện không phải là bi, hỷ thật, phần nhiều là giả. Còn bi, hỷ hiện khởi trong thiên sắc giới là thật, chỉ sanh lên riêng biệt trong sát na đắc thiên lần đầu, và đang nhận thiên; cũng bởi

vì, thiên thiện sắc giới không phải sanh lên thường xuyên, thiên thiện sắc giới chỉ sanh lên riêng biệt khi đắc thiên lần đầu tiên và đang nhập thiên.

Ngoài ra đó thì bất thiện cũng có, thiện cũng có, tâm vô nhân cũng có sanh lên mãi bất cứ là nhân loại, chư thiên, phạm thiên đi nữa. Và trong sát na thiên sắc giới khởi hiện thì bi, hỷ cũng hiện khởi chỉ trong sát na đó, thì tâm cũng không sinh diễn tội nghiệp hoặc vui thích đối với chúng sanh bởi trường hợp nào.

Điều này Ngài giáo thọ sư nêu ví dụ rằng: Trong cuộc chiến, ông A thấy thương hại, còn ông B có phần nào thân nhiên không?

Đáp: Không, bởi vì ông B đang bình thân, vũng vàng thì không có gì làm cho đáng thương hại.

Nhưng trong thiên sắc giới chỉ dựa vào khắp cả chúng sanh mà không lựa chọn mặt hoặc sẽ khởi hiện với người đang tu tiến, bởi vì: Người này đang rèn luyện tâm của mình thường xuyên, như vậy dù cho chưa đắc thiên, sự việc nhắm vào phần này, bởi vì từ “vô lượng tâm” (**appamaññā**) tức chẳng ước lượng được.

**83. Vấn:** Ngài giáo thọ sư **Anuruddha** trình bày trong chương 9 rằng: Vô lượng tâm có 4, tức từ, bi, hỷ, xả. Nhưng trong chương 2 chỉ trình bày 2 vô lượng tâm, tức bi, hỷ. Việc trình bày như vậy không mâu thuẫn nhau hay chẳng, hãy phân tích, giải thích?

**Đáp:** Không mâu thuẫn bởi vì việc trình bày về tâm sở thì Từ cũng tức là tâm sở vô sân (**adosacetasika**), còn xả, tức là tâm sở hành xả (**tattramajjhatattā**). Trong chương 9 là trình bày đến cảnh của nghiệp xứ. Vì vậy mới trình bày cho đầy đủ cả 4.

Ngài giáo thọ sư **Tīkā** trình bày trong **Vibhāviniṭṭikā** rằng:

**Adoseneva mettāpi                      Tatramajjhatattā ya ca**

**Upekkhā gahitā yasmā              Tasmā na gahita ubho**

Ngài giáo thọ sư **Anuruddha** trình bày Từ với Xả, cả 2 vô lượng tâm này bằng tâm sở vô sân và tâm sở hành xả. Vì vậy mới không đem 2 tâm sở này trình bày lập lại trong Bi với Hỷ vô lượng tâm nữa. Còn việc trình bày vô lượng tâm trong chương 9 là trình bày số lượng 40 chỉ tịnh nghiệp xứ, cho nên phải trình bày vô lượng tâm cho hiện bày tất cả.

**84. Vấn:** Một số Ngài giáo thọ sư đề cập rằng: Người muốn trở thành người vĩ đại, như vậy gọi là hữu lậu (**bhavāsava**) đúng hay không? Xin giải thích, phân tích?

**Đáp:**

Một số Ngài giáo thọ sư đề cập rằng: người muốn trở thành người vĩ đại gọi là hữu lậu thì không đúng; đúng phải là dục lậu (**kāmāsava**). Và điều này phải nêu người lên để luận giải và nêu người làm điều kiện để khẳng định, tức bậc Bất lai, bởi vì bậc Bất lai vẫn còn hữu lậu. Nếu đề cập việc mong muốn trở thành người vĩ đại là hữu lậu, như vậy là nói xem thường bậc Bất lai.

**85. Vấn:** Bất thiện pháp là pháp ngăn chặn thiền định, Đạo, Quả gì? Và pháp đoạn trừ nhóm bất thiện pháp này được bằng cách áp chế (**vikhambhana**) và sát tuyệt (**samuccheda**) là pháp gì?

**Đáp:** Bất thiện pháp là pháp ngăn chặn thiền định, Đạo, Quả tức 5 triền cái và pháp đoạn trừ nhóm bất thiện pháp, tức 5 chi thiền. 5 chi thiền đoạn trừ 5 triền cái bằng cách đoạn trừ áp chế. Nhưng vô minh triền cái không có bất cứ chi pháp nào đoạn trừ được, chỉ đoạn trừ được bằng cách gián tiếp, tức khi 5 chi thiền đoạn trừ 5 triền cái bằng cách áp chế thì vô minh yếu sức mạnh xuống, bởi vì mất đi bạn bè.

Ví dụ, giống như một tên chúa đảng cướp mất đi thuộc hạ. Khi vô minh đã yếu sức mạnh thì vô minh triền cái không thể ngăn chặn thiện thiền được, cho nên thiện thiền mới khởi hiện lên.

Còn việc đoạn trừ 5 triền cái bằng cách sát tuyệt thì phải đoạn trừ bằng 4 Đạo, tức Nhập lưu đạo đoạn trừ hoài nghi triền cái và hối triền cái, Bất lai đoạn đoạn trừ dục ái triền cái và sân hận triền cái.

Còn hôn trầm, thụy miên trong tâm tương ưng kiến hữu trợ và phóng dật, vô minh trong 4 tâm tương ưng kiến và tâm tương ưng hoài nghi thì bậc Nhập lưu đoạn trừ được.

Hôn trầm, thụy miên, phóng dật, vô minh triền cái trong tâm sân hữu trợ thì bậc Bất lai đoạn trừ được.

Còn hôn trầm, thụy miên trong tâm bất tương ưng kiến

hữu trợ và phóng dật, vô minh trong 4 tâm tham bất tương ưng kiến, với phóng dật, vô minh trong tâm tương ưng phóng dật thì bậc A là hán đoạn trừ.

**86. Vấn:** Vì sao Đức Chánh Đẳng Giác thuyết về 2 tâm sở hôn trầm, thụy miên này gom thành một loại triền cái; phóng dật, hối gom thành một loại triền cái?

**Đáp:**

Sự việc Đức Phật thuyết về hôn trầm, thụy miên và phóng dật, hối gom chung với nhau là triền cái; bởi vì cả 2 loại tâm sở này có phận sự, duyên, đối lập giống nhau. Vì vậy Ngài mới thuyết gom chung với nhau thành mỗi đôi.

Tức cả 2 hôn trầm, thụy miên này nói theo phận sự làm cho tất cả tâm dẫn đến sự dã dượi, thôi chuyển như sự buồn ngủ, ngáp ngủ.

Nói theo nhân có sự lười biếng hoặc thọ dụng vật thực nhiều hơn.

Nói theo đối lập thì đối lập với sự tinh cần.

Phóng dật, hối theo phận sự làm cho tất cả tâm dẫn đến sự phóng tán, không yên tịnh.

Nói theo nhân có sự lo âu đến việc suy vong của quyền thuộc... tức 5 pháp suy vong như quyền thuộc suy vong (**ñātibayasana**), tài sản suy vong (**bhogabayasana**), bệnh tật suy vong (**rogabayasana**), giới suy vong (**silabayasana**), kiến suy vong (**diṭṭhibayasana**).

Nói theo đối lập là pháp đối lập với tu tiên chỉ tịnh, tức sự yên tịnh.

**87. Vấn:** 2 tâm si được xếp vào vô trợ (*asaṅkhārika*) có dẫn chứng như thế nào?

**Đáp:**

Có dẫn chứng nơi hôn trầm, thụy miên không đồng sanh.

**88. Vấn:** Tâm đồng lực có thể thấy cảnh sắc hiện tại được hay không? Nếu có thì có số lượng bao nhiêu, sanh lên theo đường nào?

**Đáp:**

Tâm đồng lực có thể thấy cảnh sắc hiện tại được, có 31 tâm, tức 29 tâm đồng lực dục giới, 2 tâm thông; vì vậy sự việc nêu điều ngũ môn này lên hỏi cũng để ngăn chặn sự hiểu lầm rằng: không phải chỉ 2 tâm nhãn thức mà thôi, mà thấy được cảnh sắc thì tâm đồng lực dục giới và 2 tâm thông cũng thấy cảnh sắc hiện tại được giống nhau.

Như trong sát na xem câu hỏi này thì pháp gì là người xem?

Tâm lộ ý môn là người xem, nếu không có lộ tâm ý môn thì không xem được; bởi vì theo đường lộ tâm ngũ môn thì không biết gì cả, chỉ là thực tánh pháp, nhận lấy thực tánh pháp với nhau.

Ví dụ giống như máy nhận sóng radio nhận sóng khác nhau nhưng bản chất máy nhận sóng đó không biết gì cả;

biết thì biết theo được lộ tâm ý môn, cho nên nếu người mù thì thấy được cảnh sắc hiện tại không?

Không được. Bởi vì người mù chỉ thấy cảnh sắc quá khứ được, bởi vì mình đã từng thấy trước khi mất mù, cho nên sự việc nhãn thức thấy cảnh sắc hiện tại; bởi vì nhãn thức có phận sự thấy thuần nhất cảnh sắc hiện tại, mà không nhìn thấy loại khác được. Và trong sát na lộ tâm ngũ môn hiện khởi thì phải nêu lên chính tâm nhãn thức này dẫn đầu trong việc thấy; nhưng nếu chỉ thuần nhất nhãn thức thấy thì không thể biết được vấn đề gì cả, chỉ là nêu lên cho thấy trọng yếu trong việc thấy này mà thôi.

**89. Vấn:** 28 sắc pháp có bao nhiêu, tên gọi là gì? Hãy trình bày ý nghĩa của tên gọi đó?

**Đáp:** 28 sắc pháp có được 8 tên gọi là vô nhân (**ahetukā**), hữu duyên (**sapaccaya**), hữu lậu (**sāsavā**), hữu vi (**saṅkhārā**), hiệp thế (**lokiyā**), dục giới (**kamāvacara**), phi cảnh (**anārammaṇa**), không đáng đoạ trừ (**appahātābba**).

(Còn ý nghĩa của tên có hiện bày rõ trong giáo trình, không cần thiết phải trình bày, trong việc lấy câu hỏi để trình bày với nhau về việc hiểu lầm rằng khi có câu hỏi như vậy thì sẽ trả lời như thế nào?)

**90. Vấn:** 5 sắc thần kinh này khi phân tích theo phân loại sắc (**rūpavibhāga**) được bao nhiêu loại, là gì?

**Đáp:** Được 12 loại.

(Phần nào cũng có hiện bày trong giáo trình, chỉ là lấy câu hỏi đặt lên để muốn làm cho hiểu đến lời đáp rằng sẽ đáp theo trường hợp nào).

**91. Vấn:** Bọn sắc thì 3 bọn có số lượng 30 sắc trong sát na thời tục sinh của chúng sinh thai sanh (**gabbhaseyyaka**) đề cập được chẳng, khi lớn lên có số lượng bao nhiêu?

**Đáp:**

Theo uẩn phân tích theo bộ số giải phân tích (**sammohavinodanīatthakathā**) nêu lên trình bày 5 loại, tức:

1. Số lượng nước mà con ruồi nhỏ xíu nút vào trong miệng một lần thì vẫn còn ước lượng lớn hơn nước kalala.

2. Khi lấy đầu mũi kim nhỏ nhất nhúng vào trong dầu mè, rồi đưa mũi kim lên thì giọt dầu mè dính lại nơi đầu mũi kim vẫn còn ước lượng lớn hơn nước kalala.

3. Lấy 1 sợi tóc của người dân Ấn Độ nhúng vào trong dầu mè rồi đưa sợi tóc lên thì giọt dầu mè dính lại nơi đầu sợi tóc cũng vẫn còn ước lượng lớn hơn nước kalala.

4. Lấy 1 sợi tóc của người dân Bắc cực lưu châu nhúng vào dầu mè rồi đưa sợi tóc đó lên thì giọt dầu mè dính lại nơi đầu sợi tóc đó cũng vẫn còn ước lượng lớn hơn nước kalala.

(Một sợi tóc của người dân Ấn Độ phân ra thành 8 phần, mỗi 1 phần đó bằng với sợi tóc của người Bắc cực lưu châu).

5. Lấy 1 sợi lông của con dê còn trong bào thai của dê

mẹ nhúng vào trong dầu mè, rồi lấy lên giọt dầu mè trên đầu lông đỏ có ước lượng bằng với nước kalala.

Trong phụ chú giải **Paramatthadīpanīmahāṭīkā** trình bày sắc kalala này với ước lượng bằng 1 trong 36 hạt nguyên tử, 1 hạt nguyên tử lớn ước lượng bằng 1 trong 36 hạt phân tử, 1 hạt phân tử lớn ước lượng bằng 1 trong 36 của hạt electron (**tajjarī**), 1 hạt electron (**tajjarī**) lớn ước lượng bằng 1 trong 36 của hạt neutron (**rathareṇu**), như kệ trình bày rằng:

**Chattimsa paramāṇuna      Mekoṇu ca chattimsa te**

**Tajjarī tapi chattimsa      Eko rathareṇu bhāve**

36 hạt bụi nguyên tử (**paramāṇudhulī**) bằng 1 hạt bụi phân tử (**aṇudhulī**), 36 hạt bụi phân tử bằng 1 hạt bụi electron (**tajjārīdhulī**), 36 hạt bụi electron bằng 1 hạt bụi neutron (**rathareṇudhulī**).

### **Bụi Có 4 Loại Là:**

1. Bụi neutron (**rathareṇdhulī**): Bụi tung lên từ sau xe đang chạy.

2. Bụi electron (**tajjarīghulī**): Bụi đang có trên bầu trời mà mắt của thanh niên, thiếu nữ nhìn thấy được.

3. Bụi phân tử (**aṇudhulī**): Bụi thấy được theo tia nắng chiếu xuyên qua cửa, cửa sổ vào buổi sáng và buổi chiều tà hoặc thấy được bằng ống nhòm.

4. Bụi nguyên tử (**paramāṇudhūlī**): Bụi không thấy bằng mắt được, ngoại trừ mắt của phạm thiên và chư thiên mới nhìn thấy được.

Mỗi hạt bụi neutron (**rathareṇūdhūlī**) phân ra thành 36 phần, 1 trong 36 phần của hạt bụi neutron bằng 1 hạt bụi electron (**tajjarīdhūlī**).

Mỗi một hạt bụi electron phân ra thành 36 phần. 1 trong 36 phần của hạt bụi electron bằng một hạt bụi phân tử.

Mỗi một hạt bụi phân tử (**anudhulī**) phân ra thành 36 phần, 1 trong 36 phần của hạt bụi phân tử bằng 1 hạt bụi nguyên tử (**paramāṇudhulī**).

**92. Vấn:** Hãy trình bày việc đoạn trừ 10 kiết sử (**saṃyajana**) và 5 triền cái (**nivaraṇa**) bằng 4 Đạo theo phương pháp sơ giải bộ Pháp tụ (**aṭṭhasālinīatthakathā**)?

**Đáp:**

*Câu hỏi này sẽ giải đáp việc đoạn trừ kiết sử theo phương pháp nào cũng được, bởi vì có ý định làm cho hiểu rằng Đạo mà đoạn trừ kiết sử gì được phần nào.*

Bởi vì có sự tranh cãi nhau rằng: Nếu câu hỏi loại này thì phải trình bày việc đoạn trừ kiết sử theo tuần tự của Đạo và trình bày việc đoạn trừ kiết sử theo tuần tự của phiền não không được; Ngài giáo thọ sư mới nói rằng: Tùy theo học viên thấy rằng điều nào thuận lợi thì hãy trình bày theo cách đó.

**93. Vấn:** Tóm lại sự việc Đức Chánh Đăng Giác đề cập đến gì? Ngài mới thuyết về Thắng Pháp?

**Đáp:** Ngài đề cập đến đoạn trừ phiền não.

**94. Vấn:** Nếu có người học Thắng pháp (**abhidhamma**) thì được lợi ích như thế nào?

**Đáp:** Để được trí tuệ có thể đoạn trừ 4 loại điên đảo pháp (**vipallasadhamma**) tức:

1. Thường điên đảo kiến (**niccadiṭṭhivipallāsa**).
2. Mỹ điên đảo kiến (**subhadiṭṭhivipallāsa**).
3. Lạc điên đảo kiến (**sukhadiṭṭhivipallāsa**).
4. Ngã điên đảo kiến (**attadiṭṭhivipallāsa**).

**95. Vấn:** Việc biết tường tận theo sự thật nghĩa là gì?

**Đáp:** Có nghĩa là biết tường tận theo sự thật của chế định cũng được; hoặc biết tường tận theo sự thật của chân đế cũng được. Nhưng việc biết tường tận theo sự thật về pháp thực tánh thì phải học về pháp thực tánh hoặc vào thực hành minh quán mới biết được tường tận theo sự thật của thực tánh được.

**Vấn:** Từ **viggaha**, **vacanattha**, **sadhaka** mỗi từ dịch là gì và có ý nghĩa như thế nào? Giống nhau hoặc khác nhau, từ nào dùng trong nơi nào, khi nào dùng thay thế nhau được hay không, được như thế nào? Khi nào từ **viggaha**... đến từ đâu?

**Đáp:** Từ **viggaha** hay **vacanattha** được dịch trình bày theo ý nghĩa của từ theo lời nói khác nhau.

**Vacana**, tức lời nói.

**Attha**, tức ý nghĩa, khi gom lại thì dịch là trình bày ý nghĩa của lời.

Còn **sādhaka** tức 2 từ **viggaha** và **vacanattha**.

**Vacanattha** nghĩa là sự trình bày ý nghĩa của từ.

**Viggaha** nghĩa là sự trình bày ý nghĩa của từ

**Sādhaka** nghĩa là làm cho hoàn thành ý nghĩa giống nhau.

Từ “**vacanattha**” phần nhiều dùng theo ý nghĩa của **pāḷi** và chỉ dùng trong tam tạng.

**Viggaha** có ý nghĩa dùng theo phổ biến, dùng thay thế cho **vacanattha** được. Như nước nào làm cho thù hận, ác xấu chấm dứt thì nước đó gọi là cường thịnh. Đây là giải thích (**viggaha**) của sự cường thịnh dùng thay thế cho định nghĩa (**vacanattha**).

Như **Dhonpurī**, nước nào phần thịnh sung túc tài sản, vì vậy nước đó gọi là **Dhonpurī** đây là giải thích của từ **Dhonpurī**.

Giải thích (**viggala**): dùng trong lúc muốn hiểu **pāḷi** chi tiết của từ.

Định nghĩa: (**vacanattham**): dùng trong lúc muốn chọn

lọc, tìm phân sự, ý nghĩa (**attharasa**) tức ý nghĩa của từ cho sáng tỏ.

Dẫn chứng (**sādhaka**): dùng trong lúc muốn làm cho lời nói được cụ thể dứt khoát theo sự thật.

Do đó, định nghĩa cũng tức là dẫn chứng, bởi vì từ **sādhaka**, tức dẫn chứng lên để dựa vào sự bằng nhau tìm kiếm chứng cứ khẳng quyết. Vì vậy **sādhaka** này cũng có nghĩa là làm cho phân sự được thành tựu, nếu không có **sādhaka** thì phân sự cũng không thành tựu được.

Như có câu chuyện xảy ra rằng: ông A trộm cắp, khi tìm kiếm người trộm cắp thì phải dựa vào dẫn chứng rằng đây là cây viết của tôi thì cảnh sát mới bắt xét xử; nếu không có dẫn chứng để dựa vào chứng cứ thì cảnh sát sẽ không bắt xét xử được.

**Viggaha, vacanattha** đến từ số giải, phụ số giải.

**Sādha** đến từ **pāli** cũng có, số giải, phụ số giải cũng có.

Gọi là người đó sẽ phải rơi vào địa ngục. Như vậy, cũng sẽ có câu hỏi nêu lên rằng: người sẽ phải rơi vào địa ngục đó như thế nào?

Ta phải trả lời rằng: Bởi vì nương vào định nghĩa rằng **pum vuccati nīrayaṃ galāliti: puggalo**

Kinh thành (**nagara**) tức vùng được tôn trọng bởi vì chính quyền đặt lại nơi đó, đức vua cũng ngụ tại nơi đó, nên gọi là kinh thành.

**Vấn:** *Rāsatṭthena rāsisatṭthena khandho*, đây gọi là định nghĩa được hay không, hoặc gọi là như thế nào?

**Đáp:** Gọi là định nghĩa được như nhau nhưng chỉ là định nghĩa giả, bởi vì không có bị chỉ trích.

Nếu định nghĩa thật của từ uẩn thì là **anekadukkhehi khajjantīti: khandhā**. Đây là định nghĩa của từ uẩn thật hoặc **suññākāraṃ dhārentīti: khandhā**. Đây là định nghĩa của từ uẩn thật giống như vậy.

## PHÁP TỰ (dhammasaṅgaṇī)

### Chú thích:

Lời giải thích trong nhị đề hiệp thế (**lokiyaduka**) trong nhóm nhị đề tiểu định (**cūḷantaraduka**).

8 tâm siêu thế, 36 tâm sở gọi là siêu thế; bởi vì là nhân làm cho thoát khỏi thế gian, tức đạt đến vô dư níp bàn (**anupādisesanibbāna**), có thực tánh vắng mặt khỏi danh, sắc, ngũ uẩn gọi theo cách tương tự (**upacāranaya**).

Đôi với Níp bàn gọi là siêu thế là gọi theo cách trực tiếp, bởi vì là thực tánh đang có riêng biệt không liên quan đến thế gian.

Trong nơi đây phải hiểu đến từ pháp hữu vi (**saṅkhatadhamma**) với thế gian hữu vi (**saṅkhāraloka**). Trước pháp hữu vi, ý nghĩa từ đâu? Và thế gian hữu vi, ý nghĩa từ đâu?

Từ pháp hữu vi, thế gian hữu vi có ý nghĩa khác nhau, tức pháp hữu vi có 89 tâm, 52 tâm sở, 28 sắc pháp. Còn thế gian hữu vi ám chỉ riêng biệt 81 tâm hiệp thế, 52 tâm sở, 28 sắc pháp.

Do đó 8 tâm siêu thế, 36 tâm sở là pháp hữu vi; bởi vì có sự sanh diệt, không phải là thế gian hữu vi, bởi vì không phải là nhân làm cho luân chuyển trong thế gian.

Pháp nào có sự sanh diệt, pháp đó gọi là hành khổ (**saṅkhāradukkha**).

Vì vậy 8 tâm siêu thế, 36 tâm sở chỉ là hành khổ, nhưng không phải là khổ luân hồi. Nhưng tâm hiệp thế là hành khổ, lẫn khổ luân hồi.

### **Chú thích:**

Câu **kenaci viññeyyā dhammā** này.

Câu 1. **Kenaci viññeyyā dhammā** tức 89 tâm, 52 tâm sở, 28 sắc pháp, Níp bàn.

Câu thứ 2. **Na kenaci viññeyyā dhammā** tức 89 tâm, 52 tâm sở, 28 sắc pháp, Níp bàn.

Tất cả pháp thực tánh có vài tâm biết được. Tất cả pháp thực tánh có vài tâm không biết được.

Điều này nếu nêu ví dụ thì tất cả người có 1 số người thì biết được, tất cả người có 1 số thì không biết được. Cả 2 trường hợp này thì tất cả người mà biết được 1 số người,

tức tất cả người ở trong thế gian, tất cả người mà không biết được 1 số người, tức tất cả người trong thế gian.

Việc giải thích trong câu **kenaci viññeyyā** có 2 lý, tức theo lý số giải bộ pháp tụ (**aṭṭhasālīnī**) và theo lý phụ chú giải (**mūlaṭīkā**). Theo lý số giải bộ pháp tụ là trình bày theo nền tảng thông thường, nhưng theo lý phụ chú giải thì trình bày theo cách đặc biệt. Bởi vì theo nền tảng thông thường thì chi pháp của câu thứ 1 và câu thứ 2 phải khác nhau.

Nhưng theo Ngài phụ số giải **mūlaṭīkā** thì nêu lên chi pháp của câu thứ 1 và câu thứ 2 thì cảnh sắc giống nhau được, bởi vì Ngài nêu câu nghiệp (**kammapa**) làm chánh yếu, không quan tâm đến câu tạo tác (**kattupada**).

Nhưng trong số giải bộ Pháp tụ nêu câu tạo tác làm chánh yếu, không quan tâm đến câu nghiệp. Sự việc như vậy cũng bởi vì chi pháp của tâm tạo tác khác nhau vì vậy mới dùng được.

Sự việc Ngài phụ số giải **mūlaṭīka** nêu lên chi pháp trình bày theo cách đặc biệt; như vậy bởi Ngài hiểu về **pāḷi** và thực tánh pháp xuyên suốt, mới trình bày được. Như vậy là chuẩn xác theo **pāḷi** đã trình bày, tức **kenaci** nghĩa là 1 số tâm.

Sự việc chi pháp của câu thứ 1 và câu thứ 2 trong **nhị đề các chi pháp có phần đáng bị biết (kenaci viññeyya dukā)** giống nhau, bởi vì câu thứ 1: Đức Phật thuyết rằng các pháp có phần đáng bị biết (**kenaci viññeyya dhammā**), tức tất cả pháp thực tánh cần phải biết được bởi 1 số tâm.

Trong câu thứ 2, các pháp có phần không đáng biết (**na kenaci viññeyyā dhammā**) tức tất cả pháp thực tánh không cần phải biết được bởi 1 số tâm.

Do đó, từ “**dhammā**” trong câu thứ 1 hay trong câu thứ 2 cũng tức là pháp chân đế, một số tâm biết được và một số tâm không biết được; một số tâm trong câu trước đó Đức Phật không thuyết dứt khoát rằng: Tâm nào biết pháp thực tánh nào, tâm nào không biết pháp thực tánh nào, và loại thực tánh nào bị tâm nào biết, loại thực tánh nào không bị tâm nào biết; cũng chẳng thuyết chỉ rõ đích xác chỉ thuyết chung chung bằng một số tâm mà thôi.

Còn trong nhị đề khác hay tam đề khác, Đức Phật thuyết chỉ rõ dứt khoát hoàn toàn rằng: **Hetū dhammā na hetū dhammā sahetukā dhammā ahetukā dhammā sappaccayā dhammā appaccayā dhammā sanidassanā dhammā anidassanā dhammā** hoặc **kusalā dhammā akusalā dhammā abyākatā dhammā...**

Từ “**dhammā**” cũng tức là tất cả pháp chân đế những từ trước Ngài thuyết chỉ rõ rằng: **Hetū, na hetū, sahetukā, ahetukā, sappaccayā, appaccayā, sanidassanā, anidassanā, hay kusalā, akusalā, abyākatā**. Nhưng trong nhị đề các pháp có phần đáng bị biết (**kenaci vinneyyaduka**) đó chẳng được thuyết chỉ rõ như vậy. Vì vậy chi pháp của câu thứ 1 và câu thứ 2 mới có chi pháp tất cả pháp chân đế.

## **Chú Thích: Giải Thích Trong Câu Nhị Đề Pháp Hành (saṅkhataduka).**

Pháp thực tánh trong 11 cõi dục bị tạo tác bởi 4 duyên.

Pháp thực tánh trong 15 cõi sắc (trừ cõi vô tưởng) bị tạo tác bởi 3 duyên (trừ vật thực).

Pháp thực tánh trong cõi vô tưởng bị tạo tác bởi 2 duyên, tức nghiệp, nhiệt lượng (**utu**).

Pháp thực tánh hay trong cõi vô sắc, bị tạo tác bởi 2 duyên, tức nghiệp, tâm.

Pháp thực tánh không có mạng quyền, bị tạo tác bởi 1 duyên, tức nhiệt lượng (**utu**) nóng, lạnh.

## **Chú Thích: Trình Bày 4 Loại Phục (gantha) Và Chi Pháp Cùng Với Tâm Sở Đồng Sanh.**

1. Tham ác thân phục (**abhijjhākāyagandha**): Chi pháp tâm sở tham đồng sanh trong 8 tâm tham, 22 tâm sở (trừ 5 tâm sở).

2. Sân độc thân phục (**byāpādakāyagantha**): Chi pháp tâm sở sân đồng sanh trong 2 tâm sân, 22 tâm sở (trừ 5 tâm sở).

3. Giới thủ thân phục (**siḷabattaparāmāsakāyagantha**): Chi pháp tâm sở tà kiến đồng sanh trong 4 tâm tham tương kiến, 21 tâm sở (trừ 6 tâm sở).

4. Thử thực chấp thân phược (**idamsaccābhinivesakāyagantha**): Chi pháp tâm sở và kiến đồng sanh trong 4 tâm tham tương ưng kiến, 21 tâm sở (trừ 6 tâm sở).

Kiết sử (**saṃyojana**): giống như sợi dây lôi kéo theo, đặt thành từng tầng, lôi kéo từ tầng phạm thiên cho xuống đến tầng chư thiên, lôi kéo từ tầng chư thiên cho xuống đến khổ cảnh.

Phược (**gantvā**): giống như vòng tròn dính liền nhau làm cho tục sinh, tử, tục sinh, tử tồn tại như vậy suốt thời gian lâu dài, giống như vòng tròn mất xích.

Kết (**yoga**): dính liền trong vòng luân hồi, giống như keo dính để dán giấy.

**Vinayo nāma buddhasāsanassa āyu**: Luật là tuổi thọ của Phật giáo.

**Vinaye ÷hite sāsanaṃ ÷hitam**: Khi luật còn tồn tại thì Phật giáo còn tồn tại.

Việc tồn tại thì phải tồn tại tốt hay không tốt; nghĩa là giống như người có tuổi thọ nhưng thân thể không thích ứng như thế nào, thì Luật hiện hữu phải có Thắng pháp (**anudhammam**) trợ giúp để cho giáo pháp được tăng trưởng, tức thiên định, Đạo, Quả. Đây là pháp gọi là tăng trưởng.

## **Giải Thích Về Tà Kiến Và Chánh Kiến Khác Biệt Nhau Như Thế Nào?**

Tà kiến loại mạnh bạo đưa đến khổ cảnh. Cả 2 tà kiến mạnh bạo và non yếu với chánh kiến khác biệt nhau như thế nào?

Tà kiến loại mạnh bạo không tin thiện, bất thiện; kiếp quá khứ, kiếp hiện tại, kiếp vị lai; Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng; khi đã như vậy thì có quan kiến rằng: Sa môn Gotama chỉ là một bậc Đạo sư giống như bậc Đạo sư khác không có gì khác nhau; Toàn Giác Trí biết tất cả không có gì dư sót, cũng không thật, bậc Đạo sư khác là vị có sự hiểu biết nhiều hơn, bởi vì họ có thể sáng lập thế gian được.

## **Tiếp Đến Giải Thích Về Minh Đang Có Nơi Bậc Chánh Đẳng Giác ?**

Minh bậc Chánh Đẳng Giác, tức Tam Tạng nhưng Thắng Pháp là Minh thật sự của Đức Phật; bởi vì liên quan đến pháp thực tánh, nếu Đức Phật không thuyết thì sẽ không có người nào thuyết được.

Sự việc tà kiến như vậy liên quan bởi vì họ không biết rằng Luật (**vinaya**) chỉ nhân, chỉ quả. Khi người nào học tập cho hiểu được suôn sẻ về Luật thì người đó sẽ là người nhận thức rõ về nhân và quả 1 cách tỏ tường và có thể làm cho phát sanh 1 loại trí tuệ trong người đó.

Còn Kinh (**sutta**) thì Ngài nêu cụ thể người lên. Đối với Thắng Pháp thì Ngài nêu thực tánh pháp lên theo sự xuất hiện trên thế gian; nhưng họ trở lại hiểu rằng: Luật giống như luật pháp, Kinh giống như câu chuyện trong sách xuất bản.

Giới cấm thủ (**sīlabattaparāmāsa**): Là phạm sự thực hành lỏa thể; dùng thức ăn giống như chó, giống như bò; là phạm sự, là bốn phạm liên quan đến quan kiến rằng: Mặc y phục hoặc dùng thức ăn bằng tay là nhân làm phát sanh Tham; cho nên phải ăn thức ăn, dùng miệng đớp giống như con chó và không chịu mặc y phục; vì hiểu rằng chắm dứt phiền não bằng điều thực hành như vậy, rồi chấp trì bằng việc thực hành như vậy là phạm sự, là sự hiểu biết theo cá nhân rồi thực hành mà không liên quan đến người khác.

(Điều này đừng ám chỉ đến Giới cấm thủ là giới ngoài giáo pháp, bởi vì sẽ trùng lặp với giới của Thiên chúa, họ ngoạm bánh mì đó vào).

Còn Thủ thực chấp (**idamsaccābhinivesa**), tức thấy rằng người khác sai, và khi chấp rằng của mình đúng, thì không có gì để khẳng định rằng của mình đúng, đúng như thế nào? Của người khác sai, họ sai như thế nào?

Như khi nhìn thấy 1 người nào bỏ thí món ăn chay như rau thì họ nói là sai, bởi vì rau là vật có mạng sống giống nhau. Sự việc họ nói rằng rau có mạng sống cũng đúng của họ, bởi vì rau sanh lên từ thời tiết; nhưng nếu họ nói có mạng sống giống con người thì sai hẳn.

Điều này cũng có câu hỏi nói rằng: Nếu cây cối là vật không có mạng sống, thì sao Đức Phật cấm chế tỳ kheo không cho đốn cây. Điều này liên quan sự khổ sở về nơi trú ngụ của chư thiên. Nhóm chư thiên này khi nhận phải sự khổ sở mới đi đến bạch Đức Phật, Đức Phật mới cấm chế lẫn việc đào đất, trồng rau, phát cỏ cũng là điều thấp kém, không xứng đáng với chư Tăng, Đức Phật mới cấm chế.

Một lý khác nữa, một số người họ nói rằng: Thế gian tròn và xoay chuyển được, còn mặt trời, mặt trăng tồn tại là bình thường, nhưng Thử thực chấp (**idam saccābhinivesa**) nói rằng không thật. Sự thật thì thế gian đẹp, mặt trời, mặt trăng xoay chuyển đi; như vậy cũng không có gì nêu lên để làm điều kiện khẳng định được nữa.

Nếu như vậy thì chúng ta thọ trì 5 giới, bát quan trai giới của chúng ta là đúng. Còn việc không giữ 5 giới, bát quan trai giới là sai; mà không vào trong phạm trù của Thử thập chấp hoặc không là như vậy, bởi vì chúng ta có điều khẳng định, tức Toàn Giác Trí và thực tánh như sát sanh là tội...

### Chú thích:

Trình bày 4 loại bộc (**ogha**) và chi pháp cùng với tâm sở đồng sanh.

1. Dục bộc (**kālaghaso**): Chi pháp tâm sở tham đồng sanh trong 8 tâm tham, 22 tâm sở (trừ 5 tâm sở).

2. Hữu bộc (**bhavatha**): Chi pháp tâm sở tham đồng sanh trong 8 tâm tham, 22 tâm sở (trừ 5 tâm sở).

3. Kiến bộc (**tiṭṭhatha**): Chi pháp tâm sở tà kiến đồng sanh trong 4 tâm tham tương ưng kiến, 21 tâm sở (trừ 6 tâm sở).

4. Vô minh bộc (**avijjogha**): Chi pháp tâm sở si đồng sanh trong 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở.

Định nghĩa về bộc **avattharivā hantīti**:

**Oghā** pháp thực tánh ngập tràn, gây tổn hại cho tất cả chúng sanh gọi là bộc (và) **avahananti osīdāpentīti**: **Oghā**, một lý khác nữa, tất cả thực tánh làm cho tất cả chúng sanh chìm xuống gọi là bộc (dòng nước).

**Oghāviyāti**: **Oghā**, tất cả pháp thực tánh giống như dòng nước, gọi là bộc, tức 3 chi pháp bộc.

Thông thường dòng nước, dù cho ai sẽ bơi qua dòng nước cũng không thể bơi qua được; bởi vì khi rơi xuống đến dòng nước đó, thì chỉ có chìm xuống dưới mặt nước.

Trong nơi đây ám chỉ đến việc gây tổn hại bằng cách thức tràn ngập, rồi làm cho chìm xuống; bởi vì theo thông thường tai họa, sợ hãi phát sanh từ nước có nhiều loại như sóng xô đi cũng có.

Nhưng trong nơi đây Ngài ám chỉ làm cho chìm xuống, chìm xuống nơi nào?

Chìm xuống khổ cảnh, đây là nhắm vào trực tiếp ý nghĩa này; nhưng khi nói rằng: Làm cho chìm xuống trong nhân loại, chư thiên, phạm thiên cũng được giống nhau; nhưng nói theo gián tiếp mà Đức Phật nêu lên theo Tứ đế (**sacca**).

*Câu thứ 1:* Từ nước này tức là gì? Tức 8 sắc bất ly (**avinibbhagarūpa**) rồi có 1 tiếng phát ra nữa. Tổng cộng là 9 là gì?

Nhiệt lượng (**utu**) gọi là bốn nhiệt lượng bát tuần (**ūtujasuddhaṭṭhakalāpa**) hoặc bốn thính nhiệt lượng cửu sắc (**utujasaddanavakakalāpa**) là sắc sanh lên từ 2 loại nhiệt lượng này.

Điều ví dụ trong việc thuyết về Thắng pháp rằng: Mặc dù Đức Phật thuyết Thắng pháp này cho nhóm Chư Thiên trước thật, nhưng nhóm chư thiên cũng không nhớ được hết; việc thuyết Thắng pháp giống như thầy thuốc đi gặp cây thuốc, thì ghi dấu vào trong cây thuốc đó rằng có vị như vậy, đây là bông có vị như vậy, đây là rễ, đây là gốc, mỗi thứ 1 loại. Nhưng trong kinh Ngài chỉ dạy rằng: Lấy lá đến lược chữa bệnh như vậy, cả lá và bông pha trộn nhau chữa bệnh như vậy; rễ, bông, lá lấy đem đến lược chung với nhau hoặc giã chữa bệnh như vậy; người đi gặp thầy cũng hiểu được dễ dàng hơn; thì đem đi hòa trộn dùng được dễ dàng, tức thấy thành quả mau chóng. Nhưng còn người đi gặp đây là bông, đây là lá, đây là rễ, đây là gốc, cây, cành có vị như vậy; khi gặp thấy rồi thì không hiểu rằng đem đến làm gì được; ngoại trừ người biết được công dụng mới đem đi pha trộn đúng.

Một lý khác nữa, ví dụ như pháp luật ghi chép nghị định, người người chưa được học tập thì không biết được nghị định; biết được nghị định cũng phải học lời phán xử như thế nào, điều này cũng như thế đó. Đây chỉ là so sánh nương

theo để nghe vừa đủ hiểu thôi, nhưng khi đọc là phán xử sẽ hiểu rằng tôi không biết hết được pháp luật; bởi vì chỉ biết 1 phần nghị định.

Định nghĩa về kết **Vaṭṭasmim satte yojentīti: Yogā**

Pháp thực tánh tạo dựng chúng sanh vào trong luân hồi, gọi là kết.

Trình bày chi pháp đặc biệt của dục lậu (**kāmāsava**) và hữu lậu (**bhavāsava**) Theo số giải trình bày rằng: Tham tức sự ham muốn ngũ dục gọi là dục lậu, dục bộc, dục kết, tham mong muốn các cõi, thiên sắc giới, thiên vô sắc, gọi là hữu lậu, hữu bộc, hữu kết.

**Bhavāsavaṃ tṭhapetvā sabbo lobho kāmāsavoti yuttaṃ siyā.**

Tất cả tham ngoại trừ hữu lậu, gọi là dục lậu cũng phải.

*(Trong mūlaṭṭhāka).*

## **Giải Thích Đặc Biệt Về Tâm Dục Lậu Và Hữu Lậu**

Giáo thọ sư số giải **Mahābuddhaghosa** đề cập rằng: Tham thích thú hài lòng trong ngũ dục (**kāmaguṇa**) đồng sanh với tà kiến hay ngã mạn, gọi là dục lậu (**kāmāsava**).

Tham mong muốn được các cõi và thiên sắc giới, thiên vô sắc giới không liên quan đến ngũ dục; nhưng đồng sanh với thường kiến (**sassatadiṭṭhi**) gọi là hữu lậu (**bhavāsava**).

Còn việc vui thích hân hoan của tất cả phạm thiên trong phạm thiên cung và phạm thiên hoa viên của mình gọi là Tham thông thường, hoặc hữu lậu.

Giáo thọ sư **mūlaṭīkā** trưởng lão **Ānanda** đề cập rằng: Hữu lậu này không đồng sanh với tà kiến; nhưng đồng sanh với ngã mạn; còn dục lậu, tức tất cả Tham, ngoại trừ hữu lậu cũng được không có trở ngại. Vì vậy sự vui thích, hân hoan của tất cả phạm thiên trong phạm thiên cung và phạm thiên hoa viên của mình cũng gọi là dục lậu.

### **Chú thích:**

Tâm sở Tham đồng sanh với 8 tâm Tham là dục lậu.

Tâm sở Tham đồng sanh với 4 tâm tương ưng kiến, đồng sanh với thường kiến là hữu lậu.

Phạm thiên có sự hân hoan vui thích trong phạm thiên cung và phạm thiên hoa viên của mình là Tham thường nhiên hoặc thông thường, đáng thân cận (**sevitabba**), thân cận được, không là tội lỗi có cũng ít. Bởi vì tham, sân, ngã mạn làm cho thiện khởi hiện cũng được.

Cho nên điều này phải hiểu trong thường cận y duyên (**pakatūpanissayapaccaya**) bởi vì tham mong muốn tu tiến mình quán, mong muốn được loại thiện này không có tội, mong muốn được Đạo, Quả, Níp Bàn, mong muốn hiểu biết trong việc học tập; còn tham, sân, ngã mạn làm cho ác hạnh hiện khởi, là không đáng thân cận (**asevitabbā**), không thân

cận được; bởi vì có tội lỗi nhiều (đây lý số giải của giáo thọ sư **buddhaghosa**).

Nhưng Ngài giáo thọ sư **mūlātīkā** trưởng lão **Ānanda** là dục lậu; bởi vì phạm thiên cung và phạm thiên hoa viên này được xếp vào trong ngũ dục và tâm sở tham đồng sanh với 4 tâm tham bất tương ưng kiến là hữu lậu (*theo lý của Ngài giáo thọ sư **mūlatīkā** trưởng lão **Ānanda** bộ **uparipaṇṇāsaka***).

**Vấn:** Tất cả học viên muốn được ngũ dục là Tham tương ưng kiến hay tham bất tương ưng kiến?

**Đáp:**

Được cả 2 loại, tức tâm sở tham đồng sanh với 8 tâm tham là dục lậu.

Muốn được sanh làm chư thiên, nhân loại, phạm thiên; bởi vì thấy rằng nơi chốn này đang có thánh nhân; nếu ta được sanh lên thì giao du, thân cận với các Ngài, ta cũng sẽ được an lạc; đây là hữu lậu.

Nếu thấy rằng là nhân loại trở thành chúa tể hoàn cầu, trở thành chư thiên thì được hưởng thiên sản là dục lậu.

Cảnh của dục lậu, tức cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc liên quan đến ngũ dục, cảnh của hữu lậu là cảnh pháp.

**Chú thích:** Định nghĩa về triền cái (**nīvaraṇa**)

**Jhānādikaṃ nivārentīti: Nīvaraṇāni.**

Pháp thực tánh ngăn cản thiện pháp như thiền,...không cho khởi hiện, gọi là triền cái.

**Vấn:** Từ “ngăn cản” này nếu như ta có tượng Phật rất linh thiêng, có thể ngăn cản các tác hại khởi lên với ta, súng cũng không bắn trúng, dao chém cũng không đứt, không cho tai hại này sanh lên với mình là triền cái được không, bởi vì triền cái dịch là ngăn cản?

**Đáp:**

Không được, từ “triền cái” dịch là ngăn cản trong nơi đây ám chỉ bất thiện, ngăn cản không cho thiện, tức thiền định, Đạo, Quả, Níp Bàn khởi hiện được, hoặc đã sanh thì làm cho hoại đi.

Như dục dục cái loại thô khởi hiện thì đạo sĩ đang bay cũng rơi xuống, sa di nghe tiếng nữ nhân cũng phải hoàn tục trong câu chuyện Ngài **Cakkhupāla**.

Nhưng nếu về phương diện thiện như 37 pháp giác phần (**bodhipakhiyadhamma**) đã sanh lên thì ngăn cản bất thiện pháp, không cho sanh lên tiếp tục nữa, như vậy cũng không gọi là triền cái.

**Vấn:** 3 chi pháp triền cái này khi xếp vào trong nghiệp đa dạng (**kammasamāgītā**) dính theo trong dòng tâm suốt 100 ngàn đại kiếp, như vậy sẽ dùng pháp gì đoạn trừ triền cái không cho hiện khởi?

**Đáp:**

Ngài giáo thọ sư giải thích rằng: Ví như cây đang có hoa, khi ta hủy diệt hoa thì phải lấy chất độc bỏ vào trong thân cây để hủy diệt sự sống đang có trong thân cây, không làm cho mọc ra hoa nữa. Không phải hủy diệt hoa quả đang ra hoặc sẽ mọc ra trong tương lai hoặc đã mọc ra.

Điều này đúng với tâm đạo sanh lên đoạn trừ phiền não; đoạn trừ trong giai đoạn nào cũng trùng khớp với điều này, tức đoạn trừ mãnh lực làm cho phiền não sanh lên.

**Vấn:** Trong dòng tâm nếu tham đang sanh trong sát na đó, thiện cũng sanh lên cùng trong sát na với nhau, thì sanh lên được hay chăng?

**Đáp:**

Không được. Khi bắt thiện đang hiện khởi thì thiện cũng không sanh lên được; ví như cái phòng hoặc nhà, nếu có 1 người nào ở thì người khác cũng không đi đến ở được; cái phòng hoặc nhà phải trống trước mới đi vào ở được.

**Vấn:** Tôi từng ở 2 người và đôi khi khách đến xin ở nhờ.

**Đáp:** Không được, bởi vì đang ám chỉ đến pháp thực tánh.

**Vấn:** Từ “ngăn cản” đó là ngăn cản như thế nào?

**Đáp:**

Như sát na buồn ngủ khởi lên, niệm vào ghi nhận danh sắc được không? Không được.

Đang nghe thuyết pháp, buồn ngủ khởi lên thì nghe thuyết pháp cũng không biết được nội dung; phóng dật, hối, suy nghĩ đến 5 pháp suy vong (**byasana**) quyền thuộc qua đời, lỗ vốn, bị lừa gạt, đang bệnh, ta đã suy nghĩ sai lầm, ta đã phạm giới. Như vậy gọi là tâm không yên tịnh đã khởi hiện, sự an tịnh, tức định hoặc thiền chúng không sanh lên.

Ngài giáo thọ sư nhắc nhở để nhận xét rằng: Giai đoạn nào khó, giai đoạn nào dễ; đây ám chỉ chi pháp nếu đem vào trừ ra cũng khó, nếu đúng chi pháp thì không khó.

## **Giải Thích Về Tụ Triền (nīvaraṇagocchaka)**

**1. Kasmā panettha thīnamiddha nīvaraṇanti ca uddhacca kukucca nīvaraṇanti ca dve dve dhammā ekaṃ nīvaraṇaṃ katvā vuttāti.**

Cũng trong nơi đây, vì sao Đức Chánh Đẳng Giác thuyết cả 2 từ song đôi như hôn thụ và trạo hối?

**2. Kiccato paccayato ca sadisattā**

Đáp bởi vì phạm sự, duyên và đối lập của 2 nhóm từ này giống nhau.

**3. Tathāhi kiccato tāva dhīnamiddha dvayaṃ cittuppādānaṃ līnabhāvā pādanakiccaṃ uddhaccakukkucca dvayaṃ akuppasanta bhāvā padana kiccaṃ.**

Thật vậy nói theo phạm sự trước, tức 2 loại hôn thụ

này làm cho tất cả tâm dẫn đến dã dượi; 2 loại trạo hối (**uddhacca kukkucca**) này làm cho tất cả tâm dẫn đến không yên tịnh (phóng tán, bứt rứt).

4. **Paccayo purimadvayaṃ tandivijambhittāpaccayaṃ pacchimadvayaṃ ñātibyaśanādi vitakkaṃpaccayaṃ.**

Nói theo duyên thì 2 loại pháp đầu, tức hôn trầm, thụy miên (**thīnamiddha**) có sự lười biếng, làm duyên; 2 loại pháp sau, tức phóng dật, trạo hối có sự nghĩ ngợi đến việc suy vong, như suy vong của quyền thuộc làm duyên.

5. **Paṭipakkhato purimadvayaṃ viriyapaṭipakkhaṃ pacchimadvayaṃ samathapaṭipakkhanti.**

Nói theo đối lập thì 2 loại pháp đầu, tức hôn thụy đối lập với sự tinh cần; 2 loại pháp sau, tức trạo hối đối lập lại chỉ tịnh, tức sự an tịnh.

## **TỤ KHINH THỊ (parāmāsagocchaka)**

Định nghĩa: **Parato āmāso: parāmāso.**

Sự chấp thủ theo trường hợp khác lìa khỏi thực tánh thật, gọi là khinh thị (**parāmāso**).

Giải thích: **Parāmāso na vattabbo parāmāśasampayuttoti pi parāmāśavippayuttoti pi.**

Pháp khinh thị là tà kiến không cần phải nói rằng: Là

pháp đồng sanh với khinh thị, hay là pháp không đồng sanh với khinh thị.

### **Chú thích:**

Sự chấp thủ theo trường hợp khác lia khỏi thực tánh thật, tức hiểu rằng: Việc thực hành giống như bò và chó có thể làm cho chấm dứt bất thiện được, cả 2 người này tác ý tốt, muốn thoát khỏi vòng luân hồi; nhưng trong nơi đây, không ám chỉ đến mong cầu Đạo, Quả, Níp Bàn; bởi vì Đạo, Quả, Níp bàn chỉ riêng biệt trong Phật ngôn, sơ giải, phụ sơ giải.

Vì vậy việc thực hành của đạo sĩ, tu sĩ ngoại giáo và du sĩ ngoại đạo khác, cho đến thiên chúa giáo và đạo hồi giáo, tất cả cũng đi vào trong pháp khinh thị, bởi vì sai lệch thực tánh thật; thực tánh thật lấy gì làm điều kiện để khẳng định?

Lấy Phật ngôn, sơ giải, phụ sơ giải; bởi vì Đức Chánh Đẳng Giác đã thực hành đến thực tánh làm cho đắc Thiên, Đạo, Quả, Níp Bàn cùng với bậc Thịnh Văn trở thành bậc A la hán để khẳng định rằng pháp gì đúng thực tánh và không đúng thực tánh trong nơi đây; bởi vì Đức Phật thuyết pháp theo thực tánh đang hiển lộ như vậy.

Ngài không thuyết pháp để tìm kiếm bè phái và Đức Phật cũng không thuyết pháp rằng nhóm khinh thị này sẽ rơi vào địa ngục hoặc khổ cảnh hoàn toàn; nhưng Ngài thuyết rằng nếu họ không từ bỏ điều thực hành này, mà thực hành giống như bò thì sẽ sanh trở thành bò, thực hành giống như chó thì

sẽ sanh trở thành chó; nếu có quan kiến sai lệch dẫn đến thực hành như vậy sẽ làm cho sanh trở thành nhân loại, chư thiên, phạm thiên thì sẽ rơi vào địa ngục, bởi vì là tà kiến.

Du sĩ **Puṇṇa**: Thực hành giống như bò, như cái đầu tìm kiếm sừng bò đeo vào và thân cũng đeo cái đuôi vào.

Du sĩ **Senīya**: Thực hành giống như chó.

Việc làm như vậy chưa xếp vào là tà kiến, chỉ là họ chưa gặp được bậc chân nhân; nhưng khi họ đến gặp được Đức Phật, cả 2 người mới bạch hỏi Đức Phật đến 3 lần Đức Phật không trả lời, họ bạch hỏi nữa đến lần thứ 4, Đức Phật mới trả lời thì cả 2 than khóc.

Du sĩ **Senīya** xin xuất gia sau đó trở thành bậc A la hán, du sĩ **Puṇṇa** xin thọ trì tam quy bằng cách phát nguyện lên lời rằng: **buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi...** việc thọ trì tam quy cũng tức là hàng thiện tín thật.

Còn người có quan kiến rằng: Giết gà, giết vịt, đánh lễ chúa được phước; hoặc giết do làm vật thực, giết để cho nó thoát khỏi khổ từ nhóm bàng sanh này để sanh lên làm chư thiên, nhân loại như vậy là tà kiến; bởi vì gây tổn đến đời sống của họ, trở thành nghiệp đạo tà kiến mà không phải là khinh thị.

## Trình Bày Định Nghĩa Giải Thích Trong Nhị Đề Đại Đỉnh (mahantaraduka)

### 1. Saha ārammaṇena ye vattantīti: sārammaṇā.

Pháp tánh tánh sinh diễn với cảnh, gọi là hữu cảnh (sārammaṇa), sinh diễn với cảnh, có cảnh, làm cho cảnh; cả 3 từ này khác nhau về lời nói, nhưng nội dung và lời giải thích giống nhau.

### 2. Natthi etesaṃ ārammaṇanti: anārammaṇā.

Cảnh không có với nhóm pháp này, mới gọi là vô cảnh (anārammaṇā).

Điều này phải hiểu rằng từ *Có* cảnh đó là một loại, từ *Là* cảnh đó là một loại. Do đó sắc pháp, Níp Bàn là cảnh nhưng sắc pháp, Níp Bàn không có cảnh.

### 3. Cintanaṭṭhena: cittaṃ.

Pháp tánh gọi là tâm do ý nghĩa biết đặc biệt.

(Và) vicittaṭṭhena: cittaṃ.

Hoặc một ý nghĩa khác nữa, pháp tánh gọi là tâm do ý nghĩa đa dạng (vicittara) cùng với giống, cõi và tương ưng...

Biết đặc biệt trong nơi đây, nghĩa là biết rộng rãi, như biết được tất cả pháp chân đế, biết được tất cả pháp chế định, và biết rằng đây là cảnh sắc, cảnh thanh... và từ biết đặc biệt này ám chỉ riêng biệt tâm, bởi vì tâm là trọng yếu; còn tâm sở là pháp đồng sanh và biết nương theo.

Từ “**vicittatā**” là từ chồng từ, **vicittara** dịch là nhiều và bổ sung, nhiều cùng với giống thiện, bất thiện, quả, tố, bổ sung cùng với lãnh vực (**bhūmi**), tức lãnh vực dục giới, lãnh vực sắc giới, lãnh vực vô sắc giới, lãnh vực siêu thế; bởi vì khi tâm là trọng yếu thì tâm sở sắp xếp trang hoàng bổ sung lãnh vực (**bhūmi**) cho và bổ sung nhiều cùng với tương ưng có 16 cách.

#### 4. Avippayogavasena cetasika niyuttā ti: cetasikā.

Pháp đồng sanh thường xuyên với tâm do mãnh lực không lia nhau, gọi là tâm sở.

Nếu dùng từ **cetasi** thì phải là tâm.

Nếu dùng từ **cetasika** thì sẽ 52 tâm sở.

Vì vậy tâm sở phải phân ra thành 2 từ, tức 1 là từ **cetasi**, một từ **ka**.

**Cetasi** là tâm, **ka** thì không là gì được, chỉ là **kiriya** (tố)

Vì vậy mới lấy cả 2 từ này gom vào nhau thành **cetasika** cũng tức là 52 tâm sở, là pháp thường xuyên với tâm do mãnh lực không lia lẫn nhau; cho nên từ **ka** đến từ “**niyuttā**” dịch là đồng sanh.

#### 5. Nirantara bhāvūpagamanatāya upādato yāva bhāṅgācittena saṃsaṭṭhāti: cittasaṃsaṭṭhā.

Pháp thực tánh hòa hợp với tâm kể từ sanh lên cho đến diệt đi cùng là pháp tánh, không có sự gián đoạn, gọi là *pháp hòa hợp với tâm*.

**Saṃsaṭṭha** dịch là liên quan đến tâm, hòa hợp với tâm kể từ sanh lên cho đến diệt đi bằng pháp tánh không gián đoạn; nghĩa là mỗi một tâm có 3 sát na. Vì vậy, từ “không gián đoạn” phải có cùng 3 sát na, nếu thiếu đi 1 sát na nào trong 3 sát na thì phải gọi là có gián đoạn; như sát na sanh có tâm sở đồng sanh nhưng trụ, diệt không đồng sanh; trụ, diệt đồng sanh nhưng sanh không đồng sanh; như vậy gọi là có gián đoạn.

(III) (III) (III) Một tâm có 3 gạch bên trong ám chỉ đến sanh, trụ, diệt. Tâm sở vào đồng sanh cả 3 sát na, gọi là: **Nirantara bhāvūpagamanatāya.**

**Upādato:** Sanh lên

**Yāva:** Cho đến

**Bhaṅga:** Diệt đi

**Cittena:** Với tâm

**Saṃsaṭṭha:** Hòa hợp

6. Ekato vattamānāpi nirantarabhāvaṃ  
anupagamanatāya cittena visamsaṭṭhāti:  
cittavisamsaṭṭhā.

Pháp thực tánh cho dù đồng sanh với nhau nhưng không hòa với tâm cùng là pháp tánh không đưa đến, không gián đoạn; gọi là *pháp phi hòa với tâm.*



III III III III

III III III III

I I I I

III III III III

Vòng tròn bên ngoài, ví dụ giống như tâm; vòng tròn bên trong, ví dụ giống như tâm sở; nhóm sắc đồng sanh với tâm thật nhưng có gián đoạn; tức dãy thứ 1 thì tâm diệt đi 17 sát na thì sắc mới diệt. Nghĩa là sắc đồng sanh với tâm đầu tiên, vẫn còn tồn tại chưa diệt đi; nhưng tâm diệt đi đến 17 sát na thì sắc mới diệt đi 1 sát na.

Ví dụ giống như người hát, họ ghi âm trong đĩa hát, nhưng tâm sai biểu việc hát ngừng đi nhưng tiếng đó vẫn biểu lộ trong đĩa hát; cho nên sắc với tâm mới có sự gián đoạn, nếu không như vậy sẽ không biểu hiện trong đĩa hát được, như chụp ảnh cũng giống như vậy.

## **Câu Hỏi Trong Nhị Đề Pháp Do**

### **Tri Kiến Đoạn Trừ**

### **(dassanapahātabbāduka)**

### **Trong Nhị Đề Yêu Bối (piṭṭhiduka)**

1. **Vấn:** Trong nhị đề này, tri kiến (dassanena) là gì, nghĩa như thế nào?

**Đáp:** Tri kiến, tức Nhập lưu đạo, nghĩa là thấy Níp Bàn lần đầu tiên.

**2. Vấn:** Tâm chuyển tộc (**gotrabhūcitta**) trong lộ tâm đắc đạo gọi là tri kiến được hay không?

**Đáp:** Tâm chuyển tộc trong lộ tâm đắc đạo không gọi là tri kiến được.

**3. Vấn:** Khai môn (**āvajjana**) của Đạo là gì và làm gì?

**Đáp:** Khai môn của Đạo, tức chuyển tộc và cũng làm chuyển tộc.

**4. Vấn:** Từ “tu tiên” là gì và có nghĩa như thế nào?

**Đáp:** Từ “tu tiên” là 3 Đạo cao; có nghĩa là 3 Đạo cao nên tu tập cho tăng trưởng bên trong dòng tâm.

**5. Vấn:** 3 Đạo cao này thấy đặc biệt gì khác nhau với Nhập lưu đạo có hay không?

**Đáp:** 3 Đạo cao này không có thấy gì đặc biệt hơn Nhập lưu đạo từng thấy; Nhập lưu đạo thấy Níp Bàn như thế nào thì 3 Đạo cao cũng thấy giống như vậy, không có gì đặc biệt và khác biệt nhau chi cả.

**6. Vấn:** Bất thiện pháp mà bậc Nhập lưu đạo đoạn trừ, sát tuyệt là gì?

**Đáp:** Bất thiện pháp mà bậc Nhập lưu đạo đoạn trừ, sát tuyệt là 4 tâm tham tương ưng kiến, tâm si tương ưng hoài nghi và 2 tâm sở là tâm sở tà kiến, tâm sở hoài nghi.

**7. Vấn:** Bất thiện pháp mà bậc Nhập lưu đạo đoạn trừ, giảm nhẹ là gì?

**Đáp:** Bất thiện pháp mà bậc Nhập lưu đạo đoạn trừ, giảm nhẹ là 4 tâm tham bất tương ưng kiến dẫn đến khổ cảnh (**apāyagamaniya**), tâm sân dẫn đến khổ cảnh.

**8. Vấn:** Bất thiện pháp mà bậc Bất lai đạo và A la hán đạo đoạn trừ, sát tuyệt là gì?

**Đáp:** Bất thiện pháp mà bậc Bất Lai đạo đoạn trừ sát tuyệt là 4 tâm tham bất tương ưng kiến dục ái, tâm sân vi tế.

Bất thiện pháp mà bậc A La Hán Đạo đoạn trừ, sát tuyệt là 4 tâm tham bất tương ưng kiến ái sắc (**rūparāga**), ái vô sắc (**arūparāga**), tâm si tương ưng phóng dật.

**9. Vấn:** Bất thiện pháp mà bậc A la hán đạo không đoạn trừ được có hay không?

**Đáp:**

Bất thiện pháp mà bậc A la hán đạo không đoạn trừ được có tất cả là 4 tâm tham tương ưng kiến, tâm si tương ưng hoài nghi, 4 tâm tham bất tương ưng dẫn đến khổ cảnh, 2 tâm sân dẫn đến đọa xứ mà bậc Nhập lưu đạo đã đoạn trừ, sát tuyệt và giảm nhẹ; 4 tâm tham bất tương ưng kiến loại thô, 2 tâm sân loại thô; mà bậc Nhất lai đạo đã đoạn trừ; 4 tâm sân bất tương ưng kiến dục ái; 2 tâm sân loại vi tế mà bậc Bất lai đạo đã đoạn trừ, sát tuyệt. Bậc A la hán không có phận sự đoạn trừ nữa; bởi vì 3 đạo đã đoạn trừ chấm dứt

hoàn toàn, nhưng nếu không có Đạo nào đoạn trừ, sát tuyệt thì A la hán đạo cũng đoạn trừ được.

**10. Vấn:** Mãnh lực khác nhau giữa bậc Nhập lưu đạo và bậc Nhất lai đạo là gì?

**Đáp:**

Mãnh lực của bậc Nhập lưu đạo và bậc Nhất lai đạo không có gì khác nhau, bởi vì cả 2 chưa đoạn trừ dục ái được như nhau; vẫn còn muốn danh tiếng như muốn làm chúa tể toàn cầu có danh tiếng, nhưng có điều nhận xét rằng: Nếu là bậc Nhập lưu thì dứt khoát không tạo ác hạnh và nhập thiên quả được; nhưng bậc Bất lai đạo có điều khác biệt nhau, tức không muốn trở thành vĩ đại trên thế gian hoặc có danh tiếng trên thế gian. Vì vậy nhận xét bậc Bất lai đạo được dễ dàng hơn bậc Nhập lưu đạo.

Tâm sân loại thô như sự nóng giận khởi lên, như vậy đáng thương hay đáng ghét, đáng ghét và thô thiên, nhưng không phải là ác hạnh. Ác hạnh tức là sát sanh, trộm cắp được xếp vào trong việc dẫn đến nghiệp đạo; vì vậy, tham, sân thuộc ác hạnh, không gọi là thô thiên. Với ác hạnh khác nhau cần phải hiểu trong 2 loại từ này; ác hạnh trong việc dẫn đến nghiệp đạo (**kammapatha**) lần dẫn vào khổ cảnh, thì Nhập lưu đạo đoạn trừ, sát tuyệt nên không gọi là thô thiên.

Bậc đắc thiên cũng đắc Đạo, Quả mà không tu tiến thiên trong lúc đó; bởi vì người này đã từng đắc thiên trong kiếp

trước, cùng với từng chú nguyện từ trong kiếp trước rằng: Nếu tôi đắc Đạo, Quả lúc nào xin cho tôi đắc thông, đắc định sanh lên với tôi thì mới sanh lên được. Nếu không từng tạo trử 2 loại này thì thông, định không sanh lên được chỉ đắc Đạo, Quả mà thôi.

Thiên đó đồng sanh với nhau, nếu nói theo lời kêu gọi cũng đồng sanh với nhau; nếu nói theo thực tánh thì không đồng sanh, bởi vì lộ tâm đắc đạo khởi hiện được phải có cảnh Níp Bàn. Vì vậy mới không đồng sanh với nhau được, phải là mỗi sát na khác nhau, 20 phút, nửa giờ hoặc 1 giờ cũng được; bởi vì Đạo, Quả sanh lên kế tiếp là lộ tâm phản khán (**paccavekkhanavithī**) hiện khởi. Vì vậy thiên chúng sẽ không đồng sanh với nhau được.

Mỗi người chúng ta, khi thế gian tiêu hoại thì có thể sẽ nhập thiên được, bởi vì thiên này cho dù ngoài Phật giáo cũng có được và trong sát na đó thế gian sẽ vắng lặng hoàn toàn, bởi vì mỗi người ai cũng trau dồi tâm thiện mà không có dục ái, sân hận để phải tranh cãi, rối ren giống như trong lúc này, trong thời gian này, phiền phức, rắc rối cũng bởi vì dục ái và sân hận, nên thế gian phải giao chiến, chém giết nhau.

**Vấn:** Trong lúc đó, Phật giáo cũng không có phải chăng?

**Đáp:** Phải rồi.

**Vấn:** Ai sẽ chỉ dạy giáo pháp cho?

**Đáp:** Trong lúc nào, thời điểm nào mà người thực hành

tốt, trong lúc đó, thời điểm đó gọi là làm theo lời dạy của Phật giáo. Trong câu pháp do tri kiến đoạn trừ, mà Đức Phật thuyết rằng: Nhập lưu đạo đoạn trừ 4 tâm tham tương ưng kiến, tâm si tương ưng hoài nghi, và 4 tâm tham bất tương ưng kiến, 2 tâm sân dẫn đến khổ cảnh. Đức Phật thuyết nêu tâm lên dẫn đầu; bởi vì thông thường khi tâm sanh lên thì tâm sở cũng phải sanh theo cả tham tương ưng kiến và bất tương ưng kiến. Vì vậy mới không cần thiết phải trình bày: Nhập lưu đạo đoạn trừ pháp kiết sử (**saṃyojanapahatabbā dhammā**) hoặc pháp do tri kiến đoạn trừ kiết sử (**dassanenasamyojanapahātabbā dhammā**), Nhập lưu đạo đoạn trừ pháp phiền não (**kilesapahātabbā dhammā**), Nhập lưu đạo đoạn trừ pháp triền cái (**nīvaraṇapahātabbā dhammā**). Nhưng theo lý số giải trình bày rằng: Tri kiến đoạn trừ pháp kiết sử, tri kiến đoạn trừ pháp triền cái, tri kiến đoạn trừ pháp phiền não; điều này Ngài giáo thọ sư nhấn mạnh nhiều về tầm quan trọng, nếu đặt câu hỏi vào cũng phải đáp cho đúng.

Sự việc đắc Nhập lưu đạo rồi nhập thiên quả (**phalasaṃpatti**) là nhận được lạc trong kiếp sống này hay còn gọi là hiện tại kiến Níp bàn (**ditṭhadhammikanibbāna**). Người nào đắc Đạo, Quả cùng đắc thần thông với nhau bởi vì trong kiếp sống trước kia họ đã từng đắc thiên rồi chú nguyện rằng: Nếu tôi đắc Đạo, Quả trong lúc nào, xin cho thần thông được sanh lên với tôi, gọi là Đạo tương ưng thông (**maggasiddhi**).

## **Chú Thích: Giải Thích Về 10 Phiền Nã Trong Câu Nhị Đề Phiền Nã (kilesaduka)**

1. **Phiền nã (kilesa)** tức nóng nảy.

2. **Vật (vatthu)** tức nơi nương.

1. Phiền nã ví dụ giống như lửa có trạng thái nóng trong tự thân và thiêu đốt người khác cho nóng.

Phiền toái (**saṃkiliṭṭha**) là người bị thiêu đốt cho nóng nảy.

Điều này, ví dụ giống như mỗi ngôi nhà không có sự nóng nảy nhưng bị 10 phiền nã là lửa thiêu đốt cho nóng nảy. Vì vậy 10 phiền nã mới là người nóng nảy, cùng làm cho người khác nóng nảy, cùng tự mình cũng nhiều hại chính mình và đi nhiều hại người khác nữa.

2. Giải thích về từ **kilesavatthu**.

**Vatthu** tức nơi nương nhờ mà tất cả chúng sanh, tức nhóm chúng ta nương nhờ vào gì?

**Đáp:**

Nương vào nước, mặt đất, nhà cửa, cốc liêu, chùa các nơi nương nhờ này chắc chắn không?

Không chắc chắn, bởi vì nương nhờ chỉ 1 kiếp sống; khi chết rồi sẽ nương nhờ vào nhà mà ta từng ở trong kiếp sống này được không; đừng nói chỉ chết mà ngay cả trong kiếp sống hiện tại này cũng phải dời đổi nhiều nơi.

Vì vậy, nương nhờ của tất cả chúng sanh chắc chắn mà không có sự dòi dôi là gì?

Tức 10 phiến não là nơi nương của chúng sanh, không phải là nhà cửa, cốc liêu, chùa. Nhà cửa, cốc liêu, chùa là nơi nương gián tiếp mà thôi, nên mới gọi là điều phiến não (**kilesavatthu**).

## **Giải Thích Điều Thứ 2: Tất Cả Chúng Sanh Chưa Chấm Dứt Lậu Hoặc Thì Nương Vào Gì?**

Nương vào phiến não, vì vậy mới gọi là đối tượng phiến não (**kilesavatthu**), tức 10 phiến não, là nơi nương của chúng sanh vẫn còn phiến não.

Nếu 10 phiến não này không có khi nào, khi đó tất cả chúng sanh cũng không có nơi nương, gọi là Níp Bàn. Tức tất cả các bậc A la hán không còn phiến não là nơi nương nên gọi là Níp Bàn.

Người ở trên thế gian được bởi vì có 10 phiến não, nếu chấm dứt lậu hoặc, tức 10 phiến não cũng không có nơi nương trên thế gian.

**Vấn:** Như vậy chúng sanh vẫn còn trên thế gian này thì tất cả đều có phiến não là nơi nương như nhau phải chăng?

**Đáp:** Không hẳn, phải trừ ra bậc A la hán.

10 phiến não là đối tượng nương nhờ của chúng sanh trên thế gian, chúng sanh nương nhờ vào phiến não là nhà

ở trên thế gian chỉ riêng biệt chúng sanh vẫn còn phiền não mà thôi.

Như điều thứ 3 rằng:

3. 10 phiền não sanh lên từ gì?

10 phiền não sanh lên từ 10 phiền não, tức tham sanh lên từ tham, sân sanh lên từ sân, si sanh lên từ si, gọi là đối tượng phiền não (**kilesavatthu**), phiền não là nơi nương của phiền não phần này phải trình bày lộ tâm.

H V R D K 5 T Q P C C C C C C C N N H

Khi mắt thấy sắc khởi lên, sự thích thú pháp gì khởi lên, đồng lực tham lộ tâm nhãn môn sanh lên, tâm tham thứ 1 nương vào cảnh hiện khởi và không khéo tác ý hiện khởi; tâm tham thứ 2 sanh lên từ tâm tham thứ 1, tâm tham thứ 3 sanh lên từ tâm tham thứ 2 bằng vô gián duyên (**anantarapaccaya**) và tập hành duyên (**asevanapaccaya**) tâm tham thứ 2 sanh lên từ tâm tham thứ 1.

Ví dụ như ta ra khỏi nhà, nếu có ai hỏi rằng bạn đến từ đâu? Ta cũng phải trả lời rằng: Ra khỏi từ nhà, từ cốc liêu, quảng đường, chùa, trường học, bởi vì nhóm này là đối tượng nương nhờ của ta. Vì vậy phiền não, tức tâm tham thứ 1 cũng ra khỏi đến từ tâm thứ 2, tâm thứ 2 cũng ra khỏi đến từ tâm thứ 1, cho nên mới gọi là đối tượng phiền não.

## **TAM ĐỀ SANH TỒN (uppannatika)**

Pháp thực tánh sanh tồn đang sanh lên trong cơ tánh của ta có 45 tâm dục giới (trừ 9 tâm tố), 52 tâm sở, 27 sắc pháp.

Còn pháp phi thực tánh sanh tồn (**anupannadhamma**) trong sát na nào mà 1 loại đại thiện và bất thiện nào đạt đến 3 sát na, thì nhóm pháp thực tánh sanh tồn đó cũng sanh lên với ta theo tương ứng; nếu sát na nào, ta đắc thiền hoặc đắc Đạo, hoặc đắc thiền rồi đang nhập thiền; trong sát na đó thiền đáo đại, thiện Đạo đi nữa đã sanh lên trong cơ tánh của ta; nếu ta chứng đắc A la hán Đạo, A la hán Quả lúc nào thì lúc đó tâm đại tố cũng sanh lên được với ta.

Đối với pháp thực tánh sẽ sanh (**upādinodhammā**) cũng đã sanh với ta kể từ trong thời gian tục sinh và trong thời bình nhật vào sát na mà ta được thấy, được nghe, được ngửi, nếm, xúc chạm cả về phương diện tốt và không tốt đều là pháp thực tánh sẽ sanh tất cả đã sanh lên được với ta, cho đến khi nào ta chưa đạt đến Níp Bàn, cho đến khi đó, pháp thực tánh sẽ sanh hiện khởi với ta theo tương ứng với pháp thực tánh phi sanh tồn đạt đến 3 sát na, tức pháp thực tánh sanh tồn (**uppannadhamma**). Do pháp thực tánh phi sanh tồn và pháp thực tánh sẽ sanh tồn này sẽ sanh lên được, bởi vì nương vào pháp thực tánh sanh tồn đó.

Trong Tam đề sanh tồn này, Đức Phật nêu pháp thực tánh sanh tồn làm nền tảng, rồi Ngài thuyết pháp thực tánh sanh tồn phân ra thành 2 loại là:

1. Pháp thực tánh phi sanh tồn.

2. Pháp thực tánh sẽ sanh, pháp nào chưa đạt đến 3 sát na, pháp đó gọi là vị lai (ám chỉ chưa đạt đến) và đang đạt đến 3 sát na. Do đó pháp quá khứ hay vị lai cũng đến từ pháp hiện tại đó, nếu pháp hiện tại không có thì quá khứ cũng không có được, vị lai cũng không có được; cho nên tam đề này Đức Phật chỉ nêu pháp quá khứ với pháp vị lai mà Ngài không nêu lên pháp hiện tại; bởi vì pháp quá khứ hiện bày rõ, tức pháp hiện tại sẽ tồn tại không diệt đi thì không có, khi pháp hiện tại diệt đi thì chỉ trở thành quá khứ.

Còn vị lai Ngài nêu lên thuyết cũng để cho hiểu rằng: Nếu pháp hiện tại đã sanh lên thì vị lai cũng sẽ phải có chắc chắn, khác nhau chưa đạt đến mà thôi. Vì vậy Ngài mới nêu lên thuyết trong tam đề này, rồi Ngài thuyết tam đề quá khứ bằng cách trực tiếp theo.

**Vấn:** Pháp thực tánh phi sanh tồn sẽ sanh lên với bạn được là gì?

**Đáp:**

Pháp thực tánh phi sanh tồn sẽ sanh lên được với tôi, tức 12 tâm bất thiện, 8 tâm đại thiện, tâm khai ngũ môn, tâm khai ý môn, 52 tâm sở, sắc tâm bất thiện, sắc tâm thiện, sắc nhiệt lượng (**utujarūpa**), sắc vật thực.

**Vấn:** Pháp thực tánh sẽ sanh lên được với bạn là gì?

**Đáp:**

Pháp thực tánh sẽ sanh lên với tôi, tức 15 tâm quả vô nhân, 8 tâm đại quả, 33 tâm sở, 8 bộn sắc nghiệp.

Hai câu pháp thực tánh phi sanh tồn và pháp thực tánh sẽ sanh cũng được với pháp vị lai, tức 89 tâm, 52 tâm sở, 28 sắc pháp trong câu pháp vị lai đó. Nhưng trong nơi đây, pháp vị lai được phân ra thành 2 câu theo riêng biệt, cho nên lấy pháp thực tánh sẽ sanh gom chung với pháp thực tánh phi sanh tồn không được. Sự việc này cũng để sẽ được hiểu rằng: Pháp vị lai này phân thành 2 nhóm, 1 nhóm là nhân, 1 nhóm là quả.

Giống như Đức Phật thuyết rằng: **Dhamma ca vinayo ca** thì **dhamma** sẽ dịch là Thắng Pháp, Kinh, Luật, cả 3 không gom chung với nhau được; bởi vì Đức Phật phân ra riêng rẽ, vì vậy Pháp mới dịch là Thắng Pháp. Kinh nếu lấy luật gom chung vào với nhau thì không được; điều này như thế nào thì pháp thực tánh sẽ sanh, thì Ngài thuyết phân ra theo riêng biệt, mà lấy gom chung trong câu thứ 2 thì không được như thế đó.

Phước tích lũy (**puññasambhāra**) tạo trữ bố thí, trì giới, tu tiên, rồi muốn trở thành Đức vua **Videha** được thành tựu dễ dàng, sự ước muốn như vậy do liên quan đến Tham.

*Trí tích lũy (**nāṇasambhāra**) tạo trữ bố thí, trì giới, tu tiên, rồi ước muốn trở thành giống như bò tát **Mahasatha** được thành tựu cũng có, không thành tựu cũng có; bởi vì rất khó và tất cả mọi người cũng không thích lắm, chỉ thích trở thành Đức vua **Videha**.*

## 1. PHÁP TỤ (dhammasaṅgaṇī)

### Chú thích:

Việc trình bày ngã chấp thủ (**attavādupādāna**) trong bộ Pháp tụ.

Trong 4 thủ (**upādana**) đó thì ngã chấp thủ là gì?

Phàm nhân trên thế gian này, không được nghe, không được gặp bậc Thánh, không tinh tường lời nói của bậc Thánh, tức 37 pháp giác phần không được bậc Thánh chỉ dẫn trong Thánh pháp, không được gặp bậc chân nhân, không tinh tường lời nói của bậc chân nhân, không được bậc chân nhân chỉ dẫn trong pháp chân nhân, nên:

Thấy sắc là ta, thấy ta trong sắc; thấy sắc trong ta, thấy ta là sắc. Thấy thọ là ta, thấy ta trong thọ; thấy thọ trong ta, thấy ta là thọ. Thấy tưởng là ta, thấy ta có tưởng; thấy tưởng trong ta, thấy ta là tưởng. Thấy hành là ta, thấy ta trong hành; thấy hành trong ta, thấy ta là hành. Thấy thức là ta, thấy ta có thức; thấy thức trong ta, thấy ta là thức.

Tà kiến ở trong tà kiến, rừng tức tà kiến, đường hiểm trở tức tà kiến, sự khao khát tức tà kiến, kiết sử tức tà kiến; sự nắm giữ, sự chấp thủ, sự bám chấp, sự vồn vã, con đường sai, hành trình sai, sự thấy sai, chủ thuyết sai, sự tầm cầu sai quan kiến, như vậy gọi là ngã chấp thủ.

*(Ngã chấp thủ đã được trình bày chi tiết trong pháp*

*duyên khởi nhưng đem đến ghi lại nơi đây nữa, bởi vì thấy rằng có văn phong đáng nghe và để cho ý nghĩa liên quan nhau với từ hoài nghi sẽ được ghi tiếp theo đây).*

## **Lời Giải Thích Về Hoài Nghi (vicikicchā)**

### **1. Hoài nghi về bậc Đạo sư.**

Giải thích: thường thường hoài nghi về kim thân của bậc Đạo sư hay về ân đức của bậc Đạo sư, hay cả 2 loại. Người hoài nghi về kim thân thường hoài nghi rằng: Kim thân đầy đủ 32 tướng của bậc đại nhân có hay không nhỉ?

2. Người hoài nghi về ân đức của bậc Đạo sư thường hoài nghi rằng: Toàn Giác Trí có thể biết tường tận quá khứ, vị lai, hiện tại có hay không nhỉ?

3. Người hoài nghi về cả 2 kim thân và ân đức thường hoài nghi rằng: Đức Phật bậc có kim thân đầy đủ cùng với 80 tướng phụ (**anubyañjana**) như hào quang 1 sải tay xuyên suốt, Toàn Giác Trí có thể biết tường tận tất cả pháp ứng tri (**ñeyyadhamma**) đang tồn tại làm cho tất cả chúng sanh thoát khỏi vòng luân hồi có hay không nhỉ?

4. Hoài nghi về Đức Pháp... thì người hoài nghi như sau: 4 thánh đạo đoạn trừ được tất cả phiền não, 4 quả thông thường có tịnh chỉ vắng lặng phiền não, gọi là Bất Tử Đại Níp Bàn (**mahānibbāna**) là cảnh duyên của Đạo và Quả có hay không nhỉ?

Người hoài nghi Đạo, Quả Níp Bàn, pháp học có thể dẫn tất cả chúng sanh thoát khỏi vòng luân hồi hay không nhỉ? Hay là không thể dẫn tất cả chúng sanh thoát khỏi vòng luân hồi được, gọi là hoài nghi về đức Pháp.

5. Người hoài nghi về Tăng bảo, tức bậc Thánh nhân hiện hữu trong 4 Đạo, bậc Thánh nhân đang có trong 4 Quả có hay không nhỉ?

Hay người hoài nghi rằng: chư Tăng là bậc thực hành chân chánh hay bậc thực hành không chân chánh?

Người hoài nghi rằng: Quả dị thực (**vipāka**) và quả (**phala**) của bố thí mà người dâng cúng nơi Tam bảo, tức chư Tăng có hay không nhỉ? Gọi là hoài nghi về đức Tăng.

6. Người hoài nghi về Tam học có hay không? Hay người hoài nghi về quả báo phát sanh do tứ vật dụng, tức việc học tập, thực hành Tam học có hay không nhỉ? Gọi là hoài nghi về tam học.

7. Uẩn, xứ, giới trong quá khứ gọi là giai đoạn đầu. Uẩn, xứ, giới trong vị lai gọi là giai đoạn sau. Trong giai đoạn đầu và giai đoạn sau thì người hoài nghi về uẩn... quá khứ rằng: Tất cả uẩn... trong quá khứ có hay không nhỉ? Gọi là hoài nghi trong giai đoạn đầu.

8. Người hoài nghi uẩn... trong vị lai rằng: Tất cả uẩn... trong vị lai có hay không nhỉ? Gọi là hoài nghi trong giai đoạn sau.

9. Người hoài nghi trong cả 2 giai đoạn, gọi là hoài nghi tất cả trong giai đoạn đầu và giai đoạn sau.

10. Người hoài nghi rằng 12 duyên luân hồi (**paccayavaṭṭa**) như vô minh... có hay không nhỉ? Gọi là hoài nghi duyên tánh pháp duyên khởi (**idappaccayatā paṭṭicasamupannadhamma**)

11. Trong câu duyên tánh pháp duyên khởi nên hiểu định nghĩa như sau: Tất cả pháp làm duyên cho nhóm pháp này như già và chết... gọi là duyên tánh (**idappaccayatā**) là pháp làm duyên cho nhóm này như già, chết... gọi là duyên tánh.

Một lý khác nữa, pháp làm duyên cho nhóm pháp này như già, chết... gọi là duyên tánh.

Từ “duyên tánh” này là tên của pháp như sanh...

Tất cả pháp sanh lên cùng nương vào pháp đó như sanh... gọi là pháp duyên khởi.

Đức Thế Tôn thuyết giải thích rằng thường hoài nghi về pháp làm duyên của nhóm pháp này như già, chết... và pháp sanh lên cùng nương vào duyên đó như sanh...

*(Lời giải thích về 11 điều hoài nghi này có **pāli** nhưng không được đem đến ghi trong nơi đây).*

**Chú thích:** Ý nghĩa sẽ phải giải thích trong Nhị đề pháp không phòng hộ môn quyền (indriyesu aguttadvārataduka) và nhị đề pháp phòng hộ môn quyền (indriyesu guttadvāratāduka)

5 người Bà la môn không biết độ lượng trong việc thọ dụng vật thực (bhojanāhāra).

1. Bahum̐ bhuñjivā attano dhammatāya utthātum askkonto āhara hatthanti vadati ayam̐ āharahatthako nāma.

2. Accuddhumātakakucchitāya utthitopi sātakaṃ nivasetum na sakkonti alaṃsātako nāma.

3. Utthātum askkonto tattheva parivaṭṭati ayam̐ tathavaṭṭako nāma.

4. Yathā kākehi āmasitum sakkā evaṃ yāva mukhadvāra āhāreti ayam̐ kākamāsako nāma.

5. Mukhe sandhāretum asakkonto tattheva vamati ayam̐ bhuttavamitako nāma.

Người biết gìn giữ môn nơi nhãn quyền (cakkhunadriyesu guttadvāratā) này, phòng hộ tức thiện, không phòng hộ tức bất thiện. Vì vậy thiện, bất thiện cũng khởi hiện nơi đồng lực. Bởi vì đồng lực đã là thiện, bất thiện. Đồng lực là cửa, niệm là cánh cửa, 4 danh uẩn là nội thành.

Đồng lực sanh lên từ đâu? Đồng lực sanh lên nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm của đối tượng hữu thức. Vì vậy, Đức

Phật mới thuyết rằng: Giữ gìn môn nơi nhãn quyền, phòng hộ, không phòng hộ nơi đồng lục; ý môn, tức tâm hữu phần, gọi là tâm.

Lộ tâm nhãn môn:

(V R D K 5 T Q P C C C C C C C C N N H)

Lộ ý môn nói tiếp lộ ngũ  
(**tadanuvattikamanadvāravithī**):

(H R D K C C C C C C C C N N H)

Lộ phần ý môn (**suddhamanodvāravithī**):

(H R D K C C C C C C C C N N H)

**Nimittaggāhi**, tức đối tượng hữu thức và vô thức.

**Anubyañjanaggāhi**, tức đối tượng thuần nhất hữu thức.

Trong sát na thấy cảnh sắc, tức tám ván đen. Pháp gì thấy lộ tâm nhãn môn (**cakkhudvāravithī**) và lộ ý nói tiếp lộ ngũ (**tadanuvattikamanodvāravithī**) là người thấy, ngoại trừ lộ tâm nhãn môn và lộ ý môn nói tiếp lộ ngũ thì không có gì thấy được, cho nên mới không phải là ta thấy.

### Chú thích:

Nội dung phải trình bày cho hiểu trong nhị đề pháp giới thanh tịnh (**sīlavisuddhiduka**) với nhị đề pháp kiến thanh tịnh (**ditthivisuddhikhopana-duka**), nhị đề pháp đáng kinh cảm (**saṃvejanūyaṭhānaduka**) một vài pháp như sau:

Tâm sở cần là pháp thực tánh nỗ lực thích đáng với kiến thanh tịnh (**yatthādiṭṭhissa ca padhānam**) này biết được cảnh Níp Bàn, cho dù sẽ sanh lên với tâm Quả cũng có sự nỗ lực là “cần”, khác với tâm sở cần trong pháp thực tánh tinh cần làm cho tâm khôn khéo của người có tâm kinh cảm đối với sanh, già, bệnh, chết (**samviggassa ca yoniso padhānam**) chỉ là sự kinh cảm thuộc đại thiện mà thôi; vô thường, khổ, vô ngã cũng chưa sanh lên được. Nhưng nếu xuôi theo sự kinh cảm làm cho trở thành vô thường, khổ, vô ngã cũng được.

Sự việc nêu lên Kiến thanh tịnh trong Nhị đề giới thanh tịnh đặt trong câu Nhị đề kiến thanh tịnh cũng để được song hành với pháp thực tánh nỗ lực thích hợp với Kiến thanh tịnh (**yathādiṭṭhissa ca padhānam**), bởi vì có trí tuệ phải có sự tinh cần thích hợp, nghĩa là trong từ tin nghiệp thuần nhất thì không được, phải tin trí tuệ và tinh cần. Vì vậy, mới lấy trí tuệ đặt vào song hành với tinh cần trong nhị đề này; bởi vì pháp thực tánh nỗ lực thích hợp với kiến thanh tịnh, chi pháp là tâm sở cần. Tâm sở cần này mặc dù không phải là trí tuệ thật, nhưng cũng đồng sanh với trí tuệ được; nếu đồng sanh với trí tuệ trong 4 tâm tương ưng trí.

Ví như con quạ bay đi, đậu trên cành cây bằng vàng thì con quạ cũng trở thành vàng tháp tùng theo như thế nào. Tâm sở cần này phải có sự đồng sanh với trí tuệ trong 4 tâm tương ưng trí thì cần cũng là trí tuệ tháp tùng theo. Do đó pháp kiến thanh tịnh với pháp thực tánh nỗ lực thích hợp với kiến thanh tịnh này đồng sanh với nhau.

Pháp thực tánh kinh cảm bởi vì sanh, già, chết có thực tánh là nhân làm cho kinh cảm (**saṃvego ca saṃvejanūyesu tḥānesu**) chi pháp tâm sở trí tuệ kinh cảm trong sanh, già, bệnh, chết.

Pháp kiến thanh tịnh (**diṭṭhivisuddhikhopana**) chi pháp tâm sở trí tuệ hợp trong 4 tâm tương ưng trí, cả 2 loại trí tuệ này có sự khác biệt nhau như thế nào?

Cả 2 loại trí tuệ này có sự khác biệt nhau, tức trí tuệ có sự kinh cảm trong sanh, già, bệnh, chết là trí tuệ đồng sanh với tâm đại thiện là trí tuệ hẹp. Còn trí tuệ thuộc pháp kiến thanh tịnh thì rộng lớn hơn cả hiệp thế và siêu thế.

Còn cần, tức sự nỗ lực cũng giống nhau; cần là pháp thực tánh nỗ lực thích hợp với kiến thanh tịnh là cả hiệp thế và siêu thế; và khi cần này đồng sanh với kiến thanh tịnh thì cũng là trí tuệ thấp từng theo; nhưng cần trong pháp thực tánh, tinh cần làm cho tâm khôn khéo của người có tâm kinh cảm đối với sanh, già, bệnh, chết, là cần đồng sanh với đại thiện. Tức 4 loại tinh cần là:

### **1. Uppannānaṃ pāpakānaṃ pahānaya vāyāma:**

Tinh cần đoạn trừ bất thiện pháp đã sanh, tức bất thiện đã sanh cả trong kiếp này và kiếp trước.

### **2. Anuppannānaṃ pāpakānaṃ anuppādāya vāyāma:**

Tinh cần đoạn trừ bất thiện pháp chưa sanh, không cho sanh lên, tức bất thiện chưa từng sanh trong kiếp hiện tại này.

### 3. Anuppannānaṃ kusalānaṃ uppādāya vāyāma:

Tinh cần tu tiến thiện pháp chưa từng sanh lên làm cho sanh lên, tức tịnh chỉ (**samatha**), minh quán (**vipassanā**) chưa từng sanh trong kiếp này và thiện Đạo chưa sanh lên trong kiếp này và kiếp trước.

### 4. Uppannāyaṃ kusalānaṃ bhīyyobhāvāya vāyāma:

Tinh cần bảo tồn thiện pháp đã sanh lên làm cho tăng trưởng, pháp triển không tiêu hoại; tức tất cả thiện hiệp thể như bố thí, trì giới, tu tiến, gồm cả tịnh chỉ, minh quán thuộc thiện hiệp thể.

Việc kinh cảm trong sanh, già; cả 2 loại này khó thấy được. Bởi vì khi còn trong thai bào cũng không biết được; còn già cũng chỉ thấy của người khác, của mình thì không thấy được. Bệnh, chết khởi lên sự kinh cảm được dễ dàng nhưng không tồn tại được lâu dài. Đôi khi thấy rồi thay đổi tâm kinh cảm trở lại thành sân như sợ hãi.

Pháp thực tánh có sự đầy đủ của giới (**sīlasampadā ca atthi**) với pháp thực tánh có sự thanh tịnh đặc biệt của giới (**sīlavisuddhi ca atthi**) có sự khác biệt nhau như thế nào?

Có sự khác biệt nhau, tức đầy đủ giới (**sīlasampadā**) là hiệp thể, giới thanh tịnh (**sīlavisuddhi**) là siêu thể.

Đầy đủ kiến (**ditṭhisampadā**) với kiến thanh tịnh (**ditṭhivissuddhi**) có sự khác biệt nhau như thế nào?

Có sự khác biệt nhau đầy đủ kiến là chánh kiến, tức trí tuệ có khắp cùng.

Còn kiến thanh tịnh ám chỉ riêng biệt nói đến nghiệp sở thuộc trí (**kammassakatañña**) tức thiện và bất thiện là của ta, bất thiện này không phải là nghiệp của ta, sự việc không phải là nghiệp của ta. Nghĩa là bất thiện này nếu ta đã tạo tác nhiều thì chỉ có phá hủy lợi ích, tức sự an lạc hạnh phúc suốt cho đến mọi việc thiện của ta cũng chấm dứt, nương tựa vào gì cũng không được, lẫn không phải là nghiệp là nơi nương của ta; và không phải nghiệp là nơi nương của người khác. Như vậy mới gọi là không phải nghiệp là của ta, bởi vì chính ta cũng nương nhờ không được, người khác cũng nương nhờ không được; không ám chỉ đến đã tạo mà không nhận quả đó, không nhắm vào như vậy ám chỉ đến phá hủy lợi ích an lạc tốt đẹp cho chấm dứt; nên gọi là không phải nghiệp là của ta trong đây.

Còn thiện nghiệp là nghiệp của ta, bởi vì là nơi nương cho ta được và người khác cũng nương nhờ được; trí tuệ nói đến nghiệp sở thuộc trí này là trí tuệ phá hủy thường kiến và đoạn kiến được, chỉ có nhắc đến kiếp sống hiện tại này và kiếp sống hậu lai.

Nếu là hạng Khai thị trí (**uggatitaññū**) hoặc hạng Quảng diễn trí (**vipaccitaññū**) thì khi gặp thấy điều nào cũng có thể quán xét cho Đạo, Quả sanh lên được mà không có sự nghe trong sát na đó.

Còn Kiến thanh tịnh, tức trí tuệ trong Tuệ quán chỉ lấy trí tuệ thuộc Tùy thuận đế (**saccānulomika**) là trí tuệ trong lộ tâm đắc Đạo, tức chuẩn bị, cận hành, thuận thứ, chuyển

tộc; và trí tuệ tức (chánh) kiến đang có trong Đạo tuệ, Quả tuệ gom vào kiến đang có trong 4 tâm tương ưng trí.

Trí tuệ nhắc đến nghiệp sở thuộc trí. Ví dụ như người có tài sản đi đến bất cứ nơi nào cũng không phải vất vả; chỉ có nhận được duy nhất sự sung sướng, muốn bất cứ điều nào cũng thành tựu theo chủ ý và muốn đủ thứ bất cứ thuộc về hiệp thế hoặc siêu thế.

Nghiệp sở thuộc trí này, đang có với cùng khắp hàng thiện tín; nhưng tuệ quán thuộc Tùy thuận đế không có với khắp cả hàng thiện tín mà chỉ có riêng biệt với hàng thiện tín là hành giả mà thôi.

### **Chú thích:**

Nội dung 1 số trường hợp trong nhị đề pháp minh (**vijjāduka**) là trí tuệ trong tâm đạo.

Ví dụ giống như cây đèn có 4 phận sự, tức làm cho tim hết, dầu cạn, diệt trừ sự tăm tối và ánh sáng hiện khởi cùng với nhau trong cùng 1 sát na với nhau. Tim hết giống như chấm dứt các sanh hữu; dầu cạn giống như chấm dứt thiện nghiệp, bất thiện nghiệp trong quá khứ.

### **Chú thích:**

Lời giải thích về câu vấn và đáp trong nhị đề Kinh (**suttantikadukamātika**) điều thứ 18 trong 109 thì việc nói lời thanh tao và tiếp đón bậc thánh nhân kể từ bậc Nhập

lưu trữ lên... cho đến khắp cả người khác cũng có vô số nhiều trường hợp không thể diễn giải cho hết hoặc chuẩn xác được.

Vì vậy chỉ xin đề cập tóm tắt vừa đủ bằng cách nêu lên vấn đề bài Kinh Đại hội (**mahāsamayasutta**) làm căn bản để dẫn chứng cho hiểu được; tức bài Kinh mà Đức Phật hỏi han ân cần nêu rõ tên của tất cả chư Thiên đến diện kiến Đức Phật từ 100 ngàn luân vi thế giới đều khắp; mỗi vị lui tới thăm hỏi không sót như vị chư Thiên nào đại oai lực, Đức Phật gọi tên vị chư Thiên đó theo riêng biệt; nhưng vị chư Thiên nào không là vị đại oai lực, thì Đức Phật gọi tên các chư Thiên đó theo nhóm, theo đoàn thể, theo giai cấp, theo tuần tự của chư Thiên đó.

Việc hỏi han gọi tên chư Thiên theo nhóm, theo giai cấp cũng chỉ diễn tiến tương tự giống nhau với thời kỳ này sử dụng để kêu gọi nhau như tất cả dân chúng Thái, dân Trung Quốc, dân Hồi, dân Mỹ, hoặc tất cả hàng thiện tín, tất cả gia chủ, trưởng giả, anh em, cảnh sát, binh sĩ, cán bộ dân sự.

Khi nhóm chư Thiên nhận được sự tiếp đón từ Đức Phật đều khắp như vậy, thì mỗi vị có sự hân hoan, vui thích vô cùng, phần nhiều dẫn đến chứng đắc Đạo, Quả. Ngoài ra đây nếu có 1 người nào có sự tinh cần, đọc tụng bài kinh Đại hội thường xuyên khi tất cả chư Thiên được nghe thì sẽ có tâm hân hoan giống nhau sẽ chờ đợi, hộ trì, che chở người đó không gặp tai họa nào nữa. Nếu người gặp phải một tai họa nào thì chư Thiên cũng sẽ giúp đỡ người đó

thoát khỏi sợ hãi, tai họa bằng oai lực quả báo của bài kinh này; theo cách thức đã đề cập này xin nêu lên nhị đề cam ngôn (**sākhalyaduka**) để làm duyên giải thích.

## **Tổng Hợp Ý Nghĩa Linh Tinh Trong Bộ Nguyên Chất Ngữ (**dhātukathā**)**

### **Chú thích:**

Giải thích trong phương thức mẫu đề tam (**nayamātikā**), xiển minh phương thức mẫu đề tam có 14 loại. Ví dụ như vua của nhóm 1 điện ảnh công bố cho tất cả dân chúng hiểu với nhau rằng: Nhóm điện ảnh này có đem phim ra chiếu cho dân chúng cùng xem chung với nhau 14 bộ.

Còn mẫu đề tam nội phần (**abbhantaramātikā**) công bố cho hiểu biết đến nam diễn viên đóng phim.

### **Chú thích:**

Giải thích 5 uẩn trong mẫu đề nội phần, sắc có bao nhiêu? Có 28 là gì? Xếp vào uẩn nào? 28 sắc phân ra thành bao nhiêu?

Phân ra thành 2 loại tức bên trong và bên ngoài; bên ngoài tức đối tượng vô thức, bên trong tức đối tượng hữu thức.

Như học viên, y phục mà đang mặc bên trong và xếp vào trong đối tượng vô thức cùng 1 loại đất, 1 loại lửa, 1 loại gió thì trở thành cảnh xúc. Sự việc lấy 1 loại là cảnh

xúc được là nhắm vào phần chánh yếu như cứng quá, nóng quá, lạnh quá...

Học viên được bao nhiêu sắc? Được 27 sắc.

Nếu thiếu mắt sắc thì sẽ học, chỉ dạy, nói được không? Không được, nhất định phải nương vào sắc.

Trong đối tượng hữu thức như các học viên; nếu không có thọ uẩn được hay không? Và sẽ trở thành như thế nào? Nếu không có thọ uẩn thì sẽ không có cảm giác rằng: Ta thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng, suy nghĩ chi cả. Bởi vì thọ uẩn làm cho có sự cảm giác khởi hiện, như cảm giác rằng thấy, nghe nhóm này thuộc thọ uẩn.

Tưởng uẩn sanh lên trước thọ, thọ sanh lên trước tưởng uẩn được không? Không được.

Pháp gì sai khiến? Vô ngã sai khiến tưởng uẩn không có được không? Không được. Nếu không có tưởng uẩn thì ghi nhận gì cũng không được. Tưởng uẩn giống như thợ mộc làm dấu để ghi nhận. Nếu không có tưởng uẩn thì tưởng điên đảo (**saññāvipallāsa**) cũng không khởi hiện.

Hành uẩn là gì? Hành uẩn tức sự tạo tác. Nếu thiếu mắt hành uẩn thì việc tạo tác làm cho hành động tốt, nói tốt, suy nghĩ tốt cũng không có. Việc đi lại, đứng, nằm, ngồi tạo tác bên trong và bên ngoài cũng sẽ không có; cho đến tạo tác không tốt và bình thản làm cho thành tựu trong việc làm tốt và không tốt.

Hành uẩn có 3 loại là hành uẩn nhân, tức hành uẩn đồng sanh với tâm thiện và bất thiện. Hành uẩn quả, tức hành uẩn đồng sanh với tâm quả. Như trong sát na đang thấy, đang nghe hoặc đang ăn thì hành uẩn không phải là nhân, không phải là quả; tức hành uẩn đồng sanh với tâm tố; tức việc tạo tác bình đẳng, không tốt, không xấu.

Nếu thiếu mất thức uẩn, thì làm gì cũng không được; bởi vì thức uẩn có phận sự biết cảnh thường xuyên.

Nếu thiếu mất thức uẩn, tức tâm biết cảnh thì cảm giác, ghi nhận, tạo tác cũng sẽ không có; khi đã không có thì làm gì cũng không được.

Do đó, sự thấy, sự nghe, sự ngửi, sự nếm, sự đụng phải cùng với 5 chi, tức thần kinh nhãn trong sáng, cảnh sắc rõ ràng, tức đã hiện bày lên; nhãn thức biết; xúc đụng chạm, thọ thụ hưởng; tổng cộng 5 loại này gọi là thấy.

Sắc thô (**oḷārikā**) có bao nhiêu? Sắc tế (**sukhumā**) có bao nhiêu? 10 xứ thô (**oḷārikāyatana**), 10 giới thô (**oḷārikadhātu**).

### **Chú thích:**

Giải thích từ Níp Bàn trong 12 xứ, Níp bàn sanh lên bên trong của chúng sanh được không? Không được. Bởi vì pháp ngoài phần (**bahiddhā dhammā**), nếu sanh lên bên trong tâm của chúng sanh được thì Níp bàn cũng phải có sự sanh diệt.

Nếu đã có sự sanh diệt thì là khổ đế là pháp không cao quý, là pháp chế định được không? Không được. Bởi vì nếu là pháp chế định thì có thể thay đổi được. Như chế định tên của người... cũng có sự thay đổi được chế định lần đầu, gọi là võ sĩ, rồi thay đổi thành thầy dạy võ, tiếp đến cũng sẽ thay đổi thành võ sư; Níp Bàn không thay đổi như vậy được; cho nên mới nói được rằng: Không có bên trong thân con người mới chứng minh được rằng Níp Bàn có thật.

Sự việc chứng minh rằng: Níp Bàn có thật hoặc không thì phải chứng minh nơi 5 uẩn. Bởi vì tất cả bậc Thánh nương vào chính 5 uẩn này làm duyên tiến hành chứng đắc Níp Bàn; nếu không có 5 uẩn thì sẽ không chứng đắc Níp Bàn.

### **Chú thích:**

Giải thích về 18 giới, giới sanh lên thuần nhất bên trong chúng sanh có 12, tức 5 sắc thân kinh, 7 thức giới, giới (**dhātu**) sanh lên thuần nhất bên ngoài chúng sanh không có.

Giới sanh lên cả bên trong và bên ngoài chúng sanh, tức sắc giới, tinh giới, khí giới, vị giới, xúc giới, pháp giới.

Giới thuộc về thiện có 2, tức ý thức giới và pháp giới.

Giới thuộc về bất thiện có 2, tức ý thức giới và pháp giới.

Giới không phải thiện và bất thiện có 16; tức thần kinh nhãn, thần kinh nhĩ, thần kinh tỷ, thần kinh thiệt, thần kinh

thân, 5 thức giới, ý giới, sắc giới, thanh giới, khí giới, vị giới, xúc giới.

Trong mỗi một người được bao nhiêu cảnh? Trong mỗi người có 6 cảnh, suy nghĩ đến cảnh pháp của người khác thì suy nghĩ như thế nào? Như suy nghĩ đến tên của họ cũng lấy cảnh pháp chế định của người đó làm cảnh. Suy nghĩ đến tâm của họ thì 2 loại ý giới (**manodhātu**) và pháp giới (**dhammadhātu**) này, trình bày theo thứ gián tiếp như ý giới gọi là ý môn...

Thật ra thì 19 tâm hữu phần riêng ra là ý môn, nhưng Ngài thuyết rằng: Ý giới là ý môn, khi có lộ tâm khởi hiện tương tự nhau với tâm hữu phần được vào đến tất cả trong tâm khai ngũ môn; cho nên Đức Phật mới thuyết rằng: Ý giới tức ý môn.

Còn tâm tiếp thân là tâm ý môn, bởi vì tâm quan sát khởi hiện đến từ mình bằng như bằng với cảnh cửa cho tâm quan sát ra khỏi.

Còn pháp giới là cảnh pháp, nhưng cảnh pháp đó rộng lớn nhiều.

Còn pháp giới thì hẹp hơn bởi vì thuần nhất chỉ là pháp thực tánh, không là chế định được; là thực tánh pháp gồm có 52 tâm sở, 16 sắc tế, Níp Bàn.

Còn cảnh pháp được tất cả tâm, tất cả tâm sở, 5 sắc thân kinh, 16 sắc tế, Níp Bàn do khác nhau như vậy nên gọi là

thuyết theo cách gián tiếp; riêng 16 giới còn lại, Ngài thuyết theo cách trực tiếp (**mukhayanaya**).

18 giới phân ra thành 3, tức môn (**dvāra**), cảnh (**ārammaṇa**), thức (**viññāṇa**).

6 môn giống như đầu diêm quẹt, 6 cảnh giống như lửa loét lên, nếu chạm vào mà tia sáng ngọn lửa không loét lên thì gọi là thiếu 5 sắc thần kinh.

### **Chú thích:**

Giải thích về đế chỉ có 4, có nhiều hoặc ít hơn 4 thì nhân quả bất đồng; bởi vì tập đế và đạo đế này được xếp vào là nhân tốt và không tốt, khổ đế và diệt đế được xếp vào là quả tốt và không tốt. Nếu muốn thoát khỏi khổ thì phải tạo lập đạo đế.

### **Chú thích:**

Giải thích về pháp duyên khởi (**paṭiccasamuppāda**).

Sự diễn tiến của tất cả chúng sanh liên quan đến nhân và quả, gọi là pháp duyên khởi nói theo quan điểm nhân sinh (**puggalādhiṭṭhāna**) tức 81 tâm hiệp thế, 52 tâm sở, 28 sắc pháp. Đây là chi pháp của pháp duyên khởi (hoặc tất cả tâm), 8 tâm siêu thế, 36 tâm sở, Níp Bàn đây là thoát khỏi pháp duyên khởi sâu (**soka**), bi (**parideva**), khổ (**dukkha**), ưu (**domanassa**), não (**upāyāsa**); Đây có khắp cùng, phải ngoại trừ phạm thiên Bất lai và bậc A la hán ở trong cõi dục giới.

Si che đậy tứ đế này, tất cả học viên thấy tứ đế không? Thấy được tương ứng với trí tuệ của mình như trong sát na đang học này cũng thấy được tứ đế được bằng việc nghe, học nhưng không thấy được, chỉ duy nhất Đức Phật Ngài biết hết mà thôi.

Khổ đế so sánh giống như rối loạn tiêu hóa khởi lên từ việc thọ thực sai; việc thọ thực sai này cũng khởi lên từ nhân tham muốn; cho nên việc tham muốn thọ thực mới là tập đế.

Khi rối loạn tiêu hóa thì phải đi tìm thầy thuốc đến cho thuốc chữa trị.

Việc đi tìm thầy thuốc đến chữa trị này là đạo đế.

Khi chữa bệnh rối loạn tiêu hóa chấm dứt là diệt đế.

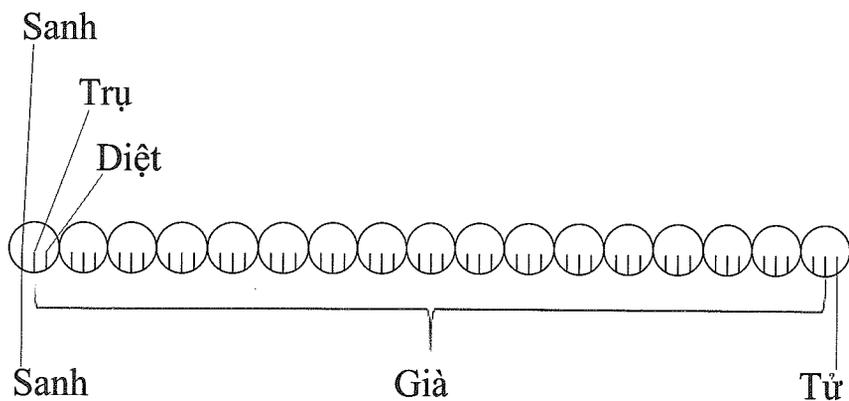
Hành (**saṅkhāra**), tức việc tạo tác về hành vi, lời nói, suy nghĩ, diễn tiến cả về phương diện tốt lẫn phương diện xấu, như việc học, chỉ dạy, đọc, nấu cơm, giặt quần áo, mắng chửi, trộm cắp; có nghĩa là đang tự làm mọi công việc đó gọi là hành.

Tâm sở tư với 12 tâm bất thiện, 17 tâm thiện hiệp thể là việc tạo tác làm cho sanh lên nữa; nhưng tâm sở tư đồng sanh với 8 tâm siêu thể là việc tạo tác không cho hiện khởi nữa.

Vì vậy tâm sở trí tuệ đồng sanh trong tâm A la hán Đạo không có phận sự biết tất cả gì cả; tâm sở trí tuệ đồng sanh với tâm đại tổ tương ưng trí thuộc Toàn Giác Trí thì biết cả mọi cảnh, lúc tâm Đạo hiện khởi đó thì không nhận biết gì cả trong sát na đó.

Tham tức ham muốn được chỉ nhằm vào ham muốn được trong cảnh liên quan đang có trong thế gian, mà không ám chỉ sự ham muốn tất cả phải là tham. Sự ham muốn biết về pháp, ham muốn học, ham muốn được phước, các ham muốn này là pháp dục.

Sầu (**soka**) chi pháp là tâm sở thọ, chi pháp thọ ưu, tức tâm sở thọ giống nhau. Vì vậy sầu với ưu này có sự khác biệt nhau như thế nào? Có sự khác biệt nhau, tức sầu sanh lên từ tham cũng được, khởi hiện từ Từ (**mettā**), Bi (**karuṇā**) cũng được. Ám chỉ đến sự lo âu, nghĩ ngợi đến người mà mình thương mến, mình tội nghiệp gọi là Sầu. Khi mà mình thương mến và mình tội nghiệp, nhận lấy tai họa bởi 1 trường hợp nào rồi thì là Bi (**parideva**), Ưu (**domanassa**) cũng khởi hiện nối tiếp theo tuần tự nhưng Ưu sanh lên từ việc nhận lấy lời chỉ trích, mắng chửi, đánh đập thuận nhất là cảnh xấu. Đây là sự khác nhau của 2 loại thọ này.



**Chú thích:**

Giải thích về 4 niệm xứ (**satipaṭṭhāna**), 4 niệm xứ nói theo chi pháp, tức tâm sở niệm hợp trong 8 tâm siêu thế. Đây là phân tích chi pháp theo phương thức Thắng Pháp (**Abhidhammabhayanūyanaya**).

**Vấn:** Tâm sở niệm hợp trong 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 9 tâm thiện đáo đại, 9 tâm tố đáo đại là chi pháp của 4 niệm xứ trong nơi đây có được hay chăng? Nên Đức Phật mới thuyết như vậy?

**Đáp:**

Được, không trở ngại, bởi vì 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 9 tâm thiện đáo đại, 9 tâm tố đáo đại này khi xếp vào uẩn, xứ, giới cũng được giống nhau với 8 tâm siêu thế, tức là thức uẩn như nhau là ý xứ, là ý thức giới như nhau, được bằng nhau không hơn, không kém. Từ không hơn, không kém nghĩa là không nhiều hơn nhau, không ít hơn nhau, mà bằng nhau.

Vì vậy nên không trở ngại, nhưng Đức Phật thuyết như vậy cũng để làm cho hiểu rằng: Tâm sở niệm hợp trong 8 tâm siêu thế này cũng là chi pháp của 4 niệm xứ được; bởi vì là niệm thành tựu đến từ chính việc quán xét thân, thọ, tâm, pháp. Đây là trình bày theo cách thức từng quán xét đến từ trước (**bhūtapubbagatikanaya**).

Mặc dù trong sát na đó, tâm sở niệm này phải duy nhất

có cảnh Níp Bàn theo 8 tâm siêu thế thật, nhưng cũng xem như là niệm xứ được.

Ví dụ giống như người từng là lãnh đạo hoặc trong cung đình từ trước, cho dù rằng đã ra đi, không còn làm, nhưng cũng gọi là lãnh đạo cũ hoặc quan lớn từ trước. Trong tất cả pháp chân đế thì pháp chân đế đang có trong thân ta, tức 4 loại pháp chân đế này và sự việc Đức Phật phân niệm ra thành 4 loại này; bởi vì thường xuyên ta có tướng điên đảo (**saññāvipallāsa**) trong tâm của ta.

Vì vậy niệm mới phải làm 4 phận sự tháp tùng theo, tức:

Thân tùy quán niệm xứ (**kāyānupassanāsatiṭṭhāna**), niệm quán thân để đoạn trừ mỹ (**subha**) làm cho bất mỹ hiển lộ lên.

Thọ tùy quán niệm xứ (**vedanānupassanāsatiṭṭhāna**), niệm quán thọ để đoạn trừ lạc tướng, làm cho khổ tướng hiển lộ lên.

Tâm tùy quán niệm xứ (**cittānupassanāsatiṭṭhāna**), niệm quán tâm để đoạn trừ thường tướng, làm cho vô thường tướng hiển lộ lên.

Pháp tùy quán niệm xứ (**dhammānupassanāsatiṭṭhāna**), niệm quán pháp thực tánh thật để đoạn trừ ngã tướng làm cho vô ngã tướng hiển lộ lên.

Vì vậy, nên niệm phải làm 4 loại phận sự để đoạn trừ 4 pháp có thường xuyên nơi ta cho chấm dứt đi.

Tất cả chúng sanh hiện khởi đến trên thế gian này, mỗi người thường có thể căn cước, khi bổ sung thể căn cước thì phải đi làm ở một huyện khác nữa (tổng cộng là 5).

Quán đại oai nghi, tiểu oai nghi này là sắc.

Quán sự nhứt mỗi, ngứa, thoải mái, không thoải mái, bình thân là thọ.

Quán sự lo âu, phiền muộn, không hài lòng, ham muốn được, suy nghĩ về nhà cửa, tâm thối chuyển, lười biếng; các việc này là tâm.

Đại oai nghi, tiểu oai nghi đều là thực tánh của sắc.

Buồn phiền, lo lắng, không hài lòng này là thực tánh của thân.

Ham muốn được là thực tánh của tham.

Sự tin tưởng, sự thành kính là thực tánh của đức tin.

Sự biết là thực tánh của trí tuệ.

Sự thối chuyển là thực tánh của hôn thụy.

Sự nỗ lực là thực tánh của tinh cần. Đây là danh.

Còn pháp là thực tánh pháp đều là sự việc có người hoài nghi rằng: Vì sao lấy duy nhất tâm sở niệm hợp trong 8 tâm siêu thế vào là chi pháp đó, bởi vì niệm đồng sanh với 8 tâm siêu thế có cảnh là Níp Bàn.

Còn niệm xứ tức niệm phải quán thân, thọ, tâm, pháp là pháp hành.

Vì vậy, để ngăn ngừa việc hiểu sai, Đức Phật mới thuyết rằng: Tâm sở niệm hợp trong 8 tâm siêu thế, cũng gọi là niệm xứ giống nhau, không phải rằng: Nếu niệm có cảnh là pháp hành mới gọi là niệm xứ được; còn nếu có Níp Bàn là cảnh thì không gọi là niệm xứ, chẳng phải như vậy. Mà cho dù Níp Bàn là cảnh trong sát na đó cũng gọi là niệm xứ được.

*Điều này, Ngài nêu lên thuyết trong bộ Phân tích (vibhaṅgapakaraṇa).*

### **Chú Thích:**

Giải thích về tam đề phương thức trực tiếp (*nayamukhamātikā*), khi Đức Phật thuyết tam đề nội phần (*abbhantaramātikā*) kết thúc, Ngài thuyết tam đề phương thức trực tiếp tiếp theo.

Trong tam đề, phương thức trực tiếp Đức Phật nêu lên 4 câu là:

1. Yếu hiệp ba cách (*tīhisāṅgaho*).
2. Bất yếu hiệp 3 cách (*tīhisāṅgaho*).
3. Tương ưng 4 cách (*catūhisampayogo*).
4. Bất tương ưng 4 cách (*catūhisampayogo*).

1. Yếu hiệp ba cách: Là theo phương cách trình bày việc tính gom vào bằng uẩn, xứ, giới.

2. Bất yếu hiệp ba cách: Là theo phương cách trình bày việc tính không gom vào bằng uẩn, xứ, giới.

3. Tương ưng bốn cách: Là trình bày đến pháp thực tánh đồng sanh với 4 danh uẩn.

4. Bất tương ưng bốn cách: Là trình bày đến pháp thực tánh, không đồng sanh với 4 danh uẩn.

**Vấn:** Nếu được nghe rằng: Từ yếu hiệp, bất yếu hiệp thì tìm ở nơi nào?

**Đáp:**

Nếu được nghe rằng: Từ yếu hiệp, bất yếu hiệp thì trong cả 2 câu yếu hiệp ba cách và bất yếu hiệp ba cách.

Yếu hiệp ba cách: Âm chỉ đến uẩn, xứ, giới mà không tìm đến đế, quyền, niệm xứ gì cả.

**Tìhi:** Âm chỉ đến 3 loại uẩn, xứ, giới.

**Saṅgaho:** Gom lại.

Nếu được nghe từ tương ưng, bất tương ưng thì tìm trong câu tương ưng bốn cách và bất tương ưng bốn cách, tìm riêng biệt 4 danh uẩn.

Sự việc trình bày, việc tính gom lại bằng 3 loại uẩn, xứ, giới này cũng bởi vì cả 3 loại uẩn, xứ, giới này biến hành khắp cùng giống với tâm sở tợ tha biến hành (**sabbacittasādhāraṇacetasika**), đối với 22 quyền, 4 thánh đế thì không biến hành khắp cùng, cho nên mới không tính gom vào bằng quyền và 4 thánh Đế và trong câu 3,4 chỉ đề cập duy nhất đến tương ưng bốn cách, bất tương ưng bốn cách

mà không đề cập đến tương ưng sáu cách (**chahisampayo**) và bất tương ưng sáu cách (**chahivippayogo**), cũng bởi vì sắc với sắc, sắc với Níp Bàn, cả 2 câu này không là tương ưng, bất tương ưng. Nhưng 4 danh uẩn lẫn nhau là tương ưng và 4 danh uẩn với sắc, 4 danh uẩn với Níp Bàn là bất tương ưng; vì vậy Ngài thuyết rằng tương ưng bốn cách, bất tương ưng bốn cách.

Còn về tam đề đặc tánh (**lakkhaṇamātikā**), Ngài thuyết bằng 2 câu rằng: Đồng (**sabhāgo**), bất đồng (**visābhago**).

Đồng thì phải đồng sanh bằng 4 tánh chất, tức đồng sanh (**ekuppāda**), đồng diệt (**ekaniradha**), đồng biết cảnh (**ekārammaṇa**), đồng nương vật (**ekavatthuka**), nếu thiếu mất một loại nào thì không gọi là đồng (**sabhāgo**).

Đất với nước là đồng, đất với gió là bất đồng, lửa với gió là đồng, lửa với nước là bất đồng.

Còn tam đề ngoại phần (**bāhiramātika**) câu 266 này lấy từ bộ Pháp tụ (**dhammasaṅgīṇipakaraṇa**) khi lấy từ bộ pháp tụ như vậy, thì Ngài phải thuyết trình bày lần sau nên mới gọi là tam đề ngoại phần.

Trong tất cả 5 loại tam đề này thì tam đề phương thức (**nayamātikā**) giống như 14 loại, thuộc cả 2 tam đề nội phần (**abbhantaramātikā**) và tam đề ngoại phần (**bahiramātikā**) này giống như người bệnh.

Tam đề phương thức trực tiếp (**nayamukhamātikā**)

giống như thầy thuốc đang khám bệnh. Tam đề đặc tánh (lakkhaṇamātikā) giống như khởi sự chữa bệnh, trước khi học tập về xiển minh tiếp theo thì phải ghi nhớ nền tảng xiển thuật cho vững vàng.

### Thuộc Lòng về Sự Nối Tiếp

Pa, ab, khandh, khandha, bhe, sud, rapaka, saṇ, puc, puc, vi.

### Thuộc Lòng 15 Từ Trong Uẩn Xiển Minh

Uẩn (khandhā), cảnh (ā), giới (dhātu), đế (sacca), quyền (indruja), Pháp duyên khởi (paṭicca), niệm (sati), chánh cần (sammā), như ý túc (idaṃ), thiền (jhāna), vô lượng (ap), tuệ (pañ), lục (ba), giác chi (boj), đạo (magga)

Tam Đề Nội Phần  
(abbhantaramātikā)

Sắc Uẩn

Tam Đề Phương Thức Trục Tiếp (nayamukhamātikā)

Uẩn Ba Cách

(kaṭṭhikhandhehi)

Xứ Ba Cách

(kaṭṭhāyatanchi)

Giới Ba Cách

(kaṭṭhidhātūhi)

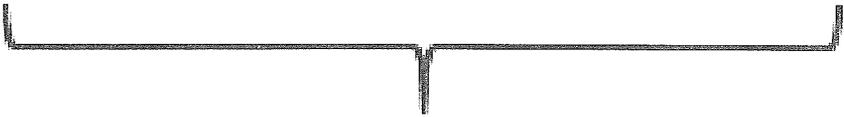
Tam đề phương thức

(*nayamātikā*)



Yếu hiệp (sangahito) Là công việc phải làm giống như xuất hiện.

Tam Đề Đặc Tánh (*lakkhaṇamātikā*)



1 uẩn

11 xứ

11 giới

(*ekenakhandhena*)(*ekūdasahāyatanchi*)(*ekādasahidhātūhi*)

Tam đề nội phần

Tam đề ngoại phần



Là công nhân

Tam đề phương thức trực tiếp: Là vật liệu như cây, cối, đá, cát.

Tam đề đặc tánh: Là dụng cụ đồ nghề.

### Chú thích:

Tính theo số giải là 248 câu bởi vì trừ đi pháp vô tâm và pháp vô tứ trong nhị đề yếu bối (*piṭṭhiduka*) ra, bởi vì nhóm pháp này mặc dù là bất tương ưng với ý giới thật

nhưng không trọn vẹn; nghĩa là 55 tâm sở tầm trong pháp vô tầm hay 66 tâm sở tứ hợp trong pháp vô tứ là tương ưng nhau với ý giới; cho nên mới không trình bày.

Còn phụ số giải (**ṭīkā**) có quan kiến rằng: Pháp vô tầm và pháp vô tứ phần nhiều là bất tương ưng nhau với ý giới được, là bất tương ưng không được chỉ riêng biệt 55 tâm sở tầm với 66 tâm sở tứ, vì vậy mới được trình bày.

### **Chú thích:**

Bộ có 4 (**pakaraṇa**) loại là:

1. Bộ **pāli**
2. Bộ số giải
3. Bộ phụ số giải
4. Bộ nương theo phụ số giải (**anuṭīkāpakaraṇa**)

Từ bộ (**pakaraṇa**) tức 1 đề tài hoặc 1 quyển.

Bộ pháp tụ (**dhammasaṅgaṇīpakaraṇa**) cũng 1 đề tài, 1 quyển.

Bộ phân tích (**vibhaṅgapakaraṇa**) 1 đề tài, 1 quyển.

Bộ nguyên chất ngữ cũng 1 đề tài, 1 quyển.

Và trong bộ song đối (**yamakapakaraṇa**) có 10 song nhưng mỗi song cũng gọi là bộ được nữa, bằng 1 quyển gọi với nhau theo thời kỳ này, bởi vì là trực thuộc bộ sách.

Thời kỳ trước không có in thành sách, chỉ dùng miệng đọc thuộc lòng thì gọi là mỗi một bộ (**pakaraṇa**) hoặc mỗi một đề tài, từ bộ với từ đề tài như nhau, chỉ khác nhau từ bộ là ngôn ngữ pali, đề tài là ngôn ngữ Thái. Và Ngài giáo thọ sư nói rằng: tôi đã biên soạn hoàn thành được 10 bộ, ám chỉ đến đã hoàn thành 10 đề tài, 10 quyển.

Còn từ Kinh (**gambhira**) nghĩa là trong bộ này có ý nghĩa thâm sâu, vì vậy bộ này mới gọi là Kinh, nếu đề tài đó thông thường thì gọi là bộ (**pakaraṇa**) bình thường, nếu thâm sâu thì gọi là kinh.

Tóm lại bộ thì rộng hơn, bởi vì là đề tài phổ biến, còn Kinh thì hẹp hơn, bởi vì chỉ nhắm vào riêng biệt, đề tài thâm sâu nên mới gọi là Kinh.

“**Kathā**” tức lời nói, lời nói về mỗi một đề tài, gọi là bộ.

## **Câu Danh (nāmapada)**

**Chú thích:** Phương thức căn vô tham là căn gốc (**mūlā**), căn vô sân là căn ngọn.

Từ là “căn lẫn nhau” như thế nào? Ngài nêu lên ví dụ tức 3 căn thiện vô tham làm cho phát sanh vô sân. Như việc cúng dường cho chư Tăng là vô tham, khi cúng dường rồi thỉnh mời thuyết pháp, vừa nghe thuyết pháp hiểu về pháp rồi thì khởi lên thương mến và gắn bó nơi Ngài.

Vô sân tức tâm từ, vô sân làm cho vô tham khởi hiện.

Như đi gặp bạn bè đã xa cách nhau lâu, mừng rỡ, chào hỏi, khởi lên sự thương mến nhau, khi hỏi đến việc khổ sở, an vui thì hiểu rằng đang túng thiếu vất vả. Khi biết như vậy thì cho tiền và y phục với người bạn đó là vô tham sanh lên từ vô sân; tức tâm từ là căn gốc, hoặc gọi theo **pali** theo phương thức căn vô sân là căn gốc (**mūla**), căn vô tham là căn ngọn (**mulī**).

Vô si trợ cho vô tham, vô sân hiện khởi sát na đang tu minh quán thấy được cảnh tam tướng. Như làm cho vô tham hiện khởi nơi dãy đường làng có bao nhiêu chục ngàn, bao nhiêu ngàn cũng không chỉ rải tâm từ rằng: Nguyện cho tất cả chúng sanh đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được an vui (**averā abyāpajjā anīghā sukhīattānaṃ**) gọi là theo phương thức vô si, là căn gốc; vô tham, vô sân là căn ngọn.

Phần này sẽ đề cập riêng biệt, mỗi một loại như đang bố thí là vô tham. Sát na rải tâm Từ gọi là vô sân. Sát na đang học Thắng Pháp như tay thì viết, miệng thì đọc thuộc lòng, tâm thì suy xét là vô si.

Tham, sân là căn lẫn nhau, như sân làm cho tham khởi hiện như trong lúc bệnh, ăn không được gì, không được an ổn, buồn phiền là sân. Và chủ tâm nếu hết bệnh thì sẽ ăn cho thỏa sức; khi hết bệnh thì ăn nhiều. Như vậy gọi là theo phương thức sân là căn gốc, tham là căn ngọn; tức sân là căn làm cho tham hiện khởi.

Tham làm cho sân sanh lên; tức người đến xin đồ đạc thì

cho, khi thường xuyên đến xin thì bắt đầu nổi giận lên; đây là phương thức tham là căn gốc, sân là căn ngọn.

Còn si thì không phải đề cập đến bởi vì là căn (**mūla**) trong sát na đó.

Danh hiện diện nơi nào? Hiện diện nơi có sanh mạng.

Vì sao gọi là Danh? Sự việc gọi là Danh, bởi vì hướng theo tìm 6 cảnh. Gọi là Danh bởi vì hướng theo trong 6 cảnh, danh sẽ hướng theo tìm 6 cảnh được, bởi vì thần kinh nhãn, thần kinh nhĩ... nếu không có thì Danh cũng không hướng theo tìm cảnh được. Như sát na nằm ngủ thì Danh không hướng theo tìm cảnh khác nữa, chỉ có Danh, tức duy nhất tâm hữu phần hiện khởi mà thôi. Sát na đó thân cũng an ổn, do tâm khác không sanh lên được, chỉ duy nhất có tâm hữu phần và khi có cảnh duy nhất tức nghiệp (**kamma**), nghiệp tướng (**kammanimitta**), thú tướng (**gatinimitta**) theo tương ứng là cảnh quá khứ nhận được từ kiếp sống trước. Khi sát na lộ cận tử cho quả thì tử, tục sinh, hữu phần. Vì vậy lúc nằm ngủ thì tâm hữu phần này chỉ có 1 cảnh duy nhất, lần tâm hữu phần cũng là tâm quả đến từ quá khứ.

Lúc nhập thiên, đắc thiên cũng sanh lên chỉ 1 loại và có 1 cảnh, tâm khác nữa không sanh lên được. Lúc nhập thiên quả (**phalasangāpatti**), tâm nhập thiên quả cũng sanh lên có 1 cảnh, tâm khác không sanh lên được. Lúc nhập thiên diệt (**nirodhasangāpatti**) thì tâm, tâm sở diệt đi, chỉ có bốn sắc nghiệp (**kammārūpa**), bốn sắc nhiệt lượng (**utujarūpa**), bốn sắc vật thực (**āhārajārūpa**) vẫn khởi hiện. Nếu bốn sắc

nghiệp không sanh thì giống như người chết, chỉ có bợn sắc tâm (**cittajarūpa**) thì không sanh. Bợn sắc tâm thì sanh lên từ tâm, tâm sở và có căn như nhau là căn danh này tức tâm sở.

Như vậy, vì sao không gọi là sắc tâm sở, tâm (**cetasikacittajarūpa**) mà gọi là sắc tâm? Gọi cũng được, không sai, bởi vì tâm là lớn mạnh và trọng yếu, Đức Phật thuyết rằng: **Manopubbangamā dhammā manoseṭṭhā manomayā** nên Đức Phật mới gọi là sắc tâm.

Từ “Níp Bàn” là Danh bởi vì danh tâm (**nāmacitta**) hướng theo để vào bên trong của mình. Níp Bàn cao quý so sánh giống như vàng mà bất cứ ai cũng muốn, nhưng đặc tánh của vàng không biết gì bằng với người muốn mà chỉ là đặc tánh cao quý.

Vì vậy, chúng ta tạo phước phải chú nguyện cho đắc chứng Níp Bàn, Níp Bàn không lấy ai làm cảnh mà chỉ có người lấy Níp Bàn làm cảnh. Tâm vô nhân không đồng sanh với căn Danh, bởi vì nhóm tâm này là quả nương từ quá khứ. Nếu quá khứ là thiện thì cho nhận lấy quả thấy tốt, nghe tốt; nếu quá khứ là bất thiện thì cũng nhận được quả thấy không tốt, nghe không tốt và tâm vô nhân này cũng không phải là tâm thuộc nhóm thiện, bất thiện, chỉ là tâm thuộc nhóm quả lẫn được có tên là Tâm quả (**vipākacitta**). Sự việc không có nhân đồng sanh, bởi vì nói theo phận sự thì chỉ có phận sự nhỏ nhoi, nói theo tục sinh thì tục sinh thấp kém.

Từ **nāmasamuṭṭhānamrūpaṃ**, ám chỉ đến sắc nghiệp tục sinh, bởi vì sắc nghiệp tục sinh (**paṭisandhikammajarūpa**)

này có Danh đồng sanh nhau với sát na sanh của tâm tục sinh; nhưng sắc nghiệp bình nhật không tính vào. Bởi vì không đồng sanh với Danh, nhưng cũng là quả nối tiếp đến từ thời tục sinh.

Vì sao gọi là sắc nghiệp tục sinh có 1 căn với nhau là căn Danh (**nāmamūla**)? Bởi vì trong Danh Quả (**nāmavipāka**) hướng dẫn tâm tục sinh có vô tham, vô sân, vô si là căn Danh (**nāmamūla**) nên gọi là có căn lẫn nhau, vì có tâm sở đồng sanh trong tâm đại quả, tâm quả sắc giới. Còn tâm hữu nhân về phương diện 21 tâm thiện cũng có căn vô tham, vô sân, vô si là căn lẫn nhau (xem phương thức yếu hiệp (**saṅgaho**), tâm có tâm sở đồng sanh như thế nào cũng sẽ chấm dứt hoài nghi về điều này).

Còn 12 tâm bất thiện (8 tâm tham, có tâm sở đồng sanh tham, si là căn lẫn nhau), và 8 tâm tham này khi hiện khởi từ 2 căn này nên gọi là tâm hữu nhân (và cả 2 tham, si cũng là căn lẫn nhau).

2 tâm sân cũng có sân, si (giải thích giống như Tham). Đối với tâm hoài nghi cũng có 14 tâm sở đồng sanh là tâm hữu nhân, bởi vì tâm hoài nghi và 14 tâm sở đồng sanh từ tâm sở si là căn, nên gọi là tâm hữu nhân. Nhưng hiện thân tâm sở si đồng sanh với tâm hoài nghi chỉ có chính mình mà không có pháp là nhân trợ cho nữa. Vì vậy mới xếp vào trong nhóm tâm vô nhân luôn luôn được trừ ra; bởi vì chỉ có 1 pháp, không có pháp nào đến đồng sanh.

## Vấn Và Đáp Trong Bộ Phân Tích 21 Câu Trong Câu Danh

1. **Nāmādhammā:** Các pháp danh.

2. **Nāmamūla:** Các căn danh.

3. **Nāmamūlamūlā:** Căn danh căn.

4. **Nāmamūlakā:** Nương căn danh.

5. **Nāmamūlamūlakā:** Có căn nương với căn danh.

6. **Nāmamūlena ekamūlā:** Đồng căn với căn danh.

7. **Nāmamūlena ekamūlamūlā:** Có căn đồng căn với căn danh.

8. **Nāmamūlena ekamūlakā:** Có căn nương đồng với căn danh.

9. **Nāmamūlena ekamūlamūlakā:** Có căn nương đồng với căn danh.

10. **Nāmamūlena aññamaññamūlaka:** Là hỗ tương căn với căn danh.

11. **Nāmamūlena aññamaññamūlamūlā:** Là căn hỗ tương căn với căn danh.

12. **Nāmamūlena aññamaññamūlakā:** Là hỗ tương căn với căn danh.

13. **Nāmamūlena aññamaññamūlamūlakā:** Là hỗ tương căn với căn danh.

14. **Naveva nāmamūlāni:** Các căn danh chỉ có 9.

15. **Asesā nāmadhammā:** Các pháp danh còn lại ngoài ra đó.

16. **Ahetukaṃ nāmaṃ:** Các pháp danh vô nhân.

17. **Sahetukaṃ nāmaṃ:** Các pháp danh hữu nhân.

18. **Mūlāni yāni ekato uppajjanti nāmamūlāni:** Các căn danh nào cùng sanh lên chung với nhau.

19. **Avasesa nāmamūlasahajātā dhammā:** Các pháp đồng sanh với căn danh ngoài ra.

20. **Nāmasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ:** Sắc có danh là sở sanh.

21. **Nāmaṃ nāma:**

*(Giáo trình cũ nêu lên dịch như vậy).*

**Ābhidhammika bhikkhu yeva kira dhammakathikā nāma avasesā dhammakathaṃ kathentāpi na dhammakathikā tasmā tehi dhammakathaṃ kathenlā kamantaraṃ vipākantaraṃ rūpārupapāricchedakaṃ dhammantaraṃ ālo letvā kathenti ābhidhammikā pana dhammantaraṃ na ālo lenti tasmā abbidhammiko bhikkhudhammaṃ kathetvā mā vā pucchitakāle pana pañhaṃ kathessatīti ayameva ekanta dhammakathiko nāma hoti.**

Nhóm tỳ kheo hiểu về Thắng Pháp thông thạo, thường được gọi là pháp thật sự; nhóm tỳ kheo hiểu về kinh

(**suttantika**) còn lại ngoài ra đó, mặc dù thuyết pháp cũng chẳng gọi là pháp sư, vì sao?

Bởi vì nhóm tỳ kheo kinh tạng đó khi thuyết pháp thường thuyết về nghiệp với quả theo mỗi loại, và pháp ghi nhận danh và sắc thành loại khác. Nhưng tỳ kheo hiểu về Thắng Pháp thông thạo thì chẳng làm cho pháp lẫn lộn thành loại khác. Do đó, tỳ kheo hiểu về Thắng Pháp thông thạo, cho dù thuyết pháp hoặc không đi nữa trong lúc có đại chúng vấn hỏi cũng sẽ trả lời câu hỏi được. Vì vậy, chỉ có tỳ kheo hiểu thông thạo về Thắng Pháp mới chắc chắn là vị được gọi là pháp sư.

*(Trong số giải bộ Pháp tụ (aṭṭhasālinī atthakathā))*

## **1. Nương Đồng Căn Song Trong Phương Thức Nương Căn**

**(Ekamūlayamaka trong mūlakanaya).**

**Vấn xuôi: Ye keci nāmāp dhammā, sabbete nāmā mūlena ekamūlakāti?**

Các pháp nào là danh, tất cả pháp đó đồng căn với căn danh phải chăng?

**Đáp:**

**Ahetukaṃ nāmaṃ nāmamūlena na ekamūlaṃ, sahetukaṃ nāmaṃ nāmamūlena ekamūlaṃ.**

Danh vô nhân không đồng căn với căn danh, còn danh hữu nhân thì đồng căn với căn danh.

Đoạn này giải thích đến tâm vô nhân rằng: Sự việc không có căn đồng căn với căn danh, do không đồng sanh với 6 căn. Bởi vì làm cho nhãn thức, nhĩ thức... hiện khởi có 4 loại, tức thần kinh **nhãn (cakkhupasāda)**, cảnh sắc (**rūpārammana**), ánh sáng (**āloka**), tác ý (**manasikārā**) cho đến thân thức là nhân.

Ví dụ như ta bịt mắt thì thần kinh nhãn có không? Đáp: Có.

Thấy cảnh sắc không? Đáp: Không có. Bởi vì không có cảnh sắc.

Nếu thần kinh nhãn hoại thì nhãn thức sẽ khởi hiện được không? Đáp: Không được.

Nếu tối tăm thì sẽ nhìn thấy được gì không? Đáp: Không thấy được.

Bởi do gì mới không thấy được? Bởi do không có ánh sáng.

Nếu có ánh sáng mà không tác ý thì sẽ thấy được không? Cũng không thấy được, bởi vì không có tác ý.

Chính đây là nhân làm cho nhãn thức khởi hiện không liên quan với 6 căn, trong Thắng Pháp Tập Yếu Luận thì Cả 7 bộ cũng chỉ có 4 loại tâm, tâm sở, sắc pháp, Níp Bàn giống nhau. Bởi vì nhắm vào cho thấy vô ngã diệt trừ ngã rằng không có; chỉ đang có ngã (**atta**) mà thôi. Nhưng cho dù là vô ngã cũng chỉ có thực tánh xác chứng.

Bốn nhân làm cho nhãn thức, nhĩ thức... hiện khởi gọi là nhân duyên, tức thần kinh nhãn là vật tiền sanh duyên, cảnh sắc là cảnh duyên, cả 2 ánh sáng, tác ý là thường cận y duyên (**pakatūpanissayapaccaya**) hoặc gọi là nhân trợ sanh (**janakahetu**), nhưng trong nơi đây nhân trợ sanh tức thiện, bất thiện nên gọi là nhân duyên (**paccayahetu**).

**1. Janakahetu:** Nhân làm cho hiện khởi, tức 6 căn làm cho sắc nghiệp tục sinh dính theo mình. Tức, tham làm cho nghèo khổ, sân làm cho không xinh đẹp, si làm cho ngây ngơ, khờ khạo; chính đây là nhân làm cho khởi hiện dính theo mình. Vô tham làm cho giàu có, vô sân làm cho sắc đẹp, vô si làm cho có trí tuệ.

**2. Sampāpakahetu:** Nhân làm cho đạt đến, tức trung đạo.

**3. Nāpakahetu:** Nhân làm cho biết được.

**4. Paccayahetu:** Nhân duyên.

## **Trình Bày Con Đường Trung Đạo, Tức Bát Chánh Đạo**

Lợi dưỡng (**kāmasukhallikānuyoga**): Được an lạc nhiều trở thành Ngạ quỷ.

Khổ hạnh (**attakilamathānuyoga**) làm cho mình khổ sở dẫn đến Địa ngục.

Trung đạo (**majjhimāpatipadā**) làm cho chứng đắc Níp Bàn (**sampāpakahetu**).

### 3 Loại Thiện Đoạn Trừ (Pahāyakusala) Và Bất Thiện Pháp Cần Phải Đoạn Trừ (Pahatabbaakusaladhamma)

PHÁP THIỆN ĐOẠN TRỪ CÓ 3 LOẠI	TỨC	BẤT THIỆN CẦN PHẢI ĐOẠN TRỪ
1. Thiện đoạn trừ tạm thời ( <b>tadamgapahāya kusala</b> )	8 Tâm Đại Thiện	Loại Thô <b>atikkama</b> , loại trung bình <b>pariyuṭṭhāna</b>
2. Thiện đoạn trừ áp chế ( <b>vikkhambhana pahāyakusala</b> )	9 Tâm Thiện Đáo Đại	nt
3. Thiện đoạn trừ sát tuyệt ( <b>samucchedapa hāyakusala</b> )	4 Tâm Thiện Siêu Thế	...và tiềm miên

**Vấn:** Căn thiện, căn bất thiện, căn vô ký cả 3 đều là căn danh với nhau; nhưng căn thiện, căn bất thiện cả 2 pháp nào có sức mạnh nhiều hơn?

**Đáp:** Căn thiện có sức mạnh nhiều hơn khi gom cả 2 lại với nhau thì phương diện căn bất thiện phải thua thiệt. Bởi

vì căn thiện là pháp đoạn trừ, còn phương diện căn bất thiện là pháp bị loại trừ.

Ví dụ như Bà la môn dâng cúng vải mà mình đang có một tấm cho Đức Phật đợi đến lúc cúng dường thì đã chán chờ nhiều lần, rồi cũng có thể chiến thắng được bản xèn tự thân về sau. Ngay cả Đức Phật cũng chiến đấu với bất thiện giống như vậy.

Ví như 8 tâm đại thiện chỉ là đoạn trừ tạm thời, như đến học thì bất thiện cũng đình chỉ được, nhưng bất thiện cũng đang lăm le chực chờ nên thận trọng cung cách cho tốt lúc nào đối trị được.

Khi vượt qua ranh giới đi đến bờ thủ đô Bangkok thì cũng gặp cảnh sắc và cảnh thanh tức radio và cảnh khí tức mùi thức ăn, khi gặp thấy như vậy thì tham căn cũng xâm nhập vào liền tức thì, ưa thích trong sắc được thấy và tiếng được nghe và mùi thức ăn khởi lên đối bụng.

Đây là kiểu cách bất thiện nhưng cho dù thế nào đi nữa sau cùng rồi thiện tạm thời (**tadaṃgakusala**) làm cho thiện áp chế (**vikkhambhanakusala**) hiện khởi; thiện áp chế làm cho thiện sát tuyệt (**samucchadakusala**) sanh lên.

Hoặc một lý khác nữa, thiện tạm thời không làm cho thiện áp chế khởi hiện nhưng trở lại làm cho thiện sát tuyệt một lần cũng có như Nhập lưu đạo sanh lên, nhưng nếu thiện tạm thời làm cho thiện áp chế hiện khởi cũng chưa chắc chắn bởi vì vẫn còn tiềm miên (**anusaya**).

Ví dụ như thiên giả đắc thiên bay lên vượt mặt trời, mặt trăng, nhưng khi có cảnh sắc đến xúc chạm thì thiên hoại liền tức thì, phải trở lại gánh củi đi bán.

Khi gặp 30 vị tỳ kheo thì hỏi các Ngài rằng đã chứng đắc Đạo, Quả chưa? Ngài đáp rằng: Chưa. Thiên giả cũng đáp đừng tin tưởng tâm đại thiện chỉ là tạm thời, ngay cả chính bản thân tôi đắc được thiên áp chế cũng vẫn hoại đi, trở thành người gánh củi đi bán.

Tóm lại, sắc, tiếng này là đối lập lại hoàn toàn với thiện đáo đại, nếu xúc chạm rồi thì phải hoại ngay lập tức, đại thiện thì không sao, vì vậy mới gọi là thiện. Thiện sát tuyệt là thiện tốt đỉnh, bởi vì có thể đoạn trừ tiềm miên được.

Và Ngài giải thích tiếp theo nữa rằng: Hằng ngày chúng ta vẫn còn dể dôi cũng bởi vì không ý thức rằng sẽ chết khi nào. Nếu biết rằng sẽ chết năm nay hoặc năm sau thì sẽ hoảng hốt, sợ hãi và vội vàng trau dồi thiện cho khởi hiện ngay tức thì.

Ví dụ như kiếp mà ta đang sống hàng ngày này sẽ bị thiêu hủy do lửa, khi có chư Thiên đến thông báo cho biết trước 100 ngàn năm rằng: Thế gian này sẽ phải bị thiêu hủy do lửa, rồi vội vàng tu tập thiện pháp, khi nhân loại và chư thiên đã hiểu được, mỗi người đồng tâm với nhau tu tập thiện pháp liền tức thì. Tóm lại cũng chỉ có ý nghĩa thiên khó gìn giữ được trọn vẹn.

## Câu Danh (nāmapada)

### Phương Thức Căn Căn Trong Phần Căn (Mūlamūlanaya trong mūlavāra)

#### 1. Căn Song Trong Phương Thức Căn Căn (Mūlayamaka Trong Mūlamūlakanaya)

**Vấn xuôi:** Yekeci nāmā dhammā sabbete nāmalamūlakāti?

Các pháp nào là danh, tất cả pháp đó đều nương căn danh phải chăng?

**Đáp:** Ahetukaṃ nāmaṃ na nāmamūlakaṃ, sahetukaṃ nāmaṃ nāmamūlakaṃ.

Danh vô nhân không nương căn danh, còn danh hữu nhân thì nương căn danh.

**Vấn ngược:** Ye vā pana nāmamūlakā, sabbe te dhammā nāmāti?

Hay là các pháp nào nương căn danh, tất cả pháp đó là danh phải chăng?

**Đáp:** Nāmasamuṭṭhānaṃ rūpaṃ nāmamūlakaṃ na nāmaṃ, nāmaṃ nāmamūlakañceva nāmañca.

Sắc có danh làm sở sanh nương căn danh nhưng không

phải là danh, còn danh pháp thì nương căn danh cũng phải, là danh cũng phải.

Câu vấn xuôi, câu vấn ngược, gom cả 2 câu hỏi này lại vẫn còn thiếu 7 sắc chân đế pháp nữa, tức sắc tâm vô nhân, sắc nghiệp tục sinh vô nhân, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc nhiệt lượng, sắc nghiệp tục sinh vô tướng, sắc nghiệp bình nhật.

Sắc có danh là sở sanh, tức sát na sắc nghiệp tục sinh mà thôi. Bởi vì sắc nghiệp tục sinh phải nương vào danh, tức tâm, tâm sở nên mới hiện khởi được. So sánh giống như cây cối (lớn) thành thân cây, phải nương vào hạt giống trở thành cây giống để cho cây mới mọc lên được. Nếu hạt giống, cây giống không có thì cây cũng không sinh sôi nảy nở được như thế nào, thì sắc nghiệp tục sinh cũng phải nương vào tâm, tâm sở ở sát na tục sinh như thế ấy.

Khi đã khởi hiện thời tục sinh thì sắc nghiệp bình nhật cũng hiện khởi tiếp theo thời tục sinh mà không phải nương vào cây giống nữa. Giống như cây cối khi mọc ra rồi thì không cần thiết nương vào hạt giống nữa, trở lại nương vào đất và nước tiếp tục, đất là si, nước là ái dục.

(Đối với sắc tâm hữu nhân cũng có danh là sở sanh giống nhau nhưng không được đề cập, bởi vì hiện bày rõ ràng, nhưng sắc nghiệp phải đề cập đến. Bởi vì có sự khác nhau, tức trong sát na tục sinh sắc nghiệp phải nương vào tâm, tâm sở mà hiện khởi. Nhưng khi nương vào sát na trụ của tâm tục sinh thì tự khởi hiện, không cần nương vào tâm, tâm sở, chính như vậy phải đem ra đề cập).

Sự việc chúng ta có phận sự học Thắng Pháp này cũng bởi vì chúng vẫn còn trong ngũ uẩn là khổ đế, mà Đức Phật chỉ dạy cho nhận biết khổ cũng chính là ngũ uẩn mà chúng ta có được, cho nên khi ngũ uẩn hiển lộ lên như vậy rồi, thì có sự đặt tên kêu gọi với nhau và cũng phải có phận sự. Nếu ngũ uẩn không có thì phận sự, tức việc học cũng không phải học. Do đó, phận sự trong Phật Giáo có 2 loại là phận sự hiệp thế, phận sự siêu thế.

### Tóm Tắt Quả Của Căn Song

Sự việc Đức Phật nêu 9 căn lên thuyết trước cũng, bởi vì tất cả chúng sanh phải nương vào căn (**mūlā**), tức nhân (**hetu**). Và sanh mạng tồn tại được như vậy, bởi vì nương vào căn, tức chính nhân này, nhân này rất quan trọng, tức tập đế là nhân, khổ đế là quả. Khổ đế nói theo chân đế, tức 81 tâm, 51 tâm sở, 28 sắc pháp.

Nếu nói theo quan điểm nhân sinh (**puggalādhutṭhāna**) về tục đế, tức tất cả chúng sanh có sanh mạng trong 31 cõi, đây là khổ đế. Tập đế tức tâm sở tham.

Nếu theo quan điểm nhân sinh hoặc chế định, tức 31 cõi mà chúng sanh phải luân chuyển xoay vòng cũng tức vòng luân hồi.

Cõi khổ là quả, 11 tâm bất thiện (trừ tâm phóng dật) là nhân.

Nhân loại, chư Thiên là quả, tâm đại thiện là nhân.

Người sắc giới là quả, tâm đáo đại là nhân.

*(Trùng hợp với việc sắp xếp nhân vào trong cõi, sắp xếp nhân vào trong người).*

### **Đức Phật Có 3 Loại Níp Bàn**

Phiền não Níp Bàn (**kilesanibbāna**), ngũ uẩn Níp Bàn (**khandhanibbāna**), xá lợi Níp Bàn (**dhātunibbāna**)

Phiền não Níp Bàn nơi bảo tọa dưới cây bồ đề.

Ngũ uẩn Níp Bàn nơi thành **kusinārā**.

Xá lợi Níp Bàn; thời gian này vẫn còn cho đến khi tròn đủ 5000 năm thì tất cả xá lợi cùng nhau gom lại tại bảo tọa, rồi hiện bày thành Đức Phật thuyết pháp lần nữa. Nếu ai có phước thì sẽ được nghe; giai đoạn xá lợi Níp Bàn này chư Thiên và nhân loại sẽ sầu khổ tăng lên thêm.

Khi (ngũ) uẩn Níp Bàn thì tất cả bậc A la hán có 2 loại Níp Bàn là: Phiền não Níp Bàn, (ngũ) uẩn Níp Bàn.

1. Ngôi nhà nóc nhọn được chế tạo bằng vật liệu xây dựng bằng gỗ, không cho phân tán như thế nào, vô minh là căn hội tụ bất thiện, tất cả pháp bất thiện được thành lập trên căn vô minh thì tất cả các người hãy chớ để đuôi cho đến khi chúng đắc.

2. Đức Phật vớt bụi đặt trên đầu ngón tay, rồi hỏi tỳ kheo rằng: Bụi trên ngón tay và bụi quả địa cầu, cái nào nhiều hơn.

Tỳ kheo bạch rằng: Bụi trong quả địa cầu nhiều hơn, bụi trên đầu ngón tay thật nhỏ nhoi không thể so sánh với bụi trong quả địa cầu.

Đức Phật thuyết rằng: Được sanh làm người chỉ bằng bụi đang có trên đầu ngón tay, các con hãy chớ dễ duôi cho đến khi chúng đăc.

3. Người thợ săn thiện xạ bắn mũi tên đi 4 hướng thì sự nhanh chóng của mũi tên và người chạy theo cùng với chư thiên và sự mau chóng của mặt trời, mặt trăng cũng chưa bằng sự nhanh chóng của thọ hành (**āyusaṅkhāra**) tức chấm dứt sanh mạng, các con hãy chớ dễ duôi cho đến khi chúng đăc.

4. Người bỏ thí buổi sáng 100 nôi (vật thực), vào buổi chiều 100 nôi cũng không bằng việc tu tiến Từ tâm giải thoát (**mettācetovimutti**) hãy làm nhiều, trở thành cỗ xe, trở thành lieu cốc nương tựa.

5. Gia tộc nào có nhiều phụ nữ, gia tộc đó thường bị ức hiếp dễ dàng từ đăm trộm cướp; bởi vì người đó không tu tiến Từ tâm giải thoát nên bị ức hiếp từ bất thiện pháp giống như bọn lũ trộm cướp. Gia tộc nào có nhiều đàn ông thì kẻ cướp không thể ức hiếp đợc; giống như người đăng tu tiến Từ tâm giải thoát thì bất thiện pháp không thể ức hiếp đợc.

## 2. TƯỚNG UẨN SONG (Saññākkhandhayamaka)

**Vấn xuôi:** Saññā, saññākkhandhoti?

Tướng là tướng uẩn phải chăng?

**Đáp:** Ditthisaññā saññā na saññākkhandho, saññākkhandho saññā ceva saññākkhandho ca.

Tướng kiến là tướng nhưng không phải là tướng uẩn. Còn tướng uẩn là tướng cũng phải, là tướng uẩn cũng phải.

**Vấn ngược:** Saññākkhandho, saññāti?

Tướng uẩn là tướng phải chăng?

**Đáp:** Phải rồi (āmantā)

Điều này Ngài giáo thọ sư **anuṭṭikā** đề cập rằng: Sự việc Đức Phật nêu lên thuyết chỉ 1 từ kiến tướng.

Xin hiểu theo ví dụ giống như cậu bé **Makūtarāja** lên trị vì vương sản dưới cây lọng **Sevata**, chỉ có duy nhất cây lọng **Sevata** trong lúc đó phải chăng?

Không phải chỉ có duy nhất cây lọng **Sevata** mà bắt buộc phải có vương miện, cây quạt **Cāmacurī**, đoản kiếm cùng với 5 đồ vật trang sức như thế nào, thì sự việc Đức Phật nêu lên thuyết chỉ một từ thì nên hiểu rằng: Ái dục, ngã mạn cũng phải gom vào. Giống như nói rằng: Chỉ một từ dưới cây lọng **Sevata** Đức Chánh Đẳng Giác thuyết kiến tướng (**ditthisaññā**) mà thôi.

Ngài giáo thọ sư sơ giải cũng giải thích chỉ từ kiến tướng giống nhau, nhưng Ngài giáo thọ sư **anuṭṭikā** so sánh ý nghĩa rộng ra rằng: Phải có ái dục (**taṇhā**), ngã mạn (**māna**) gom chung vào. Bởi vì Ngài giáo thọ sư **mūlaṭṭika** trình bày rằng **diṭṭhi ca** có từ **vā**. Khi có từ **vā** như vậy thì phải ám chỉ đến tham ái, ngã mạn vào. Cho nên Ngài giáo thọ sư **anuṭṭikā** mới trình bày rằng: **diṭṭhi ca taṇhā ca māno ca** xem như là trình bày hết tức ái dục, ngã mạn, tà kiến.

Sự việc mà Ngài trình bày hết như vậy bởi vì ái dục, ngã mạn, tà kiến cả 3 làm cho sanh hữu (**bhavajāti**) khuỵch trương bản ngã rộng ra cho đến không thể tính được.

Thật ra Ngài giáo Thọ sư **mūlaṭṭika** nêu lên đề cập chút ít mà thôi, tức từ **vā**. Nhưng Ngài giáo thọ sư **anuṭṭikā** kiểm cố cho nhiều ra.

Ngài giáo thọ sư **mūlaṭṭika** giải thích từ sơ giải, Ngài giáo thọ sư **anuṭṭikā** giải thích từ Ngài giáo thọ sư **mūlaṭṭika** thêm chút nữa.

Vì vậy khi nối tiếp theo Ngài giáo thọ sư **anuṭṭikā** thì phải trừ ra 4 tâm sở, tức tham, ngã mạn, kiến tướng và tâm sở tướng. Chỉ còn lại 48 tâm sở, tính số lượng nhiều, ít như vậy, nhưng nếu suy nghĩ theo Đức Phật thuyết thì đơn giản dễ dàng.

Tóm lại, tướng kiến ghi nhận sai về tất cả đối tượng hữu thức. Còn tướng uẩn ghi nhận sai cũng có, ghi nhận đúng cũng có. Tướng kiến là tướng ghi nhận sai như tay của ta,

thân ta, con ta, ăn không thoải mái, người kia người này là như thế này.

Tóm lại lời nói dùng để nói với nhau, tất cả gọi là tướng kiến, bởi vì ghi nhận sai thực tế, sai từ pháp chân đế, bởi vì pháp chân đế không có như vậy, chỉ có 2 loại danh sắc.

Tướng kiến nếu nói theo chế định thì đúng không sai, chỉ sai về chân đế. Bởi vì người mong muốn Níp Bàn không lấy nhóm chế định để thay thế được; phải dùng chân đế, tức thực tánh danh sắc. Như đi là sắc đi; ai biết? danh biết; nhìn là sắc nhìn; ai thấy? danh thấy, danh biết; ăn, ai ăn? sắc ăn; ai biết chua, mặn, ngọt? danh biết. Việc biết như vậy gọi là biết bằng tuệ văn (**sutamayapaññā**) là chánh kiến thấy đúng; nhưng khi bắt tay vào thực hành thì phải thấy theo 1 loại nữa, nhưng phải thấy nương vào tuệ văn là phần đầu.

Kiến tướng đang có nhưng trong cơ tánh của phàm nhân. Trong cơ tánh của bậc thánh, kể từ bậc Nhập lưu trở lên thì không có, chỉ có tướng uẩn, tức sự ghi nhận; kiến không gom vào được. Tướng kiến gom vào trong thân kiến hoặc tướng điên đảo (**saññāvipallasa**).

Việc thực hành giai đoạn đầu cũng phải nương vào chế định, như chú niệm đề mục hoàn tịnh (**kaṣiṇa**) bằng chuẩn bị (**parikamma**) rằng “nước, nước” cũng là chế định. Nhưng khi định đã tăng trưởng thì tuệ quán cũng sanh lên theo tuần tự thì cũng tự biết; tướng kiến là bất thiện, tức tâm sở tà kiến đồng sanh trong 4 tâm tương ưng kiến. Nhưng khi lộ tâm

hiện khởi thì có thể nhận lấy cảnh là thiện được; như nghe thuyết pháp, đây là cảnh thuộc thiện. Nhưng rồi tưởng kiến ghi nhận sai rằng: Tôi nghe thuyết pháp, tôi cúng dường tiền dâng cúng đến vị pháp sư như thế này, thế nọ; tức nhận lấy cảnh (**ārammaṇika**) là thiện; nhưng tà kiến không thay đổi thành thiện được.

Tưởng kiến là thiện được không?

Đáp: Không, nhưng nhận lấy cảnh là thiện được.

## HÀNH UẨN SONG (Saṅkhāra-kkhandhayamaka)

**Vấn xuôi:** Saṅkhārā, saṅkhāra-kkhandhoti?

Hành là hành uẩn phải chăng?

**Đáp:** Saṅkhāra-kkhandham thapetvā avasesā saṅkhārā na saṅkhāra-kkhandho, saṅkhāra-kkhandho saṅkhārā ceva saṅkhāra-kkhandho ca.

Trừ hành uẩn ra, pháp còn lại là hành nhưng không phải là hành uẩn.

Còn hành uẩn là hành cũng phải, là hành uẩn cũng phải.

**Vấn ngược:** Saṅkhāra-kkhandho, saṅkhārāti?

Hành uẩn là hành phải chăng?

**Đáp:** “Phải rồi”.

## Từ Hành (saṅkhārā) Có 4 Loại:

1. **Avijjā paccayā saṅkhārā**: Tức tư hợp trong 12 tâm bất thiện, 17 tâm thiện hiệp thể.

2. **Tayo saṅkhārā**: Tức 3 hành là thân hành, ngữ hành, tâm hành.

**Kāyasāṅkhāra**: Sự sắp đặt theo đường thân, tức hơi thở ra, vô.

**Vacīsāṅkhāra**: Sự sắp đặt theo đường ngữ, tức tâm sở tầm, tứ.

**Cittasāṅkhāra**: Sự sắp đặt theo đường tâm, tức 50 tâm sở còn lại.

3. **Sabbe saṅkhārā**: Tức 3 lãnh vực pháp (**tebhūmikadhamma**) là 81 tâm hiệp thể, 52 tâm sở, 28 sắc pháp.

4. **Aniccā vata saṅkhārā**: Tức 4 lãnh vực pháp (**catubhumidhamma**) là 89 tâm, 52 tâm sở, 28 sắc pháp.

**Saṅkhārakkhandhayamaka avasesā saṅkhārāti aniccā vata saṅkhārā ti ādīsu āgatā saṅkhārakkhanto avasesā saṅkhatadhammā.**

Từ **avasesā saṅkhārā** trong hành uẩn song tức tất cả pháp hành (**saṅkhatadhamma**) ngoài ra 50 tâm sở, pháp hành ngoài ra 50 tâm sở này nên hiểu trong câu **Pāḷi** rằng: **Aniccā vata saṅkhārā...**

(Trong số giải uẩn song).

Sabbe saṅkhārā tức 81 tâm hiệp thể, 52 tâm sở, 28 sắc pháp, bởi vì Đức Phật thuyết rằng:

**Sabbe saṅkhārā aniccāti yadā paññāya passati  
atha nibbindati dukkhe esa maggo visuddhiyā, sabbe  
saṅkhārā dukkhāti yadā paññāya passati atha nibbindati  
dukkhe esa maggo visuddhiyā, sabbe saṅkhārā anattāti  
yadā paññāya passati atha nibbindati dukkhe esa maggo  
visuddhiyā**

Không lấy 8 tâm siêu thể liên quan đến trong nơi đây được. Bởi vì theo thông thường người tu tiến minh quán (vipassanā) khi tuệ quán sanh lên cũng sẽ thấy vô thường là khổ.

Khi thấy như vậy thì sự nhầm chán cũng khởi hiện, chính sự nhầm chán này, Đức Phật thuyết rằng: Là con đường của sự thanh tịnh mà không có ai nêu lên lấy 8 tâm siêu thể đem ra quán xét như vậy được.

Bởi vì 8 tâm siêu thể này có Níp Bàn làm cảnh để nêu lên quán xét được như thế nào, và sự việc quán xét vô thường, là khổ, là vô ngã cũng ở nơi tâm có gì làm cảnh trọng yếu, cho dù là tâm tố ở trong nhóm này cũng trọn vẹn? Tất cả bậc A la hán thường quán xét thấy vô thường là khổ của nhóm tâm này.

Nhưng đối với phàm nhân sẽ thấy được như thế nào? Bởi vì không phải là tâm của mình (vì tâm đại tố cũng vẫn phải làm, phải nói, phải suy nghĩ trong vô số phận sự khác nhau).

Vì vậy, Đức Phật mới thuyết rằng:

**Aniccā vata saṅkhārā            Uppādavayadhammino**

**Uppajjitvā nirujjhanti        Tesam vūpasamo sukho**

Tất cả pháp hành là vô thường, có sự sanh lên rồi hoại diệt đi là thông thường, sanh lên rồi diệt đi. Việc dẫn đến vắng lặng nhóm hành này là an lạc.

Như vậy 8 tâm siêu thế cũng có sự sanh diệt như nhau, cho nên tất cả hành là vô thường (**aniccā vata saṅkhārā**) này mới là 4 lãnh vực pháp, tức 89 tâm, 52 tâm sở, 28 sắc pháp. Do đó từ hành (**saṅkhārā**) trong hành song (**saṅkhārayamaka**) này tức tất cả hành là vô thường. Bởi vì Đức Phật thuyết rằng: này các tỳ kheo, ngay cả 8 tâm siêu thế cũng có sự sanh diệt là thông thường, có sự an lạc thật sự cũng duy nhất chỉ có Níp Bàn mà thôi.

## **Phần Câu Lọc Căn Luân Thuận Tùng (Padasodhanamūlocakkavāraanuloma)**

1. **Hành uẩn gốc sắc uẩn ngọn song đôi  
(Saṅkhārakkhandhamūla rūpakkhandhamūlīyanaka).**

**Vấn xuôi: Saṅkhārā, saṅkhārakkhandhoti?**

Hành là hành uẩn phải chăng?

**Đáp: Saṅkhārakkhandham t̐hapetvā avasesā  
saṅkhārā na saṅkhārakkhandho, saṅkhārakkhandho,  
saṅkhārakkhandho saṅkhārā ceva saṅkhārakkhandho ca.**

Trừ hành uẩn ra, các hành còn lại là hành, nhưng không phải là hành uẩn.

Còn hành uẩn là hành cũng phải, là hành uẩn cũng được.

**Vấn ngược: Khandhā, rūpakkhandhoti?**

Uẩn là sắc uẩn phải chăng?

**Đáp: Rūpakkhandho khandho ceva rūpakkhandho ca, avasesā khandhā na rūpakkhandho.**

Sắc uẩn là uẩn cũng phải, là sắc uẩn cũng phải. Còn các uẩn ngoài ra là uẩn, nhưng không phải là sắc uẩn.

Pháp hành có 2 loại, tức nói theo phương diện pháp nghĩa (**dhammādhiṭṭhāna**) là 89 tâm, 52 tâm sở, 28 sắc pháp. Nếu nói theo quan điểm nhân (**puggalādhiṭṭhāna**), tức tất cả đối tượng hữu thức, tất cả đối tượng hữu thức và vô thức này không giống nhau, vì sao?

Bởi vì có duyên, tức nghiệp, tâm, nhiệt lượng (**utu**), vật thực tạo tác con người chúng ta hoặc loài vật cũng có không giống nhau như cảm giác, không cảm giác, tâm tốt, không tốt, nương từ nghiệp quá khứ tạo tác.

Còn tâm làm cho sắc hiện khởi không giống nhau, còn đối tượng vô thức cũng không giống nhau như núi đồi, cây cối... các đối tượng này sanh lên từ nhiệt lượng tạo tác và chỉ có 8 sắc bất ly. Đối tượng vô thức có 8 sắc này mà thôi, rơi vào trong lĩnh vực vô thường. Đức Phật mới thuyết tối hậu ngôn (**pacchimabhāsita**) rằng:

“Handadāni bhikkhave āmantayāmi vo vayadhammā saṅkhārā appamādena sampādeṭṭha”.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ thuyết cho các con tất cả hành có sự hoại diệt là thông thường, các con hãy làm cho chúng đặc tam học bằng sự không dễ duôi, các con hãy làm cho sự không dễ duôi được viên mãn, tức chính niệm xứ này”.

Còn Níp Bàn sẽ có đối với nhân loại, chư thiên, phạm thiên, tất cả bậc A la hán đều có giống nhau cả, vì sao? Bởi vì Níp Bàn không có tạo tác.

Việc tu tiến niệm xứ để có ước nguyện gì? Tất cả cũng để ước nguyện sẽ cho thiện sanh lên và bất thiện chấm dứt. Việc làm cho thiện khởi hiện dễ dàng như trong lúc tu tiến minh quán thì thiện hiện khởi nhiều nhất; nhưng làm cho thiện không khởi hiện khó nhất. Bởi vì nếu vẫn còn thiện cho đến khi nào, cho đến khi đó cũng chưa thoát khỏi luân hồi bởi vì vẫn còn là hành.

Nếu thiện, tức hành vẫn còn thì tạo tác cho trở thành khác nhau, rồi cũng chỉ rơi vào trong câu: **tất cả hành là vô thường (sabbe saṅkhārā aniccā)**. Vì vậy nên phải làm không cho thiện hiện khởi mới thoát khỏi sự tạo tác được.

Trong câu hành uẩn gốc tướng uẩn ngọn, giải thích đến uẩn có 11 pháp.

**Rāsī** dịch là đông, đông chế định.

**Aṭṭhimiñjaṃ** tức đông xương.

Nhưng còn từ uẩn dịch là đồng, đồng chân để ám chỉ lấy 11 pháp, phân loại thành 5 chỉ ngần ấy và có trí tuệ là hiện thân tổng hợp của tuệ quán (**vipassanāñāna**) xếp vào là nền tảng trí tuệ.

**1. Rāsaṭṭhena rāsiaṭṭhena khandho.**

Gọi là uẩn do ý nghĩa đồng, khối, nhóm.

**2. Jatijarāmarañādīhi saṃsāradukkhehi khāditabboti khandho.**

Gọi là uẩn bởi vì là pháp mà hành khổ như sanh, già, chết... cần phải nhai nghiền.

**3. Jātijārabyādhimaraṇadukkhādīhi anekehi dukkhehi khajjati khadiyatīti: Khandho.**

Gọi là uẩn, bởi vì là pháp mà tất cả khổ như sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ... nhai nghiền.

**4. Suññākāraṃ dharentīti: Khandhā.**

Tất cả pháp (tâm, tâm sở, sắc pháp) thường duy trì trạng thái rỗng không khỏi bản ngã, vì vậy mới gọi là uẩn.

**5. Atītānāgatapaccuppannādibhedabhinnakā ekajjhaṃ rāsiaṭṭhena pañcakkhandhāti bhāsītā.**

Tất cả pháp khác nhau theo 11 phân loại như quá khứ, vị lai và hiện tại...Đức Thế Tôn thuyết rằng 5 uẩn do ý nghĩa gom lại thành đồng.

## **Thức Uẩn Gốc Sắc Uẩn Ngọn Song Đối (viññāṇakkhandhamūla rūpakkkhandhamūliyamaka)**

**Vấn xuôi: Viññāṇaṃ, viññāṇakkhandhoti?**

Thức là thức uẩn phải chăng?

**Đáp: “Phải rồi” (amantā)**

**Vấn ngược: Khandhā, rūpakkkhandhoti?**

Uẩn là sắc uẩn phải chăng?

**Đáp: Rūpakkkhandho khandho ceva rūpakkkhandho  
ca, avasesā khandhā na rūpakkkhandho.**

Sắc uẩn là uẩn cũng phải, là sắc uẩn cũng phải. Còn các uẩn ngoài ra là uẩn nhưng không phải là sắc uẩn.

Lời giải thích trong thức uẩn gốc sắc uẩn ngọn song đối, điều trọng yếu về 5 uẩn, tức trong sự việc Đức Phật trả lời rằng: “Phải rồi”.

Trong nơi đây có nghĩa là thức uẩn có 1, thọ uẩn cũng có 1, nhưng tưởng uẩn có 2 loại, tức theo gián tiếp và theo trực tiếp. Theo gián tiếp, tức tưởng uẩn kiến; theo trực tiếp, tức tâm sở tưởng.

Hành uẩn có 2 loại, tức 50 tâm sở là hành theo trực tiếp; sắc, thọ, tưởng, thức là hành theo gián tiếp.

Sắc cũng có 2 loại nữa, tức theo trực tiếp là 28 sắc pháp;

theo gián tiếp tức 81 tâm hiệp thể, 52 tâm sở, sắc đáng ưa thích (**piyarūpa**), sắc đáng vừa lòng (**sātarūpa**).

Do đó phải hiểu rằng sự việc Đức Phật phân ra đặt tên rằng: *Tâm, thọ, tưởng, sắc, hành*, vì sao? Bởi vì có sự quan trọng rằng *tâm, thọ, tưởng* chính 3 uẩn này quan trọng hơn mới phân ra đặt thành 1 thức uẩn, 1 thọ uẩn, 1 tưởng uẩn.

Còn về sắc thì không phân ra, bởi vì có cả sắc nghiệp, sắc tâm, sắc nhiệt lượng, sắc vật thực.

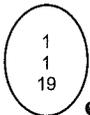
Còn hành uẩn cũng không phân ra, bởi vì có nhiều so sánh giống như vị lương y đi vào rừng tìm kiếm cây thuốc. Khi được cây thuốc rồi thì biết được rằng cây thuốc nào mềm, cây thuốc nào cứng. Khi biết được như vậy thì lấy cây thuốc mềm bỏ vào trong cối giã chung với nhau thì sẽ mau chóng nhuyễn được. Nhưng 3 cây thuốc này là cây thuốc rất cứng nên phải phân mỗi loại ra giã, mới làm cho cây thuốc nát được.

Cũng chính việc tu tiên minh quán này, vì rằng thức, tức tâm là duyên cho Thường điền đảo (**niccavipallāsa**) hiện khởi là thành quả; bởi vì hiểu rằng tâm là thường hằng.

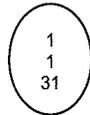
Tâm sở thọ làm duyên cho hiện khởi Lạc điền đảo (**sukhavipallāsa**) là thành quả; bởi vì hiểu rằng thọ là an lạc, thường xuyên đáng mong mỏi.

Tâm sở tưởng làm duyên cho ngã điền đảo (**attavipallāsa**) sanh lên là thành quả; bởi vì thấy rằng là bản ngã. Đúng

như Ngài giáo thọ sư nói rằng: tướng gom vào trong pháp tùy quán niệm xứ (**dhammānupassanāsatipañhāna**), tu tiến để chinh đốn ngã điên đảo, bởi vì không biết theo sự thật nên mới khởi hiện 3 loại điên đảo này, phải chinh đốn bằng tuệ tu tiến (**bhavanāmayapaññā**), mà không chinh đốn bằng tuệ văn (**sutamayapaññā**) được. *Xem trong biểu tượng chỉ lấy*



**Sắc Tâm Bất Thiện**  
(akusalacittajarūpa)



**Sắc Tâm Thiện**  
(kusalacittajarūpa)



Tâm, thọ, tưởng, còn con số gom chung, tức tâm sở khác nữa, biểu tượng chéo nhau tức nghiệp, tâm, nhiệt lượng, vật thực, sắc thô và sắc hạ liệt sanh lên từ tâm bất thiện. Khi tâm bất thiện khởi hiện thì sắc sanh lên từ tâm, tức sắc tâm cũng thô thiện thấp kém. Nếu là tâm thiện hiện khởi thì sắc sanh lên từ tâm thiện cũng vi tế thù thắng, tâm hiệp thể là tâm thô, tâm siêu thể là tâm tế.

Hoặc 1 lý khác nữa, tâm hữu phần là tâm vi tế lúc hình thành trong tâm lộ thì trở thành thô thiện. Tâm bất thiện thì hạ liệt, tâm thiện thì thù thắng. Khi tâm sinh diễn đến tâm hữu phần thì sắc tâm cũng hiện khởi nhưng rất an tịnh, hoặc sát na nằm ngủ thì sắc tâm cũng sanh lên nhưng không có

trạng thái. Khi thức dậy thì có sự thương tiếc hoặc hân hoan thì sắc tâm cũng sanh lên và có trạng thái rất thô thiển nhìn thấy được dễ dàng. Lúc nhập thiền diệt thì tâm, tâm sở diệt đi; sắc sanh lên từ tâm cũng diệt theo.

## **Phần Quá Khứ Thuận Tùng (Atītavāraanuloma)**

### **Phần Người (puggalavāra) Thọ Uẩn Gốc Tướng Uẩn Ngọn Song Đối (Vedanākkhandhamūla saññakkhandhamulīyamaka)**

**Vấn xuôi:** *Yassa vedanākkhandho uppajjittha, tassa saññakkhandho uppajjitthāti?*

Thọ uẩn từng sanh với người nào thì tướng uẩn từng sanh với người ấy phải chăng?

**Đáp:** “Phải rồi”.

**Vấn ngược:** *Yassa vā pana saññakkhandho uppajjittha, tassa vedanākkhandho uppajjitthāti?*

Hay là tướng uẩn từng sanh với người nào thì thọ uẩn từng sanh với người ấy phải chăng?

**Đáp:** “Phải rồi”.

Trong câu vấn xuôi: *Yassa vedanākkhandho uppajjittha* (thọ uẩn từng sanh với người nào) là câu mở.

**Tassa saññākkhandho uppajjittha** (thì tướng uẩn từng sanh với người ấy phải chăng?) Là câu hỏi.

Chi pháp của câu mở: 4 phàm, 3 bậc thánh quả đang sanh trong 31 cõi; 4 phàm, 4 bậc thánh đang chết trong 31 cõi. Chi pháp của câu hỏi: giống nhau.

Điều chánh yếu trong câu này nên hiểu cho suôn sẻ, bởi vì Ngài nhắm vào pháp chân đế theo lộ tâm, không nhắm vào theo luân lưu chế định (**santatipaññatti**).

Điều chánh yếu này thì người đạo không từng sanh trong 3 thời, thời này phân thành 3 thời, tức thời tục sinh, thời bình nhật, thời tử, người đạo sanh lên trong 1 sát na, tức trong thời bình nhật mà thôi.

Trong điều chánh yếu này nhắm vào lộ tâm đặc đạo theo chân đế, tức: Chuẩn bị, cận hành, thuận thứ, chuyển tộc, đạo, quả. (Đạo: thì đạo hiện bày lên ngay đây). Tức trước cũng không từng sanh, sau cũng không từng sanh.

Còn quả từng sanh, bởi vì theo lộ tâm thì quả có 2,3 sát na nên mới gọi là từng sanh.

Còn đạo sanh lên 1 sát na tâm rồi diệt đi tiếp theo sau đó là tâm quả, nên gọi là từng sanh từng diệt.

Còn vị A la hán quả chỉ có chết không có sanh, bởi vì 4 tâm đạo, 4 tâm quả này không phải là tâm tục sinh.

**Vấn:** Vì sao 3 người quả lại sanh lên?

**Đáp:**

Tâm đại quả vẫn còn tùy miên tạo dựng cho sanh lên, nhưng bậc A la hán Ngài đoạn trừ, sát tuyệt tiềm miên nơi tâm hữu phần, giống như hạt giống khô héo hoặc bị luộc.

**Vấn:** Nơi đâu trường Đức Phật đã chứng đắc A La Hán Quả, nhập lưu đạo, nhất lai đạo, bất lai đạo không sanh lên trước chăng? Nếu 3 đạo không từng sanh lên trước thì sẽ đạt đến A La Hán Đạo được như thế nào?

**Đáp:** Cho dù sanh lên nhanh chóng cũng phải khởi hiện 4 sát na không vượt qua (khởi 4 sát na được). Điều này cũng đúng theo luân lưu chế định, tức tính kể từ thái tử **Siddhattha** xuất gia, hành khổ hạnh, cho đến chứng đắc Toàn giác trí là luân lưu chế định nói được.

Nhưng trong nơi đây nhắm vào lộ tâm, mỗi lộ tâm có đạo hiện bày lên 1 lần, chính sát na này gọi là nhóm 5 uẩn (**khandhapañcaka**) là 1 sát na đạo; sẽ lấy lộ tâm Nhập lưu đến nối tiếp lộ tâm Nhất lai, lộ tâm Nhất lai đến nối tiếp lộ tâm Bất lai, lộ tâm Bất lai đến nối tiếp lộ tâm A la hán Đạo không được làm cho suy nghĩ rằng: Mỗi một lộ tâm đạo có 1 sát na mà thôi. Nếu nói là mỗi người thì có nghĩa là người năm rồi, mà nói rằng người năm nay không được, người năm nay cũng không phải người năm sau; hôm qua cũng không phải ngày nay, ngày nay cũng không phải ngày mai; hoặc sẽ nói buổi sáng đến thành buổi trưa cũng không được.

Và giải thích rằng: Khi tâm đạo sanh lên, giống như

người nằm ngủ thì bất cứ chuyện gì cũng quên hết; bởi vì tâm đạo lấy Niết bàn làm cảnh.

Niết bàn tức diệt mất gì? Diệt tất cả pháp hành; giống như người trước nằm suy nghĩ vấn đề này, vấn đề kia; vừa ngủ thì quên mất hết các việc này như thế nào thì chuẩn bị (**parikamma**), cận hành (**upacāra**), thuận thứ (**anuloma**) vẫn còn có pháp hành làm cảnh.

Khi tâm đạo vừa sanh lên thì vấn đề này cũng diệt liền tức thì; tương ứng với Ngài giáo thọ sư tu tiên (**bhāvanā**) rằng: Đang nói với nhau thì ta lấy vấn đề nói đến làm cảnh; vừa có tiếng còi tàu vang lên thì tâm của ta cũng bỏ mặc cảnh này để bắt lấy tiếng còi tàu như thế nào; thì việc bỏ mặc cảnh lia khỏi hành thay thế Niết bàn vào cũng như thế đó.

Hoặc 1 lý khác nữa, giống như cách quạt quay mãi khi gió vừa ngưng thì cánh quạt cũng chấm dứt quay 1 lúc, cho thấy chính giai đoạn này gọi là hành diệt đi trong giây lát.

## **Phân Loại Luân Của Uẩn Song (cakkavibhāga của Khandhayamaka)**

### **Trong Phần Câu Lạc Đối Lập (padlasodhanavārapaccanika)**

#### **A. Sắc uẩn song (rūpakkhandhayamaka):**

1. Pháp không gọi là sắc uẩn nhưng gọi là sắc: Tức 81 tâm hiệp thế, 52 tâm sở.

(Sắc ưa thích (**piyarūpa**), sắc vừa lòng (**sātarūpa**).

2. Pháp không gọi là sắc nhưng gọi là sắc uẩn: Không có.

3. Pháp vừa không gọi là sắc uẩn, không gọi là sắc: Tức 8 tâm siêu thế, 36 tâm sở, Níp bàn, chế định.

4. Pháp vừa gọi là sắc uẩn, vừa gọi là sắc: Tức 28 sắc pháp.

### **B. Thọ Uẩn Song (vedanākkhandhayamaka):**

1. Pháp không gọi là thọ uẩn nhưng gọi là thọ: Không có.

2. Pháp không gọi là thọ nhưng gọi là thọ uẩn: Không có.

3. Pháp vừa không gọi là thọ uẩn, vừa không gọi là thọ: Tức 4 uẩn (trừ thọ), Níp bàn, chế định.

4. Pháp vừa gọi là thọ uẩn, vừa gọi là thọ: Tức tâm sở thọ.

### **C. Tưởng Uẩn Song (saññākkhandhayamaka):**

1. Pháp không gọi là tưởng nhưng gọi là tưởng uẩn: Không có.

2. Pháp không gọi là tưởng uẩn nhưng gọi là tưởng: Tức tưởng kiến (tâm sở tà kiến).

3. Pháp vừa không gọi là tưởng uẩn, vừa không gọi là tưởng: Tức 4 uẩn (trừ tâm sở tà kiến và tâm sở tưởng), Níp bàn, chế định.

4. Pháp vừa gọi là tưởng uẩn, vừa gọi là tưởng: Tức tâm sở tưởng.

### **D. Hành Uẩn Song (saṅkhārakkhandhayamaka):**

1. Pháp không gọi là hành uẩn nhưng gọi là hành: Tức 89 tâm, thọ, tưởng, 28 sắc pháp.

2. Pháp không gọi là hành nhưng gọi là hành uẩn: Không có.

3. Pháp vừa không gọi là hành uẩn, vừa không gọi là hành: Tức Níp bàn, chế định.

4. Pháp vừa gọi là hành uẩn, vừa gọi là hành: Tức 50 tâm sở.

### **E. Thức Uẩn Song (viññāṇakkhandhayamaka):**

1. Pháp không gọi là thức uẩn nhưng gọi là thức: Không có.

2. Pháp không gọi là thức nhưng gọi thức uẩn: Không có.

3. Pháp vừa không gọi là thức uẩn, vừa không gọi là thức, tức 4 uẩn (trừ thức uẩn), Níp bàn, chế định.

4. Pháp vừa gọi là thức uẩn, vừa gọi là thức, tức thức uẩn.

**Chú thích:** Phân loại luân của uẩn song trong phần câu Lạc thuận tụng.

## **Sắc Uẩn Song... Chỉ Thay Đổi Thành**

1. Pháp gọi là sắc nhưng không gọi là sắc uẩn?

2. Pháp gọi là sắc uẩn nhưng không gọi là sắc?

3. Pháp vừa gọi là sắc, vừa gọi là sắc uẩn?

4. Pháp vừa không gọi là sắc, vừa không gọi là sắc uẩn?

**Trong Phần Định Danh Có 5 Loại:**

1. Phần câu lọc (**padasodhanavāra**).

2. Phần câu lọc căn luân (**padasodhanamūlacakkavāra**).

3. Phần thuần uẩn (**suddhakhandhavāra**).

4. Phần thuần uẩn căn luân (**suddhakhandhamūlacakkavāra**).

**Trong Phần Định Danh Có 8 Phương Thức:**

1. Phương thức câu lọc thuần từng (**padasodhanaanulomanaya**).

2. Phương thức câu lọc đối lập (**padasodhanapaccinikanaya**).

3. Phương thức câu lọc căn luân thuần từng (**padasodhanamūlacakkaanulomanaya**).

4. Phương thức câu lọc căn luân đối lập (**padasodhanamūlacakkapaccinikanaya**).

5. Phương thức thuần uẩn thuần từng (**suddhakhandhaanubmanaya**).

6. Phương thức thuần uẩn đối lập (**suddhakhandhapaccinikanaya**).

7. Phương thức thuần uẩn căn luân thuận từng (suddhakhandhamūlacakkaanulomanaya).

8. Phương thức thuần uẩn căn luân đối lập (suddhakhandhamūlacakkapaccanikanaya).

### **Trong Phần Định Danh (Paṇṇattivāra)**

#### **Có 100 Song:**

1. Trong phần câu lọc thuận từng có 5 song.
  2. Trong phần câu lọc đối lập có 5 song.
  3. Trong phần câu lọc căn luân thuận từng có 20 song.
  4. Trong phần câu lọc căn luân đối lập có 20 song.
  5. Trong phần thuần uẩn thuận từng có 5 song.
  6. Trong phần thuần uẩn đối lập có 5 song.
  7. Trong phần thuần uẩn căn luân thuận từng có 20 song.
  8. Trong phần thuần uẩn căn luân đối lập có 20 song.
- Tổng cộng tất cả có 100 song.

#### **Trong Phần Định Danh Có 200 Câu Hỏi:**

Trong 100 song thì mỗi một song có câu hỏi xuôi (anulomapucchā), câu hỏi ngược (paṭilomapucchā). Vì vậy mới có tất cả 200 câu hỏi.





## Tổng Cộng Phân Tích Xứ (vibhaṅgaṭhāna) Của 5 Uẩn

*Kệ Ngôn Yếu Hiệp (saṅgha) Trong Phân Định Danh:*

**Cha cattāri cha cha catu Thānāni kamato siyumu**

**Khandhsu iti chabbīsa Khandhapaṇṇattimhi vārake**

Trong 5 uẩn có xứ của phân tích theo tuần tự như sau: Trong sắc uẩn có 6 xứ (**thāna**); trong thọ uẩn có 4 xứ, trong tưởng uẩn có 6 xứ, trong hành uẩn có 6 xứ, trong thức uẩn có 4 xứ. Vì vậy xứ của phân tích trong phần uẩn định danh (**khandhapaṇṇattivāra**). Tổng cộng là 26 xứ với nhau.

Tư không tạo tác thì không khởi hiện thân ác hạnh, ngữ ác hạnh, ý ác hạnh được.

Còn sắc, thọ, tưởng, thức không có trạng thái tối vi hành. Bởi vì đang có trạng thái rồi, tức:

Sắc thì có trạng thái tiêu hoại.

Thọ thì có phận sự hưởng cảnh.

Tưởng thì có phận sự ghi nhớ cảnh.

Thức thì có phận sự biết cảnh, mà không có phận sự tạo tác tâm làm cho hiện khởi thiện, bất thiện, vô ký giống như hành uẩn.

**Chú thích: Sắc quyền (indriyabaddharūpa) xếp vào là khổ đế vì sao?**

Sắc quyền là khổ đế, bởi vì sanh lên từ nghiệp, phiền não. Vì vậy hành giả khi tu tiến minh quán, nhất thiết phải biết sắc quyền hiện khởi bên trong thân của mình.

Đối với sắc phi quyền, khi nói theo sắc thì được 9 sắc, tức 8 sắc bất ly (**avinibhogarūpa**), sắc thính. Khi nói theo bợn (**kalāpa**) thì được 2 bợn, tức bợn bát thuần nhiệt lượng (**utuyasuddhaṭṭhakakalāpa**), bợn cửu thính nhiệt lượng (**utujasaddanavakakalāpa**) không xếp vào là khổ đế; bởi vì không sanh lên từ nghiệp và nghiệp; nếu như vậy sanh lên từ gì?

Sanh lên từ nhiệt lượng, vì vậy lấy đối tượng sanh lên từ nhiệt lượng bên ngoài để quán xét thì không thấy được tam tướng; bởi vì các đối tượng này không có tam tướng. Nếu quán xét trong thân của ta thì sẽ thấy được tam tướng; như sát na đang ghi nhận rằng: thấy à! Cũng đang có niệm ghi nhận biết rằng: hiện thân mình quán đang biết rằng thấy à! thấy à! Cũng có sự sanh lên rồi diệt đi hoặc ghi nhận quán thấy rằng ta trước đây ngu muội nhiều, bây giờ không còn ngu muội như trước nữa, tất cả chúng sanh cũng giống như vậy, các sự mê muội này sanh lên cũng diệt đi làm duyên để khẳng định trong Pháp cú... được rằng sự việc lấy đối tượng bên ngoài để quán xét, chỉ lấy làm cảnh để đem vào so sánh với mình.

Như vậy một số thầy hướng dẫn lấy hoa sen để quán, tam tướng không có nơi hoa sen; nếu như vậy lấy hoa sen đó đem vào so sánh trong thân của mình 1 lần nữa. Do đó hoa

sen đó chỉ là cảnh làm cho khởi hiện được sự thực chứng mà thôi. Đạo, Quả sanh lên được phải ghi nhận danh sắc đang sinh diễn trong thân của ta.

## Giải Thích Về Khổ Đế

Chi pháp của khổ là câu mở (**sanniṭṭhānapada**), Đức Phật chủ yếu nói khổ trực tiếp, không có ý định lấy khổ gián tiếp như hành khổ (**saṅkhāradukkha**), hoại khổ (**viparināmadukkha**), tiềm ẩn khổ (**paṭicchannadukkha**), hiển lộ khổ (**appaṭicchannadukkha**)... là khổ theo gián tiếp nên không gom vào thành chi pháp của câu mở. Chỉ lấy thân khổ (**kāyikadukkha**) và tâm khổ (**cetasikadukkha**) là khổ khổ, điều này trình bày trong **mūlaṭikā** và sơ giải bộ Phân tích(**sammohavinodanīatthakathā**).

Lại nữa, trong mẫu đề tam bộ Pháp tụ rằng: Tất cả sắc là khổ đế nhưng trong nơi đây chỉ trình bày 28 sắc quyền, còn lại sắc phi quyền không xếp vào là khổ đế, gom lại thành ngoại đế (**saccavimutti**). Bởi vì Sắc phi quyền cho dù gọi là khổ theo sự sanh diệt thật nhưng không gọi là khổ đế, vì không sanh lên từ nghiệp và phiền não. Cho nên trong nơi đây mới sắp xếp: Chỉ lấy sắc quyền; còn trong mẫu đề tam bộ pháp tụ (**dhammasaṅganīmātikā**) thì trình bày sắc phi quyền gom chung vào là trình bày nương theo việc diễn tiến.

## Chú Thích: Giải Thích Về 4 Phục

1. Giới phục (**sīlagandha**): Sự việc nêu lên 3 giới phần (**viratī**) là giới phục thì không có điều gì cần phải hoài nghi. Bởi vì giới phải có sự tránh xa khỏi ác hạnh sẽ vi phạm. Vì vậy 3 giới phần này cũng có tránh xa khỏi ác hạnh bằng đường thân, ngữ trực tiếp.

2. Định phục (**samādhigandha**): Nhưng định phục có điều đáng hoài nghi rằng: Vì sao lại xếp chánh cần (**sammāvāyāma**) và chánh niệm (**sammāsati**) thành định phục; nếu xếp chánh định thành định phục thì không đáng hoài nghi, bởi vì nhất hành (**ekaggatā**) là hiện thân của chánh định.

**Giải đáp:** Sự việc sắp xếp lấy chánh cần thành định phục, bởi vì chánh định sanh lên được, cũng phải có chánh cần vào trợ giúp bằng cách làm phận sự nâng đỡ (**paggahakicca**); tức ủng hộ trợ giúp vững trú không cho đi nơi khác. Định khi nhận được sự ủng hộ trợ giúp từ chánh cần mới trở thành định được. Nếu như chánh cần không vào ủng hộ trợ giúp cho trú vững thì không thể trở thành định được. Còn chánh niệm cũng giống như vậy, vào trợ giúp bằng cách làm phận sự lắng sâu (**apilāpanakicca**) không cho quên lãng và không cho tâm trôi dạt đi nơi khác. Do đó nên xếp cả 2 pháp này vào thành định phục.

3. Tuệ phục (**paññāgandha**): Còn tuệ phục, tức chánh kiến là hiện thân trí tuệ, không có trường hợp nào đáng hoài nghi; chỉ hoài nghi chánh tư duy, chỉ pháp là tâm

sở tâm. Vì sao tâm sở tầm trở thành định phược được? Bởi vì trí tuệ biết tường tận danh sắc kể từ Danh sắc phân tích tuệ (**nāmarūpaparicchedañāṇa**)... cho đến liễu tri danh sắc bằng vô thường, khổ, vô ngã được cũng phải nương vào tầm trợ giúp đưa tâm đến cảnh. Vì vậy mới sắp xếp chánh căn vào thành tuệ phược.

## Giải Thích Về 4 Vị (rasa)

Nghĩa vị (**atthasa**), pháp vị (**dhammarasa**), giải thoát vị (**vimuttirasa**) và cảnh vị (**rasārammaṇa**). Trừ cảnh vị ra, trong tất cả 3 vị đó thì giải thoát vị là cao quý hơn nhiều.

Sự việc giải thoát vị cao quý hơn nhiều; bởi vì giải thoát vị không có sự sanh, diệt. Còn nghĩa vị; pháp vị cho dù cao quý thật nhưng vẫn còn có sự sanh diệt.

Vì vậy sự việc Đức Phật thuyết rằng: **sabbarasaṃdhammaraso jināti** là trình bày phổ biến, giống như thuyết rằng: **sabbe bhāyanti maccuno**. Tất cả chúng sanh thường sợ hãi sự chết. Sự việc thuyết như vậy ám chỉ khắp cùng thấy chúng sanh, gọi là thuyết bằng cách hoàn chỉnh (**sāvasesa sabba**). Nhưng việc sợ hãi sự chết này phải trừ ra bậc A la hán, gọi là thuyết bằng cách chưa hoàn chỉnh (**anāvasesa sabba**).

**Vấn:** Trong 3 vị này thì nghĩa vị là quả lợi ích, pháp vị là nhân.

Vì sao nhân và quả trong nơi đây, loại trừ chỉ lấy 4 tâm

quả, hoặc pháp chân đế như: pháp thiện, pháp bất thiện... là nghĩa vị, tâm đạo hoặc (**vacībhedasadda**) như pháp thiện, pháp bất thiện... là pháp vị.

Vì sao không lấy pháp Duyên khởi (**paṭiccasamuppāda**) hoặc nhân duyên, cảnh duyên là nhân, là quả cũng có. Bởi vì trong pháp Duyên khởi thì vô minh là nhân, hành là quả; hành là nhân, thức là quả; trong nhân duyên thì có nhân năng duyên, nhân sở duyên; cảnh năng duyên, cảnh sở duyên giống như vậy.

### **Giải đáp:**

Sự việc không lấy nhân, lấy quả loại khác, bởi vì trong nơi đây ám chỉ đến cảnh (**ārammaṇa**), biết cảnh (**ārammaṇika**) là nền tảng, tức giải thoát vị là cảnh; nghĩa vị, pháp vị là biết cảnh hoặc khi trình bày nghĩa vị, pháp vị thì phải có giải thoát vị đến tiếp theo.

Vì vậy chỉ lấy 4 tâm quả hoặc pháp chân đế như pháp thiện, pháp bất thiện là nghĩa vị, và 4 tâm đạo hoặc như pháp thiện, pháp bất thiện... là pháp vị mà không lấy nhân, quả loại khác vào.

Bởi vì cả 2 nhân và quả này có sự quan trọng rất nhiều, tức người có nghĩa vị là nhân, rồi có pháp vị là quả; thì chỉ có 1 Đức Chánh Đẳng Giác; bởi vì Đức Phật biết về nghĩa vị, tức thực tánh của tâm, tâm sở, sắc pháp, Níp bàn trọn vẹn. Ngài nhóm thực tánh này đến thuyết thành pháp nghĩa hoặc ngữ tịnh.

Khi Đức Phật thuyết pháp nghĩa hoặc thành loại ngữ tinh như pháp thiện, pháp bất thiện, pháp tương ưng thọ lạc, pháp tương ưng thọ khổ, pháp tương ưng thọ phi khổ phi lạc; rồi chính tất cả chúng sanh nương vào pháp vị này là nhân làm cho được lợi ích nghĩa vị khởi hiện.

Điều này trình bày cho thấy rằng tất cả chúng sanh, kể cả Ngài **Sārīputta**... đều phải nương vào pháp vị là nhân. Như ngài **Sārīputta** phải nương vào pháp vị, tức “**yedhammā hetuppabhavā tesam hetum tathāgato āha**” như vậy rồi thì được nghĩa vị.

Sự việc Ngài thuyết rằng: Tất cả chúng sanh đều phải nương vào pháp vị là nhân. Điều này cũng phải nêu lên phạm Thiên vô sắc để khẳng định rằng: Phạm Thiên vô sắc này cũng là người tam nhân giống nhau, nhưng cũng không được nghĩa vị. Sự việc như vậy cũng bởi vì phạm Thiên vô sắc không nương được vào pháp vị, tức không nghe được tiếng từ người khác nói được (**paratoghosa**); việc lắng nghe là nhân; vì vậy cho nên phạm Thiên vô sắc mới không được nghĩa vị, giống như tất cả phạm Thiên sắc giới và chư thiên. Bởi vì tất cả phạm Thiên sắc giới và chư Thiên khi được nghe pháp vị rồi thì được nghĩa vị, đến 800 triệu vị.

Còn vị, tức 6 loại cảnh vị, như ngọt, mặn, đắng, cay, chua, chát là vị trực tiếp, không cần giải thích nữa.

Đối với cả 3 vị đã giải thích là vị mà tất cả bậc thánh rất hài lòng, cho nên gọi là vị, nhưng không là hiện thân của vị chua hoặc vị ngọt.

## **Phương Danh Thí Chủ Hùn Phước**

Chúng tôi xin ghi nhận công đức của Quý Phật tử đã hùn phước ấn tống quyển sách này. Nguyên cầu ân đức Tam Bảo gia hộ cho Quý Phật tử cùng gia đình luôn an vui.

<b>Tỳ kheo Pháp Nhiên</b>	<b>Gđ Huỳnh Thiện Minh</b>
<b>Gđ Lưu Chí Long</b>	<b>Gđ Võ Thị Ngọc Thủy</b>
<b>Gđ Kim Định</b>	<b>Gđ Trần Văn Quý</b>
<b>Gđ Phạm Đình Phong</b>	<b>Gđ Dương Kim Phụng</b>
<b>Gđ Kelly – Harry Stearn</b>	<b>Gđ Lữ Minh Trung</b>
<b>Gđ Thủy Lý</b>	<b>Gđ Nguyễn Thị Thu Hà</b>

## MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU .....	5
<b>CHƯƠNG 1</b>	
TRÌNH BÀY VIỆC KHỞI HIỆN CỦA 8 TÂM ĐẠI THIÊN THEO TUẦN TỰ .....	7
<b>CHƯƠNG 6 (Pariccheda 6)</b>	
ĐỊA ĐẠI (pathavīdhātu).....	81
NÍP BÀN (Nibbāna) .....	129
<b>CHƯƠNG 3 (pariccheda 3)</b>	
GIẢI THÍCH VỀ THỌ TẬP YẾU .....	155
<b>CHƯƠNG THỨ 449</b> .....	175
<b>CHƯƠNG 7</b>	
GIẢI THÍCH SỐ GIẢI, PHỤ SỐ GIẢI VỀ HÀM TẬN TẬP YẾU .....	191
<b>Giải Thích Về Uẩn Theo Chi Tiết</b>	
<b>Trong Hàm Tận Tập Yếu CHƯƠNG 7</b>	
Thọ Uẩn (vedanākhandho).....	203

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM  
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC  
65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com  
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

**GIẢI THÍCH TỔNG HỢP CÁC CÂU PHÁP  
TRONG THẮNG PHÁP TẬP YẾU LUẬN**  
Saddhamma Jokita - *Tỳ kheo Khải Minh*

Chịu trách nhiệm xuất bản:  
Giám đốc BÙI VIỆT BẮC  
Chịu trách nhiệm nội dung:  
Tổng biên tập LÝ BÁ TOÀN  
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh  
Trình bày: Tỳ khuru Khải Minh

Đối tác liên kết:

**VÕ THỊ ANH THƯ**

D18/10 Võ Văn Vân, Vĩnh Lộc B, Bình Chánh, TP .Hồ Chí Minh

In 500 cuốn, khổ 14.5cm x 20.5cm tại Công ty TNHH Cơ khí In  
ấn Tuệ Mẫn, 327 đường Đất Mới, P. Bình Trị Đông A, Q. Bình Tân,  
TP.HCM. Số XNĐKXB: 2060 - 2022/CXBIPH/03-62/HĐ. Số QĐXB  
của NXB: 312/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 30/06/2022. In xong và nộp  
lưu chiểu năm 2022. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) 978-604-  
380-052-4.











ISBN-978-604-380-052-4



9 786043 800524

SÁCH TẶNG KHÔNG BÁN